The Reappearance of the Christ



The Reappearance of the Christ



Table of Contents — Mục Lục

Title	Tựa đề
Contents	Nội dung
THE GREAT INVOCATION	ĐẠI KHẤN NGUYỆN
EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN	TRÍCH TỪ MỘT TUYÊN BỐ CỦA CHÂN SƯ TÂY TẠNG
KEYNOTE	CHỦ ÂM
CHAPTER ONE - THE DOCTRINE OF THE COMING ONE	CHƯƠNG MỘT - GIÁO LÝ VỀ ĐẤNG ĐANG ĐẾN
CHAPTER TWO - CHRIST'S UNIQUE OCCASION	CHƯƠNG HAI - CƠ HỘI ĐỘC ĐÁO CỦA ĐỨC CHRIST
CHAPTER THREE - THE REAPPEARANCE OF THE CHRIST	CHƯƠNG BA - SỰ TÁI XUẤT HIỆN CỦA ĐỨC CHRIST
CHAPTER FOUR - THE WORK OF THE CHRIST TODAY AND IN THE FUTURE	CHƯƠNG BỐN - CÔNG VIỆC CỦA ĐỨC CHRIST NGÀY NAY VÀ TRONG TƯƠNG LAI
CHAPTER FIVE - THE TEACHINGS OF THE CHRIST	CHƯƠNG NĂM - NHỮNG GIÁO HUẤN CỦA ĐỨC CHRIST
CHAPTER SIX - THE NEW WORLD RELIGION	CHƯƠNG SÁU - TÔN GIÁO THẾ GIỚI MỚI
CHAPTER SEVEN - PREPARATION FOR THE REAPPEARANCE OF THE CHRIST	CHƯƠNG BẢY - CHUẨN BỊ CHO SỰ TÁI XUẤT HIỆN CỦA ĐỨC CHRIST
CONCLUSION	KẾT LUẬN
THE ARCANE SCHOOL	TRƯỜNG ARCANE
INDEX	MỤC LỤC TRA CỨU

THE REAPPEARANCE

OF

THE CHRIST

by

ALICE A. BAILEY

INDEX EDITION

BOOKS BY ALICE A. BAILEY

Initiation, Human and Solar

Letters on Occult Meditation

The Consciousness of the Atom

A Treatise on Cosmic Fire

The Light of the Soul

The Soul and its Mechanism

From Intellect to Intuition

A Treatise on White Magic

From Bethlehem to Calvary

Discipleship in the New Age–Vol. I

Discipleship in the New Age–Vol. II

Problems of Humanity

SỰ TÁI XUẤT HIỆN

CỦA

ĐỨC CHRIST

bởi

ALICE A. BAILEY

ẤN BẢN CÓ MỤC LỤC TRA CỨU

CÁC SÁCH CỦA ALICE A. BAILEY

Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương

Thư về Tham Thiền Huyền Bí

Tâm thức của Nguyên tử

Luận về Lửa Vũ Trụ

Ánh sáng của Linh Hồn

Linh Hồn và Bộ Máy của Nó

Từ Trí Năng đến Trực Giác

Luận về Chánh Thuật

Từ Bethlehem đến Calvary

Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Tập I

Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Tập II

Những Vấn Đề của Nhân Loại

The Reappearance of the Christ	Sự Tái Xuất Hiện của Đức Christ
The Destiny of the Nations	Vận Mệnh của Các Quốc Gia
Glamour: A World Problem	Ảo Cảm: Một Vấn Đề của Thế Gian
Telepathy and the Etheric Vehicle	Viễn Cảm và Vận Cụ Dĩ Thái
The Unfinished Autobiography	Tự Truyện Chưa Hoàn Tất
Education in the New Age	Giáo Dục trong Kỷ Nguyên Mới
The Externalisation of the Hierarchy	Sự Hiển Lộ của Thánh đoàn
A Treatise on the Seven Rays:	Luận về Bảy Cung:
Vol. I–Esoteric Psychology	Tập I–Tâm Lý Học Nội Môn
Vol. II–Esoteric Psychology	Tập II–Tâm Lý Học Nội Môn
Vol. III–Esoteric Astrology	Tập III–Chiêm Tinh Học Nội Môn
Vol. IV–Esoteric Healing	Tập IV–Trị Liệu Huyền Môn
Vol. V–The Rays and the Initiations	Tập V–Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo

THE GREAT INVOCATION — ĐẠI KHẤN NGUYỆN

From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian
“The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all	“Bài Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm

Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through humanity itself can the Divine Plan work out."

ALICE A. BAILEY

nào mà thuộc về toàn thể Nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Khấn Nguyện này nằm ở sự đơn giản của nó, và ở sự diễn đạt những chân lý cốt lõi nhất định mà tất cả mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự tồn tại của một Trí Thông Minh cơ bản mà chúng ta mơ hồ đặt tên là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi Sắc tướng, động lực của vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trái đất, được người Kitô giáo gọi là Đức Christ, và hiện thân cho tình thương đó để chúng ta có thể hiểu được; chân lý rằng cả tình thương và trí thông minh đều là kết quả của cái được gọi là Ý Chí của Thượng đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại, Thiên Cơ mới có thể thực hiện được."

ALICE A. BAILEY

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN — TRÍCH TỪ MỘT TUYÊN BỐ CỦA CHÂN SƯ TÂY TẠNG

Suffice it to say, that I am a Tibetan disciple of a certain degree, and this tells you but little, for all are disciples from the humblest aspirant up to, and beyond, the Christ Himself. I live in a physical body like other men, on the borders of Tibet, and at times (from the exoteric standpoint) preside over a large group of Tibetan lamas, when my other duties permit. It is this fact that has caused it to be reported that I am an abbot of this particular lamasery. Those associated with me in the work of the Hierarchy (and all true disciples are associated in this work) know me by still another name and office. A.A.B. knows who I am and recognises me by two of my names.

Chỉ cần nói rằng, tôi là một đệ tử người Tây Tạng ở một cấp độ nhất định, và điều này nói cho các bạn biết rất ít, vì tất cả đều là đệ tử từ người chí nguyện khiêm tốn nhất cho đến, và vượt lên trên, chính Đức Christ. Tôi sống trong một thể xác giống như những người khác, ở biên giới Tây Tạng, và đôi khi (theo quan điểm ngoại môn) chủ trì một nhóm lớn các lạt ma Tây Tạng, khi các nhiệm vụ khác của tôi cho phép. Chính sự thật này đã khiến người ta đồn rằng tôi là một tu viện trưởng của tu viện lạt ma này. Những người liên kết với tôi trong công việc của Thánh Đoàn (và tất cả các đệ tử chân chính đều liên kết trong công việc này) biết tôi qua một cái tên và chức vụ khác. A.A.B. biết tôi là ai và nhận ra tôi qua hai trong số các tên gọi của tôi.

I am a brother of yours, who has travelled a little longer upon the Path than has the average student, and has therefore incurred greater responsibilities. I am one who has wrestled and fought his way into a greater measure of light than has the aspirant who will read this article, and I must therefore act as a transmitter of the light, no matter what the cost. I am not an old man, as age counts among the teachers, yet I am not young or inexperienced. My work is to teach and spread the knowledge of the Ageless Wisdom wherever I can find a response, and I have been doing this for many years. I seek also to help the Master M. and the Master K.H. whenever opportunity offers, for I have been long connected with Them and with Their work. In all the above, I have told you much; yet at the same time I have told you nothing which would lead you to offer me that blind obedience and the foolish devotion which the emotional aspirant

Tôi là một huynh đệ của các bạn, người đã đi trên Đường Đạo lâu hơn một chút so với người đạo sinh trung bình, và do đó đã gánh vác những trách nhiệm lớn hơn. Tôi là một người đã phấn đấu và chiến đấu để tiến vào một mức độ ánh sáng lớn hơn so với người chí nguyện sẽ đọc bài viết này, và vì vậy tôi phải hành động như một người truyền dẫn ánh sáng, bất kể giá nào. Tôi không phải là một người già, theo cách tính tuổi tác của các huấn sư, tuy nhiên tôi không còn trẻ hay thiếu kinh nghiệm. Công việc của tôi là giảng dạy và truyền bá kiến thức về Minh Triết Ngàn Đời bất cứ nơi nào tôi có thể tìm thấy một sự đáp ứng, và tôi đã làm điều này trong nhiều năm. Tôi cũng tìm cách giúp đỡ Chân sư M. và Chân sư K.H. bất cứ khi nào có cơ hội, vì tôi đã liên kết lâu dài với Các Ngài và với công việc của Các Ngài. Trong tất cả những điều trên, tôi đã nói với các bạn nhiều điều; tuy nhiên đồng thời tôi chưa nói với các bạn điều gì có thể khiến các bạn dâng

offers to the Guru and Master Whom he is as yet unable to contact. Nor will he make that desired contact until he has transmuted emotional devotion into unselfish service to humanity-not to the Master.

hiến cho tôi sự vâng lời mù quáng và sự sùng tín ngu muội mà người chí nguyện đầy cảm xúc thường dâng lên cho Vị Guru và Chân sư Mà y chưa thể tiếp xúc. Y cũng sẽ không thực hiện được sự tiếp xúc mong muốn đó cho đến khi y chuyển hóa sự sùng tín đầy cảm xúc thành sự phụng sự vô kỷ vị tha cho nhân loại – chứ không phải cho Chân sư.

The books that I have written are sent out with no claim for their acceptance. They may, or may not, be correct, true and useful. It is for you to ascertain their truth by right practice and by the exercise of the intuition. Neither I nor A.A.B. is the least interested in having them acclaimed as inspired writings, or in having anyone speak of them (with bated breath) as being the work of one of the Masters. If they present truth in such a way that it follows sequentially upon that already offered in the world teachings, if the information given raises the aspiration and the will-to-serve from the plane of the emotions to that of the mind (the plane whereon the Masters can be found) then they will have served their purpose. If the teaching conveyed calls forth a response from the illumined mind of the worker in the world, and brings a flashing forth of his intuition, then let that teaching be accepted. But not otherwise. If the statements meet with eventual corroboration, or are deemed true under the test of the Law of Correspondences, then that is well and good. But should this not be so, let not the student accept what is said.

Những quyển sách mà tôi đã viết được đưa ra mà không đòi hỏi sự chấp nhận. Chúng có thể, hoặc có thể không, chính xác, đúng đắn và hữu ích. Việc xác minh sự thật của chúng bằng thực hành đúng đắn và bằng sự rèn luyện trực giác là tùy thuộc vào các bạn. Cả tôi và A.A.B. đều không quan tâm chút nào đến việc chúng được tung hô như những bài viết đầy cảm hứng, hay việc bất kỳ ai nói về chúng (với vẻ hết sức kính cẩn) như là công trình của một trong các Chân sư. Nếu chúng trình bày sự thật theo cách mà nó tiếp nối một cách tuần tự những gì đã được đưa ra trong các giáo lý thế giới, nếu thông tin được đưa ra nâng cao khát vọng và ý chí-phụng sự từ cõi cảm xúc lên cõi trí (cõi mà các Chân sư *có thể* được tìm thấy) thì chúng đã phục vụ mục đích của mình. Nếu giáo huấn được truyền tải gợi lên một sự đáp ứng từ thể trí được soi sáng của người hoạt động trên thế gian, và mang lại một sự lóe sáng của trực giác nơi y, thì hãy để giáo huấn đó được chấp nhận. Nhưng nếu không thì thôi. Nếu các tuyên bố nhận được sự chứng thực cuối cùng, hoặc được coi là đúng dưới sự kiểm chứng của Định luật Tương ứng, thì điều đó thật tốt. Nhưng nếu không phải như vậy, thì đạo sinh đừng chấp nhận những gì được nói.

AUGUST 1934

THÁNG TÁM NĂM 1934

KEYNOTE — CHỦ ÂM

Whenever there is a withering of the law and an uprising of lawlessness on all sides, then I manifest Myself.

For the salvation of the righteous and the destruction of such as do evil, for the firm establishing of the Law, I come to birth age after age.

THE BHAGAVAD GITA

BOOK IV, SUTRA 7, 8.

Bất cứ khi nào có sự suy vi của luật pháp và sự trỗi dậy của tình trạng vô pháp ở khắp mọi phía, *khi ấy* Chính Ta sẽ tự biểu hiện.

Vì sự cứu độ của người công chính và sự hủy diệt những kẻ làm điều ác, vì sự thiết lập vững chắc luật pháp, Ta giáng sinh hết thời đại này đến thời đại khác.

THE BHAGAVAD GITA

QUYỂN IV, KINH 7, 8.

CHAPTER ONE - THE DOCTRINE OF THE COMING ONE — CHƯƠNG MỘT - GIÁO LÝ VỀ ĐẤNG ĐANG ĐẾN

THE DOCTRINE OF THE COMING ONE - Western Teaching

THE DOCTRINE OF AVATARS - Eastern Teaching

[5]

Right down the ages, in many world cycles and in many countries (and today in all) great points of tension have occurred which have been characterised by a hopeful sense of expectancy. Some one is expected and His coming is anticipated. Always in the past, it has been the religious teachers of the period who have fostered and proclaimed this expectancy and the time has always been one of chaos and difficulty, of a climaxing point at the close of a civilisation or culture and when the resources of the old religions have seemed inadequate to meet men's difficulties or to solve their problems. The coming of the Avatar, the advent of a Coming One and, in terms of today, the reappearance of the Christ are the keynotes of the prevalent expectancy. When the times are ripe, the invocation of the masses is strident enough and the faith of those who know is keen enough, then always He has come and today will be no exception to this ancient rule or to this universal law. For decades, the reappearance of the Christ, the Avatar, has been anticipated by the faithful in both hemispheres—not only by the Christian faithful, but by those who look for Maitreya and for the Boddhisattva as well as those who expect the Imam Mahdi.

GIÁO LÝ VỀ ĐẤNG ĐANG ĐẾN - Giáo huấn phương Tây

GIÁO LÝ VỀ CÁC ĐẤNG HOÁ THÂN - Giáo huấn phương Đông

[5]

Suốt các thời đại, trong nhiều chu kỳ thế giới và tại nhiều quốc gia (và ngày nay là ở tất cả), đã xảy ra những điểm tập trung nhất tâm lớn, được đặc trưng bởi một cảm thức hy vọng và mong đợi. Một ai đó được chờ đợi và sự quang lâm của Ngài được mong ngóng. Trong quá khứ, luôn luôn chính các huấn sư tôn giáo của thời kỳ đó đã nuôi dưỡng và công bố niềm mong đợi này, và thời điểm ấy luôn luôn là thời kỳ hỗn loạn và khó khăn, là một điểm cực đỉnh vào lúc kết thúc của một nền văn minh hay văn hóa, khi các nguồn lực của những tôn giáo cũ dường như không đủ để đáp ứng những khó khăn của con người hay giải quyết các vấn đề của họ. Sự quang lâm của Đấng Hoá Thân, sự xuất hiện của một Đấng Đang Đến và, theo ngôn ngữ ngày nay, sự tái xuất hiện của Đức Christ là những chủ âm của niềm mong đợi đang thịnh hành. Khi thời cơ chín muồi, sự khẩn cầu của quần chúng đủ mạnh mẽ và đức tin của những người biết đủ sắc bén, thì *khi ấy* Ngài luôn luôn đã đến, và ngày nay sẽ không là ngoại lệ đối với quy luật cổ xưa này hay đối với định luật phổ quát này. Trong nhiều thập niên, sự tái xuất hiện của Đức Christ, Đấng Hoá Thân, đã được những người trung tín ở cả hai bán cầu mong đợi—không chỉ bởi những tín đồ Cơ Đốc giáo trung tín, mà còn bởi những người trông đợi Đức Maitreya và

Đức Bồ Tát cũng như những người chờ đợi Imam Mahdi.

When men feel that they have exhausted all their own resources and have come to an end of all their own innate possibilities and that the problems and conditions confronting them are beyond their solving or handling, they are apt to look for a divine Intermediary and for the [6] Mediator Who will plead their cause with God and bring about a rescue. They look for a Saviour. This doctrine of Mediators, of Messiahs, of Christs and of Avatars can be found running like a golden thread through all the world faiths and Scriptures and, relating these world Scriptures to some central source of emanation, they are found in rich abundance everywhere. Even the human soul is regarded as an intermediary between man and God; Christ is believed by countless millions to act as the divine mediator between humanity and divinity.

Khi con người cảm thấy rằng họ đã dùng cạn mọi nguồn lực của chính mình và đã đi đến tận cùng mọi khả năng bẩm sinh của mình, và rằng những vấn đề cùng hoàn cảnh đối diện họ vượt ngoài khả năng giải quyết hay xử lý của họ, họ thường tìm đến một Đấng Trung Gian thiêng liêng và [6] một Đấng Trung Bảo sẽ biện hộ cho họ trước Thượng đế và mang lại sự cứu giúp. Họ tìm kiếm một Đấng Cứu Thế. Giáo lý về các Đấng Trung Gian, các Đấng Messiah, các Đức Christ và các Đấng Hoá Thân này có thể được tìm thấy như một sợi chỉ vàng xuyên suốt mọi tín ngưỡng và Kinh điển thế giới, và khi liên hệ các Kinh điển thế giới này với một nguồn xuất lộ trung tâm nào đó, người ta thấy chúng hiện diện phong phú ở khắp nơi. Ngay cả linh hồn con người cũng được xem như một đấng trung gian giữa con người và Thượng đế; Đức Christ được vô số triệu người tin là hành động như đấng trung gian thiêng liêng giữa nhân loại và thiên tính.

The whole system of spiritual revelation is based (and has always been based) on this doctrine of interdependence, of a planned and arranged conscious linking and of the transmission of energy from one aspect of divine manifestation to another—from God in the “secret Place of the Most High” to the humblest human being, living and struggling and sorrowing on earth. Everywhere this transmission is to be found; “I am come that they may have life” says the Christ, and the Scriptures of the world are full of the intervention of some Being, originating from some source higher than the strictly human. Always the appropriate mechanism is found through which divinity can reach and communicate with humanity, and it is with this communication and these

Toàn bộ hệ thống mặc khải tinh thần được đặt nền tảng (và luôn luôn đã được đặt nền tảng) trên giáo lý về sự tương thuộc này, về một sự liên kết hữu thức được hoạch định và sắp xếp, và về sự truyền dẫn năng lượng từ một phương diện của biểu hiện thiêng liêng sang một phương diện khác—từ Thượng đế trong “Nơi bí mật của Đấng Tối Cao” đến con người khiêm hạ nhất, đang sống, đang vật lộn và đang đau khổ trên trần thế. Sự truyền dẫn này có thể được tìm thấy ở khắp nơi; “Ta đến để họ có sự sống” Đức Christ nói, và Kinh điển của thế giới đầy dẫy sự can thiệp của một Đấng nào đó, phát xuất từ một nguồn cao hơn mức thuần túy nhân loại. Luôn luôn có thể tìm thấy bộ máy thích hợp qua đó thiên tính có thể vươn tới và giao tiếp với nhân loại, và chính với sự giao tiếp này

Instruments of divine energy that the doctrine of Avatars or of divine "Coming Ones" has to do.

cùng những Khí cụ của năng lượng thiêng liêng này mà giáo lý về các Đấng Hoá Thân hay các "Đấng Đang Đến" thiêng liêng có liên quan.

An Avatar is one Who has a peculiar capacity (besides a self-initiated task and a pre-ordained destiny) to transmit energy or divine power. This is necessarily a deep mystery and was demonstrated in a peculiar manner and in relation to cosmic energy by the Christ Who—for the first time in planetary history, as far as we know—transmitted the divine energy of love directly to our planet and in a most definite sense to humanity. Always [7] too these Avatars or divine Messengers are linked with the concept of some subjective spiritual Order or Hierarchy of spiritual Lives, Who are concerned with the developing welfare of humanity. All we really know is that, down the ages, great and divine Representatives of God embody divine purpose, and affect the entire world in such a manner that Their names and Their influence are known and felt thousands of years after They no longer walk among men. Again and again, They have come and have left a changed world and some new world religion behind Them; we know also that prophecy and faith have ever held out to mankind the promise of Their coming again amongst us in an hour of need. These statements are statements of fact, historically proven. Beyond this we know relatively few details.

Một Đấng Hoá Thân là Đấng có một năng lực đặc biệt (bên cạnh một nhiệm vụ do chính mình khởi xướng và một định mệnh đã được tiền định) để truyền dẫn năng lượng hay quyền năng thiêng liêng. Điều này tất yếu là một huyền nhiệm sâu xa, và đã được Đức Christ biểu lộ theo một cách đặc biệt và trong mối liên hệ với năng lượng vũ trụ, Đấng—lần đầu tiên trong lịch sử hành tinh, theo như chúng ta biết—đã truyền trực tiếp năng lượng thiêng liêng của *bác ái* đến hành tinh chúng ta và theo một ý nghĩa rất xác định là đến nhân loại. Luôn luôn [7] nữa, các Đấng Hoá Thân hay các Sứ Giả thiêng liêng này được liên kết với khái niệm về một Trật Tự tinh thần chủ quan nào đó hay một Huyền Giai của các Sự Sống tinh thần, những Đấng quan tâm đến phúc lợi đang phát triển của nhân loại. *Tất cả những gì chúng ta thực sự biết* là, suốt các thời đại, những Đấng Đại Diện vĩ đại và thiêng liêng của Thượng đế hiện thân cho mục đích thiêng liêng, và tác động đến toàn thế giới theo cách mà danh xưng và ảnh hưởng của Các Ngài vẫn được biết đến và cảm nhận hàng ngàn năm sau khi Các Ngài không còn bước đi giữa những người nam và nữ nữa. Hết lần này đến lần khác, Các Ngài đã đến và để lại phía sau một thế giới đã đổi thay cùng một tôn giáo thế giới mới; chúng ta cũng biết rằng lời tiên tri và đức tin luôn luôn trao cho nhân loại lời hứa về việc Các Ngài sẽ trở lại giữa chúng ta trong giờ phút cần thiết. Những phát biểu này là những phát biểu về sự kiện, đã được lịch sử chứng minh. Ngoài điều đó ra, chúng ta biết tương đối ít chi tiết.

The word "Avatar" is a Sanskrit word, meaning literally "coming down from far

Từ "Avatar" là một từ Sanskrit, nghĩa đen là "đi xuống từ nơi rất xa." *Ava* (như tiền tố của

away." Ava (as prefix to verbs and verbal nouns) expresses the idea of "off, away, down." Avataram (comparative) farther away. The root AV seems at all times to denote the idea of protection from above, and is used in compounds, in words referring to protections by kings or rulers; in regard to the gods, it means accepted favourably when a sacrifice is offered. With the result that the root word can be said to mean "Coming down with the approval of the higher source from which it came and with benefit to the place at which it arrives." (From Monier-Williams' Sanskrit Dictionary.)

động từ và danh từ động tính) diễn đạt ý niệm "ra khỏi, xa khỏi, đi xuống." *Avataram* (so sánh hơn) xa hơn nữa. Gốc AV dường như vào mọi thời đều biểu thị *ý niệm về sự bảo hộ từ bên trên*, và được dùng trong các từ ghép, trong những từ chỉ sự bảo hộ của các vua chúa hay người cai trị; đối với các vị thần, nó có nghĩa là được chấp nhận thuận lợi khi một lễ hiến tế được dâng lên. Kết quả là, có thể nói từ gốc này có nghĩa là "Đi xuống với sự chuẩn thuận của nguồn cao hơn mà từ đó nó đến, và với lợi ích cho nơi mà nó đến." (Trích từ *Từ điển Sanskrit của Monier-Williams.*)

All the world Avatars or Saviours, however, express two basic incentives: the need of God to contact humanity and to have relationship with men and the need of humanity for divine contact, help and understanding. Subject to those incentives, all true Avatars are therefore divine Intermediaries. They can act in this fashion because They [8] have completely divorced Themselves from every limitation, from all sense of self hood and separativeness and are no longer—by ordinary human standards—the dramatic centre of Their lives, as are most of us. When They have reached that stage of spiritual decentralisation, They Themselves can then become events in the life of our planet; toward Them every eye can look and all men can be affected. Therefore, an Avatar or a Christ comes forth for two reasons: one, the inscrutable and unknown Cause prompts Him so to do, and the other is the demand or the invocation of humanity itself. An Avatar is consequently a spiritual event, coming to us to bring about great changes or major restorations, to inaugurate a new civilisation or to restore the "ancient landmarks" and lead man nearer to the divine. They have been defined as "extraordinary men Who

Tuy nhiên, tất cả các Đấng Hoá Thân hay Đấng Cứu Thế của thế giới đều biểu lộ hai động lực căn bản: nhu cầu của Thượng đế muốn tiếp xúc với nhân loại và có mối liên hệ với những người nam và nữ, và nhu cầu của nhân loại đối với sự tiếp xúc, trợ giúp và thấu hiểu thiêng liêng. Tùy thuộc vào những động lực đó, mọi Đấng Hoá Thân chân chính vì thế đều là những Đấng Trung Gian thiêng liêng. Các Ngài có thể hành động theo cách này bởi vì Các Ngài [8] đã hoàn toàn tách rời Chính Mình khỏi mọi giới hạn, khỏi mọi cảm thức về bản ngã và tính biệt lập, và không còn—theo tiêu chuẩn nhân loại thông thường—là trung tâm kịch tính của đời sống Các Ngài, như hầu hết chúng ta. Khi Các Ngài đã đạt đến giai đoạn không còn lấy bản thân làm trung tâm về mặt tinh thần đó, thì chính Các Ngài có thể trở thành những *sự kiện* trong đời sống của hành tinh chúng ta; về phía Các Ngài, mọi con mắt đều có thể hướng nhìn và mọi người đều có thể bị tác động. Vì vậy, một Đấng Hoá Thân hay một Đức Christ xuất hiện vì hai lý do: một là Nguyên Nhân huyền nhiệm và bất khả tri thúc đẩy Ngài làm như vậy, và lý do kia là nhu cầu hay sự khẩn cầu của chính nhân loại. Do đó, một Đấng Hoá Thân là một sự kiện tinh thần, đến với chúng ta để mang lại

from time to time appear to change the face of the world and inaugurate a new era in the destinies of humanity." They come in times of crisis; They frequently create crises in order to bring to an end the old and the undesirable and make way for new and more suitable forms for the evolving life of God Immanent in Nature. They come when evil is rampant. For this reason, if for no other, an Avatar may be looked for today. The necessary stage is set for the reappearance of the Christ.

những thay đổi lớn hay những sự phục hồi trọng đại, để khai mở một nền văn minh mới hay để phục hồi "những cột mốc cổ xưa" và dẫn dắt con người đến gần hơn với thiêng liêng. Các Ngài đã được định nghĩa là "những con người phi thường thỉnh thoảng xuất hiện để thay đổi bộ mặt thế giới và khai mở một kỷ nguyên mới trong vận mệnh của nhân loại." Các Ngài đến trong những thời kỳ khủng hoảng; Các Ngài thường tạo ra khủng hoảng để chấm dứt cái cũ và cái không mong muốn, và dọn đường cho những hình tướng mới thích hợp hơn đối với sự sống đang tiến hoá của Thượng đế Nội Tại trong Thiên Nhiên. Các Ngài đến khi điều ác lan tràn. Vì lý do này, nếu không vì lý do nào khác, ngày nay người ta có thể trông đợi một Đấng Hoá Thân. Sân khấu cần thiết đã được chuẩn bị cho sự tái xuất hiện của Đức Christ.

Avatars are of all degrees and kinds; some of them are of great planetary importance because They express whole cycles of future development within Themselves and strike the note and give the teaching which will bring in a new age and a new civilisation; They embody great truths towards which the masses of men must work and which still constitute an objective to the greatest minds of the age, even though as yet unrealised. Certain Avatars also express in Themselves the sum total of human achievement [9] and of racial perfection, and thus become the "ideal men" of the ages. Others, greater still, are permitted to be the custodians of some divine principle or some divine quality which needs fresh presentation and expression upon Earth; this They can be because They have achieved perfection and have attained to the highest possible initiations. They have the gift of being these embodied spiritual qualities, and because They have in fullness expressed such a specific principle or quality They can act as channels for its transmission from the

Các Đấng Hoá Thân thuộc mọi cấp độ và mọi loại; một số trong Các Ngài có tầm quan trọng hành tinh lớn lao vì Các Ngài biểu lộ trong Chính Mình toàn bộ các chu kỳ phát triển tương lai và xướng lên chủ âm cùng ban ra giáo huấn sẽ đưa vào một kỷ nguyên mới và một nền văn minh mới; Các Ngài hiện thân cho những chân lý lớn lao mà quần chúng nhân loại phải hướng đến và những chân lý ấy vẫn còn là mục tiêu đối với những trí tuệ vĩ đại nhất của thời đại, dù cho đến nay vẫn chưa được thực hiện. Một số Đấng Hoá Thân nào đó cũng biểu lộ trong Chính Mình tổng thể thành tựu của con người [9] và sự hoàn thiện của nhân loại, và như thế trở thành "con người lý tưởng" của các thời đại. Những Đấng khác, còn vĩ đại hơn nữa, được cho phép trở thành những vị gìn giữ một nguyên khí thiêng liêng hay một phẩm tính thiêng liêng nào đó cần được trình bày và biểu lộ mới mẻ trên Trái Đất; Các Ngài có thể làm được điều này vì Các Ngài đã đạt đến sự hoàn thiện và đã đạt tới những cuộc điểm đạo cao nhất có thể. Các Ngài có ân huệ *là* chính những phẩm tính

centre of all spiritual Life. This is the basis for the doctrine of Avatars or Divine Messengers.

tinh thần hiện thân này, và bởi vì Các Ngài đã biểu lộ trọn vẹn một nguyên khí hay phẩm tính đặc thù như thế, Các Ngài có thể hành động như những kênh truyền dẫn nó từ trung tâm của mọi Sự sống tinh thần. Đây là nền tảng của giáo lý về các Đấng Hoá Thân hay các Sứ Giả thiêng liêng.

Such an one was the Christ; He was twice an Avatar because He not only struck the keynote of the new age (over two thousand years ago) but He also, in some mysterious and incomprehensible manner, embodied in Himself the divine Principle of Love; He was the first to reveal to men the true nature of God. The invocative cry of humanity (the second of the incentives producing a divine Emergence) is potent in effect because the souls of men, particularly in concerted action, have in them something which is akin to the divine nature of the Avatar. We are all Gods, all the children of the One Father, as the latest of the Avatars, the Christ, has told us. It is that divine centre in every human heart which, when awakened into activity, can call forth response from the high Place where the Coming One awaits His hour of appearance. It is only the united demand of humanity, its "massed intent," which can precipitate the descent (as it is called) of an Avatar.

Đức Christ là một Đấng như vậy; Ngài là Đấng Hoá Thân hai lần bởi vì Ngài không những đã xướng lên chủ âm của kỷ nguyên mới (hơn hai ngàn năm trước) mà còn, theo một cách huyền nhiệm và không thể hiểu nổi nào đó, hiện thân trong Chính Mình nguyên khí thiêng liêng của Bác ái; Ngài là Đấng đầu tiên mặc khải cho những người nam và nữ bản chất chân thật của Thượng đế. Tiếng kêu khẩn cầu của nhân loại (động lực thứ hai tạo ra một sự Xuất lộ thiêng liêng) có hiệu quả mạnh mẽ bởi vì linh hồn của những người nam và nữ, đặc biệt khi hành động đồng tâm, có trong mình một điều gì đó tương cận với bản chất thiêng liêng của Đấng Hoá Thân. Tất cả chúng ta đều là các Thượng đế, đều là con cái của một Người Cha duy nhất, như Đấng Hoá Thân mới nhất, Đức Christ, đã nói với chúng ta. Chính trung tâm thiêng liêng đó trong mỗi trái tim con người, khi được đánh thức vào hoạt động, có thể khơi dậy sự đáp ứng từ Chốn cao nơi Đấng Đang Đến đang chờ đợi giờ xuất hiện của Ngài. Chỉ có nhu cầu hợp nhất của nhân loại, "ý định tập thể" của nó, mới có thể làm ngưng tụ sự giáng hạ (như người ta gọi) của một Đấng Hoá Thân.

To sum up, therefore: the doctrine of Avatars is paralleled by the doctrine of the continuity of revelation. Ever down the ages, and at every great human crisis, always in the hours of necessity, at the founding of a new [10] race, or in the awakening of a prepared humanity to a new and wider vision, the Heart of God—impelled by the

Vì vậy, để tóm lược: giáo lý về các Đấng Hoá Thân song hành với *giáo lý về tính liên tục của mặc khải*. Luôn luôn suốt các thời đại, và trong mọi cuộc khủng hoảng lớn của nhân loại, luôn luôn trong những giờ phút cần thiết, vào lúc khai sinh một [10] giống dân mới, hay trong sự thức tỉnh của một nhân loại đã được chuẩn bị để đón nhận một tầm

Law of Compassion—sends forth a Teacher, a world Saviour, an Illuminator, an Avatar, a transmitting Intermediary, a Christ. He gives the message which will heal, which will indicate the next step to be taken by the race of men, which will illumine a dark world problem and give to man an expression of some hitherto unrealised aspect of divinity. Upon this fact of the continuity of revelation and upon the sequence of this progressive manifestation of the divine Nature, is based the doctrine of Avatars, divine Messengers, divine Appearances and Saviours. To Them all, history unmistakenly testifies. It is upon the fact of this continuity, this sequence of Messengers and Avatars, and upon the dire and dreadful need of humanity at this time, that the worldwide expectancy of the reappearance of the Christ is based. It is the innate recognition of all these facts that has led to the steadily mounting invocative cry of humanity in every land for some form of divine relief or divine intervention; it is the recognition of these facts which also prompts the order which has gone forth from "the centre where the will of God is known" that the Avatar should come again; it is the knowledge of both these demands which has led the Christ to let His disciples in every land know that He will re-appear when they have done the needed preparatory work.

nhìn mới và rộng lớn hơn, Trái Tim của Thượng đế—được thúc đẩy bởi Định luật Từ Bi—đã gửi đến một Huấn sư, một Đấng Cứu Thế của thế gian, một Đấng Soi Sáng, một Đấng Hoá Thân, một Đấng Trung Gian truyền dẫn, một Đức Christ. Ngài ban ra thông điệp sẽ chữa lành, sẽ chỉ ra bước kế tiếp mà nhân loại phải thực hiện, sẽ soi sáng một vấn đề đen tối của thế giới và trao cho con người một sự biểu đạt của một phương diện thiên tính nào đó trước đây chưa được chứng nghiệm. Trên sự kiện về tính liên tục của mặc khải này, và trên chuỗi biểu hiện tiến bộ của Bản Chất thiêng liêng này, giáo lý về các Đấng Hoá Thân, các Sứ Giả thiêng liêng, các Sự Xuất Hiện thiêng liêng và các Đấng Cứu Thế được đặt nền tảng. Lịch sử làm chứng cho tất cả Các Ngài một cách không thể nhầm lẫn. Chính trên sự kiện về tính liên tục này, chuỗi tiếp nối của các Sứ Giả và các Đấng Hoá Thân này, và trên nhu cầu khẩn thiết cùng khủng khiếp của nhân loại vào lúc này, mà niềm mong đợi trên toàn thế giới về sự tái xuất hiện của Đức Christ được đặt nền tảng. Chính sự nhận biết bẩm sinh về tất cả những sự kiện này đã dẫn đến tiếng kêu khẩn cầu ngày càng dâng cao của nhân loại ở mọi xứ sở đòi hỏi một hình thức cứu trợ thiêng liêng hay sự can thiệp thiêng liêng nào đó; chính sự nhận biết các sự kiện này cũng thúc đẩy mệnh lệnh đã phát ra từ "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế" rằng Đấng Hoá Thân phải đến lần nữa; chính tri thức về cả hai nhu cầu này đã khiến Đức Christ cho các đệ tử của Ngài ở mọi xứ sở *biết* rằng Ngài sẽ tái xuất hiện khi họ đã hoàn thành công việc chuẩn bị cần thiết.

The Avatars most easily known and recognised are the Buddha in the East and the Christ in the West. Their messages are familiar to all, and the fruits of Their lives and words have conditioned the thinking and civilisations of both hemispheres.

Những Đấng Hoá Thân dễ được biết đến và nhận ra nhất là Đức Phật ở phương Đông và Đức Christ ở phương Tây. Thông điệp của Các Ngài quen thuộc với mọi người, và hoa trái của đời sống cùng lời nói của Các Ngài đã tác động lên tư tưởng và các nền văn minh

Because They are human-divine Avatars, They represent what humanity can easily understand; because They are of like nature to us, "flesh of [11] our flesh and spirit of our spirit," we know and trust Them and They mean more to us than other divine Emergences. They are known, trusted and loved by countless millions. The nucleus of spiritual energy which each of Them set up is beyond our measuring; the establishing of a nucleus of persistent energy, spiritually positive, is the constant task of an Avatar; He focusses or anchors a dynamic truth, a potent thoughtform or a vortex of magnetic energy in the world of human living. This focal point acts increasingly as a transmitter of spiritual energy; it enables humanity to express some divine idea and this in time produces a civilisation with its accompanying culture, religions, policies, governments and educational processes. Thus is history made. History is after all only the record of humanity's cyclic reaction to some inflowing divine energy, to some inspired leader, or to some Avatar.

của cả hai bán cầu. Bởi vì Các Ngài là những Đấng Hoá Thân nhân-thần, Các Ngài đại diện cho điều mà nhân loại có thể dễ dàng hiểu được; bởi vì Các Ngài có cùng bản chất với chúng ta, "xương thịt của [11] xương thịt chúng ta và tinh thần của tinh thần chúng ta," chúng ta biết và tin cậy Các Ngài, và Các Ngài có ý nghĩa với chúng ta hơn những sự Xuất lộ thiêng liêng khác. Các Ngài được vô số triệu người biết đến, tin cậy và yêu mến. Hạt nhân năng lượng tinh thần mà mỗi Đấng trong Các Ngài đã thiết lập vượt ngoài khả năng đo lường của chúng ta; *việc thiết lập một hạt nhân năng lượng bền vững, tích cực về mặt tinh thần, là nhiệm vụ thường hằng của một Đấng Hoá Thân*; Ngài tập trung hay neo giữ một chân lý năng động, một hình tư tưởng mạnh mẽ hay một xoáy năng lượng từ tính trong thế giới đời sống nhân loại. Điểm tập trung này ngày càng hành động như một tác nhân truyền dẫn năng lượng tinh thần; nó giúp nhân loại biểu lộ một ý tưởng thiêng liêng nào đó và điều này theo thời gian tạo ra một nền văn minh với nền văn hóa, tôn giáo, chính sách, chính quyền và các tiến trình giáo dục đi kèm. Như thế lịch sử được tạo nên. Rốt cuộc, lịch sử chỉ là biên niên về phản ứng theo chu kỳ của nhân loại đối với một năng lượng thiêng liêng đang tuôn vào, đối với một nhà lãnh đạo được cảm hứng, hay đối với một Đấng Hoá Thân.

An Avatar is at present usually a Representative of the second divine aspect, that of Love-Wisdom, the Love of God. He will manifest as the Saviour, the Builder, the Preserver; humanity is not yet sufficiently developed or adequately oriented to the life of the Spirit to bear easily the impact of an Avatar Who would express the dynamic will of God. For us as yet (and this is our limitation) an Avatar is one Who preserves, develops, builds, protects, shields and succours the spiritual impulses by which men live; that which brings Him into

Hiện nay, một Đấng Hoá Thân thường là một Đấng Đại Diện của phương diện thiêng liêng thứ hai, tức Bác Ái – Minh Triết, Bác ái của Thượng đế. Ngài sẽ biểu hiện như Đấng Cứu Thế, Đấng Kiến Tạo, Đấng Bảo Tồn; nhân loại vẫn chưa phát triển đầy đủ hay định hướng thích đáng đối với đời sống của tinh thần để có thể dễ dàng chịu đựng sự va chạm của một Đấng Hoá Thân biểu lộ ý chí năng động của Thượng đế. Đối với chúng ta hiện nay (và đây là giới hạn của *chúng ta*), một Đấng Hoá Thân là Đấng bảo tồn, phát triển, kiến tạo, che chở, bảo vệ và cứu giúp

manifestation is man's need and man's demand for preservation and help. Humanity needs love, understanding and right human relations as an expression of attained divinity. It was this need which brought the Christ to us before as the Avatar of Love. The Christ, that great human-divine Messenger, because of His stupendous achievement—along the line of understanding—transmitted to [12] humanity an aspect and a potency of the nature of God Himself, the love Principle of Deity. Light, aspiration, and the recognition of God Transcendent had been the flickering expression of the human attitude to God, prior to the advent of the Buddha, the Avatar of Illumination. Then the Buddha came and demonstrated in His Own life the fact of God Immanent as well as God Transcendent, of God in the universe and of God within humanity. The Selfhood of Deity and the Self in the heart of individual man became a factor in human consciousness. It was a relatively new truth to man.

những xung lực tinh thần mà nhờ đó những người nam và nữ sống; điều đưa Ngài vào biểu hiện là nhu cầu của con người và đòi hỏi của con người về sự bảo tồn và trợ giúp. Nhân loại cần bác ái, sự thấu hiểu và những tương quan nhân loại đúng đắn như một biểu hiện của thiên tính đã đạt được. Chính nhu cầu này đã đưa Đức Christ đến với chúng ta trước đây như Đấng Hoá Thân của Bác ái. Đức Christ, Sứ Giả nhân-thần vĩ đại ấy, do thành tựu phi thường của Ngài—trên đường lối thấu hiểu—đã truyền cho [12] nhân loại một phương diện và một tiềm lực của chính bản chất Thượng đế, nguyên khí *bác ái* của Thượng đế. Ánh sáng, khát vọng và sự nhận biết Thượng đế Siêu Việt đã là biểu hiện chập chờn của thái độ con người đối với Thượng đế trước khi Đức Phật, Đấng Hoá Thân của Soi Sáng, giáng lâm. Rồi Đức Phật đến và chứng minh trong chính đời sống của Ngài sự kiện về Thượng đế Nội Tại cũng như Thượng đế Siêu Việt, về Thượng đế trong vũ trụ và về Thượng đế trong lòng nhân loại. Bản Ngã của Thượng đế và cái Ngã trong trái tim của từng con người trở thành một yếu tố trong tâm thức con người. Đó là một chân lý tương đối mới đối với con người.

However, until Christ came and lived a life of love and service and gave men the new command to love one another, there had been very little emphasis upon God as Love in any of the world Scriptures. After He had come as the Avatar of Love, then God became known as love supernal, love as the goal and objective of creation, love as the basic principle of relationship and love as working throughout all manifestation towards a Plan motivated by love. This divine quality, Christ revealed and emphasised and thus altered all human living, goals and values.

Tuy nhiên, cho đến khi Đức Christ đến và sống một đời sống bác ái và phụng sự, và ban cho những người nam và nữ giới răn mới là hãy yêu thương nhau, thì trong bất kỳ Kinh điển thế giới nào cũng có rất ít sự nhấn mạnh về Thượng đế như là Bác ái. Sau khi Ngài đến như Đấng Hoá Thân của Bác ái, khi ấy Thượng đế được biết đến như bác ái thiên thượng, bác ái như mục tiêu và cứu cánh của sáng tạo, bác ái như nguyên lý căn bản của tương quan và bác ái như đang hoạt động xuyên suốt mọi biểu hiện hướng tới một Thiên Cơ được thúc đẩy bởi bác ái. Phẩm tính thiêng liêng này, Đức Christ đã mặc khải và nhấn mạnh, và như thế đã làm thay đổi toàn

bộ đời sống, mục tiêu và giá trị của con người.

The reason He has not come again is that the needed work has not been done by His followers in all countries. His coming is largely dependent, as we shall later see, upon the establishing of right human relations. This the church has hindered down the centuries, and has not helped because of its fanatical zeal to make "Christians" of all peoples and not followers of the Christ. It has emphasised theological doctrine, and not love and loving understanding as Christ exemplified it. The Church has preached the fiery Saul of Tarsus and not the gentle Carpenter of Galilee. And so, He has waited. But His hour has now come, because of the people's need in every [13] land and because of the invocative cry of the masses everywhere and the advice of His disciples of all faiths and of all world religions.

Lý do Ngài chưa trở lại là vì công việc cần thiết vẫn chưa được những người theo Ngài ở mọi quốc gia thực hiện. Như chúng ta sẽ thấy về sau, sự quang lâm của Ngài phần lớn tùy thuộc vào việc thiết lập những tương quan nhân loại đúng đắn. Điều này giáo hội đã cản trở suốt nhiều thế kỷ, và đã không trợ giúp vì lòng nhiệt thành cuồng tín của nó trong việc biến mọi dân tộc thành "Cơ Đốc nhân" chứ không phải thành những người theo Đức Christ. Nó đã nhấn mạnh giáo điều thần học, chứ không phải bác ái và sự thấu hiểu đầy yêu thương như Đức Christ đã nêu gương. Giáo hội đã rao giảng Saul xứ Tarsus đầy nhiệt huyết chứ không phải Người Thợ Mộc hiền hòa xứ Galilee. Và vì thế, Ngài đã chờ đợi. Nhưng giờ của Ngài nay đã đến, vì nhu cầu của con người ở mọi [13] xứ sở và vì tiếng kêu khẩn cầu của quần chúng ở khắp nơi cùng lời khuyên của các đệ tử của Ngài thuộc mọi tín ngưỡng và mọi tôn giáo thế giới.

It is not for us yet to know the date or the hour of the reappearance of the Christ. His coming is dependent upon the appeal (the often voiceless appeal) of all who stand with massed intent; it is dependent also upon the better establishment of right human relations and upon certain work being done at this time by senior Members of the Kingdom of God, the Church Invisible, the spiritual Hierarchy of our planet; it is dependent also upon the steadfastness of the Christ's disciples in the world at this time and His initiate-workers—all working in the many groups, religious, political and economic. To the above must be added what Christians like to call "the inscrutable Will of God," that unrecognised purpose of the Lord of the World, the Ancient of Days (as He is

Chúng ta chưa thể biết ngày tháng hay giờ giấc Đức Christ tái lâm. Sự đến của Ngài tùy thuộc vào lời kêu gọi—thường là lời kêu gọi không thành tiếng—của tất cả những ai đang đứng vững với ý hướng hợp nhất; cũng tùy thuộc vào việc thiết lập tốt đẹp hơn những tương quan nhân loại đúng đắn và vào một số công việc hiện đang được các Thành viên cao cấp của Thiên Giới, Giáo hội Vô hình, Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta thực hiện; cũng tùy thuộc vào sự kiên định của các đệ tử của Đức Christ trên thế giới hiện nay và các điểm đạo đồ-người hoạt động của Ngài—tất cả đều đang làm việc trong nhiều nhóm tôn giáo, chính trị và kinh tế. Vào những điều trên còn phải thêm vào điều mà các tín đồ Cơ Đốc thích gọi là "Ý Chí khôn dò của Thượng đế," mục đích

called in The Old Testament) Who "knows His own Mind, radiates the highest quality of love and focusses His Will in His Own high Place within the centre where the Will of God is known."

chưa được nhận biết ấy của Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng Thái Cổ (như Ngài được gọi trong *Cựu Ước*), Đấng "biết Trí của chính Ngài, phát xạ phẩm tính cao nhất của bác ái và tập trung Ý Chí của Ngài tại Chốn cao cả của riêng Ngài bên trong Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế."

When the Christ, the Avatar of Love, makes His reappearance then will the

Khi Đức Christ, Đấng Hoá Thân của Bác Ái, tái lâm thì

"Sons of men who are now the Sons of God withdraw Their faces from the shining light and radiate that light upon the sons of men who know not yet they are the Sons of God. Then shall the Coming One appear, His footsteps hastened through the valley of the shadow by the One of awful power Who stands upon the mountain top, breathing out love eternal, light supernal and peaceful, silent Will.

"*những người con của nhân loại nay là Các Con của Thượng đế* sẽ quay mặt khỏi ánh sáng rực chói và phát tỏa ánh sáng ấy lên *những người con của nhân loại chưa biết rằng họ là Các Con của Thượng đế*. Khi ấy Đấng Đang Đến sẽ xuất hiện, bước chân của Ngài được thúc nhanh qua thung lũng của bóng tối bởi Đấng quyền năng đáng sợ đang đứng trên đỉnh núi, thở ra tình thương vĩnh cửu, ánh sáng thiên thượng và Ý Chí an bình, tĩnh lặng.

"Then will the sons of men respond. Then will a newer light shine forth into the dismal, weary vale of earth. Then will new life course through the veins of [14] men, and then will their vision compass all the ways of what may be.

"Khi ấy những người con của nhân loại sẽ đáp ứng. Khi ấy một ánh sáng mới hơn sẽ chiếu rọi vào thung lũng u ám, mệt mỏi của địa cầu. Khi ấy sự sống mới sẽ chảy qua huyết quản của [14] con người, và khi ấy tầm nhìn của họ sẽ bao quát mọi con đường của điều có thể thành tựu.

"So peace will come again on earth, but a peace unlike aught known before. Then will the will-to-good flower forth as understanding, and understanding blossom as goodwill in men."

"Vì vậy hòa bình sẽ lại đến trên Trái Đất, nhưng là một nền hòa bình không giống bất cứ điều gì từng được biết trước đây. Khi ấy Ý Chí-hướng Thiện sẽ nở hoa thành thấu hiểu, và sự thấu hiểu sẽ trổ bông thành thiện chí nơi con người."

CHAPTER TWO - CHRIST'S UNIQUE OCCASION — CHƯƠNG HAI - CƠ HỘI ĐỘC NHẤT CỦA ĐỨC CHRIST

The World Today

[15]

In any acceptance of the teaching that Christ will come, one of the difficulties today is the feeling that the teaching has been given for many centuries and nothing has ever happened. That is a statement of fact, and here lies a great deal of our trouble. The expectancy of His coming is nothing new; in it lies nothing unique or different; those who still hold to the idea are regarded tolerantly, or with amusement or pity, as the case may be. A study of times and seasons, of significances, of divine intention or of the will of God, plus a consideration of the world situation, may lead us, however, to believe that the present time is unique in more ways than one, and that the Christ is confronted with an unique occasion. This unique opportunity with which He is presented is brought about by certain world conditions which themselves are unique; there are factors present in the world today, and happenings have taken place within the past century which have never before occurred; it might profit us if we considered these matters and so gained a better perspective. The world to which He will come is a new world, if not yet a better world; new ideas are occupying people's minds and new problems await solution. Let us look at this uniqueness and gain some knowledge of the situation into which the Christ will be precipitated. Let us be realistic in our approach to this theme and avoid mystical and vague thinking. If it is true that He plans to reappear, if [16] it is a fact that He will bring His disciples, the Masters of the

Thế Giới Ngày Nay

[15]

Trong bất kỳ sự chấp nhận nào đối với giáo huấn rằng Đức Christ sẽ đến, một trong những khó khăn ngày nay là cảm giác rằng giáo huấn ấy đã được ban ra từ nhiều thế kỷ mà chưa từng có điều gì xảy ra. Đó là một phát biểu sự kiện, và chính trong đó có rất nhiều rắc rối của chúng ta. Sự mong đợi việc Ngài đến không có gì mới; trong đó không có gì độc nhất hay khác biệt; những ai vẫn giữ ý niệm ấy thì được nhìn bằng sự khoan dung, hoặc bằng sự thích thú hay thương hại, tùy trường hợp. Tuy nhiên, một sự nghiên cứu về thời kỳ và mùa kỳ, về các thâm nghĩa, về ý định thiêng liêng hay về Ý Chí của Thượng Đế, cộng với việc xem xét tình hình thế giới, có thể khiến chúng ta tin rằng *thời điểm hiện nay là độc nhất* theo nhiều cách, và rằng Đức Christ đang đối diện với một cơ hội độc nhất. Cơ hội độc nhất này mà Ngài được trao cho được tạo nên bởi một số điều kiện thế giới vốn tự chúng cũng độc nhất; ngày nay có những yếu tố hiện diện trong thế giới, và trong thế kỷ vừa qua đã xảy ra những biến cố chưa từng xảy ra trước đây; sẽ có ích cho chúng ta nếu xem xét những vấn đề này để nhờ đó có được một viễn cảnh tốt hơn. Thế giới mà Ngài sẽ đến là một thế giới mới, dù chưa hẳn là một thế giới tốt đẹp hơn; những ý tưởng mới đang chiếm lĩnh tâm trí con người và những vấn đề mới đang chờ được giải quyết. Chúng ta hãy nhìn vào tính độc nhất này và đạt được một ít hiểu biết về hoàn cảnh mà trong đó Đức Christ sẽ được đưa vào. Chúng ta hãy thực tế trong cách tiếp cận chủ đề này và tránh lối suy nghĩ thần bí và mơ hồ. Nếu đúng là Ngài dự định

Wisdom, with Him, and if this coming is imminent, what are some of the factors which He and they must take into consideration?

tái lâm, nếu [16] quả thật Ngài sẽ mang theo các đệ tử của Ngài, các Chân sư Minh Triết, và nếu sự đến này đã gần kề, thì đâu là một số yếu tố mà Ngài và Các Ngài phải lưu ý?

First of all, He will come to a world which is essentially one world. His reappearance and His consequent work cannot be confined to one small locality or domain unheard of by the great majority, as was the case when He was here before. The radio, the press and the dissemination of news will make His coming different to that of any previous Messenger; the swift modes of transportation will make Him available to countless millions, and by boat, rail and plane they can reach Him: through television, His face can be made familiar to all, and verily "every eye shall see Him." Even if there is no general recognition of His spiritual status and His message, there must necessarily be an universal interest, for today even the many false Christs and Messengers are finding this universal curiosity and cannot be hidden. This creates an unique condition in which to work, and one which no salvaging, energising Son of God has ever before had to face.

Trước hết, Ngài sẽ đến với một thế giới về bản chất là một thế giới duy nhất. Sự tái lâm của Ngài và công việc tiếp theo của Ngài không thể bị giới hạn trong một địa phương hay lãnh vực nhỏ bé mà đại đa số không hề biết đến, như trường hợp khi Ngài hiện diện trước đây. Radio, báo chí và sự phổ biến tin tức sẽ làm cho sự đến của Ngài khác với bất kỳ Sứ Giả nào trước đó; các phương tiện vận chuyển nhanh chóng sẽ khiến Ngài trở nên có thể tiếp cận với vô số triệu người, và bằng tàu thủy, đường sắt và máy bay họ có thể đến với Ngài: qua truyền hình, gương mặt Ngài có thể trở nên quen thuộc với tất cả, và quả thật "mọi mắt sẽ thấy Ngài." Dù không có sự công nhận chung nào về địa vị tinh thần của Ngài và thông điệp của Ngài, ắt hẳn vẫn sẽ có một sự quan tâm phổ quát, vì ngày nay ngay cả nhiều Christ giả và Sứ Giả giả cũng đang gặp phải sự tò mò phổ quát này và không thể bị che giấu. Điều này tạo nên một điều kiện độc nhất để làm việc, và là điều mà chưa một Con của Thượng đế nào đến để cứu vớt và tiếp sinh lực từng phải đối diện trước đây.

The sensitivity of the people of the world to what is new or needed is also uniquely different; man has progressed far in his reaction to both good and evil and possesses a far more sensitive response apparatus than did humanity in those earlier times. If there was a quick response to the Messenger when He came before, it will be more general and quicker now, both in rejection and in acceptance. Men are more enquiring, better educated, more intuitive and more expectant of the unusual and the unique than at any other time in history. Their intellectual perception is keener, their sense

Sự nhạy cảm của người dân thế giới đối với điều mới mẻ hay điều cần thiết cũng khác biệt một cách độc nhất; con người đã tiến bộ rất xa trong phản ứng của mình đối với cả thiện lẫn ác và sở hữu một bộ máy đáp ứng nhạy bén hơn nhiều so với nhân loại trong những thời kỳ trước kia. Nếu đã từng có một sự đáp ứng nhanh chóng đối với Sứ Giả khi Ngài đến trước đây, thì nay nó sẽ phổ biến hơn và nhanh hơn, cả trong sự khước từ lẫn chấp nhận. Con người ngày nay ham tìm hiểu hơn, được giáo dục tốt hơn, trực giác hơn và mong đợi điều khác thường và độc nhất hơn bất kỳ thời nào khác trong lịch sử.

of values more acute, their ability to discriminate and choose is fast developing, [17] and they penetrate more quickly into significances. These facts will condition the reappearance of the Christ and tend to a more rapid spreading of the news of His coming and the contents of His message.

Tri giác trí tuệ của họ sắc bén hơn, ý thức về giá trị của họ sâu sắc hơn, khả năng phân biện và chọn lựa của họ đang phát triển nhanh chóng, [17] và họ thâm nhập vào các thâm nghĩa nhanh hơn. Những sự kiện này sẽ tác động lên sự tái lâm của Đức Christ và có khuynh hướng làm cho tin tức về sự đến của Ngài và nội dung thông điệp của Ngài lan truyền nhanh hơn.

Today, when He comes, He will find a world uniquely free from the grip and hold of ecclesiasticism; when He came before, Palestine was held in the vicious grasp of the Jewish religious leaders, and the Pharisees and the Sadducees were to the people of that land what the potentates of the church are to the people in the world today. But—there has been a useful and wholesome swing away from Churchianity and from orthodox religion during the past century, and this will present a unique opportunity for the restoration of true religion and the presentation of a simple return to the ways of spiritual living. The priests, the Levites, the Pharisees and the Sadducees were not the ones who recognised Him when He came before. They feared Him. And it is highly improbable that the reactionary churchmen will be the ones to recognise Him today. He may reappear in a totally unexpected guise; who is to say whether He will come as a politician, an economist, a leader of the people (arising from the midst of them), a scientist or an artist?

Ngày nay, khi Ngài đến, Ngài sẽ thấy một thế giới độc nhất ở chỗ thoát khỏi sự kềm giữ và chi phối của giáo quyền; khi Ngài đến trước đây, Palestine bị nắm chặt trong bàn tay độc hại của các lãnh tụ tôn giáo Do Thái, và những người Pharisee cùng Sadducee đối với dân chúng xứ ấy cũng giống như những người nắm quyền trong giáo hội đối với dân chúng thế giới ngày nay. Nhưng—trong thế kỷ vừa qua đã có một sự chuyển hướng hữu ích và lành mạnh rời khỏi chủ nghĩa giáo hội và khỏi tôn giáo chính thống, và điều này sẽ tạo nên một cơ hội độc nhất cho việc phục hồi tôn giáo chân chính và trình bày một sự trở về giản dị với những con đường của đời sống tinh thần. Các tư tế, người Levite, Pharisee và Sadducee không phải là những người đã nhận ra Ngài khi Ngài đến trước đây. Họ sợ Ngài. Và rất khó có thể những giáo sĩ phản động sẽ là những người nhận ra Ngài ngày nay. Ngài có thể tái lâm trong một dáng vẻ hoàn toàn không ngờ; ai có thể nói liệu Ngài sẽ đến như một chính khách, một nhà kinh tế, một lãnh tụ của quần chúng (xuất thân từ chính giữa họ), một nhà khoa học hay một nghệ sĩ?

It is a fallacy to believe, as some do, that the main trend of Christ's work will be through the medium of the churches or the world religions. He necessarily will work through them when conditions permit and there is a living nucleus of true spirituality within them, or when their invocative appeal is

Thật sai lầm khi tin, như một số người tin, rằng xu hướng chính trong công việc của Đức Christ sẽ là thông qua các giáo hội hay các tôn giáo thế giới. Tất nhiên Ngài sẽ làm việc qua họ khi điều kiện cho phép và khi bên trong họ có một hạt nhân sống động của tinh thần chân chính, hoặc khi lời khẩn cầu

potent enough to reach Him. He will use all possible channels whereby the consciousness of man may be enlarged and right orientation be brought about. It is, however, truer to say that it is as World Teacher that He will consistently work, and that the churches are but one of the teaching avenues He will [18] employ. All that enlightens the minds of men, all propaganda that tends to bring about right human relations, all modes of acquiring real knowledge, all methods of transmuting knowledge into wisdom and understanding, all that expands the consciousness of humanity and of all subhuman states of awareness and sensitivity, all that dispels glamour and illusion and that disrupts crystallisation and disturbs static conditions will come under the realistic activities of the Hierarchy which He supervises. He will be limited by the quality and the calibre of the invocative appeal of humanity and that, in its turn, is conditioned by the attained point in evolution.

In the Middle Ages of history and earlier, it was the churches and the schools of philosophy which provided the major avenues for His subjective activity, but it will not be so when He is objectively and actually here. This is a point which the churches and organised religions would do well to remember. There is now a shift of His emphasis and attention into two new fields of endeavour: first, into the field of world-wide education, and secondly, into the sphere of implementing intelligently those activities which come under the department of government in its three aspects of statesmanship, of politics and of legislation. The common people are today awakening to the importance and responsibility of government; it is, therefore, realised by the Hierarchy that before the cycle of true democracy (as it essentially exists and will

của họ đủ mạnh để vươn tới Ngài. Ngài sẽ sử dụng mọi kênh có thể có nhờ đó tâm thức con người có thể được mở rộng và sự định hướng đúng đắn có thể được mang lại. Tuy nhiên, nói rằng Ngài sẽ luôn luôn làm việc với tư cách là Đức Chưởng Giáo thì đúng hơn, và rằng các giáo hội chỉ là một trong những con đường giáo huấn mà Ngài sẽ [18] sử dụng. Tất cả những gì soi sáng tâm trí con người, mọi sự tuyên truyền có xu hướng mang lại những tương quan nhân loại đúng đắn, mọi phương thức đạt được tri thức chân thực, mọi phương pháp chuyển hoá tri thức thành minh triết và thấu hiểu, tất cả những gì mở rộng tâm thức của nhân loại và của mọi trạng thái nhận biết và nhạy cảm dưới nhân loại, tất cả những gì làm tiêu tan ảo cảm và ảo tưởng và phá vỡ sự kết tinh cũng như khuấy động các điều kiện tĩnh tại, đều sẽ thuộc về các hoạt động thực tiễn của Thánh đoàn mà Ngài giám sát. Ngài sẽ bị giới hạn bởi phẩm tính và tầm mức của lời khẩn cầu từ nhân loại, và điều đó đến lượt nó lại bị tác động bởi điểm tiến hoá đã đạt được.

Trong thời Trung Cổ và trước đó nữa, các giáo hội và các trường phái triết học là những con đường chủ yếu cho hoạt động chủ quan của Ngài, nhưng sẽ không còn như vậy khi Ngài hiện diện một cách khách quan và thực sự nơi đây. Đây là một điểm mà các giáo hội và các tôn giáo có tổ chức nên ghi nhớ. Hiện nay có một sự chuyển dịch trong trọng tâm và sự chú ý của Ngài sang hai lĩnh vực nỗ lực mới: thứ nhất, vào lĩnh vực giáo dục toàn cầu, và thứ hai, vào phạm vi thực hiện một cách thông minh những hoạt động thuộc về ngành chính quyền trong ba phương diện là nghệ thuật trị quốc, chính trị và lập pháp. Dân chúng ngày nay đang thức tỉnh trước tầm quan trọng và trách nhiệm của chính quyền; vì vậy, Thánh đoàn nhận ra rằng trước khi chu kỳ dân chủ chân chính (như nó vốn hiện hữu về bản chất và cuối cùng sẽ biểu lộ) có thể xuất hiện, thì việc

eventually demonstrate) can come into being, the education of the masses in cooperative statesmanship, in economic stabilisation through right sharing, and in clean, political interplay is imperatively necessary. The long divorce between religion and politics must be ended and this can now come about because of the high level of the human mass intelligence and the fact that science has made all men so close [19] that what happens in some remote area of the earth's surface is a matter of general interest within a few minutes. This makes it uniquely possible for Him to work in the future.

giáo dục quần chúng về nghệ thuật trị quốc hợp tác, về ổn định kinh tế thông qua chia sẻ đúng đắn, và về sự tương tác chính trị trong sạch là điều tuyệt đối cần thiết. Sự ly dị kéo dài giữa tôn giáo và chính trị *phải* chấm dứt, và điều này nay có thể xảy ra nhờ trình độ trí tuệ *đại chúng* cao của nhân loại và sự kiện rằng khoa học đã khiến mọi người trở nên gần gũi đến mức [19] điều gì xảy ra tại một vùng xa xôi nào đó trên bề mặt địa cầu cũng trở thành mối quan tâm chung chỉ trong vài phút. Điều này khiến cho việc Ngài làm việc trong tương lai trở nên khả thi theo một cách chưa từng có.

The development of spiritual recognition is the great need today in preparation for His reappearance; no one knows in what nation He will come; He may appear as an Englishman, a Russian, a Negro, a Latin, a Turk, a Hindu, or any other nationality. Who can say which? He may be a Christian or a Hindu by faith, a Buddhist or of no particular faith at all; He will not come as the restorer of any of the ancient religions, including Christianity, but He will come to restore man's faith in the Father's love, in the fact of the livingness of the Christ and in the close, subjective and unbreakable relationship of all men everywhere. The facilities of the entire world of contact and relation will be at His disposal; that will be part of the uniqueness of His opportunity and—for this He too must prepare.

Sự phát triển của nhận thức tinh thần là nhu cầu lớn lao ngày nay để chuẩn bị cho sự tái lâm của Ngài; không ai biết Ngài sẽ đến trong quốc gia nào; Ngài có thể xuất hiện như một người Anh, một người Nga, một người da đen, một người Latin, một người Thổ, một người Hindu, hay bất kỳ quốc tịch nào khác. Ai có thể nói được? Ngài có thể là một tín đồ Cơ Đốc hay Hindu, một Phật tử hay hoàn toàn không thuộc một tín ngưỡng riêng biệt nào; Ngài sẽ không đến như người phục hồi bất kỳ tôn giáo cổ xưa nào, kể cả Cơ Đốc giáo, nhưng Ngài sẽ đến để phục hồi đức tin của con người vào tình thương của Đức Cha, vào sự kiện về tính sống động của Đức Christ và vào mối liên hệ chủ quan gần gũi và bất khả phân ly của mọi người ở khắp nơi. Các phương tiện của toàn bộ thế giới tiếp xúc và liên hệ sẽ sẵn có cho Ngài sử dụng; đó sẽ là một phần trong tính độc nhất của cơ hội của Ngài và—vì điều này—chính Ngài cũng phải chuẩn bị.

Another unique factor which will distinguish His coming will be not only the general expectancy but also the fact that much is today known and taught about the Kingdom of God, or the Spiritual Hierarchy

Một yếu tố độc nhất khác sẽ phân biệt sự đến của Ngài không chỉ là sự mong đợi chung mà còn là sự kiện rằng ngày nay người ta biết và dạy nhiều về Thiên Giới, hay Thánh đoàn Tinh thần của hành tinh. Ở khắp nơi, trong

of the planet. Everywhere, in all countries, there are thousands who are interested in the fact of that Hierarchy, who believe in the Masters of the Wisdom, the disciples of the Christ, and who will not be surprised when this group of Sons of God, surrounding their great Leader, the Christ, makes its appearance on Earth. The churches in all countries have familiarised the public with the phrase "the Kingdom of God"; the esotericists and occultists everywhere have publicised the fact of the Hierarchy during the past century; the spiritualists have laid the emphasis upon the [20] aliveness of those who have passed over into the hidden world of being, and their Guides have also borne testimony to the existence of an inner, spiritual world. All this creates a unique preparedness which presents the Christ with unique opportunities and unique problems. All these spiritual forces and many others, both within and without the world religions and the philosophical and humanitarian groups, are working at this time under direction, are closely related and their activities most intimately synchronised. They are all working together (even if this is not physically apparent) because in the human family there are those at every stage of responsiveness. The forces of regeneration, of reconstruction, of restoration and of resurrection are making their presence felt in all the many groups which are seeking to aid and lift humanity, to rebuild the world, to restore stability and the sense of security and thus (consciously or unconsciously) prepare the way for the coming of the Christ.

mọi quốc gia, có hàng ngàn người quan tâm đến sự kiện về Thánh đoàn ấy, tin vào các Chân sư Minh Triết, các đệ tử của Đức Christ, và sẽ không ngạc nhiên khi nhóm Các Con của Thượng đế này, vây quanh Vị Lãnh Đạo vĩ đại của các Ngài là Đức Christ, xuất hiện trên Trái Đất. Các giáo hội ở mọi quốc gia đã làm cho công chúng quen thuộc với cụm từ "Thiên Giới"; các nhà bí truyền học và các nhà huyền bí học ở khắp nơi đã công bố rộng rãi sự kiện về Thánh đoàn trong thế kỷ vừa qua; các nhà thần linh học đã nhấn mạnh đến [20] tính sống động của những người đã đi qua vào thế giới ẩn kín của bản thể, và các Đấng Hướng Dẫn của họ cũng đã làm chứng cho sự hiện hữu của một thế giới nội tại, tinh thần. Tất cả điều này tạo nên một sự chuẩn bị độc nhất, đặt trước Đức Christ những cơ hội độc nhất và những vấn đề độc nhất. Tất cả các mãnh lực tinh thần này và nhiều mãnh lực khác nữa, cả bên trong lẫn bên ngoài các tôn giáo thế giới và các nhóm triết học và nhân đạo, hiện đang làm việc dưới sự chỉ đạo, có liên hệ chặt chẽ với nhau và các hoạt động của họ được đồng bộ hóa hết sức mật thiết. Tất cả họ đều đang làm việc *cùng nhau* (dù điều này không biểu hiện rõ trên cõi hồng trần) bởi vì trong gia đình nhân loại có những người ở mọi giai đoạn đáp ứng. Các mãnh lực tái sinh, tái thiết, phục hồi và phục sinh đang làm cho sự hiện diện của chúng được cảm nhận trong tất cả nhiều nhóm đang tìm cách trợ giúp và nâng đỡ nhân loại, tái thiết thế giới, phục hồi sự ổn định và ý thức an toàn, và nhờ đó (một cách hữu thức hay vô thức) chuẩn bị con đường cho sự đến của Đức Christ.

There is also a unique revival of the ancient teaching of the Buddha and it is penetrating into the Western countries and finding devoted adherents in every land. The Buddha is the symbol of enlightenment and there is everywhere today a unique

Cũng có một sự phục hưng độc nhất của giáo huấn cổ xưa của Đức Phật và nó đang thâm nhập vào các nước phương Tây và tìm được những tín đồ tận tụy ở mọi miền. Đức Phật là biểu tượng của sự soi sáng và ngày nay ở khắp nơi có một sự nhấn mạnh độc nhất vào

emphasis upon light. Countless millions down the ages have recognised the Buddha as the Light Bearer from on high. His Four Noble Truths exposed the causes of human trouble and pointed to the cure. He taught: Cease to identify yourselves with material things or with your desires; gain a proper sense of value; cease regarding possessions and earthly existence as of major importance; follow the Noble Eightfold Path which is the Path of right relations—right relations to God, and right relations to your fellowmen—and thus be happy. The steps on this Path are: [21]

ánh sáng. Vô số triệu người qua các thời đại đã nhìn nhận Đức Phật là Đấng Mang Ánh Sáng từ cõi cao. *Tứ Diệu Đế* của Ngài đã phơi bày các nguyên nhân của khổ đau nhân loại và chỉ ra phương thuốc chữa trị. Ngài dạy: Hãy ngừng đồng hoá với các sự vật vật chất hay với những ham muốn của các bạn; hãy đạt được một ý thức đúng đắn về giá trị; hãy ngừng xem của cải và sự tồn tại trần thế là điều quan trọng hàng đầu; hãy theo Bát Chánh Đạo, tức là Con Đường của những tương quan đúng đắn—tương quan đúng đắn với Thượng đế, và tương quan đúng đắn với đồng loại của các bạn—và nhờ đó được hạnh phúc. Các bước trên Con Đường này là: [21]

Chánh Kiến.

Right Values.

Chánh Tư Duy.

Right Aspiration.

Chánh Ngữ.

Right Speech.

Chánh Nghiệp.

Right Conduct.

Chánh Mạng.

Right Modes of Living.

Chánh Tinh Tấn.

Right Effort.

Chánh Niệm.

Right Thinking.

Chánh Định hay Hạnh Phúc.

Right Rapture or Happiness.

This message is uniquely needed today in a world in which most of these right steps to happiness have been consistently ignored. It is on the foundation of this teaching that Christ will raise the superstructure of the

Thông điệp này đặc biệt cần thiết ngày nay trong một thế giới mà hầu hết các bước đúng đắn dẫn đến hạnh phúc ấy đã liên tục bị bỏ qua. Chính trên nền tảng của giáo huấn này mà Đức Christ sẽ dựng lên thượng tầng của

brotherhood of man, for right human relations are an expression of the love of God; they will constitute man's major and next demonstration of divinity. Today, in the midst of this devastated, chaotic and unhappy world, mankind has a fresh opportunity to reject selfish materialistic living and to begin to tread the Lighted Way. The moment that humanity shows its willingness to do this, thenthe Christ will come, and there is every evidence at this time that men are learning this lesson and making their first faltering steps along that Lighted Way of right relationships.

tình huynh đệ nhân loại, vì những tương quan nhân loại đúng đắn là một biểu hiện của tình thương của Thượng đế; chúng sẽ cấu thành sự biểu lộ lớn lao kế tiếp của thiên tính nơi con người. Ngày nay, giữa thế giới bị tàn phá, hỗn loạn và bất hạnh này, nhân loại có một cơ hội mới để từ chối lối sống ích kỷ duy vật và bắt đầu bước đi trên Con Đường được Soi Sáng. Ngay khi nhân loại cho thấy sự sẵn lòng làm điều này, *thì* Đức Christ sẽ đến, và hiện nay có mọi bằng chứng cho thấy con người đang học bài học này và đang thực hiện những bước đầu chập chững trên Con Đường được Soi Sáng của những tương quan đúng đắn ấy.

The present time is unique in that it is (as never before) a cycle or period of conferences—communal, national and international—and of men getting together. Clubs, forums, committees, conferences, and leagues are forming everywhere for the discussion and study of human welfare and liberation; this phenomenon is one of the strongest indications that the Christ is on His way. He is the embodiment of freedom, and the Messenger of Liberation. He stimulates the group spirit and the group consciousness, and His spiritual energy is the attractive force, binding men together for the common good. His reappearance will knit and bind together all men and women of goodwill throughout the world, irrespective of religion or nationality. His coming will evoke among men a widespread and mutual recognition of the [22] good in all. This is part of the uniqueness of His coming and for it we are already preparing. A study of the daily press will prove this. It is the invocative appeal of the many groups working on behalf of humanity (consciously or unconsciously made) which will bring Him forth. Those who carry out this great act of invocation are the spiritually minded people, the enlightened statesmen, the

Thời điểm hiện nay là độc nhất ở chỗ nó là (chưa từng có trước đây) một chu kỳ hay thời kỳ của các hội nghị—cộng đồng, quốc gia và quốc tế—và của việc con người tụ họp với nhau. Các câu lạc bộ, diễn đàn, ủy ban, hội nghị và liên minh đang hình thành khắp nơi để thảo luận và nghiên cứu về phúc lợi và sự giải phóng của con người; hiện tượng này là một trong những dấu hiệu mạnh mẽ nhất cho thấy Đức Christ đang trên đường đến. Ngài là hiện thân của tự do, và là Sứ Giả của Giải Thoát. Ngài kích thích tinh thần nhóm và tâm thức nhóm, và năng lượng tinh thần của Ngài là mãnh lực hấp dẫn, gắn kết con người lại với nhau vì thiện ích chung. Sự tái lâm của Ngài sẽ kết nối và liên kết tất cả những người nam và nữ thiện chí trên khắp thế giới, bất kể tôn giáo hay quốc tịch. Sự đến của Ngài sẽ gợi lên nơi con người một sự nhìn nhận rộng khắp và hỗ tương về [22] điều thiện nơi mọi người. Đây là một phần trong tính độc nhất của sự đến của Ngài và cho điều đó chúng ta đã đang chuẩn bị. Chỉ cần nghiên cứu báo chí hằng ngày là sẽ thấy điều này. Chính lời khẩn cầu của nhiều nhóm đang làm việc vì nhân loại (được thực hiện một cách hữu thức hay vô thức) sẽ đưa Ngài xuất hiện. Những người thực hiện hành động khẩn cầu vĩ đại này là những người có

religious leaders and the men and women whose hearts are full of goodwill. They will evoke Him if they can stand with massed intent, with hope and with expectancy. This preparatory work must be focussed through and implemented by the world intelligentsia and leading lovers of humanity, by groups dedicated to human betterment and by representative unselfish people. The success of the effort now being planned by Christ and the spiritual Hierarchy is dependent upon the ability of mankind to use what light it already has in order to establish right relations in their families, their community, in their nation and in the world.

tâm trí hướng thượng, các chính khách được soi sáng, các nhà lãnh đạo tôn giáo và những người nam và nữ có trái tim tràn đầy thiện chí. Họ sẽ gợi lên Ngài *nếu* họ có thể đứng vững với ý hướng hợp nhất, với hy vọng và với sự mong đợi. Công việc chuẩn bị này phải được tập trung thông qua và được thực hiện bởi giới trí thức thế giới và những người yêu thương nhân loại hàng đầu, bởi các nhóm tận hiến cho sự cải thiện con người và bởi những người đại diện vô tư lợi. Sự thành công của nỗ lực hiện đang được Đức Christ và Thánh đoàn tinh thần hoạch định tùy thuộc vào khả năng của nhân loại trong việc sử dụng ánh sáng mà họ đã có để thiết lập những tương quan đúng đắn trong gia đình họ, cộng đồng của họ, quốc gia của họ và trên thế giới.

There is, therefore, this unique difference between the expected coming of the Christ and the time when He came before: the world is full of groups working for human welfare. This effort, in the light of past aeons of human history, is a relatively new thing and for it the Christ must prepare and with this trend He will have to work. The "cycle of conferences" which is now swinging into full tide is part of the unique condition with which the Christ is faced.

Vì vậy, có sự khác biệt độc nhất này giữa sự đến được mong đợi của Đức Christ và thời điểm Ngài đến trước đây: thế giới đầy những nhóm đang làm việc cho phúc lợi nhân loại. Nỗ lực này, dưới ánh sáng của các đại kiếp lịch sử nhân loại trong quá khứ, là một điều tương đối mới và vì nó Đức Christ phải chuẩn bị, và với xu hướng này Ngài sẽ phải làm việc. "Chu kỳ hội nghị" hiện đang dâng lên đến đỉnh triều là một phần của điều kiện độc nhất mà Đức Christ đang đối diện.

Before, however, Christ could come with His disciples, our present civilisation had to die. During the coming century, we shall begin to learn the meaning of the word "resurrection," and the new age will begin to reveal its deep purpose and intention. The first step will be the emergence of humanity from the death of its civilisation, [23] of its old ideas and modes of living, the relinquishing of its materialistic goals and its damning selfishness, and its moving forward into the clear light of the resurrection. These are not symbolical or

Tuy nhiên, trước khi Đức Christ có thể đến cùng các đệ tử của Ngài, nền văn minh hiện tại của chúng ta phải chết đi. Trong thế kỷ sắp tới, chúng ta sẽ bắt đầu học ý nghĩa của từ "phục sinh," và kỷ nguyên mới sẽ bắt đầu bộc lộ mục đích và ý hướng sâu xa của nó. Bước đầu tiên sẽ là sự xuất hiện của nhân loại ra khỏi cái chết của nền văn minh mình, [23] của những ý tưởng cũ và những lối sống cũ, sự từ bỏ các mục tiêu duy vật và tính ích kỷ đáng nguyền rủa của mình, và sự tiến bước vào ánh sáng trong trẻo của phục sinh. Đây không phải là những lời biểu tượng hay

mystical words but part of the general setting which will surround the period of Christ's reappearance; it is a cycle as real as the cycle of conferences now so busily organising. Christ taught us when He came before the true meaning of Renunciation or of the Crucifixion; this time His message will be concerned with the resurrection life. The present cycle of conferences is preparing men everywhere for relationships, even though today they may seem widely divergent in nature; the important factor is the general human interest and thought about establishing the need, the objectives involved, the means to be employed. The resurrection period which the Christ will inaugurate and which will constitute His unique work—within which all His other activities will have their place—will be the outcome of the fermentation and the germination going on in the world of men at this time, of which the many conferences are the outer evidence.

thần bí mà là một phần của bối cảnh chung sẽ bao quanh thời kỳ Đức Christ tái lâm; đó là một chu kỳ thực tế cũng như chu kỳ hội nghị hiện đang được tổ chức bận rộn kia. Đức Christ đã dạy chúng ta khi Ngài đến trước đây ý nghĩa chân thực của Sự từ bỏ hay của sự Đóng Đinh; lần này thông điệp của Ngài sẽ liên quan đến *sự sống phục sinh*. Chu kỳ hội nghị hiện nay đang chuẩn bị con người ở khắp nơi cho những tương quan, dù ngày nay chúng có vẻ rất khác biệt về bản chất; yếu tố quan trọng là mối quan tâm và suy nghĩ chung của con người về việc xác lập nhu cầu, các mục tiêu liên hệ và các phương tiện sẽ được sử dụng. Thời kỳ phục sinh mà Đức Christ sẽ khai mở và sẽ cấu thành công việc độc nhất của Ngài—trong đó mọi hoạt động khác của Ngài sẽ có chỗ đứng—sẽ là kết quả của sự lên men và nảy mầm đang diễn ra trong thế giới loài người hiện nay, mà nhiều hội nghị là bằng chứng bên ngoài.

It was these various unique conditions which the Christ faced during the years of war when the need of humanity forced Him to decide to hasten His coming. The unhappy state of the world as the result of centuries of selfishness and of the world war, the unique sensitivity which men everywhere were showing (as a result of the evolutionary process), the unique spread of knowledge about the spiritual Hierarchy and the unique development of group consciousness, showing itself on every hand in the multiplicity of conferences, confronted Christ with His unique occasion and presented Him with a decision which He could not avoid.

Chính những điều kiện độc nhất khác nhau này mà Đức Christ đã đối diện trong những năm chiến tranh khi nhu cầu của nhân loại buộc Ngài phải quyết định thúc đẩy nhanh sự đến của mình. Tình trạng bất hạnh của thế giới do hậu quả của nhiều thế kỷ ích kỷ và của chiến tranh thế giới, sự nhạy cảm độc nhất mà con người ở khắp nơi đang biểu lộ (do tiến trình tiến hoá), sự lan rộng độc nhất của tri thức về Thánh đoàn tinh thần và sự phát triển độc nhất của tâm thức nhóm, đang biểu lộ khắp nơi trong vô số hội nghị, đã đặt trước Đức Christ cơ hội độc nhất của Ngài và trình ra cho Ngài một quyết định mà Ngài không thể tránh né.

[24]

[24]

Reverently we might say that in this "occasion" of the Christ's, two facts were involved and that both of them are difficult for man to understand. The fact of the synchronisation of His will with that of the Father, and the fact that this synchronisation led to a basic decision, must be recognised by us. It is not easy for the average Christian to realise that the Christ passes on steadily to increasingly potent experiences, and that in His divine experience there is nothing static or permanent—except His unalterable love for humanity.

Với lòng tôn kính, chúng ta có thể nói rằng trong "cơ hội" này của Đức Christ có hai sự kiện liên quan, và cả hai đều khó cho con người hiểu được. Chúng ta phải nhận ra sự kiện về sự đồng bộ hóa ý chí của Ngài với ý chí của Đức Cha, và sự kiện rằng sự đồng bộ hóa này đã dẫn đến một quyết định căn bản. Người Cơ Đốc trung bình không dễ nhận ra rằng Đức Christ vẫn đều đặn tiến tới những kinh nghiệm ngày càng mãnh liệt hơn, và rằng trong kinh nghiệm thiêng liêng của Ngài không có gì tĩnh tại hay thường tồn—ngoại trừ tình thương bất biến của Ngài đối với nhân loại.

A close study of the Gospel story, unimpeded by orthodox interpretations, reveals certain things. The usual interpretations, if men would but recognise them in their true meaning, are simply some man's understanding of a series of Aramaic, Greek or Latin words. The fact that the majority of accepted commentators lived many hundreds of years ago seems to have given such words a totally unwarranted value. The words of a commentator or of an interpreter today are apparently of no value in comparison with those of ancient date; yet the modern commentator is probably more intelligent and better educated than the ancient one and has, also, the benefit of the many recognised translations and a precise science. We are suffering theologically from the ignorance of the past; it is a peculiar thing that an ancient commentator is supposed to carry greater weight than the modern, more educated and intelligent man. If The New Testament is true in its presentation of the Christ, if it is true in its repetition of His words, that we can do "greater things" than He did, and if it is true in that He told us to "be perfect even as our Father in Heaven is perfect," what is there wrong in our recognising the capacity of a

Một sự nghiên cứu kỹ lưỡng câu chuyện Phúc Âm, không bị cản trở bởi các diễn giải chính thống, sẽ cho thấy một số điều. Những diễn giải thông thường, nếu con người chịu nhận ra ý nghĩa thật của chúng, chỉ đơn giản là sự hiểu biết của một ai đó về một chuỗi từ ngữ Aramaic, Hy Lạp hay Latin. Sự kiện rằng đa số các nhà chú giải được chấp nhận đã sống từ nhiều trăm năm trước dường như đã khiến cho những từ ngữ ấy có một giá trị hoàn toàn không chính đáng. Những lời của một nhà chú giải hay một người diễn giải ngày nay dường như không có giá trị gì so với những lời có niên đại cổ xưa; tuy nhiên nhà chú giải hiện đại có lẽ thông minh hơn và được giáo dục tốt hơn nhà chú giải cổ xưa, và cũng có lợi thế của nhiều bản dịch đã được công nhận cùng một khoa học chính xác. Về mặt thần học, chúng ta đang chịu khổ vì sự vô minh của quá khứ; thật là một điều kỳ lạ khi một nhà chú giải cổ xưa lại được cho là có trọng lượng hơn con người hiện đại, được giáo dục tốt hơn và thông minh hơn. Nếu *Tân Ước* là chân thật trong cách trình bày về Đức Christ, nếu nó chân thật trong việc lặp lại lời Ngài rằng chúng ta có thể làm "những việc lớn hơn" Ngài đã làm, và nếu nó chân thật ở chỗ Ngài bảo chúng ta "hãy nên trọn lành như Cha các con

human being to keep pace with the mind of Christ and to know what He intends us to know? Christ said that "if any [25] man will do the will of God, he shall know"; that was how the Christ Himself learnt and that is the mode He assures us will be successful for each of us.

ở trên Trời là trọn lành," thì có gì sai trong việc chúng ta nhìn nhận năng lực của một con người có thể theo kịp trí của Đức Christ và biết điều Ngài muốn chúng ta biết? Đức Christ đã nói rằng "nếu ai [25] làm theo ý muốn của Thượng đế, người ấy sẽ biết"; đó là cách chính Đức Christ đã học, và đó là phương thức mà Ngài bảo đảm với chúng ta sẽ thành công cho mỗi người chúng ta.

It was the dawning of this significance of the will of God upon the consciousness of the Christ which led Him to certain great decisions, and which forced Him to cry out: "Father, not my will but Thine be done." These words definitely indicate conflict and do not indicate the synchronisation of the two wills; they indicate the determination on the part of the Christ that there should be no opposition between His will and that of God. Suddenly, He received a vision of the emerging, divine intention for humanity and—through humanity—for the planet as a whole. At the particular stage of spiritual development which Christ had then attained and which had made Him the Head of the spiritual Hierarchy, the One who engineered the emergence of the Kingdom of God and established Him as the Master of all the Masters and the Teacher of angels and of men, His consciousness was absolutely at one with the divine Plan; its application on Earth and its goal of establishing the Kingdom of God and the appearance of the fifth kingdom in nature was simply for Him the fulfilling of the law and to that fulfilment His entire life was and had been geared.

Chính sự ló rạng của thâm nghĩa này về Ý Chí của Thượng Đế trên tâm thức của Đức Christ đã dẫn Ngài đến một số quyết định lớn lao, và đã buộc Ngài phải kêu lên: "Lạy Cha, xin đừng theo ý con mà theo Ý Cha." Những lời này rõ ràng cho thấy xung đột và không cho thấy sự đồng bộ hóa của hai ý chí; chúng cho thấy quyết tâm nơi Đức Christ rằng sẽ không có sự đối kháng nào giữa ý chí của Ngài và ý chí của Thượng đế. Đột nhiên, Ngài nhận được một linh ảnh về ý định thiêng liêng đang xuất hiện dành cho nhân loại và—thông qua nhân loại—dành cho toàn thể hành tinh. Ở giai đoạn phát triển tinh thần đặc biệt mà Đức Christ khi ấy đã đạt tới và đã khiến Ngài trở thành Đầu của Thánh đoàn tinh thần, Đấng đã điều hành sự xuất hiện của Thiên Giới và thiết lập Ngài thành Chân sư của mọi Chân sư và Huấn sư của thiên thần và loài người, tâm thức của Ngài hoàn toàn là một với Thiên Cơ; việc áp dụng Thiên Cơ ấy trên Trái Đất và mục tiêu của nó là thiết lập Thiên Giới và sự xuất hiện của giới thứ năm trong thiên nhiên đối với Ngài đơn giản chỉ là sự hoàn tất quy luật, và toàn bộ đời sống của Ngài đã và đang được điều chỉnh hướng về sự hoàn tất ấy.

The Plan, its goal, its techniques and its laws, its energy (that of love) and the close and growing relation between the spiritual Hierarchy and humanity were known to him, and fully understood. At the highest

Thiên Cơ, mục tiêu của nó, các kỹ thuật và các định luật của nó, năng lượng của nó (năng lượng của bác ái), và mối liên hệ gần gũi và ngày càng tăng giữa Thánh đoàn tinh thần và nhân loại đều đã được Ngài biết đến

point of this consummated knowledge and at the moment of His complete surrender to the necessary sacrifice of His life to the fulfilling of this Plan, suddenly a great expansion of consciousness took place. The significance, the intention, the purpose of it all, and the comprehensive divine Idea (as it existed in the mind of the Father) [26] dawned upon His soul—not on His mind, for the revelation was far greater than that. He saw still further into the meaning of divinity than had ever before seemed possible; the world of meaning and the world of phenomena faded out and—esoterically speaking—He lost His all. For the time being, neither the energy of the creative mind nor the energy of love were left to Him. He was bereft of all that had made life bearable and full of meaning. A new type of energy became available—the energy of life itself, imbued with purpose and actuated by intention. But it was new and unknown and hitherto unrealised. For the first time, the relation of the will which had hitherto expressed itself in His life through love and the creative work of inaugurating the new dispensation became clear to Him. At this point, He passed through the Gethsemane of renunciation. The greater, the larger and the more inclusive was revealed to Him and all that hitherto seemed so vital and important was lost to sight in the greater vision. It is this living realisation of Being and of identification with the divine intention of God Himself, the Father, the Lord of the World upon levels of awareness of which we know nothing (as yet) which constituted the unfolding awareness of the Christ upon the Way of the Higher Evolution. This Way He treads today and He began to tread it in Palestine two thousand years ago. He knew, in a sense hitherto unknown to Him, what God intended and what human destiny meant, and the part that He had to play in the working out of that destiny. We have

và hoàn toàn thấu hiểu. Ở điểm cao nhất của tri thức viên mãn này và vào lúc Ngài hoàn toàn hiến dâng cho sự hy sinh cần thiết của đời mình để hoàn tất Thiên Cơ này, đột nhiên một sự mở rộng lớn lao của tâm thức đã diễn ra. Thâm nghĩa, ý hướng, mục đích của toàn bộ điều đó, và Ý Tưởng thiêng liêng bao quát (như nó hiện hữu trong tâm trí của Đức Cha) [26] ló rạng trên linh hồn Ngài—không phải trên trí tuệ của Ngài, vì sự mặc khải còn lớn lao hơn thế nhiều. Ngài nhìn xa hơn nữa vào ý nghĩa của thiên tính so với bất cứ điều gì trước đây từng có vẻ khả hữu; thế giới của ý nghĩa và thế giới hiện tượng mờ dần đi và—nói theo nội môn—Ngài mất đi tất cả. Trong một thời gian, cả năng lượng của trí tuệ sáng tạo lẫn năng lượng của bác ái đều không còn lại cho Ngài. Ngài bị tước mất mọi điều đã làm cho đời sống có thể chịu đựng được và đầy ý nghĩa. Một loại năng lượng mới trở nên khả dụng—năng lượng của chính sự sống, *được thấm nhuần mục đích và được thúc đẩy bởi ý hướng*. Nhưng nó mới mẻ và chưa được biết đến, và từ trước đến nay chưa từng được chứng nghiệm. Lần đầu tiên, mối liên hệ của ý chí—vốn cho đến lúc ấy đã biểu lộ trong đời sống Ngài qua bác ái và công việc sáng tạo là khai mở kỷ nguyên mới—trở nên rõ ràng đối với Ngài. Tại điểm này, Ngài đã đi qua Gethsemane của sự từ bỏ. Điều lớn hơn, rộng hơn và bao gồm hơn đã được mặc khải cho Ngài, và tất cả những gì trước đây dường như quá sống còn và quan trọng đều mất hút trong linh thị lớn lao hơn. Chính sự chứng nghiệm sống động này về Bản Thể và về sự đồng hoá với ý định thiêng liêng của chính Thượng đế, Đức Cha, Đức Chúa Tể Thế Giới trên những cấp độ nhận biết mà chúng ta chưa biết gì (cho đến nay), đã cấu thành sự nhận biết đang khai mở của Đức Christ trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu. Con Đường này Ngài đang bước đi ngày nay và Ngài đã bắt đầu bước đi tại Palestine hai ngàn năm trước. Theo một ý nghĩa trước đây chưa từng được biết đến với

paid little attention down the centuries of human thinking to Christ's reaction to His own destiny, as it affected the human. We have paid small attention to the aspect of His reaction to knowledge, as it unfolded itself to [27] Him. We have been selfish and grasping in our reaction to His work and sacrifice.

Ngài, Ngài *đã biết* Thượng đế dự định điều gì và định mệnh nhân loại có nghĩa là gì, cũng như phần việc mà Ngài phải đảm nhận trong việc triển khai định mệnh ấy. Qua nhiều thế kỷ suy tưởng của nhân loại, chúng ta ít chú ý đến phản ứng của Đức Christ đối với chính định mệnh của Ngài, trong chừng mực nó ảnh hưởng đến con người. Chúng ta cũng ít chú ý đến phương diện phản ứng của Ngài trước tri thức, khi nó tự khai mở [27] cho Ngài. Chúng ta đã ích kỷ và tham cầu trong phản ứng của mình đối với công việc và sự hy sinh của Ngài.

The word to "know" (in relation to the initiate-consciousness of the Christ and of still lesser initiates) concerns the certainty of the knowledge the initiate has gained through experiment, experience and expression. The first faint tremor of reaction to monadic "destiny" and to the widespread universal influence a Son of God can exert makes itself felt in the consciousness of the Christ—as it will in the consciousness of all those who obey His injunction and arrive at the perfection which He pointed out as possible. The highest divine quality or aspect now makes itself felt in the life of the progressing Son of God; He knows the meaning of intelligence; He realises the significance of love and its attractive quality. Now—because of these two recognitions—He becomes aware of the potency of will and of the reality of the divine intention which that will must (at any cost) implement. This was the major crisis of the Christ.

Từ *"biết"* (liên hệ đến tâm thức của điểm đạo đồ nơi Đức Christ và nơi các điểm đạo đồ thấp hơn nhiều) liên quan đến sự chắc chắn của tri thức mà điểm đạo đồ đã đạt được qua thử nghiệm, kinh nghiệm và biểu lộ. Sự rung động mơ hồ đầu tiên của phản ứng đối với "định mệnh" chân thần và đối với ảnh hưởng phổ quát rộng lớn mà một Con của Thượng đế có thể tác động bắt đầu được cảm nhận trong tâm thức của Đức Christ—cũng như nó sẽ được cảm nhận trong tâm thức của tất cả những ai vâng theo lời huấn thị của Ngài và đạt đến sự toàn thiện mà Ngài đã chỉ ra là khả hữu. Phẩm tính hay phương diện thiêng liêng cao nhất nay bắt đầu được cảm nhận trong đời sống của Con của Thượng đế đang tiến bước; Ngài biết ý nghĩa của trí tuệ; Ngài chứng nghiệm thâm nghĩa của bác ái và phẩm tính hấp dẫn của nó. Giờ đây—do hai sự nhận biết này—Ngài trở nên ý thức được quyền năng của ý chí và thực tại của ý định thiêng liêng mà ý chí ấy phải (bằng bất cứ giá nào) thực hiện. Đây là cuộc khủng hoảng lớn của Đức Christ.

There are in the Gospel story (as testimony to this divinely progressing unfoldment) four recorded moments wherein this universal or monadic realisation showed

Trong câu chuyện Phúc Âm có bốn thời điểm được ghi lại mà trong đó sự chứng nghiệm phổ quát hay chân thần này đã biểu lộ, như là bằng chứng cho sự khai mở tiến triển một

itself. Let us look at each one of them for a moment:

1. There is, first of all, His statement to His parents in the Temple, "Wist ye not that I must be about my Father's business?" We should note here that He was twelve years old at the time and, therefore, the work with which He had been occupied (as a soul) was finished; twelve is the number of completed work, as witness the twelve labours of Hercules, another Son of God. The symbolism of His twelve years is now replaced by that of the twelve apostles, the symbol of service and sacrifice. He was also in the Temple of Solomon, which is the symbol [28] of the perfect life of the soul, just as the Tabernacle in the wilderness is the symbol of the imperfect ephemeral life of the transient personality; Christ was, therefore, speaking on soul levels and not only as the spiritual man on Earth. He was also serving, when He spoke these words, as a working Member of the Spiritual Hierarchy, for He was found by His parents teaching the priests, the Pharisees and the Sadducees. These points all indicate His recognition of His work as a World Teacher, becoming conscious, for the first time in His physical brain, of divine intention or of the divine will.

2. Next comes His statement to His disciples: "I must go up to Jerusalem," after which we read that He "steadfastly set His face to go" to that city. This was the intimation to them that He now had a new objective. The only place of complete "peace" (which is the meaning of the name "Jerusalem") is the "centre where the will of God is known." The spiritual Hierarchy of our planet (the invisible Church of Christ) is not a centre of peace but a very vortex of loving activity, the

cách thiêng liêng ấy. Chúng ta hãy xem xét từng điểm một trong chốc lát:

1. Trước hết là lời tuyên bố của Ngài với cha mẹ trong Đền Thờ: "Cha mẹ há chẳng biết rằng con phải lo việc của Cha con sao?" Ở đây chúng ta nên lưu ý rằng khi ấy Ngài mười hai tuổi và vì vậy công việc mà Ngài đã bận tâm (với tư cách linh hồn) đã hoàn tất; mười hai là con số của công việc hoàn thành, như được chứng thực qua mười hai kỳ công của Hercules, một Con của Thượng đế khác. Biểu tượng của mười hai năm đời Ngài nay được thay thế bằng biểu tượng của mười hai tông đồ, biểu tượng của phụng sự và hy sinh. Ngài cũng đang ở trong Đền Thờ Solomon, vốn là biểu tượng [28] của đời sống hoàn hảo của linh hồn, cũng như Nhà Tạm trong hoang địa là biểu tượng của đời sống bất toàn, phù du của phàm ngã thoáng qua; vì vậy Đức Christ đang nói trên các cấp độ linh hồn chứ không chỉ như con người tinh thần trên Trái Đất. Khi nói những lời ấy, Ngài cũng đang phụng sự với tư cách một Thành viên hoạt động của Thánh đoàn, vì cha mẹ Ngài đã thấy Ngài đang giảng dạy cho các tư tế, Pharisee và Sadducee. Tất cả những điểm này đều cho thấy sự nhận biết của Ngài về công việc của mình như Đức Chưởng Giáo, lần đầu tiên trở nên ý thức trong bộ não thể xác của Ngài về ý định thiêng liêng hay về Ý Chí thiêng liêng.

2. Tiếp theo là lời tuyên bố của Ngài với các đệ tử: "Ta phải lên Jerusalem," sau đó chúng ta đọc thấy rằng Ngài "quyết chí hướng mặt đi" đến thành ấy. Đây là dấu hiệu cho họ biết rằng nay Ngài có một mục tiêu mới. Nơi duy nhất của "bình an" trọn vẹn (đó là ý nghĩa của tên "Jerusalem") là "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế." Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta (Giáo hội vô hình của Đức Christ) không phải là một trung tâm bình an mà là một xoáy lốc của hoạt động

meeting place of energies coming from the centre of the divine will, and from humanity, the centre of divine intelligence. Christ had oriented Himself to that divine centre which has, in the ancient Scriptures, been called the "place of serene determination and of poised, quiescent will." This statement marked a point of crisis and of determination in the life of Christ, and proved His progress towards divine fulfilment.

bác ái, nơi gặp gỡ của các năng lượng đến từ trung tâm của ý chí thiêng liêng và từ nhân loại, trung tâm của trí tuệ thiêng liêng. Đức Christ đã chỉnh hợp chính mình với trung tâm thiêng liêng ấy, trung tâm mà trong các Kinh điển cổ xưa đã được gọi là "nơi của quyết tâm tĩnh lặng và của ý chí quân bình, an nhiên." Lời tuyên bố này đánh dấu một điểm khủng hoảng và quyết tâm trong đời sống của Đức Christ, và chứng tỏ sự tiến bộ của Ngài hướng tới sự hoàn tất thiêng liêng.

3. Then in the Garden of Gethsemane He said, "Father, not My will but Thine be done," thus indicating His realisation of divine destiny. The meaning of these words is not (as is so often stated by Christian [29] theologians) a statement of acceptance of pain and of an unpleasant future and of death. It was an exclamation, evoked surely by His realisation of the universal implications of His mission and the intense focussing of His life in a universal sense. The Gethsemane experience was an experience uniquely possible only to those Sons of God Who have reached His rare point in evolution; it had no real relation to the Crucifixion episode, as the orthodox commentators emphasise.

3. Rồi trong Vườn Gethsemane Ngài nói: "Lạy Cha, xin đừng theo ý Con mà theo Ý Cha," qua đó cho thấy sự nhận biết của Ngài về định mệnh thiêng liêng. Ý nghĩa của những lời này không phải là (như các nhà thần học Cơ Đốc [29] thường nói) một lời chấp nhận đau đớn và một tương lai khó chịu cùng cái chết. Đó là một tiếng kêu, chắc chắn được gợi ra bởi sự nhận biết của Ngài về những hàm ý phổ quát của sứ mệnh mình và sự tập trung mãnh liệt của đời sống Ngài theo nghĩa phổ quát. Kinh nghiệm Gethsemane là một kinh nghiệm chỉ độc nhất khả hữu đối với những Con của Thượng đế đã đạt đến điểm tiến hoá hiếm có của Ngài; nó không có liên hệ thực sự nào với giai đoạn Đóng Đinh, như các nhà chú giải chính thống nhấn mạnh.

4. The final words of the Christ to His apostles were, "Lo, I am with you all the days, even unto the end of the age" or cycle. (Matt. 28.20.) The important word is "end." The word used is the Greek "sun-teleia," which means the end of the time period, with another immediately following after (what would be called the end of a cycle). In Greek the final end is another word "telos." In Matt. 24.6, "but the end is not yet," the other word telos is used for it means "the end of the first period has not yet been reached." Here He was speaking as the Head

4. Những lời cuối cùng của Đức Christ với các tông đồ là: "Này, Ta ở cùng các con mọi ngày cho đến cuối thời đại" hay cuối chu kỳ. (Matt. 28.20.) Từ quan trọng là "cuối." Từ được dùng là tiếng Hy Lạp "sun-teleia," có nghĩa là sự kết thúc của một thời kỳ, và ngay sau đó là một thời kỳ khác tiếp nối (điều sẽ được gọi là sự kết thúc của một chu kỳ). Trong tiếng Hy Lạp, sự chấm dứt cuối cùng là một từ khác, "telos." Trong Matt. 24.6, "nhưng sự cuối cùng vẫn chưa đến," từ kia là *telos* được dùng vì nó có nghĩa là "sự kết thúc của thời kỳ thứ nhất vẫn chưa đạt tới." Ở đây

of the spiritual Hierarchy and expressing His divine will (at-one now with the will of God) to inform and pervade continuously the world of men with His overshadowing consciousness. It was a tremendous affirmation, sent forth upon the energy of His developed will, His all-inclusive love and His intelligent mind. This affirmation has made all things possible.

Ngài đang nói với tư cách là Đầu của Thánh đoàn tinh thần và biểu lộ ý chí thiêng liêng của Ngài (nay đã là một với Ý Chí của Thượng Đế) để liên tục thấm nhuần và bao trùm thế giới loài người bằng tâm thức phủ bóng của Ngài. Đó là một sự khẳng định to lớn, được phát ra trên năng lượng của ý chí đã phát triển của Ngài, bác ái bao gồm tất cả của Ngài và trí tuệ thông minh của Ngài. Sự khẳng định này đã làm cho mọi sự trở nên khả hữu.

It was also to the magnetic power of the will that Christ referred when He said, "I, if I be lifted up, will draw all men unto Me." This had no reference to the crucifixion but to the magnetic will of the Christ to draw all men, through the life of the indwelling Christ in every heart, out of the world of material values into the world of spiritual recognitions. It did not relate to death [30] but to life; it had no reference to the Cross but to the resurrection. In the past, the keynote of the Christian religion has been death, symbolised for us in the death of Christ and much distorted by St. Paul in his effort to blend the new religion which Christ brought with the old blood religion of the Jews. In the cycle which Christ will inaugurate after His reappearance, the goal of all the religious teaching in the world will be the resurrection of the spirit in mankind; the emphasis will be upon the livingness of the Christ nature in every human being, and upon the use of the will in bringing about this living transfiguration of the lower nature. The proof of it will be the risen Christ. This "Way of Resurrection" is the radiant Way, the lighted Way which leads from one great expression of divinity in man to another; it is the way which expresses the light of the intelligence, the radiant substance of true love, and the inflexible will which permits of no defeat or withdrawal.

Điều mà Đức Christ cũng đã nói đến chính là quyền năng từ tính của ý chí khi Ngài phán: "Ta, nếu được nâng lên, sẽ kéo mọi người đến với Ta." Điều này không hề ám chỉ sự đóng đinh trên thập giá mà ám chỉ ý chí từ tính của Đức Christ nhằm kéo mọi người, qua sự sống của Đức Christ nội tại trong mỗi trái tim, ra khỏi thế giới của các giá trị vật chất để đi vào thế giới của những nhận thức tinh thần. Điều ấy không liên hệ đến cái chết [30] mà đến sự sống; không liên hệ đến Thập Giá mà đến sự phục sinh. Trong quá khứ, chủ âm của tôn giáo Cơ Đốc là cái chết, được biểu tượng hóa cho chúng ta trong cái chết của Đức Christ và bị Thánh Paul làm sai lệch rất nhiều trong nỗ lực hòa trộn tôn giáo mới mà Đức Christ mang đến với tôn giáo máu huyết cũ của người Do Thái. Trong chu kỳ mà Đức Christ sẽ khai mở sau khi Ngài tái xuất hiện, mục tiêu của mọi giáo huấn tôn giáo trên thế giới sẽ là sự phục sinh của tinh thần trong nhân loại; trọng tâm sẽ đặt vào tính sống động của bản chất Christ trong mỗi con người, và vào *việc sử dụng ý chí để mang lại sự Biến hình sống động này* cho bản chất thấp. Bằng chứng của điều đó sẽ là Đức Christ phục sinh. "Con Đường Phục Sinh" này là Con Đường rạng ngời, Con Đường được Soi Sáng dẫn từ một biểu hiện lớn của thiên tính trong con người đến một biểu hiện khác; đó là con đường biểu lộ ánh sáng của trí tuệ, chất liệu rạng ngời của bác ái chân chính, và ý chí bất khuất không cho phép thất bại hay

These are the characteristics which will be declarative of the Kingdom of God.

Today, humanity stands at a peculiar and unique middle point, between an unhappy past and a future which is full of promise if the reappearance of the Christ is recognised and preparation for His coming is undertaken. The present is full of promise and also full of difficulty; in the hands of human beings today and in the immediate present, lies the destiny of the world and—if it may be reverently said—the immediate activity of the Christ. The agony of the war, and the distress of the entire human family led Christ, in the year 1945, to come to a great decision—a decision which found expression in two most important statements. He announced to the assembled spiritual Hierarchy and to all His servants and disciples on Earth that He had decided to emerge again into physical contact with humanity, if they would bring [31] about the initial stages of establishing right human relations; secondly, He gave to the world (for the use of the "man in the street") one of the oldest prayers ever known, but one which hitherto had not been permitted to be used except by the most exalted, spiritual Beings. He used it Himself for the first time, we are told, at the time of the Full Moon of June, 1945, which is recognised as the Full Moon of the Christ, just as the Full Moon of May is that of the Buddha. It was not easy to translate these ancient phrases (so ancient that they are without date or background of any kind) into modern words, but it has been done, and the great Invocation, which may eventually become the world prayer, was pronounced by Him and taken down by His disciples. It has been translated as follows:

thoái lui. Đó là những đặc tính sẽ tuyên xưng Thiên Giới.

Ngày nay, nhân loại đang đứng tại một điểm ở giữa đặc biệt và độc nhất, giữa một quá khứ bất hạnh và một tương lai đầy hứa hẹn nếu sự tái xuất hiện của Đức Christ được nhìn nhận và việc chuẩn bị cho sự quang lâm của Ngài được thực hiện. Hiện tại đầy hứa hẹn nhưng cũng đầy khó khăn; chính trong tay con người ngày nay và trong hiện tại trước mắt có vận mệnh của thế giới và—nếu có thể cung kính mà nói—cả hoạt động trước mắt của Đức Christ. Nỗi thống khổ của chiến tranh, và sự đau đớn của toàn thể gia đình nhân loại đã khiến Đức Christ, vào năm 1945, đi đến một quyết định lớn—một quyết định được biểu lộ trong hai tuyên bố hết sức quan trọng. Ngài công bố với Thánh Đoàn tinh thần đang hội họp và với tất cả các tôi tớ và đệ tử của Ngài trên Trái Đất rằng Ngài đã quyết định lại xuất hiện trong sự tiếp xúc hồng trần với nhân loại, *nếu* họ mang lại [31] những giai đoạn đầu của việc thiết lập các mối tương quan đúng đắn giữa người với người; thứ hai, Ngài ban cho thế giới (để "người bình thường" sử dụng) một trong những lời cầu nguyện cổ xưa nhất từng được biết đến, nhưng cho đến nay chưa được phép dùng ngoại trừ bởi các Đấng tinh thần cao cả nhất. Chính Ngài đã dùng nó lần đầu tiên, như chúng ta được biết, vào lúc Trăng Tròn tháng Sáu năm 1945, được nhìn nhận là Trăng Tròn của Đức Christ, cũng như Trăng Tròn tháng Năm là của Đức Phật. Không dễ gì chuyển những cụm từ cổ xưa này (cổ xưa đến mức không có niên đại hay bất kỳ bối cảnh nào) sang ngôn từ hiện đại, nhưng điều đó đã được thực hiện, và Đại Khấn Nguyện, vốn cuối cùng có thể trở thành lời cầu nguyện của thế giới, đã được Ngài xướng lên và được các đệ tử của Ngài ghi lại. Nó đã được dịch như sau:

From the point of Light within the Mind of God

Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế

Let light stream forth into the minds of men.

Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người

Let Light descend on Earth.

Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian

From the point of Love within the Heart of God

Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế

Let love stream forth into the hearts of men.

Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người

May Christ return to Earth.

Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian

From the centre where the Will of God is known

Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế

Let purpose guide the little wills of men—

Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người

The purpose which the Masters know and serve.

Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự

From the centre which we call the race of men

Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người

Let the Plan of Love and Light work out.

Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi

And may it seal the door where evil dwells.

Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác

Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.

Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian

Its extraordinary potency can be seen in the fact that hundreds of thousands of people are already using it day by day and many times a day; it is (1947) translated [32] into eighteen different languages and used by

Hiệu lực phi thường của nó có thể thấy qua sự kiện là hàng trăm ngàn người đã dùng nó mỗi ngày và nhiều lần trong ngày; nó đã được (1947) dịch [32] sang mười tám ngôn ngữ khác nhau và được dùng bởi người nói

people in all those languages; in the jungles of Africa, groups of natives are using it and it can be seen on the desks of great executives in our major cities; it goes forth over the radio in Europe and in America and there is no country or island in the world where its use is unknown. All this has taken place in the space of eighteen months.

tất cả những ngôn ngữ ấy; trong các khu rừng Phi Châu, những nhóm thổ dân đang dùng nó và người ta có thể thấy nó trên bàn làm việc của các nhà điều hành lớn trong những thành phố lớn của chúng ta; nó được phát qua đài phát thanh ở Âu Châu và Mỹ Châu, và không có quốc gia hay hòn đảo nào trên thế giới mà việc sử dụng nó lại không được biết đến. Tất cả điều này đã diễn ra trong vòng mười tám tháng.

This new Invocation, if given widespread distribution, can be to the new world religion what the Lord's Prayer has been to Christianity and the 23rd Psalm has been to the spiritually minded Jew. There are three approaches to this great Prayer or Invocation:

Khấn Nguyện mới này, nếu được phổ biến rộng rãi, có thể đối với tôn giáo thế giới mới giống như Kinh Lạy Cha đối với Cơ Đốc giáo và Thánh Vịnh 23 đối với người Do Thái có khuynh hướng tinh thần. Có ba cách tiếp cận đối với Lời Cầu Nguyện hay Khấn Nguyện vĩ đại này:

1. That of the general public.

1. Cách tiếp cận của công chúng nói chung.

2. That of the esotericists, or of the aspirants and the disciples of the world.

2. Cách tiếp cận của các nhà bí truyền học, hay của những người chí nguyện và các đệ tử của thế giới.

3. That of the Members of the Hierarchy.

3. Cách tiếp cận của các Thành Viên của Thánh Đoàn.

First, the general public will regard it as a prayer to God Transcendent. They will not recognise Him yet as immanent in His creation; they will send it forth on the wings of hope—hope for light and love and peace, for which they ceaselessly long. They will also regard it as a prayer for the enlightenment of all rulers and leaders in all groups who are handling world matters; as a prayer for the inflow of love and understanding among men, so that they may live in peace with one another; as a demand for the working out of the will of God—a will of which they can know nothing and which ever seems to them so inscrutable and so all-inclusive that their normal

Thứ nhất, *công chúng nói chung* sẽ xem đó như một lời cầu nguyện dâng lên Thượng đế Siêu Việt. Họ chưa nhận ra Ngài là Đấng nội tại trong tạo vật của Ngài; họ sẽ gửi nó đi trên đôi cánh của hy vọng—hy vọng về ánh sáng, bác ái và hòa bình, những điều mà họ không ngừng khát khao. Họ cũng sẽ xem đó như một lời cầu nguyện cho sự soi sáng của mọi nhà cai trị và lãnh đạo trong mọi nhóm đang xử lý các vấn đề thế giới; như một lời cầu nguyện cho dòng tuôn đổ của bác ái và thấu hiểu giữa người với người, để họ có thể sống hòa bình với nhau; như một lời yêu cầu cho việc thực hiện ý chí của Thượng đế—một ý chí mà họ không thể biết gì và luôn dường như đối với họ quá khó dò và quá bao

reaction is patience and a willingness to refrain from questioning; as a prayer for the strengthening of human responsibility in order that the recognised evils of today—which so distress and [33] trouble mankind—may be done away with and some vague source of evil may be harnessed. They will regard it finally as a prayer that some equally vague primeval condition of blissful happiness may be restored and all unhappiness and pain disappear from the earth. This is, for them, entirely good and helpful and all that is immediately possible.

gồm đến nỗi phản ứng bình thường của họ là kiên nhẫn và sẵn lòng không chất vấn; như một lời cầu nguyện cho sự tăng cường trách nhiệm của con người để những điều ác đã được nhìn nhận của ngày nay—những điều đang làm nhân loại đau đớn và [33] khổ sở—có thể bị loại bỏ và một nguồn gốc mơ hồ nào đó của điều ác có thể bị chế ngự. Cuối cùng, họ sẽ xem đó như một lời cầu nguyện để một trạng thái nguyên sơ mơ hồ nhưng hạnh phúc chí phúc nào đó có thể được phục hồi và mọi bất hạnh cùng đau đớn biến mất khỏi trái đất. Đối với họ, điều này hoàn toàn tốt đẹp, hữu ích và là tất cả những gì có thể ngay lúc này.

Secondly, esotericists, aspirants and spiritually minded people will have a deeper and more understanding approach. To them it will convey the recognition of the world of causes and of Those Who stand subjectively behind world affairs, the spiritual Directors of our life. They stand ready to strengthen those with true vision, ready to indicate not only the reason for events in the various departments of human living, but also to make those revelations which will enable humanity to move forward out of darkness into light. With this fundamental attitude, the necessity for a widespread expression of these underlying facts will be apparent and an era of spiritual propaganda, engineered by disciples and carried forward by esotericists, will mature. This era began in 1875 when the fact of the existence of the Masters of the Wisdom was proclaimed. It has been carried forward in spite of misrepresentation, attack upon the concept, and scorn. Recognition of the substantial nature of the available evidence and the appearance of an intuitive response by occult students and many of the intelligentsia throughout the world has been helpful.

Thứ hai, *các nhà bí truyền học, những người chí nguyện và những người có khuynh hướng tinh thần* sẽ có một cách tiếp cận sâu sắc hơn và thấu hiểu hơn. Đối với họ, nó sẽ chuyển tải sự nhìn nhận về thế giới của các nguyên nhân và về những Đấng đứng phía sau các sự vụ thế giới một cách chủ quan, các Đấng Chỉ Đạo tinh thần của đời sống chúng ta. Các Ngài sẵn sàng tăng cường cho những ai có tầm nhìn chân chính, sẵn sàng chỉ ra không chỉ lý do của các biến cố trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống con người, mà còn đưa ra những mặc khải giúp nhân loại tiến lên từ bóng tối vào ánh sáng. Với thái độ căn bản này, sự cần thiết của một sự biểu đạt rộng rãi các sự kiện nền tảng ấy sẽ trở nên hiển nhiên và một kỷ nguyên tuyên truyền tinh thần, do các đệ tử điều động và được các nhà bí truyền học tiếp tục, sẽ chín muồi. Kỷ nguyên này bắt đầu vào năm 1875 khi sự kiện về sự hiện hữu của các Chân sư Minh Triết được công bố. Nó đã được tiếp tục bất chấp sự xuyên tạc, sự công kích vào khái niệm ấy, và sự khinh miệt. Việc nhìn nhận tính vững chắc của bằng chứng sẵn có và sự xuất hiện của một đáp ứng trực giác nơi các đạo sinh huyền bí học cùng nhiều người trí thức trên khắp thế giới đã là điều hữu ích.

A new type of mystic is coming to be recognised; he differs from the mystics of the past by his practical interest in current world affairs and not in religious and church matters only; he is distinguished by his lack of interest in his own personal development, by his ability to see God immanent in all faiths and not just in his own [34] particular brand of religious belief, and also by his capacity to live his life in the light of the divine Presence. All mystics have been able to do this to a greater or less degree, but the modern mystic differs from those in the past in that he is able clearly to indicate to others the techniques of the Path; he combines both head and heart, intelligence and feeling, plus an intuitive perception, hitherto lacking. The clear light of the Spiritual Hierarchy now illumines the way of the modern mystic, and not simply the light of his own soul; this will be increasingly the case.

Một loại nhà thần bí mới đang được nhìn nhận; y khác với các nhà thần bí trong quá khứ bởi mối quan tâm thực tiễn của y đối với các sự vụ thế giới hiện tại chứ không chỉ đối với các vấn đề tôn giáo và giáo hội; y nổi bật bởi sự thiếu quan tâm đến sự phát triển cá nhân của chính mình, bởi khả năng thấy Thượng đế nội tại trong mọi đức tin chứ không chỉ trong [34] dạng tín ngưỡng tôn giáo riêng của mình, và cũng bởi năng lực sống cuộc đời mình trong ánh sáng của Hiện Diện thiêng liêng. Mọi nhà thần bí đều đã có thể làm điều này ở mức độ nhiều hay ít, nhưng nhà thần bí hiện đại khác với những người trong quá khứ ở chỗ *y có thể chỉ ra rõ ràng cho người khác các kỹ thuật của Con Đường*; y kết hợp cả đầu óc lẫn trái tim, trí tuệ và cảm xúc, cộng thêm một linh thị trực giác vốn trước đây còn thiếu. Ánh sáng rõ ràng của Thánh đoàn tinh thần hiện nay soi sáng con đường của nhà thần bí hiện đại, chứ không chỉ đơn thuần là ánh sáng của linh hồn riêng y; điều này sẽ ngày càng đúng hơn.

Thirdly, both of these groups—the general public and the world aspirants in their varying degrees—have, among them those who stand out from the general average as possessing a deeper insight and understanding; they occupy a no-man's-land, intermediate on the one hand between the masses and the esotericists and, on the other, between the esotericists and the Members of the Hierarchy. Forget not, They also use this great Invocation and that not a day goes by that the Christ Himself does not sound it forth.

Thứ ba, cả hai nhóm này—công chúng nói chung và những người chí nguyện của thế giới ở các cấp độ khác nhau—đều có trong số họ những người nổi bật hơn mức trung bình chung vì sở hữu sự thấu suốt và thấu hiểu sâu sắc hơn; họ chiếm một vùng đất không thuộc về ai, ở vị trí trung gian một mặt giữa quần chúng và các nhà bí truyền học, và mặt khác giữa các nhà bí truyền học và các Thành Viên của Thánh Đoàn. Đừng quên rằng Các Ngài cũng sử dụng Đại Khấn Nguyện này và rằng *không một ngày nào trôi qua mà chính Đức Christ lại không xướng nó lên.*

On the surface, the beauty and the strength of this Invocation lie in its simplicity and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally,

Xét bề ngoài, vẻ đẹp và sức mạnh của Khấn Nguyện này nằm ở tính đơn giản của nó và ở sự biểu đạt một số chân lý trung tâm mà mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường,

accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that, behind all outer seeming, the motivating power of the universe is love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the will of God, and finally the self-evident truth that only through humanity itself can the divine Plan work out.

đều chấp nhận—chân lý về sự hiện hữu của một Trí Tuệ căn bản mà chúng ta mơ hồ gọi là *Thượng đế*; chân lý rằng, đằng sau mọi vẻ bề ngoài, động lực thúc đẩy của vũ trụ là *bác ái*; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trái đất, được các tín đồ Cơ Đốc gọi là *Đức Christ*, và đã hiện thân bác ái ấy để chúng ta có thể hiểu được; chân lý rằng cả bác ái lẫn trí tuệ đều là những hiệu quả của điều được gọi là *ý chí* của Thượng đế, và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua *nhân loại* mà thôi Thiên Cơ thiêng liêng mới có thể được thực hiện.

[35]

[35]

This Plan calls mankind to the expression of Love and challenges men to "let their light shine." Then comes the final solemn demand that this Plan of Love and Light, working through mankind, may "seal the door where evil dwells." The final line then contains the idea of restoration, indicating the keynote for the future and that the day will come when God's original idea and His initial intention will no longer be frustrated by human free will and evil—pure materialism and selfishness; the divine purpose will then, through the changed hearts and goals of humanity, be achieved.

Thiên Cơ này kêu gọi nhân loại biểu lộ Bác ái và thách thức con người "hãy để ánh sáng của mình chiếu soi." Rồi đến lời yêu cầu long trọng cuối cùng rằng Thiên Cơ của Bác ái và Ánh sáng này, hoạt động qua nhân loại, có thể "đóng kín cửa vào nẻo ác." Dòng cuối cùng khi ấy chứa đựng *ý tưởng về sự phục hồi*, chỉ ra chủ âm cho tương lai và rằng ngày sẽ đến khi ý tưởng nguyên thủy của Thượng đế và ý định ban đầu của Ngài không còn bị ý chí tự do của con người và điều ác—chủ nghĩa duy vật thuần túy và tính ích kỷ—làm cản trở nữa; khi ấy mục đích thiêng liêng sẽ được hoàn thành qua những trái tim và mục tiêu đã đổi thay của nhân loại.

This is the obvious and simple meaning and it ties in with the spiritual aspiration of all men everywhere.

Đó là ý nghĩa hiển nhiên và đơn giản, và nó hòa hợp với khát vọng tinh thần của mọi người ở khắp nơi.

The use of this Invocation or Prayer and the rising expectancy of the coming of the Christ hold out the greatest hope for mankind today. If this is not so, then prayer is no use and only an hallucination, and the Scriptures of the world, with their proved forecasting. are useless and deceiving. The testimony of the ages proves that none of

Việc sử dụng Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện này và niềm mong đợi ngày càng dâng cao về sự quang lâm của Đức Christ đem lại niềm hy vọng lớn lao nhất cho nhân loại ngày nay. Nếu không phải vậy, thì lời cầu nguyện là vô ích và chỉ là một ảo giác, còn các Thánh Kinh của thế giới, với khả năng tiên báo đã được chứng minh của chúng, đều

this is so. Prayer always is answered and always has been; great Sons of God have ever come on humanity's demand and always will, and He for Whom all men wait today is on His way.

vô dụng và lừa dối. Chứng từ của các thời đại chứng minh rằng *không điều nào trong số đó là đúng*. Lời cầu nguyện luôn luôn được đáp ứng và xưa nay vẫn vậy; các Con vĩ đại của Thượng đế luôn luôn xuất hiện theo lời kêu gọi của nhân loại và sẽ luôn như thế, và Đấng mà mọi người ngày nay đang chờ đợi *đang* trên đường đến.

CHAPTER THREE - THE REAPPEARANCE OF THE CHRIST — CHƯƠNG BA - SỰ TÁI XUẤT HIỆN CỦA ĐỨC CHRIST

World Expectancy

Sự Mong Đợi của Thế Giới

[36]

[36]

God Transcendent, greater, vaster and more inclusive than His created world, is universally recognised and has been generally emphasised; all faiths can say with Shri Krishna (speaking as God, the Creator) that "having pervaded the whole universe with a fragment of Myself, I remain." This God Transcendent has dominated the religious thinking of millions of simple and spiritually minded people down the centuries which have elapsed since humanity began to press forward towards divinity.

Thượng đế Siêu Việt, vĩ đại hơn, bao la hơn và bao gồm hơn thế giới do Ngài tạo ra, được nhìn nhận một cách phổ quát và thường được nhấn mạnh; mọi đức tin đều có thể nói cùng Shri Krishna (nói với tư cách là Thượng đế, Đấng Sáng Tạo) rằng "sau khi thấm nhuần toàn thể vũ trụ bằng một mảnh của Chính Ta, Ta vẫn tồn tại." Thượng đế Siêu Việt này đã chi phối tư tưởng tôn giáo của hàng triệu người đơn sơ và có khuynh hướng tinh thần qua những thế kỷ đã trôi qua kể từ khi nhân loại bắt đầu thúc đẩy tiến về thiên tính.

Slowly, there is dawning upon the awakening consciousness of humanity, the great paralleling truth of God Immanent—divinely "pervading" all forms, conditioning from within all kingdoms in nature, expressing innate divinity through human beings and—two thousand years ago—portraying the nature of that divine Immanence in the Person of the Christ. Today, as an outcome of this unfolding divine Presence, there is entering into the minds of men everywhere a new concept: that of "Christ in us, the hope of glory." (Col. 1.27.) There is a growing and developing belief that Christ is in us, as He was in the Master Jesus, and this belief will alter world affairs and mankind's entire attitude to life.

Chậm rãi, chân lý song hành vĩ đại về Thượng đế Nội Tại đang ló rạng trong tâm thức đang thức tỉnh của nhân loại—Ngài "thấm nhuần" một cách thiêng liêng mọi hình tướng, tác động từ bên trong lên mọi giới trong thiên nhiên, biểu lộ thiên tính bẩm sinh qua con người và—hai ngàn năm trước—khắc họa bản chất của sự Nội Tại thiêng liêng ấy trong Con Người của Đức Christ. Ngày nay, như một kết quả của Hiện Diện thiêng liêng đang khai mở này, một khái niệm mới đang đi vào tâm trí con người ở khắp nơi: đó là "Đức Christ trong chúng ta, niềm hy vọng của vinh quang." (Col. 1.27.) Một niềm tin đang lớn mạnh và phát triển rằng Đức Christ *ở* trong chúng ta, như Ngài đã ở trong Chân sư Jesus, và niềm tin này sẽ làm thay đổi các sự vụ thế giới cùng toàn bộ thái độ của nhân loại đối với cuộc sống.

The wonder of that life, lived two thousand years ago, is still with us and has lost none of its freshness; it is an eternal inspiration, hope, encouragement and example. The love He demonstrated still holds the thinking world [37] in thrall, even though relatively few have really attempted to demonstrate the same quality of love as He did—a love that leads unerringly to world service, to complete self-forgetfulness and to radiant, magnetic living. The words He spoke were few and simple and all men can understand them, but their significance has been largely lost in the intricate legalities and discussions of St. Paul, and in the lengthy disputation of theological commentators since Christ lived and left us—or apparently left us.

Điều kỳ diệu của cuộc đời ấy, đã được sống cách đây hai ngàn năm, vẫn còn ở với chúng ta và không mất đi chút tươi mới nào; đó là một nguồn cảm hứng, hy vọng, khích lệ và gương mẫu vĩnh cửu. Bác ái mà Ngài biểu lộ vẫn còn giữ thế giới những người biết suy nghĩ [37] trong sự say mê, dù tương đối ít người thực sự cố gắng biểu lộ cùng phẩm tính bác ái như Ngài đã làm—một bác ái dẫn một cách không sai lầm đến phụng sự thế giới, đến sự hoàn toàn quên mình và đến đời sống rạng ngời, từ tính. Những lời Ngài nói thì ít và đơn giản và mọi người đều có thể hiểu, nhưng thâm nghĩa của chúng phần lớn đã bị đánh mất trong những pháp lý phức tạp và các cuộc bàn luận của Thánh Paul, và trong những cuộc tranh biện dài dòng của các nhà chú giải thần học kể từ khi Đức Christ sống và rời bỏ chúng ta—hay dường như đã rời bỏ chúng ta.

Yet—today Christ is nearer to humanity than at any other time in human history; He is closer than the most aspiring and hopeful disciple knows, and can draw closer still if what is here written is understood and brought to the attention of men everywhere. For Christ belongs to humanity, to the world of men, and not alone to the churches and religious faiths throughout the world.

Tuy nhiên—ngày nay Đức Christ gần nhân loại hơn bất cứ thời điểm nào khác trong lịch sử loài người; Ngài gần hơn điều mà đệ tử chí nguyện và đầy hy vọng nhất biết, và còn có thể đến gần hơn nữa nếu điều được viết ở đây được thấu hiểu và được đưa đến sự chú ý của con người ở khắp nơi. Vì Đức Christ thuộc về nhân loại, thuộc về thế giới loài người, chứ không chỉ riêng các giáo hội và các đức tin tôn giáo trên khắp thế giới.

Around Him—in that High Place on Earth where He has His abiding place—are gathered today all His great Disciples, the Masters of the Wisdom, and all Those liberated Sons of God Who, down the ages, have passed from darkness to Light, from the unreal to the Real, and from death to Immortality. They stand ready to carry out His bidding and to obey Him, the Master of all the Masters and the Teacher alike of Angels and of men. The Exponents and the Representatives of all the world faiths are

Quanh Ngài—tại Nơi Chốn Cao Cả ấy trên Trái Đất nơi Ngài có chỗ cư ngụ thường trực—ngày nay đang quy tụ tất cả các Đệ Tử Vĩ Đại của Ngài, các Chân sư Minh Triết, và tất cả những Con của Thượng đế đã được giải thoát, những Đấng qua các thời đại đã đi từ bóng tối đến Ánh sáng, từ cái không thực đến cái Thực, và từ cái chết đến Bất Tử. Các Ngài đứng sẵn để thi hành mệnh lệnh của Ngài và vâng phục Ngài, Chân sư của mọi Chân sư và là Huấn sư của cả Thiên thần lẫn loài người. Những Đấng Xiển Dương và Đại

there waiting, under His guidance, to reveal to all those who today struggle in the maelstrom of world affairs, and who seek to solve the world crisis, that they are not alone. God Transcendent is working through the Christ and the Spiritual Hierarchy to bring relief; God Immanent in all men is standing on the verge of certain stupendous Recognitions.

Diện của mọi đức tin trên thế giới đều ở đó chờ đợi, dưới sự hướng dẫn của Ngài, để mặc khải cho tất cả những ai ngày nay đang vật lộn trong cơn xoáy của các sự vụ thế giới, và đang tìm cách giải quyết cuộc khủng hoảng thế giới, rằng *họ không đơn độc*. Thượng đế Siêu Việt đang hoạt động qua Đức Christ và Thánh đoàn tinh thần để mang lại sự cứu trợ; Thượng đế Nội Tại trong mọi người đang đứng trên ngưỡng cửa của một số Nhận Thức vĩ đại.

The great Apostolic Succession of the Knowers of God is poised today for renewed activity—a succession [38] of Those Who have lived on Earth, accepted the fact of God Transcendent, discovered the reality of God Immanent, portrayed in Their own lives the divine characteristics of the Christ life and (because They lived on Earth as He did and does) have "entered for us within the veil, leaving us an example that we too should follow His steps" and Theirs. We too belong eventually in that great succession.

Dòng Kế Thừa Tông Truyền vĩ đại của các thức giả về Thượng đế ngày nay đang sẵn sàng cho hoạt động mới—một dòng kế thừa [38] của những Đấng đã sống trên Trái Đất, chấp nhận sự kiện về Thượng đế Siêu Việt, khám phá thực tại của Thượng đế Nội Tại, khắc họa trong chính đời sống của Các Ngài những đặc tính thiêng liêng của đời sống Christ và (bởi vì Các Ngài đã sống trên Trái Đất như Ngài đã và đang sống) đã "vào bên trong bức màn vì chúng ta, để lại cho chúng ta một tấm gương rằng chính chúng ta cũng nên bước theo dấu chân của Ngài" và của Các Ngài. Rốt cuộc, chính chúng ta cũng thuộc về dòng kế thừa vĩ đại ấy.

The Buddha Himself is standing behind the Christ in humble recognition of the divine task which He is on the verge of consummating, and because of the imminence of that spiritual accomplishment. Not only are all those who are functioning consciously in the Kingdom of God aware of His Plans, but those great spiritual Beings Who live and dwell in the "Father's House," in the "centre where the will of God is known," are also mobilised and organised to assist His work. The spiritual line of succession from the throne of the Ancient of Days down to the humblest disciple (gathered with others at the feet of

Chính Đức Phật đang đứng phía sau Đức Christ trong sự nhìn nhận khiêm cung đối với nhiệm vụ thiêng liêng mà Ngài sắp hoàn tất, và vì sự cận kề của thành tựu tinh thần ấy. Không chỉ tất cả những ai đang hoạt động một cách hữu thức trong Thiên Giới đều biết các Kế Hoạch của Ngài, mà cả những Đấng tinh thần vĩ đại sống và cư ngụ trong "Nhà Cha," trong "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế," cũng đang được huy động và tổ chức để trợ giúp công việc của Ngài. Dòng kế thừa tinh thần từ ngai của Đấng Thái Cổ xuống đến người đệ tử khiêm tốn nhất (đang cùng những người khác tụ họp dưới chân Đức Christ) ngày nay đều tập trung vào nhiệm vụ giúp đỡ nhân loại.

the Christ) is today focussed on the task of helping humanity.

The great moment for which He has so patiently waited has almost arrived; the "end of the age" to which He referred when speaking to His small group of disciples: "Lo! I am with you all the days even unto the end of the age" has come. Today He stands and waits, knowing that the hour has come when He will "see of the travail of His soul and be satisfied." (Is. LIII.11.)

Khoảnh khắc lớn lao mà Ngài đã kiên nhẫn chờ đợi gần như đã đến; "sự tận cùng của thời đại" mà Ngài đã nói đến khi nói với nhóm đệ tử nhỏ của mình: "Này! Ta ở cùng các con mọi ngày cho đến tận cùng thời đại" nay đã đến. Ngày nay Ngài đứng và chờ đợi, biết rằng giờ đã đến khi Ngài sẽ "thấy công lao của linh hồn mình và được thỏa nguyện." (Is. LIII.11.)

Right through the spiritual succession of the Sons of God, there is naught to be seen and felt but expectancy and preparation. "The Hierarchy waits." It has done all that is possible from the angle of the present opportunity. The Christ stands in patient silence, attentive to the effort that will make His work materialise on Earth [39] and enable Him to consummate the effort He made 2000 years ago in Palestine. The Buddha hovers over the planet, ready to play His part if the opportunity is offered to Him by mankind. Everything now depends upon the right action of the men of goodwill.

Suốt toàn bộ dòng kế thừa tinh thần của các Con của Thượng đế, không thấy và không cảm được gì ngoài sự mong đợi và chuẩn bị. *"Thánh Đoàn đang chờ đợi."* Thánh Đoàn đã làm tất cả những gì có thể từ góc độ của cơ hội hiện tại. Đức Christ đứng trong im lặng kiên nhẫn, chú tâm đến nỗ lực sẽ làm cho công việc của Ngài hiện hình trên Trái Đất [39] và giúp Ngài hoàn tất nỗ lực mà Ngài đã thực hiện 2000 năm trước tại Palestine. Đức Phật lơ lửng trên hành tinh, sẵn sàng đóng vai trò của Ngài nếu cơ hội được nhân loại trao cho Ngài. Mọi sự giờ đây tùy thuộc vào hành động đúng đắn của những người thiện chí.

From the Father's House (the "centre where the will of God is known" or Shamballa of the esotericist) the fiat has gone forth: The hour has come. From the Kingdom of God where reigns the Christ, the answer has been flung back: "Father, Thy will be done." Down in our struggling, bewildered, unhappy world of men, the cry is ceaselessly rising: "May Christ return to Earth." For the three great spiritual centres: the Father's House, the Kingdom of God, and awakening Humanity, there is but one purpose, one idea and one united expectancy.

Từ Nhà Cha (tức "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế" hay Shamballa của nhà bí truyền học), mệnh lệnh đã được ban ra: Giờ đã đến. Từ Thiên Giới nơi Đức Christ ngự trị, câu trả lời đã được tung trở lại: "Lạy Cha, xin cho ý Cha được nên." Dưới đây trong thế giới loài người đang đấu tranh, hoang mang và bất hạnh của chúng ta, tiếng kêu không ngừng dâng lên: "Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian." Đối với ba trung tâm tinh thần lớn: Nhà Cha, Thiên Giới, và Nhân Loại đang thức tỉnh, chỉ có một mục đích, một ý tưởng và một niềm mong đợi hợp nhất.

It is essential that today there should be a measure of fuller knowledge concerning the "centre where the will of God is known." The public should possess some understanding of this highest spiritual centre to which—if we believe the Gospel story—Christ Himself was always attentive. Frequently we read in The New Testament that "the Father spoke to Him" or that "He heard a Voice," unheard by others, or that the words were heard, "this is my beloved Son." Several times, we read, the seal of affirmation (as it is spiritually called) was given to Him. Only the Father, the planetary Logos, the "One in Whom we live and move and have our being" (Acts XVII.28), the Lord of the World, the Ancient of Days (Dan. VII.9) can speak this final affirmative word. There are, as well we know, five crises or initiations which concern the Master Jesus—the Birth at Bethlehem, the Baptism, the Transfiguration, the Crucifixion and the Resurrection—but lying behind this obvious and practical teaching, lies an undercurrent or thought of something much higher [40] and of greater importance—the affirmative Voice of the Father, recognising that which the Christ has done.

Điều thiết yếu là ngày nay phải có một mức độ hiểu biết đầy đủ hơn về "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế." Công chúng nên có một số hiểu biết về trung tâm tinh thần tối cao này mà—nếu chúng ta tin câu chuyện Phúc Âm—chính Đức Christ luôn luôn chú tâm đến. Chúng ta thường đọc trong *Tân Ước* rằng "Đức Cha đã phán với Ngài" hoặc rằng "Ngài nghe một Tiếng Nói," không ai khác nghe được, hoặc rằng những lời này đã được nghe thấy, "đây là Con yêu dấu của Ta." Nhiều lần, như chúng ta đọc thấy, ấn tín xác nhận (như cách gọi về mặt tinh thần) đã được ban cho Ngài. Chỉ có Đức Cha, Hành Tinh Thượng Đế, "Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu" (Acts XVII.28), Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng Thái Cổ (Dan. VII.9) mới có thể phán lời xác nhận tối hậu này. Như chúng ta đều biết rõ, có năm cuộc khủng hoảng hay điểm đạo liên quan đến Chân sư Jesus—Giáng Sinh tại Bethlehem, Phép Rửa, Biến Hình, Đóng Đinh và Phục Sinh—nhưng nằm phía sau giáo huấn hiển nhiên và thực tiễn này là một dòng tư tưởng ngầm về điều gì đó cao hơn nhiều [40] và quan trọng hơn—Tiếng Nói xác nhận của Đức Cha, nhìn nhận điều mà Đức Christ đã làm.

When Christ completes the work during the next two thousand years which He inaugurated two thousand years ago, that affirmative Voice will surely again be heard and divine recognition of His coming will be accorded. Then the Christ will take that stupendous initiation of which we know nothing except that two divine aspects will blend and fuse in Him (love-wisdom in full manifestation, motivated by divine will or power). Then the Buddha and the Christ will together pass before the Father, the Lord of the World, will together see the glory of the Lord and eventually pass to higher service of a nature and a calibre unknown to us.

Khi Đức Christ hoàn tất công việc trong hai ngàn năm tới mà Ngài đã khai mở hai ngàn năm trước, Tiếng Nói xác nhận ấy chắc chắn sẽ lại được nghe thấy và sự nhìn nhận thiêng liêng đối với sự quang lâm của Ngài sẽ được ban cho. Khi ấy Đức Christ sẽ nhận cuộc điểm đạo vĩ đại ấy mà chúng ta không biết gì ngoài việc hai phương diện thiêng liêng sẽ hòa trộn và dung hợp trong Ngài (Bác Ái – Minh Triết trong sự biểu lộ trọn vẹn, được thúc đẩy bởi ý chí hay quyền năng thiêng liêng). Khi ấy Đức Phật và Đức Christ sẽ cùng nhau đi qua trước Đức Cha, Đức Chúa Tể Thế Giới, sẽ cùng nhau thấy vinh quang của Chúa và cuối cùng sẽ chuyển sang phụng sự

cao hơn, có bản chất và tầm mức mà chúng ta không biết.

I write here in no fanatical or adventist spirit; I speak not as a speculative theologian or an exponent of one phase of religious, wishful thinking. I speak because many know that the time is ripe and that the appeal of simple, faithful hearts has penetrated to the highest spiritual sphere and set in motion energies and forces which cannot now be stopped. The invocative cry of distressed humanity is today of such a volume and sound that—united to the wisdom and the knowledge of the Spiritual Hierarchy—it has given rise to certain activities in the Father's House. These will result in the glory of God, in the transformation of the divine will-to-good into human goodwill, and resultant peace on Earth.

Tôi viết ở đây không phải trong tinh thần cuồng tín hay chờ đợi ngày tái lâm; tôi không nói như một nhà thần học suy đoán hay một người xiển dương một phương diện của lối suy nghĩ tôn giáo chỉ dựa vào điều mình mong muốn. Tôi nói vì nhiều người biết rằng thời cơ đã chín muồi và rằng lời kêu cầu của những trái tim đơn sơ, trung tín đã thấu đến cảnh giới tinh thần cao nhất và đã khởi động những năng lượng và mãnh lực mà nay không thể ngăn lại. Tiếng kêu khẩn cầu của nhân loại đau khổ ngày nay có âm lượng và âm thanh lớn đến mức—khi hợp nhất với minh triết và tri thức của Thánh đoàn tinh thần—nó đã làm phát sinh những hoạt động nhất định trong Nhà Cha. Những hoạt động này sẽ dẫn đến vinh quang của Thượng đế, đến sự chuyển đổi Ý Chí-hướng Thiện thiêng liêng thành thiện chí của con người, và kết quả là hòa bình trên Trái Đất.

A new chapter in the great book of spiritual living is about to be written; a new expansion of consciousness is an imminent happening; a fresh recognition of divine attentiveness is now possible to humanity and a revealing expectancy will prove the accuracy of the Biblical statement, "every eye shall see Him." (Rev. 1.7.) The religious livingness or spiritual history of mankind can be [41] summarised for us by a series of recognitions—recognition of Those Who, down the ages, have constituted the Apostolic Succession, culminating for us in the great religious leaders who have come out among us since 700 B.C. and founded the great modern world faiths, and—above all else—in the Christ Himself Who embodied the perfection of God Immanent, plus awareness of God Transcendent; recognition of those major spiritual concepts of love, life

Một chương mới trong cuốn sách lớn của đời sống tinh thần sắp được viết ra; một sự mở rộng tâm thức mới sắp xảy ra; một sự nhìn nhận mới mẻ về sự chú tâm thiêng liêng nay đã có thể đối với nhân loại và một niềm mong đợi đầy mặc khải sẽ chứng minh tính chính xác của lời Kinh Thánh, "mọi mắt sẽ thấy Ngài." (Rev. 1.7.) Đời sống tôn giáo hay lịch sử tinh thần của nhân loại có thể được [41] tóm lược cho chúng ta bằng một chuỗi những sự nhìn nhận—sự nhìn nhận những Đấng, qua các thời đại, đã tạo thành Dòng Kế Thừa Tông Truyền, đạt đỉnh đối với chúng ta nơi các vị lãnh đạo tôn giáo lớn đã xuất hiện giữa chúng ta từ năm 700 T.C. và sáng lập các đức tin lớn hiện đại của thế giới, và—trên hết mọi sự—nơi chính Đức Christ, Đấng đã hiện thân sự hoàn hảo của Thượng đế Nội Tại, cộng với sự nhận biết về Thượng đế Siêu Việt; sự nhìn nhận những khái niệm tinh

and relationship which have hovered ever in the background of man's thinking and which are now on the verge of right expression; recognition of the true brotherhood of man, based on the one divine life, working through the one soul and expressing itself through the one humanity; recognition, therefore, of relationship both to the divine life throughout the world and to mankind itself. It is this developing spiritual attitude which will lead to right human relations and eventual world peace.

thần chủ yếu về bác ái, sự sống và tương quan vốn luôn lơ lửng ở hậu cảnh tư tưởng của con người và nay đang ở ngưỡng cửa của sự biểu đạt đúng đắn; sự nhìn nhận tình huynh đệ chân chính của con người, *được đặt nền trên một sự sống thiêng liêng duy nhất, hoạt động qua một linh hồn duy nhất và biểu lộ qua một nhân loại duy nhất;* do đó, sự nhìn nhận về tương quan vừa với sự sống thiêng liêng khắp thế giới vừa với chính nhân loại. Chính thái độ tinh thần đang phát triển này sẽ dẫn đến các mối tương quan đúng đắn giữa người với người và cuối cùng là hòa bình thế giới.

Today, another recognition is becoming possible. It is the recognition everywhere of the imminent return of Christ (if such a phrase can be true of someone Who has never left us!) and of the new spiritual opportunities which this event will make possible.

Ngày nay, một sự nhìn nhận khác đang trở nên khả hữu. Đó là sự nhìn nhận ở khắp nơi về sự trở lại cận kề của Đức Christ (nếu một cụm từ như vậy có thể đúng đối với Đấng chưa bao giờ rời bỏ chúng ta!) và về những cơ hội tinh thần mới mà biến cố này sẽ làm cho trở nên khả hữu.

The basis for this recognition lies in the deep-seated conviction, innate in the human consciousness, that some great Teacher, some Saviour, Revealer, Lawgiver or divine Representative must come forth from the world of spiritual realities, because of human need and human demand. Always down the centuries, at the hour of man's greatest need and in response to his voiced demand, a divine Son of God has come forth and under many different names. Then the Christ came and apparently left us, with His work unfinished and His vision for mankind not yet consummated. For two thousand years it has seemed as if all His work had been blocked, frustrated, [42] and of no avail, for the growth of the churches during the centuries is no guarantee of the spiritual success at which He aimed. It needed more than theological interpretations and the numerical growth of the world religions

Cơ sở cho sự nhìn nhận này nằm trong niềm xác tín ăn sâu, bẩm sinh trong tâm thức con người, rằng một Huấn sư vĩ đại nào đó, một Đấng Cứu Thế, Đấng Mặc Khải, Đấng Ban Luật hay Đại Diện thiêng liêng nào đó *phải* xuất hiện từ thế giới của các thực tại tinh thần, vì nhu cầu và lời kêu gọi của con người. Luôn luôn qua các thế kỷ, vào giờ phút nhu cầu lớn nhất của con người và để đáp lại lời kêu gọi được cất lên của y, một Con thiêng liêng của Thượng đế *đã* xuất hiện dưới nhiều danh xưng khác nhau. Rồi Đức Christ đến và dường như đã rời bỏ chúng ta, với công việc của Ngài chưa hoàn tất và linh ảnh của Ngài cho nhân loại chưa được thành tựu. Trong hai ngàn năm, dường như toàn bộ công việc của Ngài đã bị ngăn trở, làm thất bại, [42] và không có kết quả, vì sự phát triển của các giáo hội qua các thế kỷ không bảo đảm cho thành công tinh thần mà Ngài nhắm đến. Cần nhiều hơn những giải thích thần học và

(including Christianity and Buddhism) to prove His world mission successfully carried forward. It all seemed impossible, necessitating three conditions; under these a test of His work could be attempted; today these three conditions are proven facts. First, as we have seen, a general planetary condition which has unfortunately (owing to man's selfishness) proved to be so catastrophic in nature that humanity has been forced to recognise the cause and source of the disaster; secondly, a spiritual awakening which would have its impulse in the deepest depths of man's consciousness and such is the case today as a result of the World War (1914-1945); thirdly, a steadily mounting invocative cry, prayer or demand, directed toward high spiritual sources, no matter by what name such sources may be called.

sự tăng trưởng về số lượng của các tôn giáo thế giới (bao gồm Cơ Đốc giáo và Phật giáo) mới có thể chứng minh sứ mệnh thế giới của Ngài đã được tiếp tục thành công. Tất cả dường như là bất khả, đòi hỏi ba điều kiện; dưới những điều kiện này, một sự thử nghiệm công việc của Ngài có thể được thực hiện; ngày nay ba điều kiện ấy đã là những sự kiện được chứng minh. Thứ nhất, như chúng ta đã thấy, một tình trạng hành tinh chung mà thật không may (do tính ích kỷ của con người) đã chứng tỏ có bản chất thảm họa đến mức nhân loại bị buộc phải nhìn nhận nguyên nhân và nguồn gốc của tai họa; thứ hai, một sự thức tỉnh tinh thần có xung lực từ những tầng sâu nhất của tâm thức con người và ngày nay đúng là như vậy do kết quả của Thế Chiến (1914-1945); thứ ba, một tiếng kêu khẩn cầu, lời cầu nguyện hay lời yêu cầu ngày càng tăng, hướng về các nguồn tinh thần cao cả, bất kể những nguồn ấy được gọi bằng tên gì.

Today, these three conditions have been fulfilled and humanity faces renewed opportunity. The disaster which has overtaken mankind is universal and widespread; no one has escaped and all men are involved in some way or another—physically, economically or socially. The spiritual awakening of men everywhere (within or without the world faiths, and largely outside of them) is general and complete and a turning to God is to be seen on every hand. Finally these two causes have aroused—as never before—the invocative cry of humanity; it is clearer, purer and more selfless than at any other time in human history because it is based on clearer thinking and a common distress. True religion is again emerging in the hearts of men in every land; this recognition of a divine hope and background may possibly take people back [43] into the church and

Ngày nay, ba điều kiện này đã được hoàn tất và nhân loại đang đối diện với cơ hội mới. Tai họa đã giáng xuống nhân loại là phổ quát và lan rộng; không ai thoát khỏi và mọi người đều bị liên lụy theo cách này hay cách khác—về thể xác, kinh tế hay xã hội. Sự thức tỉnh tinh thần của con người ở khắp nơi (trong hay ngoài các đức tin thế giới, và phần lớn ở ngoài chúng) là phổ biến và trọn vẹn, và ở khắp nơi đều có thể thấy sự quay về với Thượng đế. Cuối cùng, hai nguyên nhân này đã khơi dậy—chưa từng có trước đây—tiếng kêu khẩn cầu của nhân loại; nó rõ ràng hơn, tinh khiết hơn và vô kỷ hơn bất kỳ thời điểm nào khác trong lịch sử loài người vì nó dựa trên tư duy sáng tỏ hơn và một nỗi khổ chung. Tôn giáo chân chính đang lại xuất hiện trong trái tim con người ở mọi miền; sự nhìn nhận này về một hy vọng và hậu cảnh thiêng liêng có thể sẽ đưa con người trở lại [43] với giáo hội và với các đức tin thế giới,

into the world faiths, but it will most certainly take them back to God.

nhưng *chắc chắn nhất nó sẽ đưa họ trở lại với Thượng đế.*

Religion is the name, surely, which we give to the invocative appeal of humanity which leads to the evocative response of the Spirit of God. This Spirit works in every human heart and in all groups. It works also through the Spiritual Hierarchy of the planet. It impels the Head of the Hierarchy, the Christ, to take action and the action which He is taking will lead to His return with His disciples.

Tôn giáo chắc hẳn là tên gọi mà chúng ta dành cho lời kêu gọi khẩn cầu của nhân loại, lời kêu gọi dẫn đến sự đáp ứng gợi lên của Tinh thần của Thượng đế. Tinh thần này hoạt động trong mọi trái tim con người và trong mọi nhóm. Nó cũng hoạt động qua Thánh đoàn tinh thần của hành tinh. Nó thúc đẩy Đấng Đứng Đầu Thánh Đoàn, Đức Christ, hành động và hành động mà Ngài đang thực hiện sẽ dẫn đến sự trở lại của Ngài cùng với các đệ tử của Ngài.

The idea of the return of Christ is a most familiar one, and the concept of the Son of God returning in response to human need has its place in the teaching of the majority of the world faiths. Ever since He apparently departed to the sphere where the faithful have put Him, little groups of these people have reasoned themselves into the belief that on such and such a date He will come back, and ever their prophecies and expectancies have been doomed to failure. He has not come. Such people have been laughed at by the crowd and rebuked by the intelligent. Their eyes have not seen Him and there has been no tangible indication of His Presence. Today, thousands know that He will come; that plans for His coming are already set on foot, but they set no date or hour. The time is known only to the two or three, but "in such an hour as ye think not, He will come." (Matt. XXIV.44.)

Ý tưởng về sự trở lại của Đức Christ là một ý tưởng hết sức quen thuộc, và khái niệm về Con của Thượng đế trở lại để đáp ứng nhu cầu của con người có vị trí của nó trong giáo huấn của đa số các đức tin thế giới. Kể từ khi Ngài dường như ra đi đến cảnh giới mà những người trung tín đã đặt Ngài vào đó, những nhóm nhỏ trong số họ đã tự suy luận để tin rằng vào ngày này hay ngày kia Ngài sẽ trở lại, và những lời tiên đoán cùng mong đợi của họ luôn luôn bị định sẵn là thất bại. Ngài đã không đến. Những người như thế đã bị đám đông cười nhạo và bị người trí thức quở trách. Mắt họ đã không thấy Ngài và không có dấu hiệu hữu hình nào về Hiện Diện của Ngài. Ngày nay, hàng ngàn người biết rằng Ngài sẽ đến; rằng các kế hoạch cho sự quang lâm của Ngài đã được khởi sự, nhưng *họ không ấn định ngày hay giờ.* Thời điểm chỉ được biết bởi hai hay ba người, nhưng "vào giờ các ngươi không ngờ, Ngài sẽ đến." (Matt. XXIV.44.)

A truth hard for the orthodox thinker of any faith to accept is the fact that Christ cannot return because He has always been here upon our Earth, watching over the spiritual destiny of humanity; He has never left us but, in physical body and securely concealed

Một chân lý khó cho nhà tư tưởng chính thống của bất kỳ đức tin nào chấp nhận là sự kiện rằng *Đức Christ không thể trở lại vì Ngài luôn luôn ở đây trên Trái Đất của chúng ta,* trông nom vận mệnh tinh thần của nhân loại; Ngài chưa bao giờ rời bỏ chúng ta mà,

(though not hidden), He has guided the affairs of the Spiritual Hierarchy, of His disciples and workers Who are unitedly pledged with Him to Earth service. He can only re-appear. [44] It is a spiritual fact that those who have passed from the cave of the tomb into the fullness of the resurrection life can be seen and at the same time evade the vision of the believer. Seeing and recognition are two very different things, and one of the great recognitions of mankind in the near future is the recognition that always He has been with us, sharing with us the familiar usefulness and peculiar characteristics of our civilisation and its many gifts to man.

trong thể xác và được che giấu an toàn (dù không ẩn kín), Ngài đã hướng dẫn các công việc của Thánh đoàn tinh thần, của các đệ tử và những người hoạt động của Ngài, những người cùng nhau cam kết với Ngài trong việc phụng sự Trái Đất. *Ngài chỉ có thể tái xuất hiện.* [44] Đó là một sự kiện tinh thần rằng những ai đã đi từ hang mộ vào sự viên mãn của đời sống phục sinh có thể được nhìn thấy mà đồng thời vẫn tránh khỏi tầm nhìn của người tín đồ. Sự thấy và sự nhìn nhận là hai điều rất khác nhau, và một trong những sự nhìn nhận lớn của nhân loại trong tương lai gần là sự nhìn nhận rằng Ngài luôn luôn ở cùng chúng ta, chia sẻ với chúng ta tính hữu dụng quen thuộc và những đặc điểm đặc thù của nền văn minh chúng ta cùng nhiều tặng phẩm của nó cho con người.

The early signs of His approach with His disciples can already be discerned by those who note and rightly interpret the signs of the times. There is (among these signs) the coming together spiritually of those who love their fellowmen. This is in reality the organising of the outer physical army of the Lord—an army which has no weapons but those of love, of right speech and right human relations. This unknown organisation has proceeded with phenomenal speed during the aftermath of war, because humanity is sick of hate and controversy.

Những dấu hiệu đầu tiên về sự tiếp cận của Ngài cùng các đệ tử của Ngài đã có thể được phân biện bởi những ai lưu ý và giải thích đúng các dấu hiệu của thời đại. Có một dấu hiệu (trong số những dấu hiệu ấy) là sự quy tụ về mặt tinh thần của những người yêu thương đồng loại của mình. Thực ra đây là sự tổ chức đạo quân hồng trần bên ngoài của Chúa—một đạo quân không có vũ khí nào ngoài những vũ khí của bác ái, lời nói đúng đắn và các mối tương quan đúng đắn giữa người với người. Tổ chức vô danh này đã tiến triển với tốc độ phi thường trong thời kỳ hậu chiến, vì nhân loại đã chán ghét hận thù và tranh chấp.

The general staff of the Christ is already active in the form of the New Group of World Servers; they are as potent a body of forerunners as has ever preceded a great world Figure into the arena of mankind's living. Their work and influence is already seen and felt in every land, and nothing can destroy that which they have accomplished. The spiritual and organising effect of

Bộ tham mưu của Đức Christ đã hoạt động dưới hình thức Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian; họ là một tập thể tiền phong mạnh mẽ như bất kỳ tập thể nào từng đi trước một Nhân Vật thế giới vĩ đại vào đấu trường của đời sống nhân loại. Công việc và ảnh hưởng của họ đã được thấy và cảm nhận ở mọi miền, và không gì có thể phá hủy điều họ đã hoàn thành. Hiệu quả tinh thần và tổ chức

expressed and voiced invocation has been also attempted since 1935, and the energy of the invocative cry of humanity has been directed into those channels which reach from Earth to that High Place where dwells the Christ. From there, it has been transmitted to those still higher spheres where the attention of the Lord of the World, the Ancient of Days, the Father of all, plus the Creative Energies and Living Beings Who dwell there with Him, [45] can be focussed on humanity and those steps can be taken which will embody more rapidly the Purposes of God.

của sự khẩn cầu được biểu đạt và cất lên cũng đã được cố gắng thực hiện từ năm 1935, và năng lượng của tiếng kêu khẩn cầu của nhân loại đã được hướng vào những kênh dẫn từ Trái Đất đến Nơi Chốn Cao Cả nơi Đức Christ cư ngụ. Từ đó, nó đã được chuyển đến những cảnh giới còn cao hơn, nơi sự chú tâm của Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng Thái Cổ, Cha của muôn loài, cùng với các Năng Lượng Sáng Tạo và các Sinh Mệnh đang cư ngụ ở đó với Ngài, [45] có thể được tập trung vào nhân loại và những bước đi có thể được thực hiện để hiện thân nhanh hơn các Thiên Ý của Thượng đế.

For the first time in human history, the demand of the people of the Earth is so potent and so in line with divine direction, in time and space, that the end is inevitably sure; the looked-for spiritual Representative must come forth; this time He will not come alone but will be accompanied by Those Whose lives and words will evoke recognition in every department of human thinking. The symbolic prophecies found in all the world Scriptures anent this imminent event will prove their veracity; their symbolism will nevertheless elicit re-interpretation; circumstances and happenings will not necessarily be exactly as the Scriptures would appear to indicate. For instance, He will come indeed in the "clouds of the air" (Matt. XXVI.64), as the Christian Scriptures say, but of what great interest is that when millions come and go in the clouds, each hour of the day and of the night? I mention this as one of the outstanding prophecies and one of the most familiar; it is, however, one which means little in our modern civilisation. The fact of importance is that He will come.

Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, đòi hỏi của người dân trên Trái Đất mạnh mẽ đến thế và phù hợp với định hướng thiêng liêng trong thời gian và không gian đến thế, đến nỗi kết quả tất yếu là chắc chắn; Đấng Đại Diện tinh thần được mong đợi phải xuất hiện; lần này Ngài sẽ không đến một mình mà sẽ đi cùng với Những Đấng mà đời sống và lời nói của Các Ngài sẽ gợi lên sự nhận biết trong mọi lĩnh vực của tư tưởng nhân loại. Những lời tiên tri biểu tượng được tìm thấy trong tất cả các Kinh điển thế giới liên quan đến biến cố sắp xảy ra này sẽ chứng minh tính chân thực của chúng; tuy nhiên, tính biểu tượng của chúng sẽ đòi hỏi được diễn giải lại; hoàn cảnh và biến cố sẽ không nhất thiết chính xác như Kinh điển dường như chỉ ra. Thí dụ, quả thật Ngài sẽ đến trong "mây trời" (Matt. XXVI.64), như Kinh điển Cơ Đốc giáo nói, nhưng điều đó còn có gì đáng quan tâm lớn lao khi hàng triệu người đi và đến trong mây, mỗi giờ của ngày và đêm? Tôi nêu điều này như một trong những lời tiên tri nổi bật và quen thuộc nhất; tuy nhiên, đó lại là điều có ít ý nghĩa trong nền văn minh hiện đại của chúng ta. Sự kiện quan trọng là Ngài sẽ đến.

The Wesak Festival has been held down the centuries in the well-known valley in the Himalayas (if the faithful would only believe it) in order:

1. To substantiate the fact of Christ's physical existence among us ever since His so-called departure.

2. To prove (on the physical plane) the factual solidarity of the Eastern and Western approaches to God. Both the Christ and the Buddha are present.

3. To form a rallying-point and a meeting-place for those who annually—in synthesis and symbolically—link up and represent the Father's House, the Kingdom of God and Humanity. [46]

4. To demonstrate the nature of the work of Christ as the great and chosen Intermediary, standing as the Representative of the Spiritual Hierarchy and as the Leader of the New Group of World Servers. In His Person, He voices their demand for the recognition of the factual existence of the Kingdom of God here and now.

Perhaps one of the major messages for all of us who read these words is this great truth and fact of the physical Presence on Earth at this time of the Christ, of His group of disciples and executives, of Their representative activities on behalf of mankind and of Their close relationship. This relationship comes out at certain of the great spiritual festivals where the relationship demonstrated includes not only the Kingdom of God but also the Father and the Father's Home. There is the Festival of Easter, the Festival of the Buddha Who in

Lễ Hội Wesak đã được cử hành qua nhiều thế kỷ trong thung lũng quen thuộc ở Hy Mã Lạp Sơn (nếu những người trung tín chịu tin điều đó) nhằm:

1. Xác chứng sự kiện về sự hiện hữu thể xác của Đức Christ giữa chúng ta kể từ sau cuộc ra đi được gọi như thế của Ngài.

2. Chứng minh (trên cõi hồng trần) sự hợp nhất thực tế của hai cách tiếp cận Thượng đế từ phương Đông và phương Tây. Cả Đức Christ lẫn Đức Phật đều hiện diện.

3. Tạo thành một điểm quy tụ và một nơi gặp gỡ cho những ai hằng năm—trong tổng hợp và một cách biểu tượng—liên kết và đại diện cho Nhà của Cha, Thiên Giới và Nhân loại. [46]

4. Minh chứng bản chất công việc của Đức Christ với tư cách là Đấng Trung Gian vĩ đại và được tuyển chọn, đứng như Đấng Đại Diện của Thánh đoàn tinh thần và như Vị Lãnh Đạo của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Trong chính Con Người của Ngài, Ngài cất lên đòi hỏi của họ về sự công nhận sự hiện hữu thực tế của Thiên Giới ở đây và ngay bây giờ.

Có lẽ một trong những thông điệp lớn lao dành cho tất cả chúng ta, những người đọc các lời này, là chân lý và sự kiện lớn lao này về Sự Hiện Diện thể xác trên Trái Đất vào lúc này của Đức Christ, của nhóm đệ tử và các vị điều hành của Ngài, của các hoạt động đại diện của Các Ngài thay mặt nhân loại và của mối liên hệ mật thiết của Các Ngài. Mối liên hệ này được biểu lộ tại một số đại lễ tinh thần, nơi mối liên hệ được minh chứng không chỉ bao gồm Thiên Giới mà còn cả Đức Cha và Nhà của Cha. Có Lễ Phục Sinh, Lễ của Đức Phật, Đấng trong Sự Hiện Diện thể xác

physical Presence expresses the spiritual solidarity of our planet, and the Festival in June, peculiarly the Festival of the Christ, when He—as leader of the New Group of World Servers—employs the new Invocation on behalf of all men of goodwill in all lands; at the same time, He gathers up the inchoate and unexpressed demands of those masses who seek a new and better way of life. They want love in daily living, right human relations and an understanding of the underlying Plan.

biểu lộ sự hợp nhất tinh thần của hành tinh chúng ta, và Lễ vào tháng Sáu, đặc biệt là Lễ của Đức Christ, khi Ngài—với tư cách là vị lãnh đạo của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian—sử dụng Khấn Nguyện mới thay mặt cho tất cả những người thiện chí ở mọi xứ sở; đồng thời, Ngài thu nhận những đòi hỏi còn phôi thai và chưa được diễn đạt của những quần chúng đang tìm kiếm một lối sống mới và tốt đẹp hơn. Họ muốn có tình thương trong đời sống hằng ngày, những tương quan nhân loại đúng đắn và một sự thấu hiểu về Thiên Cơ nền tảng.

It is these physical happenings which are of moment and not the vague hopes and promises of the theological faiths. It is the physical Presence upon our planet of such recognised spiritual figures as the Lord of the World, the Ancient of Days; the seven Spirits Who are before the throne of God; the Buddha, the spiritual leader of the East, and the Christ, the spiritual leader of the West—all of Whom are brought at this climaxing time to our attention. The vague belief in Their existence, the dreamy [47] speculations as to Their work and Their interest in human welfare, and the unconvinced, yet hopeful, wishful thinking of believers (and also unbelievers), will soon give place to certain knowledge, to visual recognition, to provable signs of executive work and to the reorganisation (by men of unusual potency) of the political, religious, economic and social life of humanity.

Chính những sự kiện thể chất này mới là điều quan trọng, chứ không phải những hy vọng và lời hứa mơ hồ của các tín ngưỡng thần học. Điều được nhấn mạnh vào lúc cao điểm này là Sự Hiện Diện thể xác trên hành tinh chúng ta của những Nhân Vật tinh thần đã được công nhận như Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng Thái Cổ; Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai của Thượng đế; Đức Phật, vị lãnh đạo tinh thần của phương Đông, và Đức Christ, vị lãnh đạo tinh thần của phương Tây—tất cả Các Ngài. Niềm tin mơ hồ vào sự hiện hữu của Các Ngài, những suy đoán mộng tưởng [47] về công việc của Các Ngài và sự quan tâm của Các Ngài đối với phúc lợi nhân loại, cùng lối suy nghĩ mong ước nhưng chưa xác tín của những người tin (và cả những người không tin), chẳng bao lâu nữa sẽ nhường chỗ cho tri thức chắc chắn, cho sự nhận biết bằng mắt thấy, cho những dấu hiệu có thể chứng minh được của công việc điều hành và cho sự tái tổ chức (do những người có mãnh lực khác thường thực hiện) đời sống chính trị, tôn giáo, kinh tế và xã hội của nhân loại.

All this will not come as the result of some proclamation or some stupendous planetary event which will force human beings everywhere to say: “Lo: He is there! Lo: Here

Tất cả điều này sẽ không đến như kết quả của một lời tuyên bố nào đó hay một biến cố hành tinh phi thường nào đó buộc con người ở khắp nơi phải nói: “Kìa: Ngài ở đó! Kìa: Đây

are the signs of His divinity!" for that would evoke only antagonism and laughter, resistance or fanatical credulity.

là những dấu hiệu của thiên tính của Ngài!" vì điều đó chỉ gợi lên sự đối kháng và chế giễu, sự kháng cự hoặc lòng cả tin cuồng tín.

It will come as a recognition of potency in leadership, through dynamic but logical changes in world affairs, and through action taken by the masses of the people from the depths of their own consciousness.

Nó sẽ đến như một sự công nhận quyền năng trong lãnh đạo, qua những thay đổi năng động nhưng hợp lý trong các công việc thế giới, và qua hành động do quần chúng nhân dân thực hiện từ tận đáy tâm thức của chính họ.

Many years ago, I indicated that the Christ would come in three ways, or rather, that the fact of His Presence could be proved in three distinctive phases.

Nhiều năm trước, tôi đã chỉ ra rằng Đức Christ sẽ đến theo ba cách, hay đúng hơn, rằng sự kiện về Sự Hiện Diện của Ngài có thể được chứng minh trong ba giai đoạn phân biệt.

It was pointed out then that the first move which the Christ would make would be the stimulation of the spiritual consciousness in man, the evocation of humanity's spiritual demands on a large scale and the nurturing —on a worldwide scale—of the Christ consciousness in the human heart. This has already been done and with most effective results. Of the factual nature of this process, the vociferous demands of men of goodwill, of welfare workers and of those pledged to international cooperation, to the relief of the world distress and to the establishment of right human relations, are the undeniable expression. That phase of the preparatory work which is indicative of His coming has now reached a stage where nothing can arrest its progress or slow down its momentum. In [48] spite of appearances, this uprising of the Christ consciousness has been successful and what may appear as reverse activity is of no importance in the long run, but is only of a temporary nature.

Khi ấy đã được nêu rõ rằng bước đi đầu tiên mà Đức Christ sẽ thực hiện là kích thích tâm thức tinh thần trong con người, gợi lên những đòi hỏi tinh thần của nhân loại trên quy mô lớn và nuôi dưỡng—trên quy mô toàn cầu—tâm thức Christ trong trái tim con người. Điều này đã được thực hiện rồi và với những kết quả rất hữu hiệu. Bản chất thực tế của tiến trình này được biểu lộ không thể phủ nhận qua những đòi hỏi mạnh mẽ của những người thiện chí, của những người hoạt động vì phúc lợi và của những ai đã cam kết với sự hợp tác quốc tế, với việc làm vơi nỗi khốn khổ của thế giới và với việc thiết lập những tương quan nhân loại đúng đắn. Giai đoạn công việc chuẩn bị này, vốn là dấu hiệu cho sự đến của Ngài, nay đã đạt đến một mức mà không gì có thể ngăn chặn sự tiến triển của nó hay làm chậm đà xung lực của nó. Mặc cho [48] bề ngoài, sự trỗi dậy này của tâm thức Christ đã thành công, và điều có thể dường như là hoạt động thoái lui thì về lâu dài không quan trọng, mà chỉ có tính tạm thời.

The second indicated move of the Hierarchy would be the impressing of the minds of

Bước đi thứ hai đã được chỉ ra của Thánh đoàn sẽ là gây ấn tượng lên trí tuệ của những

enlightened men everywhere by spiritual ideas embodying the new truths, by the "descent" (if I may so call it) of the new concepts which will govern human living and by the overshadowing of all world disciples and the New Group of World Servers by the Christ Himself. This planned move of the Hierarchy is progressing well; men and women everywhere and in every department of life are enunciating those new truths which should in the future guide human living; they are building those new organisations, movements and groups—large or small—which will familiarise the mass of men with the reality of the need and the mode of meeting it. This they are doing because they are driven thereto by the warmth of their hearts and by their loving response to human distress; without formulating it thus to themselves, they are, nevertheless, working to bring into visibility the Kingdom of God on Earth. No denial of these facts is possible, in view of the multiplicity of organisations, books and speeches.

người giác ngộ ở khắp nơi bằng những ý tưởng tinh thần hàm chứa các chân lý mới, bằng "sự giáng xuống" (nếu tôi có thể gọi như vậy) của những khái niệm mới sẽ chi phối đời sống con người, và bằng sự phủ bóng của chính Đức Christ lên tất cả các đệ tử thế giới và Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Bước đi có kế hoạch này của Thánh đoàn đang tiến triển tốt đẹp; những người nam và nữ ở khắp nơi và trong mọi lĩnh vực của đời sống đang tuyên xướng những chân lý mới ấy, những chân lý trong tương lai sẽ hướng dẫn đời sống con người; họ đang xây dựng những tổ chức, phong trào và nhóm mới—lớn hay nhỏ—những tổ chức sẽ làm cho quần chúng quen thuộc với thực tại của nhu cầu và phương thức đáp ứng nhu cầu ấy. Họ làm điều này vì được thúc đẩy bởi sự ấm áp của trái tim họ và bởi sự đáp ứng đầy bác ái của họ trước nỗi khổ của nhân loại; dù không tự diễn đạt điều đó với chính mình như thế, tuy nhiên họ vẫn đang làm việc để đưa Thiên Giới trên Trái Đất vào tầm thấy được. Không thể phủ nhận các sự kiện này, xét đến vô số tổ chức, sách vở và bài diễn thuyết.

Thirdly we are told that Christ might come in Person and walk among men as He did before. This has not yet taken place but plans are being laid which will enable Him to do so. Those plans do not involve the birth of some nice child in some nice home on Earth; they will not produce the wild claims and the credulous recognition of the well-meaning and the unintelligent as is so frequently the case today, nor will someone appear and say: "This is the Christ. He is here or He is there." I would point out to you, however, that the widespread appearance [49] of such tales and claims, though undesirable, misleading and wrong, nevertheless demonstrates human expectancy of the imminence of His coming. Belief in His coming is basic in the human

Thứ ba, chúng ta được cho biết rằng Đức Christ có thể đích thân đến và đi lại giữa loài người như Ngài đã từng làm trước đây. Điều này vẫn chưa xảy ra nhưng các kế hoạch đang được đặt ra để giúp Ngài có thể làm như vậy. Những kế hoạch ấy không liên quan đến việc sinh ra một đứa trẻ dễ thương nào đó trong một mái nhà dễ thương nào đó trên Trái Đất; chúng sẽ không tạo ra những lời tuyên bố cuồng nhiệt và sự công nhận cả tin của những người thiện ý nhưng thiếu trí tuệ như thường xảy ra ngày nay, cũng sẽ không có ai xuất hiện và nói: "Đây là Đức Christ. Ngài ở đây hay Ngài ở kia." Tuy nhiên, tôi muốn chỉ ra với các bạn rằng sự xuất hiện lan rộng [49] của những câu chuyện và lời tuyên bố như thế, dù không đáng mong muốn, gây lầm lạc và sai lầm, vẫn chứng tỏ

consciousness. How He will come and in what manner is not yet stated. The exact moment has not yet arrived nor has the method of His appearance been determined. The factual nature of the two earlier and preparatory moves, already made by the Hierarchy under His direction, are the guarantee that He will come and that when He does, mankind will be ready.

sự mong đợi của nhân loại về tính cận kề của sự đến của Ngài. Niềm tin vào sự đến của Ngài là nền tảng trong tâm thức nhân loại. Ngài sẽ đến như thế nào và theo cách nào thì vẫn chưa được nói ra. Thời điểm chính xác vẫn chưa đến và phương pháp xuất hiện của Ngài vẫn chưa được quyết định. Bản chất thực tế của hai bước đi chuẩn bị trước đó, vốn đã được Thánh đoàn thực hiện dưới sự chỉ đạo của Ngài, là bảo chứng rằng Ngài sẽ đến và rằng khi Ngài đến, nhân loại sẽ sẵn sàng.

Let us summarise certain aspects of the work He set in motion two thousand years ago, because they hold the clue to His future work. Some of it is well known to you, for it has been emphasised by the world faiths and particularly by teachers of the Christian faith. But all of them have made His work appear difficult for man to grasp, and the undue emphasis laid upon His divinity (an emphasis which He Himself never made) has made it appear that He and He only and no one else could possibly do the same works. Theologians have forgotten that He Himself stated that "greater things shall ye do, because I go unto my Father." (John XIV.12.) He here indicates that this passing to the Father's House would result in such an inflow of spiritual strength, insight and creative accomplishment for man, that their deeds would surpass His; because of the distortion of His teaching and its remote relation to man, we have not yet done those "greater things." Some day, we assuredly will and—along certain lines—we already have. Let me relate some of the things He did which we can do, and which He will aid.

Chúng ta hãy tóm lược một số phương diện của công việc mà Ngài đã khởi xướng cách đây hai ngàn năm, vì chúng nắm giữ đầu mối cho công việc tương lai của Ngài. Một phần trong đó các bạn đã biết rõ, vì đã được các tín ngưỡng thế giới và đặc biệt là những người giảng dạy đức tin Cơ Đốc nhấn mạnh. Nhưng tất cả họ đã làm cho công việc của Ngài dường như khó để con người nắm bắt, và sự nhấn mạnh quá mức vào thiên tính của Ngài (một sự nhấn mạnh mà chính Ngài chưa bao giờ thực hiện) đã khiến có vẻ như chỉ riêng Ngài và không ai khác có thể làm được những công việc ấy. Các nhà thần học đã quên rằng chính Ngài đã nói: "Các ngươi sẽ làm những việc lớn hơn nữa, vì Ta đi về cùng Cha Ta." (John XIV.12.) Ở đây Ngài chỉ ra rằng việc đi về Nhà của Cha này sẽ dẫn đến một sự tuôn đổ mãnh lực tinh thần, linh thị và thành tựu sáng tạo cho con người đến mức các việc làm của họ sẽ vượt hơn việc làm của Ngài; vì giáo huấn của Ngài đã bị bóp méo và vì mối liên hệ xa cách của nó với con người, chúng ta vẫn chưa làm được những "việc lớn hơn" ấy. Một ngày nào đó, chắc chắn chúng ta sẽ làm được và—trên một số phương diện—chúng ta đã làm rồi. Hãy để tôi kể ra một số điều Ngài đã làm mà chúng ta có thể làm, và Ngài sẽ trợ giúp.

1. For the first time in human history, the love of God was embodied in a man and Christ inaugurated the era of love. That expression of divine love is still in the [50] making; the world is not yet full of love and few there are who understand the true meaning of the word. But—speaking symbolically—when the United Nations has emerged into factual and actual power, the welfare of the world will then be assured. What is that welfare but love in action? What is international cooperation but love on a world scale? Those are the things which the love of God in Christ expressed and those are the things which we are working here today to bring into being. We are attempting to do it on a vast scale and this in spite of opposition—an opposition which can only temporarily succeed, such is the potency of the awakened spirit of man. These are the things which the Hierarchy, in its already successful procedures, is aiding and will continue to aid.

1. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, tình thương của Thượng đế đã được thể hiện trong một con người và Đức Christ đã khai mở kỷ nguyên của tình thương. Sự biểu lộ tình thương thiêng liêng ấy vẫn còn đang [50] được hình thành; thế giới vẫn chưa tràn đầy tình thương và có rất ít người hiểu được ý nghĩa chân thực của từ này. Nhưng—nói một cách biểu tượng—khi Liên Hiệp Quốc vươn lên thành quyền lực thực tế và hiện thực, thì phúc lợi của thế giới sẽ được bảo đảm. Phúc lợi ấy là gì nếu không phải là tình thương trong hành động? Hợp tác quốc tế là gì nếu không phải là tình thương trên quy mô thế giới? Đó là những điều mà tình thương của Thượng đế trong Đức Christ đã biểu lộ và đó là những điều mà ngày nay chúng ta đang làm việc để đưa vào hiện hữu. Chúng ta đang cố gắng thực hiện điều đó trên một quy mô rộng lớn, bất chấp sự chống đối—một sự chống đối chỉ có thể tạm thời thành công, vì tinh thần đã thức tỉnh của con người có mãnh lực như thế. Đó là những điều mà Thánh đoàn, trong các thủ tục đã thành công của mình, đang trợ giúp và sẽ tiếp tục trợ giúp.

2. Christ taught also that the Kingdom of God was on Earth and told us to seek that Kingdom first and let all things be of secondary importance for its sake. That Kingdom has ever been with us, composed of all those who down the ages, have sought spiritual goals, liberated themselves from the limitations of the physical body, emotional controls and the obstructive mind. Its citizens are those who today (unknown to the majority) live in physical bodies, work for the welfare of humanity, use love instead of emotion as their general technique, and compose that great body of "illumined Minds" which guides the destiny of the world. The Kingdom of God is not something which will descend on Earth

2. Đức Christ cũng dạy rằng Thiên Giới ở trên Trái Đất và bảo chúng ta hãy tìm kiếm Thiên Giới ấy trước hết, còn mọi điều khác hãy để ở tầm quan trọng thứ yếu vì lợi ích của nó. Thiên Giới ấy luôn ở cùng chúng ta, gồm tất cả những ai qua các thời đại đã tìm kiếm các mục tiêu tinh thần, tự giải thoát mình khỏi những giới hạn của thể xác, những sự kiểm soát của cảm xúc và thể trí gây cản trở. Công dân của giới ấy là những người ngày nay (không được đa số biết đến) đang sống trong các thể xác, làm việc vì phúc lợi của nhân loại, dùng bác ái thay cho cảm xúc như kỹ thuật chung của họ, và hợp thành tập thể vĩ đại gồm những "Trí Tuệ được Soi Sáng" đang hướng dẫn vận mệnh thế giới. Thiên Giới không phải là điều gì đó sẽ giáng xuống Trái

when man is good enough! It is something which is functioning efficiently today and demanding recognition. It is an organised body which is already evoking recognition from those people who do seek first the Kingdom of God, and discover thereby that the Kingdom they seek is already here. Christ and His disciples are known by many to be [51] physically present on Earth and the Kingdom which They rule, with its laws and modes of activity, is familiar to many and has been throughout the centuries.

Đất khi con người đủ tốt! Đó là điều gì đó đang hoạt động hữu hiệu ngày nay và đang đòi hỏi được công nhận. Đó là một cơ cấu có tổ chức đang gợi lên sự công nhận từ những người thật sự tìm kiếm Thiên Giới trước hết, và nhờ đó khám phá rằng Thiên Giới mà họ tìm kiếm đã ở đây rồi. Đức Christ và các đệ tử của Ngài được nhiều người biết là đang [51] hiện diện thể xác trên Trái Đất, và Thiên Giới mà Các Ngài cai quản, cùng các quy luật và phương thức hoạt động của nó, đã quen thuộc với nhiều người và đã như vậy suốt nhiều thế kỷ.

Christ is the world Healer and Saviour. He works because He is the embodied soul of all Reality. He works today, as He worked in Palestine two thousand years ago, through groups. There He worked through the three beloved disciples, through the twelve apostles, through the chosen seventy, and the interested five hundred.... Now He works through His Masters and Their groups, and thereby greatly intensifies His efforts. He can and will work through all groups just insofar as they fit themselves for planned service, for the distribution of love, and come into conscious alignment with the great potency of the inner groups.

Đức Christ là Đấng Chữa Lành và Cứu Rỗi của thế giới. Ngài hoạt động vì Ngài là linh hồn nhập thể của toàn bộ Thực Tại. Ngài hoạt động ngày nay, cũng như Ngài đã hoạt động ở Palestine hai ngàn năm trước, thông qua các nhóm. Khi ấy Ngài hoạt động qua ba đệ tử yêu dấu, qua mười hai tông đồ, qua bảy mươi người được chọn, và qua năm trăm người quan tâm.... Giờ đây Ngài hoạt động qua các Chân sư của Ngài và các nhóm của Các Ngài, và nhờ đó tăng cường rất lớn các nỗ lực của Ngài. Ngài có thể và sẽ hoạt động qua mọi nhóm trong chừng mực họ tự làm cho mình thích hợp với sự phụng sự có kế hoạch, với việc phân phối tình thương, và đi vào sự chỉnh hợp có ý thức với mãnh lực lớn lao của các nhóm bên trong.

Those groups who have always proclaimed the physical Presence of the Christ have so distorted the teaching by dogmatic assertions on unimportant details and by ridiculous claims that they have evoked little recognition of the underlying truth, nor have they portrayed a kingdom which is attractive. That Kingdom exists but is not a place of disciplines or golden harps, peopled by unintelligent fanatics, but a field of service and a place where every man has full

Những nhóm luôn luôn công bố Sự Hiện Diện thể xác của Đức Christ đã bóp méo giáo huấn đến mức, bằng những khẳng định giáo điều về các chi tiết không quan trọng và bằng những tuyên bố lố bịch, họ chỉ gợi lên rất ít sự công nhận chân lý nền tảng, cũng không mô tả một vương quốc hấp dẫn. Vương quốc ấy có tồn tại nhưng không phải là một nơi của kỷ luật hay đàn hạc vàng, đầy những kẻ cuồng tín thiếu trí tuệ, mà là một cánh đồng phụng sự và một nơi mà mỗi người đều có đầy đủ phạm vi để thực thi

scope for the exercise of his divinity in human service.

thiên tính của mình trong sự phụng sự nhân loại.

3. At the Transfiguration, Christ revealed the glory which is innate in all men. The triple lower nature—physical, emotional and mental—is there shown as prostrate before the glory which was revealed. In that moment, wherein Christ Immanent was in incarnation, wherein humanity was represented by the three apostles, a voice came from the Father's Home in recognition of the revealed divinity and the Sonship of the Transfigured Christ. On this innate divinity, upon this recognised [52] Sonship, is the brotherhood of all men based—one life, one glory which shall be revealed, and one divine relationship. Today, on a large scale (even when by-passing the implications of divinity), the glory of man and his fundamental relationships are already a fact in the human consciousness. Accompanying those characteristics which as yet remain deplorable and which would appear to negate all claims to divinity, is the wonder of man's achievement, of his triumph over nature. The glory of scientific attainment and the magnificent evidence of creative art—both modern and ancient—leave no room to question man's divinity. Here then are the "greater things" of which Christ spoke and here again is the triumph of the Christ within the human heart.

3. Trong cuộc Biến hình, Đức Christ đã mặc khải vinh quang vốn bẩm sinh trong mọi người. Bản chất thấp tam phân—hồng trần, cảm xúc và trí tuệ—được cho thấy là phủ phục trước vinh quang đã được mặc khải. Trong khoảnh khắc ấy, khi Đức Christ Nội Tại đang lâm phàm, khi nhân loại được đại diện bởi ba tông đồ, một tiếng nói từ Nhà của Cha vang ra để công nhận thiên tính được mặc khải và tư cách Con của Đức Christ Biến hình. Trên thiên tính bẩm sinh này, trên tư cách [52] Con được công nhận này, tình huynh đệ của toàn thể nhân loại được đặt nền—một sự sống, một vinh quang sẽ được mặc khải, và một mối liên hệ thiêng liêng. Ngày nay, trên quy mô lớn (ngay cả khi bỏ qua các hàm ý của thiên tính), vinh quang của con người và các mối liên hệ căn bản của y đã là một sự kiện trong tâm thức nhân loại. Đi kèm với những đặc tính vẫn còn đáng buồn và dường như phủ nhận mọi tuyên bố về thiên tính, là điều kỳ diệu trong thành tựu của con người, trong chiến thắng của y trước thiên nhiên. Vinh quang của thành tựu khoa học và bằng chứng tráng lệ của nghệ thuật sáng tạo—cả hiện đại lẫn cổ xưa—không để lại chỗ nào cho việc nghi ngờ thiên tính của con người. Ở đây, vậy, là những "việc lớn hơn" mà Đức Christ đã nói đến, và ở đây một lần nữa là chiến thắng của Đức Christ trong trái tim con người.

Why this triumph of the Christ consciousness must always be spoken of in terms of religion, of church-going and of orthodox belief is one of the incredible triumphs of the forces of evil. To be a citizen of the Kingdom of God does not mean that one must necessarily be a member of some one of the orthodox churches. The divine Christ in the human heart can be expressed

Vì sao chiến thắng này của tâm thức Christ luôn luôn phải được nói đến bằng ngôn ngữ của tôn giáo, của việc đi nhà thờ và của niềm tin chính thống, là một trong những chiến thắng khó tin của các mãnh lực ác. Là công dân của Thiên Giới không có nghĩa là nhất thiết phải là thành viên của một trong các giáo hội chính thống. Đức Christ thiêng liêng trong trái tim con người có thể được

in many different departments of human living—in politics, in the arts, in economic expression and in true social living, in science and in religion. It might be wise here to remember that the only time it is recorded that Christ (as an adult) visited the Temple of the Jews, He created a disturbance! Humanity is passing from glory to glory and, in the long panorama of history, this is strikingly observable. That glory is today revealed in every department of human activity, and the Transfiguration of those who are on the crest of the human wave of civilisation is very close at hand.

biểu lộ trong nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống nhân loại—trong chính trị, trong nghệ thuật, trong biểu hiện kinh tế và trong đời sống xã hội chân chính, trong khoa học và trong tôn giáo. Có lẽ ở đây nên nhớ rằng lần duy nhất được ghi lại khi Đức Christ (với tư cách người trưởng thành) viếng Đền Thờ của người Do Thái, Ngài đã gây ra một sự xáo trộn! Nhân loại đang đi từ vinh quang này sang vinh quang khác và, trong toàn cảnh dài của lịch sử, điều này có thể thấy rõ một cách nổi bật. Vinh quang ấy ngày nay được mặc khải trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người, và cuộc Biến hình của những ai đang ở trên đỉnh làn sóng văn minh nhân loại đã rất gần kề.

4. Finally, in the triumph of the Crucifixion or (as it is more accurately called in the East) the Great Renunciation, [53] Christ, for the first time, anchored on Earth a tenuous thread of the divine Will as it issued from the Father's House (Shamballa), passed into the understanding custody of the Kingdom of God and, through the medium of the Christ, was brought to the attention of mankind. Through the instrumentality of certain great Sons of God, the three divine aspects or characteristics of the divine Trinity—will, love and intelligence—have become a part of human thinking and aspiration. Christians are apt to forget that the crisis in the final hours of the Christ was not that spent upon the Cross, but those spent in the Garden of Gethsemane. Then His will—in agony and almost despair—was submerged in that of the Father. "Father," He said, "not My will but Thine be done." (Luke XXII.42.)

4. Sau cùng, trong chiến thắng của cuộc Đóng Đinh hay (như ở phương Đông gọi chính xác hơn) Sự Từ Bỏ Vĩ Đại, [53] lần đầu tiên Đức Christ đã neo trên Trái Đất một sợi chỉ mong manh của Ý Chí thiêng liêng khi nó phát ra từ Nhà của Cha (Shamballa), đi vào sự gìn giữ đầy thấu hiểu của Thiên Giới và, qua trung gian của Đức Christ, được đưa đến sự chú ý của nhân loại. Thông qua tác động của một số người Con vĩ đại của Thượng đế, ba phương diện hay đặc tính thiêng liêng của Tam Vị thiêng liêng—ý chí, tình thương và trí tuệ—đã trở thành một phần của tư tưởng và khát vọng nhân loại. Những người Cơ Đốc thường quên rằng cơn khủng hoảng trong những giờ cuối cùng của Đức Christ không phải là thời gian trên Thập Giá, mà là những giờ trong Vườn Gethsemane. Khi ấy ý chí của Ngài—trong đau đớn và gần như tuyệt vọng—đã chìm vào ý chí của Đức Cha. "Lạy Cha," Ngài nói, "xin đừng theo ý Con, mà theo ý Cha." (Luke XXII.42.)

Something new, yet planned for from the very depth of time, happened then in that quiet garden; Christ, representing mankind,

Khi ấy, trong khu vườn tĩnh lặng ấy, một điều mới mẻ, tuy đã được hoạch định từ tận chiều sâu của thời gian, đã xảy ra; Đức

anchored or established the Father's Will on Earth and made it possible for intelligent humanity to carry it out. Hitherto, that Will had been known in the Father's House; it had been recognised and adapted to world need by the Spiritual Hierarchy, working under the Christ, and thus took shape as the divine Plan. Today, because of what Christ did in His moment of crisis hundreds of years ago, humanity can add its efforts to the working out of that Plan. The will-to-good of the Father's House can become the goodwill of the Kingdom of God and be transformed into right human relations by intelligent humanity. Thus the direct line or thread of God's will reaches now from the highest place to the lowest point, and can in due time become a cable of ascension for the sons of men and of descent for the loving, living spirit of God.

Christ, đại diện cho nhân loại, đã neo hay thiết lập Ý Chí của Cha trên Trái Đất và làm cho nhân loại có trí tuệ có thể thực hiện nó. Trước đó, Ý Chí ấy đã được biết trong Nhà của Cha; nó đã được Thánh đoàn tinh thần, hoạt động dưới quyền Đức Christ, công nhận và thích ứng với nhu cầu thế giới, và do đó mang hình thức như Thiên Cơ. Ngày nay, nhờ điều Đức Christ đã làm trong khoảnh khắc khủng hoảng của Ngài hàng trăm năm trước, nhân loại có thể thêm nỗ lực của mình vào việc triển khai Thiên Cơ ấy. Ý Chí-hướng Thiện của Nhà của Cha có thể trở thành thiện chí của Thiên Giới và được chuyển hóa thành những tương quan nhân loại đúng đắn bởi nhân loại có trí tuệ. Như vậy, đường thẳng hay sợi chỉ của ý chí Thượng đế nay vươn từ nơi cao nhất đến điểm thấp nhất, và đến đúng lúc có thể trở thành một sợi cáp thăng lên cho những người con của nhân loại và giáng xuống cho tinh thần sống động đầy bác ái của Thượng đế.

[54]

[54]

Let us forget distance, remoteness and vagueness and realise that we are talking of exact and literal happenings on our planet. We are dealing with recognitions and occurrences and with factual events which are the conscious possession of many. The Christ of history and the Christ in the human heart are planetary facts.

Chúng ta hãy quên đi khoảng cách, sự xa xôi và tính mơ hồ, và nhận ra rằng chúng ta đang nói về những sự kiện chính xác và theo nghĩa đen trên hành tinh của chúng ta. Chúng ta đang đề cập đến những sự công nhận và những biến cố, và đến những sự kiện thực tế mà nhiều người nắm rõ trong tâm thức. *Đức Christ của lịch sử và Đức Christ trong trái tim con người là những sự kiện hành tinh.*

There is one aspect of this return of the Christ which is never touched upon and to which no reference is ever made. It is the factor of what this coming out again among men, this return to outer everyday activity will mean to the Christ as He faces it. How will He feel when the hour of His appearance arrives?

Có một phương diện của sự trở lại này của Đức Christ mà không bao giờ được đề cập đến và không hề được nhắc tới. Đó là yếu tố liên quan đến việc sự xuất hiện trở lại giữa loài người này, sự trở về với hoạt động thường nhật bên ngoài này sẽ có ý nghĩa gì đối với chính Đức Christ khi Ngài đối diện

với nó. Ngài sẽ cảm thấy thế nào khi giờ xuất hiện của Ngài đến?

There is a great initiation spoken of in The New Testament to which we have given the name of the Ascension. Of it we know nothing. Only a few items of information are brought to us in the Gospel story; the fact of the mountain top, of attendant watchers, and of the words of Christ, assuring them that He was not leaving them. Then a cloud received Him out of their sight. (Acts I.9.) There were none present who could go further with Him. Their consciousness could not penetrate to the place where He had chosen to go; they even misinterpreted His words and only in a vague and mystical sense has humanity ever understood His disappearance, or the significance of His persistent but unobserved Presence. The watchers were assured by two of the Knowers of God Who were also present that He would come again in like manner. He ascended. The cloud received Him; today the clouds which cover our planet are waiting to reveal Him.

Có một cuộc điểm đạo lớn được nói đến trong *Tân Ước* mà chúng ta đã đặt tên là Thăng Thiên. Về điều đó chúng ta không biết gì cả. Chỉ có vài chi tiết thông tin được đưa đến cho chúng ta trong câu chuyện Phúc Âm; sự kiện về đỉnh núi, về những người quan sát đi cùng, và về những lời của Đức Christ, trấn an họ rằng Ngài không rời bỏ họ. Rồi một đám mây đón Ngài khuất khỏi tầm mắt họ. (Acts I.9.) Không ai hiện diện ở đó có thể đi xa hơn cùng Ngài. Tâm thức của họ không thể xuyên thấu đến nơi mà Ngài đã chọn để đi đến; họ thậm chí còn hiểu sai lời Ngài và chỉ trong một ý nghĩa mơ hồ và thần bí mà nhân loại từng hiểu sự biến mất của Ngài, hay ý nghĩa của Sự Hiện Diện bền bỉ nhưng không được nhận thấy của Ngài. Những người quan sát được hai thức giả của Thượng đế, cũng hiện diện ở đó, bảo đảm rằng Ngài sẽ trở lại theo cùng cách thức. Ngài đã thăng lên. Đám mây đã đón Ngài; ngày nay những đám mây bao phủ hành tinh chúng ta đang chờ để mặc khải Ngài.

He is now waiting to descend. This descent into our unhappy world of men can present Him with no alluring picture. From the quiet mountain retreat where He has waited, guided and watched over humanity and where [55] He has trained His disciples, initiates and the New Group of World Servers, He must come forth and take His place prominently on the world stage; take His part in the great drama which is there being played. This time, He will play His part, not in obscurity as He previously did but before the eyes of the entire world. Because of the smallness of our little planet, and because of the prevalence of the radio, of television and the rapidity of communication, His part will be watched by

Hiện nay Ngài đang chờ để giáng xuống. Sự giáng xuống này vào thế giới bất hạnh của loài người chúng ta hẳn không thể trình ra trước Ngài một bức tranh hấp dẫn nào. Từ nơi ẩn cư yên tĩnh trên núi, nơi Ngài đã chờ đợi, hướng dẫn và trông nom nhân loại, và nơi [55] Ngài đã huấn luyện các đệ tử, các điểm đạo đồ và Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian của Ngài, Ngài phải bước ra và đảm nhận vị trí nổi bật của mình trên sân khấu thế giới; đảm nhận phần việc của Ngài trong vở kịch lớn đang được diễn ra ở đó. Lần này, Ngài sẽ đóng vai của mình không phải trong âm thầm như trước kia mà trước mắt toàn thế giới. Vì hành tinh nhỏ bé của chúng ta quá nhỏ, và vì sự phổ biến của radio, truyền hình và tốc độ truyền thông, phần việc của

all and the prospect must surely, for Him, hold certain horror, must present its tests and major adjustments, plus painful and unavoidable experience. He does not come as the omnipotent God of man's ignorant creation, but as the Christ, the Founder of the Kingdom of God on Earth, to complete the work He started, and again to demonstrate divinity in far more difficult circumstances.

Ngài sẽ được mọi người theo dõi, và viễn cảnh ấy hẳn đối với Ngài chứa đựng một nỗi kinh hoàng nào đó, hẳn sẽ đặt ra những thử thách và những điều chỉnh lớn lao, cộng thêm những kinh nghiệm đau đớn và không thể tránh khỏi. Ngài không đến như vị Thượng đế toàn năng do sự ngu dốt của con người tạo dựng, mà đến như Đức Christ, Đấng Sáng Lập Thiên Giới trên Trái Đất, để hoàn tất công việc Ngài đã khởi sự, và một lần nữa minh chứng thiên tính trong những hoàn cảnh khó khăn hơn nhiều.

The Christ suffers, however, far more from those in His Own household than from those in the outer world; His work is more impeded by the advanced aspirant than by the intelligent thinker. It was not the cruelty of the outer world of men which caused the depths of sorrow to the Christ; it was His Own disciples, plus the massed sorrow—spread over the entire cycle of living—past, present and future—of humanity.

Tuy nhiên, Đức Christ chịu đau khổ nhiều hơn từ những người trong chính gia đình của Ngài hơn là từ những người ở thế giới bên ngoài; công việc của Ngài bị cản trở nhiều hơn bởi người chí nguyện tiến bộ hơn là bởi nhà tư tưởng thông minh. Không phải sự tàn nhẫn của thế giới bên ngoài của loài người đã gây nên chiều sâu đau buồn cho Đức Christ; mà là chính các đệ tử của Ngài, cộng với nỗi buồn khổ tích tụ của nhân loại—trải rộng trên toàn bộ chu kỳ sống—quá khứ, hiện tại và tương lai.

He comes to correct the mistakes and the misrepresentations of those who have dared to interpret His simple words in terms of their own ignorance, and to recognise those whose faithful service has made His return possible. He too is facing a major test, preparatory to a great initiation and when He has passed the test and fulfilled His task, He will pass to a still more exalted position in the Father's House or to some distant place of service where only the most exalted can follow Him; [56] His present position will then be taken by the One Whom He has prepared and trained.

Ngài đến để sửa chữa những sai lầm và những sự xuyên tạc của những kẻ đã dám diễn giải những lời đơn giản của Ngài theo sự ngu dốt của riêng họ, và để công nhận những ai mà sự phụng sự trung tín của họ đã làm cho sự trở lại của Ngài trở nên khả hữu. Chính Ngài cũng đang đối diện với một thử thách lớn, chuẩn bị cho một cuộc điểm đạo vĩ đại, và khi Ngài đã vượt qua thử thách và hoàn thành nhiệm vụ của mình, Ngài sẽ chuyển sang một vị trí còn cao cả hơn trong Nhà của Cha hoặc đến một nơi phụng sự xa xôi nào đó mà chỉ những Đấng cao cả nhất mới có thể theo Ngài; [56] khi ấy vị trí hiện tại của Ngài sẽ được đảm nhận bởi Đấng mà Ngài đã chuẩn bị và huấn luyện.

But before all this can happen, He must again enter the public arena, play His part in world affairs, and prove the scope of His mission. He will gather round Him, in the flesh, His chosen associates and advisors; these will not be the ones who gathered around in those earlier simpler days but those members of our human family who today recognise Him and are preparing to work with Him as far as in them lies. It is a different world to which He is now planning to return and this is largely due to the intellectual development of the mass of men. This presents Him with stupendous difficulties, for the intellects of men must now be reached and not just their hearts (as in the earlier days) if the Will of God is to be intelligently carried out on Earth. His major task is surely the establishing of right human relations in every department of human living. I would ask you to use your imagination and endeavour to think out what must be the implications of the task which confronts Him; I would ask you to ponder on the difficulties which He must inevitably face—the difficulty, above all, of mass intellectual wrong emphasis.

Nhưng trước khi tất cả điều này có thể xảy ra, Ngài phải một lần nữa bước vào đấu trường công khai, đảm nhận phần việc của Ngài trong các công việc thế giới, và chứng minh tầm mức sứ mệnh của Ngài. Ngài sẽ quy tụ quanh mình, trong xác thân, những cộng sự viên và cố vấn được tuyển chọn; họ sẽ không phải là những người đã tụ họp quanh Ngài trong những ngày đơn giản trước kia mà là những thành viên của gia đình nhân loại chúng ta, những người ngày nay nhận biết Ngài và đang chuẩn bị làm việc với Ngài trong khả năng của họ. Đó là một thế giới khác mà Ngài nay đang dự định trở lại, và điều này phần lớn là do sự phát triển trí tuệ của quần chúng. Điều này đặt ra cho Ngài những khó khăn to lớn, vì giờ đây trí tuệ của con người phải được tiếp cận chứ không chỉ trái tim họ (như trong những ngày trước kia), nếu Ý Chí của Thượng đế phải được thực hiện một cách thông minh trên Trái Đất. Nhiệm vụ chính yếu của Ngài chắc chắn là thiết lập những tương quan nhân loại đúng đắn trong mọi lĩnh vực của đời sống con người. Tôi muốn yêu cầu các bạn dùng sự tưởng tượng của mình và cố gắng suy nghĩ xem những hàm ý của nhiệm vụ đang đối diện Ngài phải là gì; tôi muốn yêu cầu các bạn suy ngẫm về những khó khăn mà Ngài tất yếu phải đối diện—trên hết là khó khăn của sự nhấn mạnh sai lầm về trí tuệ nơi quần chúng.

He, the Representative of the love of God, is asked to work again in the world arena wherein His earlier message has been negated, forgotten or misinterpreted for two thousand years, and wherein hate and separativeness have distinguished all men everywhere. This will plunge Him into a foreign atmosphere and into a situation wherein all His divine resources will be needed, and will have to be tried out to the uttermost. The generally accepted idea that

Ngài, Đấng Đại Diện cho tình thương của Thượng đế, được yêu cầu lại làm việc trong đấu trường thế giới, nơi thông điệp trước kia của Ngài đã bị phủ nhận, bị lãng quên hoặc bị diễn giải sai trong suốt hai ngàn năm, và nơi hận thù cùng tính chia rẽ đã là dấu ấn của mọi người ở khắp nơi. Điều này sẽ đưa Ngài vào một bầu khí xa lạ và vào một tình huống trong đó mọi nguồn lực thiêng liêng của Ngài sẽ cần đến, và sẽ phải được thử thách đến mức tối đa. Ý tưởng được chấp

He will return as a triumphant warrior, omnipotent and irresistible, has surely no basis in fact. That He will ultimately lead His people, humanity, [57] into Jerusalem is a fact, founded on a secure foundation, but it will not be into a Jewish city called Jerusalem but into "the place of peace" (as the word "Jerusalem" means). A careful consideration of the world situation today and a dedicated use of the imagination will reveal to the sincere thinker how appalling is the task which He has undertaken. But He has again "set His face to go to Jerusalem." (Luke IX.51.) He will re-appear and guide mankind into a civilisation and a state of consciousness in which right human relations and worldwide cooperation for the good of all will be the universal keynote. He will—through the New Group of World Servers and the men of goodwill—complete His association with the Will of God (His Father's business) in such a manner that the eternal will-to-good will be translated by humanity into goodwill and right relations. Then His task will be done; He will be free again to leave us, but this time not to return but to leave the world of men in the hands of that great spiritual Server Who will be the new Head of the Hierarchy, the Church Invisible.

nhận rộng rãi rằng Ngài sẽ trở lại như một chiến binh chiến thắng, toàn năng và không thể cưỡng lại, hẳn không có cơ sở nào trong thực tế. Rằng cuối cùng Ngài sẽ dẫn dắt dân của Ngài, nhân loại, [57] vào Jerusalem là một sự kiện, được đặt trên một nền tảng vững chắc, nhưng đó sẽ không phải là vào một thành phố Do Thái gọi là Jerusalem mà là vào "nơi chốn của hòa bình" (như từ "Jerusalem" có nghĩa). Một sự xem xét cẩn trọng tình hình thế giới ngày nay và một sự sử dụng tận hiến đối với sự tưởng tượng sẽ cho nhà tư tưởng chân thành thấy nhiệm vụ mà Ngài đã đảm nhận đáng sợ đến mức nào. Nhưng Ngài lại một lần nữa "quyết tâm đi lên Jerusalem." (Luke IX.51.) Ngài sẽ tái xuất hiện và dẫn dắt nhân loại vào một nền văn minh và một trạng thái tâm thức trong đó những tương quan nhân loại đúng đắn và sự hợp tác toàn cầu vì lợi ích của tất cả sẽ là chủ âm phổ quát. Ngài sẽ—thông qua Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và những người thiện chí—hoàn tất sự liên kết của Ngài với Ý Chí của Thượng đế (công việc của Cha Ngài) theo cách mà Ý Chí-hướng Thiện vĩnh cửu sẽ được nhân loại chuyển dịch thành thiện chí và những tương quan đúng đắn. Khi ấy nhiệm vụ của Ngài sẽ hoàn tất; Ngài sẽ lại được tự do rời chúng ta, nhưng lần này không phải để trở lại mà để trao thế giới loài người vào tay Đấng Phụng Sự tinh thần vĩ đại sẽ là vị Tân Thủ Lãnh của Thánh đoàn, Giáo Hội Vô Hình.

The question now arises: In what way can we be of service? How can we aid during this preparatory stage?

Câu hỏi nay được đặt ra là: Chúng ta có thể phụng sự bằng cách nào? Chúng ta có thể trợ giúp ra sao trong giai đoạn chuẩn bị này?

What the members of the Spiritual Hierarchy are doing is much indeed; those disciples who are in conscious touch with the Masters of the Wisdom—or, if you prefer the term, with the senior disciples of the Christ—are working day and night in order

Điều mà các thành viên của Thánh đoàn tinh thần đang làm quả thật rất nhiều; những đệ tử đang có tiếp xúc có ý thức với các Chân sư Minh Triết—hay, nếu bạn thích cách gọi ấy, với các đệ tử cao cấp của Đức Christ—đang làm việc ngày đêm để thiết lập

to establish such confidence, correct attitudes and an understanding of the divine spiritual "push" or enterprise that His way will be made easier. They and their groups of lesser disciples, aspirants and students of the realities stand unitedly behind the Christ and can thus enable Him to accomplish His purpose. Their major realisation is that of a cyclic crisis in the spiritual life of our planet; it is one which [58] has been anticipated in the Father's House (Shamballa) for thousands of years. They have registered the fact that, for the first time in human history, all the three spiritual centres or groups through which God works are unitedly focussed on the same objective. Shamballa, the Spiritual Hierarchy and Humanity (the Father's House, the Kingdom of God and the World of Men) are all striving in one vast movement for an intensification of the Light of the World. This Light will irradiate (in a fashion unknown before) not only the Father's House, which is the source of all our planetary light but also the spiritual centre from which have come all those Teachers and World Saviours Who have stood before men and said, as did Hermes, the Buddha and the Christ: "I am the Light of the World." This light will now flood the world of men, bringing illumination to men's minds and light into the dark places of human living.

niềm tin tưởng như thế, những thái độ đúng đắn như thế và một sự thấu hiểu như thế về "xung lực" hay công cuộc tinh thần thiêng liêng, để con đường của Ngài được dễ dàng hơn. Họ và các nhóm gồm những đệ tử ở cấp thấp hơn, những người chí nguyện và những đạo sinh của các thực tại cùng đứng phía sau Đức Christ, và nhờ đó có thể giúp Ngài hoàn thành mục đích của mình. Sự chứng nghiệm chính yếu của họ là về một cuộc khủng hoảng theo chu kỳ trong đời sống tinh thần của hành tinh chúng ta; đó là cuộc khủng hoảng [58] đã được dự liệu trong Nhà của Cha (Shamballa) từ hàng ngàn năm. Họ đã ghi nhận sự kiện rằng, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, cả ba trung tâm hay nhóm tinh thần mà qua đó Thượng đế hoạt động đều cùng tập trung vào một mục tiêu. Shamballa, Thánh đoàn tinh thần và Nhân loại (Nhà của Cha, Thiên Giới và Thế Giới của loài người) đều đang nỗ lực trong một vận động bao la duy nhất nhằm tăng cường Ánh Sáng của Thế Gian. Ánh Sáng này sẽ chiếu rọi (theo một cách chưa từng biết trước đây) không chỉ Nhà của Cha, vốn là nguồn của mọi ánh sáng hành tinh của chúng ta, mà còn cả trung tâm tinh thần từ đó đã xuất hiện tất cả những Huấn Sư và Đấng Cứu Rỗi Thế Gian đã đứng trước loài người và nói, như Hermes, Đức Phật và Đức Christ đã nói: "Ta là Ánh Sáng của Thế Gian." Ánh sáng này giờ đây sẽ tràn ngập thế giới loài người, mang sự soi sáng đến trí tuệ con người và ánh sáng vào những nơi tối tăm của đời sống nhân loại.

It is light and—above all else—"life more abundantly" which Christ will bring, and until He brings it we know not what it signifies; we cannot realise the revelation which this will entail and the new possibilities which will open up before us. But through Him, light and life are on their way, to be interpreted and applied in terms of goodwill and of right human relations.

Chính ánh sáng và—trên hết mọi điều khác—"sự sống dồi dào hơn" mà Đức Christ sẽ mang đến, và cho đến khi Ngài mang nó đến, chúng ta không biết nó hàm ý gì; chúng ta không thể chứng nghiệm sự mặc khải mà điều này sẽ kéo theo và những khả năng mới sẽ mở ra trước mắt chúng ta. Nhưng qua Ngài, ánh sáng và sự sống đang trên đường đến, để được diễn giải và áp dụng theo tinh

For this the Spiritual Hierarchy is preparing. This time the Christ will not come alone for His co-workers will come with Him. His experience and Theirs will be the reverse of the previous one, for this time every eye will see Him, every ear will hear Him and every mind will pass judgment upon Him.

thần thiện chí và những tương quan nhân loại đúng đắn. Thánh đoàn tinh thần đang chuẩn bị cho điều này. Lần này Đức Christ sẽ không đến một mình vì các cộng sự viên của Ngài sẽ đi cùng Ngài. Kinh nghiệm của Ngài và của họ sẽ trái ngược với lần trước, vì lần này mọi mắt sẽ thấy Ngài, mọi tai sẽ nghe Ngài và mọi trí tuệ sẽ phán xét Ngài.

We can freely aid in the reconstruction work which the Christ proposes, if we will familiarise ourselves and all men whom we can contact with the following facts:

Chúng ta có thể tự do trợ giúp trong công cuộc tái thiết mà Đức Christ dự định, nếu chúng ta làm cho chính mình và tất cả những người mà chúng ta có thể tiếp xúc quen thuộc với các sự kiện sau đây:

1. That the reappearance of Christ is imminent. [59]

1. Rằng sự tái xuất hiện của Đức Christ đã cận kề. [59]

2. That the Christ, immanent in every human heart, can be evoked in recognition of His appearance.

2. Rằng Đức Christ, nội tại trong mỗi trái tim con người, có thể được gợi lên để nhận biết sự xuất hiện của Ngài.

3. That the circumstances of His return are only symbolically related in the world Scriptures; this may produce a vital change in the preconceived ideas of humanity.

3. Rằng các hoàn cảnh của sự trở lại của Ngài chỉ được thuật lại một cách biểu tượng trong các Kinh điển thế giới; điều này có thể tạo ra một thay đổi sống còn trong những ý niệm định sẵn của nhân loại.

4. That the major required preparation is a world at peace; however, that peace must be based on an educated goodwill, which will lead inevitably to right human relations, and, therefore, to the establishment (figuratively speaking) of lines of light between nation and nation, religion and religion, group and group and man and man.

4. Rằng sự chuẩn bị chính yếu cần thiết là một thế giới hòa bình; tuy nhiên, hòa bình ấy phải được đặt trên nền tảng của một thiện chí được giáo dục, điều tất yếu sẽ dẫn đến những tương quan nhân loại đúng đắn, và do đó, dẫn đến việc thiết lập (nói theo nghĩa bóng) những đường ánh sáng giữa quốc gia với quốc gia, tôn giáo với tôn giáo, nhóm với nhóm và người với người.

If we can succeed in presenting these four ideas to the world at large, and thus in overcoming the intelligent criticism that all that is said is too vague, prophetic, and visionary, we shall have done much. It is

Nếu chúng ta có thể thành công trong việc trình bày bốn ý tưởng này cho thế giới nói chung, và nhờ đó vượt qua sự phê phán thông minh cho rằng tất cả những gì được nói ra đều quá mơ hồ, mang tính tiên tri và

possible surely that the ancient truism that "the mind is the slayer of the real" may be fundamentally true where the mass of humanity is concerned and that the purely intellectual approach (which rejects the vision and refuses to accept the unprovable) may be far more at fault than the anticipation of the Knowers of God and the expectant multitude.

mơ mộng, thì chúng ta sẽ làm được rất nhiều. Chắc chắn có thể là chân lý cổ xưa rằng "trí tuệ là kẻ sát hại cái thực" có thể đúng một cách căn bản đối với quần chúng nhân loại, và rằng cách tiếp cận thuần trí tuệ (vốn bác bỏ linh ảnh và từ chối chấp nhận điều không thể chứng minh) có thể sai lầm nhiều hơn là sự dự liệu của các thức giả của Thượng đế và của đám đông đang mong đợi.

The intelligence of divinity is vested in the Spiritual Hierarchy, and that Hierarchy is today composed of Those Who have united in Themselves both the intellect and the intuition, the practical and the apparently impractical, the factual way of life and way of the man who sees a vision. There are also people who must be found in the market place of daily life; these are the people who must be trained in the divine recognitions which are essentially physical plane responses to the newer expansions of consciousness. The Christ Who will return will not be like the Christ Who (apparently) departed. He will not be a "man of sorrows"; He will not be a silent pensive figure; He will be the enunciator of spiritual statements which [60] will not necessitate interpretation and receive the wrong interpretation, because He will be present to indicate the true meaning.

Trí tuệ của thiên tính được ký thác trong Thánh đoàn tinh thần, và Thánh đoàn ấy ngày nay được cấu thành bởi Những Đấng đã hợp nhất trong chính mình cả trí tuệ lẫn trực giác, cái thực tiễn lẫn cái dường như không thực tiễn, lối sống thực tế và lối sống của con người thấy được linh ảnh. Cũng có những người phải được tìm thấy trong chợ đời hằng ngày; đây là những người phải được huấn luyện trong những sự nhận biết thiêng liêng vốn về bản chất là những đáp ứng trên cõi hồng trần đối với những sự mở rộng tâm thức mới hơn. Đức Christ sẽ trở lại sẽ không giống Đức Christ đã (dường như) ra đi. Ngài sẽ không là một "người của sầu khổ"; Ngài sẽ không là một hình ảnh trầm lặng, trầm tư; Ngài sẽ là Đấng tuyên xướng những mệnh đề tinh thần [60] không cần đến sự diễn giải và cũng không nhận lấy sự diễn giải sai lầm, vì chính Ngài sẽ hiện diện để chỉ ra ý nghĩa chân thực.

He has been for two thousand years the supreme Head of the Church Invisible, the Spiritual Hierarchy, composed of disciples of all faiths. He recognises and loves those who are not Christian but who retain their allegiance to Their Founders—the Buddha, Mohammed and others. He cares not what the faith is if the objective is love of God and of humanity. If men look for the Christ Who left His disciples centuries ago, they will fail to recognise the Christ Who is in process of returning. The Christ has no religious

Trong hai ngàn năm, Ngài đã là Thủ Lãnh tối cao của Giáo Hội Vô Hình, Thánh đoàn tinh thần, gồm các đệ tử của mọi tín ngưỡng. Ngài công nhận và yêu thương những ai không phải là Cơ Đốc nhân nhưng vẫn giữ lòng trung thành với các Đấng Sáng Lập của họ—Đức Phật, Mohammed và những vị khác. Ngài không quan tâm tín ngưỡng là gì nếu mục tiêu là tình thương đối với Thượng đế và nhân loại. Nếu con người tìm kiếm Đức Christ đã rời các đệ tử của Ngài nhiều thế kỷ trước, họ sẽ không nhận ra Đức Christ đang

barriers in His consciousness. It matters not to Him of what faith a man may call himself.

trong tiến trình trở lại. Đức Christ không có những rào cản tôn giáo trong tâm thức của Ngài. Đối với Ngài, một người tự gọi mình thuộc tín ngưỡng nào không quan trọng.

The Son of God is on His way and He cometh not alone. His advance guard is already here and the Plan which they must follow is already made and clear. Let recognition be the aim.

Con của Thượng đế đang trên đường đến và Ngài không đến một mình. Đội tiên phong của Ngài đã ở đây rồi và Thiên Cơ mà họ phải theo đã được lập ra và rõ ràng. Hãy lấy sự nhận biết làm mục tiêu.

CHAPTER FOUR - THE WORK OF THE CHRIST TODAY AND IN THE FUTURE — CHƯƠNG BỐN - CÔNG VIỆC CỦA ĐỨC CHRIST NGÀY NAY VÀ TRONG TƯƠNG LAI

[61]

We have seen that the doctrine of great Appearances and of the coming of Avatars or World Teachers or Saviours underlies all the world religions. Through Them, the continuity of revelation is implemented and humanity is enabled, each successive age, to take its next step forward along the Path of Evolution closer to God and that divine Centre in which the will of the One "in Whom we live and move and have our being" (as St. Paul expressed it in Acts XVII.28) is focussed, understood and directed. We have touched upon the mission of two of these Avatars—the Buddha, the Messenger of Light for the East, and the Christ, the Messenger of Love for the West—and Their work for the entire world; we have also considered the unique opportunity with which Christ is today faced and the response He made in 1945 when He signified His intention to reappear and gave the great Invocation to us as an aid in the preparatory work with which we are immediately confronted. It would seem appropriate at this point to consider the nature of the work which He will do and also the teaching which He will probably give. The fact of the continuity of the revelation and teaching given down the ages entitles us to a wise consideration and spiritual speculation upon the probable lines which His work will take.

[61]

Chúng ta đã thấy rằng giáo lý về những lần xuất hiện vĩ đại và về sự xuất hiện của các Đấng Hoá Thân hay các Đức Chưởng Giáo hoặc các Đấng Cứu Thế là nền tảng của mọi tôn giáo trên thế giới. Qua Các Ngài, tính liên tục của sự mặc khải được thực hiện, và nhân loại được tạo điều kiện, trong mỗi thời đại kế tiếp, tiến thêm bước kế tiếp của mình trên Con Đường tiến hoá, đến gần Thượng đế hơn và gần trung tâm thiêng liêng ấy hơn, nơi ý chí của Đấng "trong Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu" (như Thánh Paul đã diễn đạt trong Công Vụ XVII.28) được tập trung, được thấu hiểu và được định hướng. Chúng ta đã đề cập đến sứ mệnh của hai trong số các Đấng Hoá Thân này—Đức Phật, Sứ Giả của Ánh Sáng cho phương Đông, và Đức Christ, Sứ Giả của Bác ái cho phương Tây—và công việc của Các Ngài cho toàn thế giới; chúng ta cũng đã xem xét cơ hội độc nhất mà Đức Christ đang đối diện ngày nay và sự đáp ứng của Ngài vào năm 1945 khi Ngài biểu thị ý định tái xuất hiện và ban cho chúng ta Đại Khấn Nguyện như một trợ lực trong công việc chuẩn bị mà chúng ta đang trực tiếp đối diện. Ở điểm này, dường như thích hợp để xem xét bản chất của công việc mà Ngài sẽ làm và cả giáo huấn mà có lẽ Ngài sẽ ban ra. Sự kiện về tính liên tục của sự mặc khải và giáo huấn đã được truyền xuống qua các thời đại cho phép chúng ta suy xét một cách minh triết và suy đoán tinh thần về những đường hướng có thể có mà công việc của Ngài sẽ mang lấy.

Over the years, much has been given out from many sources, schools of thought and churches about the Christ, [62] the situation which He faces and the probabilities as to His reappearance. Disciples, aspirants, and men of goodwill have done much already to prepare the world for His so-called return. Today, the East and the West stand equally expectant. As we approach the theme of His work, it is essential that we remember that the Eastern Teacher embodied in Himself the Wisdom of God, of which human intelligence (the third aspect of divinity) is an expression; that through Christ, the second divine aspect was revealed in its perfection; and in Him two aspects, therefore, light and love, received full expression. It remains now for the highest of the divine aspects, the Will of God, to receive embodiment and for this the Christ is preparing. The continuity of revelation may not stop; and upon what other expressions of the divine nature may still later be revealed it is needless for us to speculate.

Qua nhiều năm, nhiều điều đã được công bố từ nhiều nguồn, nhiều trường phái tư tưởng và nhiều giáo hội về Đức Christ, [62] về hoàn cảnh mà Ngài đang đối diện và về những khả năng liên quan đến sự tái xuất hiện của Ngài. Các đệ tử, những người chí nguyện, và những người thiện chí đã làm được rất nhiều để chuẩn bị thế giới cho cái gọi là sự trở lại của Ngài. Ngày nay, phương Đông và phương Tây đều đứng trong cùng một sự mong đợi. Khi chúng ta tiến đến chủ đề về công việc của Ngài, điều thiết yếu là phải nhớ rằng Vị Huấn Sư phương Đông đã hiện thân trong chính Ngài Minh triết của Thượng đế, mà trí thông minh của con người (phương diện thứ ba của thiên tính) là một biểu hiện; rằng qua Đức Christ, phương diện thiêng liêng thứ hai đã được mặc khải trong sự toàn hảo của nó; và vì vậy trong Ngài, hai phương diện, ánh sáng và bác ái, đã nhận được sự biểu lộ trọn vẹn. Giờ đây còn lại phương diện cao nhất của thiên tính, Ý Chí của Thượng Đế, cần được hiện thân, và cho điều này Đức Christ đang chuẩn bị. Tính liên tục của sự mặc khải không thể dừng lại; và về những biểu hiện nào khác của bản chất thiêng liêng có thể còn được mặc khải về sau nữa thì chúng ta không cần suy đoán.

The uniqueness of the impending mission of the Christ and the uniqueness of His opportunity consist in the fact that He is able—in Himself—to give expression to two divine energies: the energy of love and the energy of will, the magnetic potency of love and the dynamic effectiveness of the divine will. Never before, in the long long history of humanity, has such a revelation been possible.

Tính độc nhất của sứ mệnh sắp đến của Đức Christ và tính độc nhất của cơ hội của Ngài nằm ở sự kiện rằng Ngài có thể—trong chính Ngài—biểu lộ hai năng lượng thiêng liêng: năng lượng bác ái và năng lượng ý chí, tiềm lực từ tính của bác ái và hiệu quả năng động của ý chí thiêng liêng. Chưa bao giờ trước đây, trong lịch sử rất dài rất dài của nhân loại, một sự mặc khải như thế lại có thể xảy ra.

The work and the teaching of the Christ will be hard for the Christian world to accept, though easier of assimilation in the East. Nevertheless, some hard blow or some

Công việc và giáo huấn của Đức Christ sẽ khó được thế giới Cơ Đốc giáo chấp nhận, dù ở phương Đông sẽ dễ đồng hoá hơn. Tuy nhiên, một cú đánh mạnh nào đó hoặc một

difficult presentation of the truth is badly needed if the Christian world is to be awakened, and if Christian people are to recognise their place within a worldwide divine revelation and see Christ as representing all the faiths and taking His rightful place as World Teacher. He is the World Teacher and not a Christian teacher. He Himself told us that He had other folds and to them He has meant [63] as much as He has meant to the orthodox Christian. They may not call Him Christ, but they have their own name for Him and follow Him as truly and faithfully as their Western brethren.

sự trình bày chân lý khó khăn nào đó lại rất cần thiết nếu thế giới Cơ Đốc giáo phải được đánh thức, và nếu những người Cơ Đốc giáo phải nhận ra vị trí của mình trong một sự mặc khải thiêng liêng toàn cầu và thấy Đức Christ như đại diện cho mọi đức tin và đảm nhận vị trí chính đáng của Ngài là Đức Chưởng Giáo. Ngài là Đức Chưởng Giáo của *thế giới* chứ không phải một huấn sư Cơ Đốc giáo. Chính Ngài đã nói với chúng ta rằng Ngài có những đàn chiên khác và đối với họ Ngài đã có ý nghĩa [63] nhiều như đối với người Cơ Đốc giáo chính thống. Có thể họ không gọi Ngài là Christ, nhưng họ có tên riêng của họ dành cho Ngài và đi theo Ngài chân thật và trung tín không kém gì những huynh đệ phương Tây của họ.

Let us look for a moment at the erroneous interpretations given to the Gospel story. The symbolism of that Gospel story—an ancient story-presentation often presented down the ages, prior to the coming of the Christ in Palestine—has been twisted and distorted by theologians until the crystalline purity of the early teaching and the unique simplicity of the Christ have disappeared in a travesty of errors and in a mummery of ritual, money and human ambitions. Christ is pictured today as having been born in an unnatural manner, as having taught and preached for three years and then as having been crucified and eventually resurrected, leaving humanity in order to "sit on the right hand of God," in austere and distant pomp. Likewise, all the other approaches to God by any other people, at any time and in any country, are regarded by the orthodox Christian as wrong approaches, as being practised by so-called "heathen," and as requiring Christian interference. Every possible effort has been made to force orthodox Christianity on those who accept the inspiration and the teachings of the Buddha or of others who have been

Chúng ta hãy nhìn trong chốc lát vào những cách giải thích sai lầm đã được gán cho câu chuyện Phúc Âm. Tính biểu tượng của câu chuyện Phúc Âm ấy—một sự trình bày cổ xưa dưới hình thức câu chuyện, thường được trình bày qua các thời đại trước khi Đức Christ đến Palestine—đã bị các nhà thần học vặn xoắn và bóp méo cho đến khi sự tinh khiết trong suốt như pha lê của giáo huấn ban đầu và sự đơn giản độc nhất của Đức Christ đã biến mất trong một sự xuyên tạc đầy sai lầm và trong một trò diễn nghi lễ, tiền bạc và tham vọng của con người. Đức Christ ngày nay được mô tả như đã sinh ra theo một cách không tự nhiên, như đã dạy dỗ và thuyết giảng trong ba năm rồi bị đóng đinh và cuối cùng sống lại, rời bỏ nhân loại để "ngồi bên hữu Thượng đế," trong vẻ uy nghiêm khắc khổ và xa cách. Tương tự như vậy, mọi cách tiếp cận khác đến Thượng đế của bất kỳ dân tộc nào khác, vào bất kỳ thời nào và ở bất kỳ quốc gia nào, đều bị người Cơ Đốc giáo chính thống xem là những cách tiếp cận sai lầm, là do những kẻ được gọi là "ngoại giáo" thực hành, và là điều cần có sự can thiệp của Cơ Đốc giáo. Mọi nỗ lực có thể đã được thực hiện để áp đặt Cơ Đốc giáo

responsible for preserving the divine continuity of revelation. The emphasis has been, as we all well know, upon the "blood sacrifice of the Christ" upon the Cross and upon a salvation dependent upon the recognition and acceptance of that sacrifice. The vicarious at-one-ment has been substituted for the reliance which Christ Himself enjoined us to place upon our own divinity; the Church of Christ has made itself famous and futile (as the world war proved) for its narrow creed, its wrong emphases, its clerical pomp, its spurious authority, [64] its material riches and its presentation of a dead Christ. His resurrection is accepted, but the major appeal of the churches has been upon His death.

chính thống lên những người chấp nhận cảm hứng và giáo huấn của Đức Phật hoặc của những vị khác, những vị đã chịu trách nhiệm bảo tồn tính liên tục thiêng liêng của sự mặc khải. Như tất cả chúng ta đều biết rõ, trọng tâm đã được đặt vào "sự hi sinh bằng máu của Đức Christ" trên Thập giá và vào một sự cứu rỗi tùy thuộc vào việc thừa nhận và chấp nhận sự hi sinh ấy. Sự chuộc tội thay đã được đặt vào chỗ của sự nương cậy mà chính Đức Christ đã khuyên chúng ta đặt vào thiên tính của chính mình; Giáo hội của Đức Christ đã tự làm cho mình vừa nổi tiếng vừa vô ích (như chiến tranh thế giới đã chứng minh) bởi tín điều hẹp hòi, những chỗ nhấn mạnh sai lầm, vẻ huy hoàng giáo sĩ, thẩm quyền giả tạo, [64] sự giàu có vật chất và sự trình bày một Đức Christ đã chết. Sự phục sinh của Ngài được chấp nhận, nhưng sức kêu gọi chủ yếu của các giáo hội lại đặt trên cái chết của Ngài.

Christ has been for two thousand years a silent, passive Figure, hidden behind a multitude of words written by a multitude of men (commentators and preachers). The church has pointed us to the dying Christ upon the Cross and not to the living, working, active, present Christ Who has been with us in bodily Presence (according to His promise) for twenty centuries.

Trong hai ngàn năm, Đức Christ đã là một Hình Ảnh im lặng, thụ động, bị che khuất sau vô số lời lẽ do vô số người viết ra (các nhà chú giải và các nhà giảng đạo). Giáo hội đã chỉ cho chúng ta Đức Christ đang chết trên Thập giá chứ không phải Đức Christ sống động, đang làm việc, đang hoạt động, đang hiện diện, Đấng đã ở cùng chúng ta trong Sự Hiện Diện bằng thân thể (theo lời hứa của Ngài) suốt hai mươi thế kỷ.

Let us, therefore, endeavour to get a truer picture of Christ's activities and life and—consequently—of our future hope. Let us try and realise the ever-present yet divine Person, laying His plans for the future helping of humanity, assessing His resources, influencing His disciples and organising the details which will attend His reappearance. We need to awaken faith in the factual nature of divine revelation, and galvanise the church of Christ into a truer

Vì vậy, chúng ta hãy cố gắng có được một bức tranh chân thực hơn về các hoạt động và đời sống của Đức Christ và—do đó—về niềm hy vọng tương lai của chúng ta. Chúng ta hãy cố gắng chứng nghiệm Con Người thiêng liêng nhưng luôn hiện diện ấy, đang đặt ra các kế hoạch của Ngài cho sự trợ giúp tương lai đối với nhân loại, đang lượng định các nguồn lực của Ngài, đang ảnh hưởng đến các đệ tử của Ngài và đang tổ chức những chi tiết sẽ đi kèm với sự tái xuất hiện của Ngài.

appreciation of Him and of His work. It is the living, acting, thinking Christ with whom we must deal, remembering always that the Gospel story is eternally true and only needs re-interpreting in the light of its place in the long succession of divine revelations. His Mission on earth two thousand years ago is a part of that continuity and is not an extraordinary story, having no relation to the past, emphasising a period of only 33 years and presenting no clear hope for the future.

Chúng ta cần đánh thức đức tin vào bản chất *thực tế* của sự mặc khải thiêng liêng, và làm rung chuyển giáo hội của Đức Christ để đi đến một sự đánh giá chân thực hơn về Ngài và về công việc của Ngài. Chính Đức Christ sống động, hành động, suy tư mà chúng ta phải đề cập đến, luôn luôn nhớ rằng *câu chuyện Phúc Âm là vĩnh viễn chân thật* và chỉ cần được diễn giải lại dưới ánh sáng vị trí của nó trong chuỗi dài những sự mặc khải thiêng liêng. Sứ mệnh của Ngài trên Trái Đất hai ngàn năm trước là một phần của tính liên tục ấy chứ không phải một câu chuyện phi thường, không liên hệ gì với quá khứ, chỉ nhấn mạnh một giai đoạn 33 năm và không đưa ra hy vọng rõ ràng nào cho tương lai.

What is the hope held out today by the orthodox and unimaginative theologians? That at some distant date, known only to the inscrutable will of God the Father, Christ will issue forth from His seat at the right hand of God, and (followed by His angels and by the Church invisible) descending upon the clouds of Heaven, to the sound of a trumpet, He will make an appearance in [65] Jerusalem. The battle raging at that time will then end, and He will enter the city of Jerusalem to rule for one thousand years. During this millennium, Satan or the principle of evil will be bound or imprisoned, and there will be a new heaven and new earth. Further than that, we are told nothing; humanity hopes for so much more that the picture presented does not intrigue them.

Ngày nay, niềm hy vọng nào đang được các nhà thần học chính thống và thiếu tưởng tượng đưa ra? Rằng vào một ngày xa xôi nào đó, chỉ được biết bởi ý chí bất khả tư nghị của Thượng đế Cha, Đức Christ sẽ rời khỏi chỗ ngồi của Ngài bên hữu Thượng đế, và (được theo sau bởi các thiên thần của Ngài và bởi Giáo hội vô hình) giáng xuống trên những đám mây của Thiên Đàng, giữa tiếng kèn, Ngài sẽ xuất hiện tại [65] Jerusalem. Trận chiến đang diễn ra vào lúc đó rồi sẽ chấm dứt, và Ngài sẽ vào thành Jerusalem để cai quản trong một ngàn năm. Trong thiên niên kỷ này, Satan hay nguyên lý của điều ác sẽ bị trói buộc hoặc giam cầm, và sẽ có một trời mới và một đất mới. Ngoài điều đó ra, chúng ta không được nói gì thêm; nhân loại hy vọng nhiều hơn thế rất nhiều nên bức tranh được trình bày không làm họ quan tâm.

Behind this portrayal, if rightly interpreted, stands the human, the loving and the divine Presence of the Christ, embodying divine love and wielding divine power, directing His Church and establishing the Kingdom of God on Earth. What is this church of Christ? It is constituted of the sum total of all those

Đằng sau sự mô tả này, nếu được diễn giải đúng, là Sự Hiện Diện nhân bản, đầy bác ái và thiêng liêng của Đức Christ, hiện thân cho bác ái thiêng liêng và vận dụng quyền năng thiêng liêng, đang hướng dẫn Giáo hội của Ngài và thiết lập Thiên Giới trên Trái Đất. Giáo hội của Đức Christ này là gì? Nó được

in whom the life of Christ or the Christ-consciousness is to be found or is in process of finding expression; it is the aggregation of all who love their fellowmen, because to love one's fellowmen is the divine faculty which makes us full members of Christ's community. It is not the accepting of any historical fact or theological creed which places us en rapport with Christ. The citizens of the Kingdom of God are all those who are deliberately seeking the light and attempting (through self-imposed discipline) to stand before the One Initiator; this worldwide group (whether in the body or out of it) accepts the teaching that "the sons of men are one"; they know that divine revelation is continuous and ever new, and that the divine Plan is working itself out on Earth.

cấu thành bởi tổng số tất cả những ai trong đó sự sống của Đức Christ hay tâm thức Christ được tìm thấy hoặc đang trong tiến trình tìm được sự biểu lộ; nó là sự tập hợp của tất cả những ai yêu thương đồng loại của mình, bởi vì yêu thương đồng loại là năng lực thiêng liêng khiến chúng ta trở thành những thành viên trọn vẹn của cộng đồng Đức Christ. Không phải việc chấp nhận một sự kiện lịch sử nào hay một tín điều thần học nào đặt chúng ta vào mối liên hệ với Đức Christ. Công dân của Thiên Giới là tất cả những ai đang có chủ ý tìm kiếm ánh sáng và cố gắng (qua kỷ luật do chính mình áp đặt) đứng trước Đấng Điểm đạo duy nhất; nhóm toàn cầu này (dù trong thân xác hay ngoài thân xác) chấp nhận giáo huấn rằng "những người con của nhân loại là một"; họ biết rằng sự mặc khải thiêng liêng là liên tục và luôn luôn mới, và rằng Thiên Cơ thiêng liêng đang tự triển khai trên Trái Đất.

There are those today on Earth who know that through the instrumentality, the inspiration and the instruction of those sons of men who have wrought out their divinity in the crucible of daily human living the Kingdom of God will come into being; these Knowers now work actively, under the direct impression of the Christ, in leading humanity [66] from darkness to light and from death to immortality.

Ngày nay có những người trên Trái Đất biết rằng qua sự tác động, cảm hứng và giáo huấn của những người con của nhân loại đã rèn luyện thiên tính của mình trong lò nung của đời sống nhân loại hằng ngày mà Thiên Giới sẽ xuất hiện; những thức giả này hiện đang hoạt động tích cực, dưới sự cảm ứng trực tiếp của Đức Christ, trong việc dẫn dắt nhân loại [66] từ bóng tối đến ánh sáng và từ cái chết đến sự bất tử.

These are the great underlying truths which are distinctive of the Christ, of the Buddha, and of the Church of God, as it expresses itself in the East and in the West; these are the only truths which matter. In the future, the eyes of humanity will be fixed upon Christ and not upon any such manmade institutions as the Church and its dignitaries; Christ will be seen as He is in reality, working through His disciples, through the Masters of the Wisdom and

Đó là những chân lý nền tảng vĩ đại đặc trưng cho Đức Christ, cho Đức Phật, và cho Giáo hội của Thượng đế, như nó biểu lộ ở phương Đông và phương Tây; đó là những chân lý duy nhất quan trọng. Trong tương lai, mắt của nhân loại sẽ hướng vào Đức Christ chứ không hướng vào bất kỳ định chế do con người tạo ra nào như Giáo hội và các chức sắc của nó; Đức Christ sẽ được thấy như Ngài thực sự là, đang làm việc qua các đệ tử của Ngài, qua các Chân sư của Minh triết và

through His followers who toil unseen (and usually unrecognised) behind world affairs. The sphere of His activity will be known to be the human heart and also the crowded market places of the world, but not some stone edifice and not the pomp and ceremony of any ecclesiastical headquarters.

qua những người theo Ngài đang lao động âm thầm (và thường không được nhận biết) phía sau các biến cố thế giới. Phạm vi hoạt động của Ngài sẽ được biết là trái tim con người và cả những chợ búa đông đúc của thế giới, chứ không phải một công trình bằng đá nào đó và cũng không phải vẻ huy hoàng cùng nghi lễ của bất kỳ trung tâm giáo hội nào.

Our study of the future work of the Christ is necessarily based upon three assumptions:

Việc chúng ta nghiên cứu công việc tương lai của Đức Christ tất yếu dựa trên ba giả định:

1. That the reappearance of the Christ is inevitable and assured.

1. Rằng sự tái xuất hiện của Đức Christ là điều không thể tránh khỏi và được bảo đảm.

2. That He is today and has been actively working—through the medium of the spiritual Hierarchy of our planet, of which He is the Head—for the welfare of humanity.

2. Rằng ngày nay Ngài đang và đã tích cực làm việc—qua trung gian của Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta, mà Ngài là vị đứng đầu—vì phúc lợi của nhân loại.

3. That certain teachings will be given and certain energies will be released by Him in the routine of His work and coming. People are apt to forget that the coming of the Christ necessitates a period of intensive preparation by Him; He, too, works under law and is subject to control from various sources—just as are all human beings, but in a much lesser degree.

3. Rằng một số giáo huấn sẽ được Ngài ban ra và một số năng lượng sẽ được Ngài giải phóng trong tiến trình công việc và sự xuất hiện của Ngài. Người ta thường quên rằng sự xuất hiện của Đức Christ đòi hỏi một giai đoạn chuẩn bị chuyên sâu bởi chính Ngài; Ngài cũng làm việc dưới định luật và chịu sự kiểm soát từ nhiều nguồn khác nhau—cũng như mọi con người, nhưng ở mức độ ít hơn rất nhiều.

His reappearance is conditioned and determined by the reaction of humanity itself; by that reaction He must abide. His work is subject also to certain phases of spiritual [67] and cyclic timing and to impressions from sources to be found on higher levels than those upon which He normally works. Just as human affairs have effects upon His action, so great "determinations" and "profound settlements within the will of God" also have their effects. The human side or nature

Sự tái xuất hiện của Ngài được tác động và quyết định bởi phản ứng của chính nhân loại; Ngài phải tuân theo phản ứng ấy. Công việc của Ngài cũng tùy thuộc vào những giai đoạn nhất định của *thời điểm tinh thần* [67] *và chu kỳ* và vào những cảm ứng từ các nguồn được tìm thấy trên những cấp độ cao hơn những cấp độ mà Ngài thường làm việc. Cũng như các công việc của con người có ảnh hưởng lên hành động của Ngài, thì những "quyết định" lớn lao và những "sự an định sâu xa trong ý chí của Thượng đế" cũng

of the Christ, perfected and sensitive, responds to the invocation and to the appeal of men; His divine side or nature is equally responsive to the impact of energies, issuing from "the centre where the will of God is known." Between these two, He has to make adjustment and bring about right timing. The bringing of good out of human so-called evil is no easy task; the vision of the Christ is so vast and His grasp of the Law of Cause and Effect, of Action and Reaction is such that the arriving at right decision as to activity and time is no simple one. Human beings are apt to look at all that happens, or that could happen, from the purely human and immediate angle; they have little understanding of the problems, decisions and implications with which Christ is today faced. In these, His pledged disciples share. Their task is to develop "the mind that is in Christ" and as they do so, they will help make clear the way for "the coming of His feet," as the Bible puts it (Heb. XII.13). Seeing life and events in the light of the spiritual values, as He does, will facilitate the giving out of the new teaching and will provide the skeleton structure of the new world religion, thus giving us a fresh view of divine intention and a living insight into the minds of Those Who implement the divine will and are the engineers of humanity's future. Let us, therefore, try and appreciate not only the opportunity which Christ has to help us (which is the usual presentation), but let us look also at the crises and problems with which He is confronted as He faces the work which He must do.

có ảnh hưởng của chúng. Phía nhân bản hay bản chất nhân bản của Đức Christ, đã được hoàn thiện và nhạy bén, đáp ứng với sự khẩn cầu và lời kêu gọi của con người; phía thiêng liêng hay bản chất thiêng liêng của Ngài cũng đáp ứng tương đương với tác động của các năng lượng phát ra từ "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế." Giữa hai điều này, Ngài phải thực hiện sự điều chỉnh và đem lại đúng thời điểm. Việc rút ra điều thiện từ cái gọi là điều ác của con người không phải là một nhiệm vụ dễ dàng; tầm nhìn của Đức Christ rộng lớn đến mức và sự nắm bắt của Ngài về Định luật Nhân Quả, của Hành Động và Phản Ứng sâu sắc đến mức việc đi đến quyết định đúng về hoạt động và thời gian không hề đơn giản. Con người thường nhìn mọi điều xảy ra, hoặc có thể xảy ra, từ góc độ thuần túy nhân loại và trước mắt; họ ít thấu hiểu những vấn đề, quyết định và hệ quả mà Đức Christ đang đối diện ngày nay. Trong những điều này, các đệ tử đã cam kết của Ngài cùng chia sẻ. Nhiệm vụ của họ là phát triển "tâm trí ở trong Đức Christ" và khi làm như vậy, họ sẽ giúp làm sáng tỏ con đường cho "sự đến của bước chân Ngài," như Kinh Thánh nói (Heb. XII.13). Nhìn đời sống và các biến cố dưới ánh sáng của các giá trị tinh thần, như Ngài nhìn, sẽ tạo điều kiện cho việc ban ra giáo huấn mới và sẽ cung cấp bộ khung xương của tôn giáo thế giới mới, nhờ đó đem lại cho chúng ta một cái nhìn mới mẻ về ý định thiêng liêng và một linh thị sống động vào tâm trí của Những Đấng thực hiện ý chí thiêng liêng và là những kỹ sư của tương lai nhân loại. Vì vậy, chúng ta hãy cố gắng đánh giá không chỉ cơ hội mà Đức Christ có để giúp chúng ta (đó là cách trình bày thông thường), mà còn hãy nhìn vào những khủng hoảng và vấn đề mà Ngài đang đối diện khi Ngài đương đầu với công việc mà Ngài phải làm.

I. The Crises of the Christ

[68]

In the life of every disciple, particularly of those who face certain great expansions of consciousness, a point of crisis will come about. In that point of crisis, decisions are voluntarily or involuntarily made; having made them, the disciple then stands at a point of tension, with the decision behind him and the next step to be taken becoming clearer to his mental perception, and influencing his attitude to the future. When the work is done in the period of tension, then there comes what we might call the point of emergence. This is both an emergence from and also an emergence into a field of experience.

The Christ Himself is no exception to this threefold experience and—in order that we may understand more fully—let us apply these three phrases (inappropriate as they basically are) to the actions and the reactions of the Christ.

There is no crisis for Him in the sense that crises exist for us; there is no strain or stress attached to His point of tension; the parallel is, however, good enough to convey something to you of what has transpired within that state of awareness which distinguishes the spiritual Hierarchy; to this state of consciousness we can give the name of "spiritual perception," in contradistinction to the mental perception which is the human counterpart. It must be remembered that the point of crisis, producing the point of tension to which the Christ may be regarded as voluntarily

I. Những Khủng Hoảng của Đức Christ

[68]

Trong đời sống của mỗi đệ tử, đặc biệt là của những người đang đối diện với những sự mở rộng lớn lao nào đó của tâm thức, sẽ xuất hiện một *điểm khủng hoảng*. Tại điểm khủng hoảng ấy, các quyết định được đưa ra một cách tự nguyện hoặc không tự nguyện; sau khi đã đưa ra chúng, đệ tử khi ấy đứng tại một *điểm tập trung nhất tâm*, với quyết định ở phía sau y và bước kế tiếp cần được thực hiện trở nên rõ ràng hơn đối với tri giác trí tuệ của y, đồng thời ảnh hưởng đến thái độ của y đối với tương lai. Khi công việc được hoàn tất trong giai đoạn nhất tâm, thì điều mà chúng ta có thể gọi là *điểm xuất hiện* sẽ đến. Đây vừa là một sự xuất hiện ra khỏi, vừa là một sự xuất hiện đi vào một lĩnh vực kinh nghiệm.

Chính Đức Christ cũng không phải là ngoại lệ đối với kinh nghiệm tam phân này và—để chúng ta có thể thấu hiểu đầy đủ hơn—chúng ta hãy áp dụng ba cụm từ này (vốn về căn bản là không thích hợp) vào các hành động và phản ứng của Đức Christ.

Đối với Ngài không có khủng hoảng theo nghĩa mà khủng hoảng tồn tại đối với chúng ta; không có sự căng thẳng hay áp lực nào gắn liền với điểm nhất tâm của Ngài; tuy nhiên, sự song hành này đủ tốt để truyền đạt cho bạn đôi điều về những gì đã diễn ra trong trạng thái nhận biết vốn là đặc trưng của Thánh đoàn tinh thần; đối với trạng thái tâm thức này chúng ta có thể đặt tên là "tri giác tinh thần," đối lập với tri giác trí tuệ là đối phần nhân loại của nó. Cần nhớ rằng điểm khủng hoảng, tạo ra điểm nhất tâm mà Đức Christ có thể được xem là tự nguyện đặt mình vào, là một vấn đề hay biến cố của

subjecting Himself is a hierarchical matter or event, because the entire Hierarchy is involved in the crisis. The reason for this is simple: the Christ and His workers know only the experience of group consciousness. A separative participation and attitude is unknown to [69] Them, for Their state of awareness is inclusive and in no way exclusive.

Thánh Đoàn, bởi vì toàn bộ Thánh Đoàn đều liên quan trong cuộc khủng hoảng ấy. Lý do của điều này rất đơn giản: Đức Christ và các cộng sự của Ngài chỉ biết đến kinh nghiệm của *tâm thức nhóm*. Sự tham dự và thái độ phân ly là điều không được biết đến đối với [69] Các Ngài, vì trạng thái nhận biết của Các Ngài là bao gồm và tuyệt nhiên không loại trừ.

Using, therefore, human terminology in order to interpret the divine reactions of the Christ and His disciples, it must be realised that the point of crisis which is responsible for hierarchical tension and for the eventual appearance or the emergence of the Christ, lies behind the Christ; it is in the field of long past experience. The consequent point of tension is now controlling the affairs of the spiritual Hierarchy and its many groups of workers. The "point of decision," as it is called in all hierarchical circles, was reached during the period between the Full Moon of June, 1936, and the Full Moon of June, 1945. The point of decision covered, therefore, nine years (a relatively brief time); it resulted in the decision arrived at by the Christ to re-appear or return to visible Presence on Earth as soon as possible, and considerably earlier than had been planned.

Vì vậy, khi dùng thuật ngữ của con người để diễn giải các phản ứng thiêng liêng của Đức Christ và các đệ tử của Ngài, cần nhận ra rằng điểm khủng hoảng chịu trách nhiệm cho sự nhất tâm của Thánh Đoàn và cho sự xuất hiện hay sự hiển lộ cuối cùng của Đức Christ nằm phía sau Đức Christ; nó thuộc lĩnh vực của kinh nghiệm đã qua từ lâu. Điểm nhất tâm hệ quả hiện đang kiểm soát các công việc của Thánh đoàn tinh thần và nhiều nhóm người hoạt động của nó. "Điểm quyết định," như nó được gọi trong mọi giới trong Thánh Đoàn, đã đạt tới trong giai đoạn giữa Kỳ Trăng Tròn tháng Sáu năm 1936 và Kỳ Trăng Tròn tháng Sáu năm 1945. Vì vậy, điểm quyết định kéo dài chín năm (một thời gian tương đối ngắn); nó dẫn đến quyết định mà Đức Christ đã đi đến là tái xuất hiện hay trở lại trong Sự Hiện Diện hữu hình trên Trái Đất càng sớm càng tốt, và sớm hơn đáng kể so với dự định.

This decision was necessarily made in consultation with the Lord of the World, the "Ancient of Days" of The Old Testament, and the "One in Whom we live and move and have our being" of The New Testament. He is the Custodian of the Will of God. It was also made with the full understanding and cooperation of the Masters and the senior initiates. This was inevitably so, because Their participation and help were imperative. They also necessarily had to be with Him in thought, and cooperating

Quyết định này tất yếu đã được đưa ra sau khi tham khảo với Đức Chúa Tể Thế Giới, "Đấng Thái Cổ" của *Cựu Ước*, và "Đấng trong Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu" của *Tân Ước*. Ngài là Đấng Gìn Giữ Ý Chí của Thượng đế. Quyết định ấy cũng được đưa ra với sự thấu hiểu đầy đủ và sự hợp tác của các Chân sư và các điểm đạo đồ cao cấp. Điều này tất nhiên là như vậy, bởi vì sự tham dự và trợ giúp của Các Ngài là điều bắt buộc. Các Ngài cũng tất yếu phải ở cùng Ngài trong tư tưởng, và hợp tác về mặt trí tuệ, bởi vì sự

mentally, because His reappearance connotes a great hierarchical approach to humanity and a great spiritual event.

tái xuất hiện của Ngài hàm ý một sự tiếp cận lớn lao của Thánh Đoàn đối với nhân loại và một biến cố tinh thần vĩ đại.

The decision was, nevertheless, the decision of the Christ and marked not only a point of crisis in His experience but a point of climax in His expression of divinity. With all reverence and within the bounds of our human [70] understanding, it must be remembered that there is nothing static in the entire evolutionary process of our planet or of the cosmos; there is naught but process and progress, a moving on, an increasing attainment and a mounting achievement. To this great law of the universe, even the Christ Himself is subject. In all reverence again, let it here be pointed out that He too has moved on in His experience of divinity and is (if it may be so expressed) closer to the Father and to the One Universal Life than ever before. His comprehension and His apprehension of the Will of God is deeper and His fulfilment of that Will is more in line with the divine Purpose than it was in Palestine two thousand years ago. There has necessarily been (on the part of Christ) a growing perception of the intention of the divine Mind, as it is embodied in that Identity to Whom we give the name of God.

Tuy nhiên, quyết định ấy vẫn là quyết định của Đức Christ và không chỉ đánh dấu một điểm khủng hoảng trong kinh nghiệm của Ngài mà còn là một điểm cực đỉnh trong sự biểu lộ thiên tính của Ngài. Với tất cả lòng tôn kính và trong giới hạn của sự thấu hiểu nhân loại [70] của chúng ta, cần nhớ rằng không có gì tĩnh tại trong toàn bộ tiến trình tiến hoá của hành tinh chúng ta hay của vũ trụ; không có gì ngoài tiến trình và tiến bộ, một sự tiến lên, một sự thành tựu ngày càng tăng và một sự đạt được ngày càng cao. Ngay cả chính Đức Christ cũng phải tuân theo định luật vĩ đại này của vũ trụ. Một lần nữa, với tất cả lòng tôn kính, cần chỉ ra ở đây rằng chính Ngài cũng đã tiến lên trong kinh nghiệm về thiên tính của mình và đang (nếu có thể diễn đạt như vậy) gần Cha và gần Sự sống Vũ Trụ Duy Nhất hơn bao giờ hết. Sự thấu hiểu và sự lĩnh hội của Ngài về Ý Chí của Thượng Đế sâu sắc hơn và sự hoàn thành Ý Chí ấy của Ngài phù hợp với Thiên Ý hơn so với thời Ngài ở Palestine hai ngàn năm trước. Tất yếu đã có (về phía Đức Christ) một tri giác ngày càng tăng về ý định của Trí của Thượng đế, như nó được hiện thân trong Bản Sắc mà chúng ta gọi là *Thượng đế*.

No longer need Christ, in agony say “Father, not my will but Thine be done”; He has today no personal will but only the will of His Father animates Him and the ability to make decisions which are a full expression of that divine Will. It is difficult to express His achievement in other words. Commentators have sought to explain away and gloss over the Gethsemane experience of the Christ, and to attribute what appears as weakness to an upsurging of Christ’s humanity and, consequently, to a temporary submergence

Đức Christ không còn cần phải đau đớn mà nói “Lạy Cha, xin đừng theo ý con mà theo ý Cha”; ngày nay Ngài không còn ý chí cá nhân nào nữa mà chỉ có ý chí của Cha Ngài làm sinh động Ngài và khả năng đưa ra những quyết định là sự biểu lộ trọn vẹn của Ý Chí thiêng liêng ấy. Thật khó diễn đạt thành tựu của Ngài bằng những lời khác. Các nhà chú giải đã tìm cách giải thích giảm nhẹ và che lấp kinh nghiệm Gethsemane của Đức Christ, và quy điều có vẻ như là yếu đuối cho một sự trỗi dậy của nhân tính nơi Đức Christ

of His divine nature. They have been forced into this position because of the prevalent theological dictum as to Christ's divine perfection—an absolute, sovereign and ultimate perfection to which He Himself never made the slightest claim. He is today nearer that perfection than He ever was when before on Earth. It was this divine unfoldment which made it possible for Him to make right choice, not only for Himself [71] but also for the spiritual Hierarchy, during the years of decision, prior to June, 1945.

và do đó cho một sự chìm lấp tạm thời của bản chất thiêng liêng của Ngài. Họ đã bị buộc vào lập trường này vì giáo điều thần học phổ biến về sự toàn hảo thiêng liêng của Đức Christ—một sự toàn hảo tuyệt đối, tối thượng và tối hậu mà chính Ngài chưa bao giờ đưa ra dù chỉ là lời khẳng định nhỏ nhất. Ngày nay Ngài gần với sự toàn hảo ấy hơn bao giờ hết so với khi trước đây ở trên Trái Đất. Chính sự khai mở thiêng liêng này đã khiến Ngài có thể đưa ra lựa chọn đúng, không chỉ cho chính Ngài [71] mà còn cho Thánh đoàn tinh thần, trong những năm quyết định trước tháng Sáu năm 1945.

Under the divine will, He had to reappear on Earth in visible Presence. He had to preside over the materialisation of the Kingdom of God on Earth, and He had to re-institute the Mysteries of Initiation in such a form that they would prove the basis of the new world religion. Above all, He had to reveal the nature of the will of God. That will is often regarded as a power by means of which things are done, situations are brought about, activities are instituted and plans are worked out, and often ruthlessly worked out. This general definition is the easiest for men to formulate, because it is understood by them in terms of their own self-will, the will to individual self-betterment. This type of will is selfish and misunderstood at first, but tends eventually to selflessness, as evolution carries out its beneficent task. Then the will is interpreted in terms of the hierarchical plan and the effort of the individual man becomes that of negating his original self-will, and seeking then to merge his will with that of the group—the group being itself an aspect of hierarchical effort. This is a great step onward in orientation and will lead eventually to a change in consciousness.

Dưới ý chí thiêng liêng, Ngài phải tái xuất hiện trên Trái Đất trong Sự Hiện Diện hữu hình. Ngài phải chủ trì việc hiện thực hóa Thiên Giới trên Trái Đất, và Ngài phải tái lập các Mầu Nhiệm Điểm đạo dưới một hình thức sao cho chúng chứng tỏ là nền tảng của tôn giáo thế giới mới. Trên hết, Ngài phải mặc khải bản chất của ý chí Thượng đế. Ý chí ấy thường được xem như một quyền năng nhờ đó mọi việc được thực hiện, các hoàn cảnh được tạo ra, các hoạt động được thiết lập và các kế hoạch được triển khai, và thường được triển khai một cách tàn nhẫn. Định nghĩa chung này là điều dễ nhất để con người hình thành, bởi vì họ hiểu nó theo ý chí riêng của họ, ý chí hướng đến sự cải thiện bản thân cá nhân. Loại ý chí này lúc đầu là ích kỷ và bị hiểu sai, nhưng cuối cùng có xu hướng trở nên vô kỷ, khi tiến hoá thực hiện nhiệm vụ đầy ân phúc của nó. Khi ấy ý chí được diễn giải theo Thiên Cơ của Thánh Đoàn và nỗ lực của cá nhân trở thành việc phủ nhận ý chí riêng ban đầu của mình, rồi tìm cách dung hợp ý chí của mình với ý chí của nhóm—mà bản thân nhóm là một phương diện của nỗ lực của Thánh Đoàn. Đây là một bước tiến lớn trong sự định hướng và cuối cùng sẽ dẫn đến một sự thay đổi trong tâm thức.

It is at this stage that most aspirants today find themselves. However, the will is in reality something very different to these expressions of it which exist in the human consciousness as men attempt to interpret the divine Will in terms of their present point in evolution. The clue to understanding is to be found in the words, "blotting out all form." When the lure of substance is overcome and desire dies, then the attractive power of the soul becomes dominant, and the emphasis (so long laid upon [72] individual form and individual living and activity) gives place to group form and group purpose. Then the attractive power of the Hierarchy and of the Masters' groups of disciples supersedes the lower attractions and the lesser focal points of interest. When these then assume their rightful place in consciousness, then the dynamic pull of the Will Aspect of divinity can be felt—entirely unrelated to form or forms, or to groups or a group.

Chính ở giai đoạn này mà phần lớn những người chí nguyện ngày nay đang ở. Tuy nhiên, trên thực tế ý chí là một điều rất khác với những biểu hiện của nó đang tồn tại trong tâm thức con người khi con người cố gắng diễn giải Ý Chí thiêng liêng theo điểm tiến hoá hiện tại của mình. Chìa khóa để thấu hiểu được tìm thấy trong những lời, "xóa bỏ mọi hình tướng." Khi sức quyến rũ của chất liệu được vượt qua và dục vọng chết đi, thì quyền năng hấp dẫn của linh hồn trở nên trội hơn, và sự nhấn mạnh (đã được đặt quá lâu lên [72] hình tướng cá nhân và đời sống cùng hoạt động cá nhân) nhường chỗ cho hình tướng nhóm và mục đích nhóm. Khi ấy quyền năng hấp dẫn của Thánh Đoàn và của các nhóm đệ tử của các Chân sư thay thế những sức hút thấp hơn và những tiêu điểm quan tâm nhỏ hơn. Khi những điều này đảm nhận vị trí chính đáng của chúng trong tâm thức, thì sức kéo năng động của Phương diện Ý Chí của thiên tính có thể được cảm nhận—hoàn toàn không liên hệ với hình tướng hay các hình tướng, hoặc với các nhóm hay một nhóm.

In the light of the Will of God, Christ made certain basic decisions and determined to carry them out in the relatively immediate future—the exact date of His coming being known only to Him and a few of His senior workers; yet all of these future events lie hid in a certain fundamental decision of humanity itself. This decision is being arrived at through certain new trends in human thinking, and will be the result of a subjective human reaction to the decision already arrived at by the Christ and the spiritual Hierarchy, the Church invisible.

Dưới ánh sáng của Ý Chí của Thượng Đế, Đức Christ đã đưa ra một số quyết định căn bản và quyết tâm thực hiện chúng trong tương lai tương đối gần—ngày chính xác của sự xuất hiện của Ngài chỉ được biết bởi chính Ngài và một vài cộng sự cao cấp của Ngài; tuy nhiên tất cả những biến cố tương lai này đều ẩn giấu trong một quyết định căn bản nào đó của chính nhân loại. Quyết định này đang được hình thành qua một số xu hướng mới trong tư tưởng nhân loại, và sẽ là kết quả của một phản ứng nội giới của con người đối với quyết định mà Đức Christ và Thánh đoàn tinh thần, Giáo hội vô hình, đã đi đến.

The motivation for this reappearance is complete and settled. It is clearly perceived by the Christ. The work initiated by Him two

Động cơ cho sự tái xuất hiện này là trọn vẹn và đã được an định. Nó được Đức Christ nhận biết rõ ràng. Công việc do Ngài khởi

thousand years ago must be completed; the new world religion must be inaugurated; the needs of a demanding, invocative humanity cannot be ignored; those steps which precede a stupendous hierarchical initiation in which the Christ is the leading Participant must be taken; the events which are symptomatic of the "time of the end" may not be delayed.

xướng hai ngàn năm trước phải được hoàn tất; tôn giáo thế giới mới phải được khai mở; những nhu cầu của một nhân loại đang khẩn cầu và kêu gọi không thể bị bỏ qua; những bước đi đi trước một cuộc điểm đạo vĩ đại của Thánh Đoàn mà trong đó Đức Christ là Người Tham Dự hàng đầu phải được thực hiện; những biến cố là triệu chứng của "thời kỳ cuối cùng" không thể bị trì hoãn.

If one may venture to speak in such terms (reverent and symbolical), the reward accorded to the Christ, as He announced His decision as final and irrevocable, was the permission or rather the right to use a certain great Invocation—never before granted—and to use it in two ways: [73]

Nếu người ta có thể mạo muội nói bằng những thuật ngữ như vậy (đầy tôn kính và mang tính biểu tượng), thì phần thưởng được ban cho Đức Christ, khi Ngài tuyên bố quyết định của mình là tối hậu và không thể đảo ngược, là sự cho phép hay đúng hơn là quyền được sử dụng một Đại Khấn Nguyện nào đó—chưa từng được ban trước đây—và sử dụng nó theo hai cách: [73]

1. As a hierarchical invocation, directed towards the "centre where the will of God is known."

1. Như một lời khẩn cầu của Thánh Đoàn, hướng về "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế."

2. As a world prayer, expressed in such phraseology that all humanity could intelligently use it.

2. Như một lời cầu nguyện của thế giới, được diễn đạt bằng ngôn từ sao cho toàn thể nhân loại có thể sử dụng một cách thông minh.

The right to use certain great Words of Power or "Stanzas of Direction" is never lightly accorded. The decision of Christ to appear again among men, bringing His disciples with Him, drew forth this permission from the Lord of the World, the Ancient of Days.

Quyền được sử dụng một số Quyền năng từ hay "Các Bài Kệ Chỉ Đạo" vĩ đại nào đó không bao giờ được ban một cách dễ dàng. Quyết định của Đức Christ tái xuất hiện giữa loài người, mang theo các đệ tử của Ngài, đã rút ra sự cho phép này từ Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng Thái Cổ.

After this climaxing point of spiritual crisis and its consequent decision, a point of tension was reached and it is in this state of spiritual tension that the Church invisible is now working and planning, swinging the disciples of the Christ, active on Earth, into the same condition of spiritual tension. The success of Christ's return to visible Presence,

Sau điểm cực đỉnh của khủng hoảng tinh thần này và quyết định hệ quả của nó, một điểm nhất tâm đã đạt tới và chính trong trạng thái nhất tâm tinh thần này mà Giáo hội vô hình hiện đang làm việc và hoạch định, đưa các đệ tử của Đức Christ đang hoạt động trên Trái Đất vào cùng một tình trạng nhất tâm tinh thần. Sự thành công của việc

as well as other factors (related to His reappearance), are dependent upon happenings and contacts which are now taking place within this period of tension. In any point of tension—no matter what the time factor may be—energy is being generated, held for future use, and focussed in such a manner or condition that its force can be directed wherever needed and whenever called for. This is necessarily a statement hard to understand. A point of tension is, symbolically, a storehouse of power. Today the energies which will be uniquely distinctive of the Kingdom of God are gathering momentum and assuming direction through the agency of the Masters of the Wisdom, in cooperation with the will of Christ.

Đức Christ trở lại trong Sự Hiện Diện hữu hình, cũng như các yếu tố khác (liên quan đến sự tái xuất hiện của Ngài), tùy thuộc vào những biến cố và những tiếp xúc hiện đang diễn ra trong giai đoạn nhất tâm này. Trong bất kỳ điểm nhất tâm nào—bất kể yếu tố thời gian là gì—năng lượng đang được tạo ra, được giữ lại để sử dụng trong tương lai, và được tập trung trong một cách thức hay tình trạng sao cho mãnh lực của nó có thể được định hướng đến bất cứ nơi nào cần và bất cứ khi nào được kêu gọi. Đây tất yếu là một phát biểu khó hiểu. Một điểm nhất tâm, về mặt biểu tượng, là một kho chứa quyền năng. Ngày nay, những năng lượng sẽ mang tính đặc trưng độc nhất của Thiên Giới đang tích lũy đà và nhận lấy định hướng qua tác nhân của các Chân sư của Minh triết, trong sự hợp tác với ý chí của Đức Christ.

Whilst this energy has been accumulating or mounting in potency ever since the Full Moon of June 1945, three events of great moment in the living experience of Christ (and, therefore, of the Hierarchy) have taken place and [74] their effects are in process of consolidation. I can only make reference to them, for it is not possible to prove the factual nature of what is here said; only possibility, probability and the Law of Correspondences can indicate the rightness of these events. Their effects will be noted, especially after the moment of emergence. These three events can be described as follows:

Trong khi năng lượng này đã tích lũy hay gia tăng tiềm lực kể từ Kỳ Trăng Tròn tháng Sáu năm 1945, thì ba biến cố có tầm quan trọng lớn trong kinh nghiệm sống của Đức Christ (và do đó của Thánh Đoàn) đã diễn ra và [74] các hiệu quả của chúng đang trong tiến trình được củng cố. Tôi chỉ có thể nhắc đến chúng, vì không thể chứng minh bản chất thực tế của điều đang được nói ở đây; chỉ có khả năng, xác suất và định luật tương ứng mới có thể chỉ ra tính đúng đắn của những biến cố này. Các hiệu quả của chúng sẽ được ghi nhận, đặc biệt sau thời điểm xuất hiện. Ba biến cố này có thể được mô tả như sau:

1. The Spirit of Peace descended upon Christ. The New Testament bears witness to a somewhat similar event when, at the Baptism, we read that “he saw the Spirit of God, descending like a dove and alighting upon Him.” (St. Matt. III.16.) This Spirit is a Being of tremendous cosmic potency and is today overshadowing the Christ in much the

1. *Đấng Tinh thần Hòa Bình* đã giáng xuống trên Đức Christ. *Tân Ước* làm chứng cho một biến cố phần nào tương tự khi, vào lúc Lễ Rửa Tội, chúng ta đọc rằng “ông thấy Thánh Linh của Thượng đế giáng xuống như chim bồ câu và đậu trên Ngài.” (Thánh Matt. III.16.) Đấng Tinh thần này là một Hữu thể có tiềm lực vũ trụ to lớn và ngày nay đang

same manner as Christ (two thousand years ago) overshadowed or worked through the Master Jesus. This Spirit of Peace is not the sum total of an emotional and static calm, bringing to an end the turmoil on the Earth and instituting an era of peace. He is, in a mysterious sense, the Spirit of Equilibrium; He works with the Law of Action and Reaction and the inevitability of His activity will be recognised. His work will demonstrate in two ways—fully when the Christ appears among men and slowly and gradually until that time:

phủ bóng Đức Christ theo cách gần giống như Đức Christ (hai ngàn năm trước) đã phủ bóng hay làm việc qua Chân sư Jesus. Đấng Tinh thần Hòa Bình này không phải là tổng số của một sự bình lặng cảm xúc và tĩnh tại, chấm dứt sự hỗn loạn trên Trái Đất và thiết lập một kỷ nguyên hòa bình. Theo một nghĩa huyền nhiệm, Ngài là Đấng Tinh thần của Sự Quân Bình; Ngài làm việc với Định luật Hành Động và Phản Ứng và tính tất yếu của hoạt động của Ngài sẽ được nhận ra. Công việc của Ngài sẽ biểu lộ theo hai cách—trọn vẹn khi Đức Christ xuất hiện giữa loài người và chậm rãi, dần dần cho đến thời điểm đó:

a. The chaos, turmoil, emotional disturbance and mental unbalance found in the world today will be (under this Law) balanced by a corresponding cycle of calm, emotional quiet and mental poise, thus releasing humanity into a new phase and experience of freedom. The adjusted peace will be commensurate to the experienced disturbance.

a. Sự hỗn loạn, náo động, xáo trộn cảm xúc và mất quân bình trí tuệ được tìm thấy trong thế giới ngày nay sẽ (dưới Định luật này) được quân bình bởi một chu kỳ tương ứng của sự bình an, yên tĩnh cảm xúc và quân bình trí tuệ, nhờ đó giải phóng nhân loại vào một giai đoạn và kinh nghiệm mới của tự do. Sự bình an được điều chỉnh sẽ tương xứng với sự xáo trộn đã trải qua.

b. The hate which is so dominant in the world today will—through the life of the Spirit of Peace, working through the Christ, the Embodiment of the [75] love of God—be balanced by an expressed goodwill. The guarantee of the appearance of that goodwill is the excessive expression of hate—a hate which has been slowly mounting in the minds of men since the beginning of the 19th century, and which is reaching a new high at this time. A proportionate measure of the energy of love will demonstrate later as the result of the activity of the Spirit of Peace, working through the Prince of Peace, as Christ has sometimes been called. (Is. IX.6.) This spiritual Being will not descend from the high place whereon He works and from whence His energy is directed, but the

b. Sự thù hận đang quá trội trong thế giới ngày nay sẽ—qua sự sống của Đấng Tinh thần Hòa Bình, làm việc qua Đức Christ, Đấng Hiện Thân của [75] bác ái của Thượng đế—được quân bình bởi một thiện chí được biểu lộ. Sự bảo đảm cho sự xuất hiện của thiện chí ấy là sự biểu lộ quá mức của thù hận—một sự thù hận đã tăng dần trong tâm trí con người kể từ đầu thế kỷ 19, và đang đạt đến một đỉnh cao mới vào lúc này. Một mức năng lượng bác ái tương xứng sẽ biểu lộ về sau như kết quả của hoạt động của Đấng Tinh thần Hòa Bình, làm việc qua Hoàng Tử Hòa Bình, như Đức Christ đôi khi được gọi như vậy. (Is. IX.6.) Hữu thể tinh thần này sẽ không giáng xuống từ chốn cao nơi Ngài làm việc và từ đó năng lượng của Ngài được định hướng, nhưng Đức Christ sẽ hành động và

Christ will act and serve as the channel for His directed potency. The inflow of His divine energy (extra-planetary energy) is destined to bring peace eventually upon Earth, through the expression of goodwill. This goodwill will bring about right human relations. Humanity registered (unconsciously, of course) the first impact of this energy in May, 1936, and again in June, 1945.

phụng sự như kênh dẫn cho tiềm lực được định hướng của Ngài. Dòng tuôn vào của năng lượng thiêng liêng của Ngài (năng lượng ngoài hành tinh) được định sẵn sẽ cuối cùng mang lại hòa bình trên Trái Đất, qua sự biểu lộ của thiện chí. Thiện chí này sẽ đem lại những tương quan đúng đắn giữa con người. Nhân loại đã ghi nhận (dĩ nhiên là vô thức) tác động đầu tiên của năng lượng này vào tháng Năm năm 1936, và một lần nữa vào tháng Sáu năm 1945.

2. The evolutionary force to which we give the name "the Christ consciousness" (a term largely used by the metaphysical groups in the world today) focussed itself in the person of the Christ in a manner hitherto unknown. This is the potency, latent in every human heart which was described by St. Paul as "Christ in you, the hope of glory" (Col. I.27), and is that which, under evolutionary law, brings a man eventually into the Kingdom of God and "unto the measure of the stature of the fullness of Christ." (Eph. IV.13.) Of this potency and glory, Christ has ever been the symbol. During the [76] present period of hierarchical tension and as a result of His decision to reappear, Christ became the Embodiment of this energy and thus entered into a closer relation to humanity. Other great Sons of God are channels for this energy in relation to the subhuman kingdoms, but the Christ holds a unique place in relation to humanity. To express the idea symbolically, this energy creates a living bridge from the human kingdom to the Kingdom of God, from the fourth kingdom in nature to the fifth. The Christ is the custodian of this energy, but only temporarily and for the period of this human crisis. He can, because of this, stimulate the responsive factor in the hearts of men, enabling them to recognise and know Him for Who and what He is, when He

2. Mãnh lực tiến hoá mà chúng ta gọi là "tâm thức Christ" (một thuật ngữ được các nhóm siêu hình học trên thế giới ngày nay sử dụng rộng rãi) đã tự tập trung trong con người của Đức Christ theo một cách chưa từng được biết đến trước đây. Đây là tiềm lực, tiềm ẩn trong mỗi trái tim con người, mà Thánh Paul đã mô tả là "Đức Christ ở trong anh em, niềm hy vọng của vinh quang" (Col. I.27), và là điều mà, dưới định luật tiến hoá, cuối cùng đưa con người vào Thiên Giới và "đến tầm vóc viên mãn của Đức Christ." (Eph. IV.13.) Đức Christ từ lâu vẫn là biểu tượng của tiềm lực và vinh quang này. Trong [76] giai đoạn nhất tâm của Thánh Đoàn hiện nay và như kết quả của quyết định tái xuất hiện của Ngài, Đức Christ đã trở thành Đấng Hiện Thân của năng lượng này và nhờ đó đi vào một mối liên hệ gần gũi hơn với nhân loại. Những Con của Thượng đế vĩ đại khác là những kênh dẫn cho năng lượng này trong mối liên hệ với các giới dưới nhân loại, nhưng Đức Christ giữ một vị trí độc nhất trong mối liên hệ với nhân loại. Để diễn đạt ý tưởng một cách biểu tượng, năng lượng này tạo ra một cây cầu sống động từ giới nhân loại đến Thiên Giới, từ giới thứ tư trong thiên nhiên đến giới thứ năm. Đức Christ là Đấng gìn giữ năng lượng này, nhưng chỉ tạm thời và trong giai đoạn khủng hoảng nhân loại này. Vì điều đó, Ngài có thể kích thích yếu tố đáp ứng trong trái tim con người, giúp họ nhận ra và biết Ngài là Ai và là gì khi Ngài

reappears. This channelling of energy began at the close of the world war and is still going on; it is responsible for the trend towards betterment everywhere to be sensed, for the growth of the principle of sharing, and for the undeniable soundness of men's hearts and thinking today—the soundness of the masses (when informed), far more than of their leaders.

tái xuất hiện. Sự dẫn truyền năng lượng này đã bắt đầu vào cuối cuộc thế chiến và vẫn đang tiếp diễn; nó chịu trách nhiệm cho xu hướng hướng đến cải thiện được cảm nhận ở khắp nơi, cho sự tăng trưởng của nguyên tắc chia sẻ, và cho sự lành mạnh không thể phủ nhận của trái tim và tư tưởng con người ngày nay—sự lành mạnh của quần chúng (khi được thông tin), còn hơn của các nhà lãnh đạo của họ.

3. As you are well aware, human history has been essentially the history of great spiritual Messengers Who—from time to time, in the hours of human crisis—have come forth from the secret place of the Most High to aid, inspire, reveal, lead and direct. It is the history of the presentation of ideas, brought to the attention of humanity and gradually developed into civilisations and cultures. Such is the urgency of human need at this time, and such is the opportunity, that one such Son of God is—during this cycle of tension—seeking to cooperate with the Christ. As a result of Christ's decision and His "spiritual fusion" with the Will of God, the Avatar of Synthesis has become, for the time being, His close Associate. [77] This is an event of supreme and planetary importance. His relationship and planned help date from the time of the pronouncing of the great Invocation and its use by men everywhere. Owing to the stupendous task confronting Christ, the Avatar of Synthesis will fortify Him, and He will be buttressed by this "Silent Avatar" Who (to speak symbolically) will "keep His eye upon Him, His hand beneath Him and His heart in unison with His."

3. Như các bạn đã biết rõ, lịch sử nhân loại về căn bản là lịch sử của các Đấng Sứ Giả tinh thần vĩ đại, Những Đấng—thỉnh thoảng, trong những giờ phút khủng hoảng của nhân loại—đã xuất hiện từ nơi bí mật của Đấng Tối Cao để trợ giúp, truyền cảm hứng, mặc khải, dẫn dắt và chỉ đạo. Đó là lịch sử của sự trình bày các ý tưởng, được đưa đến sự chú ý của nhân loại và dần dần được phát triển thành các nền văn minh và văn hóa. Nhu cầu của nhân loại vào lúc này cấp bách đến thế, và cơ hội cũng lớn lao đến thế, đến nỗi một Con của Thượng đế như vậy đang—trong chu kỳ tập trung nhất tâm này—tìm cách hợp tác với Đức Christ. Do quyết định của Đức Christ và sự "dung hợp tinh thần" của Ngài với Ý Chí của Thượng Đế, Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp đã trở thành, trong một thời gian, Đấng Cộng Sự thân cận của Ngài. [77] Đây là một biến cố có tầm quan trọng tối cao và mang tính hành tinh. Mối liên hệ của Ngài và sự trợ giúp đã được hoạch định của Ngài bắt đầu từ lúc Đại Khấn Nguyện được xướng lên và được con người ở khắp nơi sử dụng. Do nhiệm vụ phi thường đang đặt ra trước Đức Christ, Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp sẽ tăng cường cho Ngài, và Ngài sẽ được nâng đỡ bởi "Đấng Hoá Thân Thầm Lặng" này, Đấng (nói theo biểu tượng) sẽ "đặt mắt Ngài trên Ngài, tay Ngài dưới Ngài và trái tim Ngài hòa nhịp với trái tim của Ngài."

This Being is closely related to the Will Aspect of divinity, and His cooperation has been made possible through Christ's Own attainment along the line of the highest, spiritual will. He works under the great natural Law of Synthesis, producing at-one-ment, unification and fusion. His function (in unison with the energy of Christ) is to generate spiritual will in humanity, the will-to-good; His potency works in three fields of activity at this time:

Đấng này có liên hệ mật thiết với Phương diện Ý Chí của thiên tính, và sự hợp tác của Ngài đã trở nên khả hữu nhờ chính sự thành tựu của Đức Christ trên đường lối của ý chí tinh thần cao nhất. Ngài hoạt động dưới Định luật tự nhiên vĩ đại của Tổng Hợp, tạo ra sự hợp nhất, thống nhất và dung hợp. Chức năng của Ngài (hòa cùng năng lượng của Đức Christ) là phát sinh ý chí tinh thần trong nhân loại, ý chí-hướng thiện; mãnh lực của Ngài hiện đang hoạt động trong ba lĩnh vực:

a. Within the spiritual Hierarchy itself, revealing the nature of the divine will-to-good which the Kingdom of God must express, and the nature also of divine Purpose.

a. Trong chính Thánh đoàn tinh thần, mặc khải bản chất của ý chí-hướng thiện thiêng liêng mà Thiên Giới phải biểu lộ, và cả bản chất của Thiên Ý.

b. Within the Assembly of the United Nations, though not within the Security Council; He is there generating a slowly growing will-to-unity.

b. Trong Đại hội của Liên Hiệp Quốc, tuy không ở trong Hội đồng Bảo an; tại đó Ngài đang phát sinh một ý chí-hướng đến hợp nhất đang tăng trưởng chậm rãi.

c. Within the masses of men everywhere, fostering the urge to a general betterment.

c. Trong quần chúng ở khắp nơi, nuôi dưỡng xung lực hướng đến một sự cải thiện tổng quát.

His activity is necessarily a mass activity, for He can only channel His energies through the mass consciousness or through a group conscious entity, such as the Hierarchy, the United Nations or Humanity. The focal point of His effort and the Agent through which distribution of His energy can be made is the New Group of World Servers; [78] this group is uniquely related to this Avatar of Synthesis. The bringing together of all the agents of goodwill (who are responsive to the energy of the divine will-to-good) constitutes the major objective of the New Group of World Servers and always has been. Their work can now be constructively and

Hoạt động của Ngài tất yếu là một hoạt động quần chúng, vì Ngài chỉ có thể dẫn truyền các năng lượng của Ngài qua tâm thức quần chúng hoặc qua một thực thể có tâm thức nhóm, như Thánh Đoàn, Liên Hiệp Quốc hay Nhân loại. Tiêu điểm nỗ lực của Ngài và Tác Nhân qua đó sự phân phối năng lượng của Ngài có thể được thực hiện là Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian; [78] nhóm này có liên hệ độc đáo với Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp này. Việc quy tụ tất cả các tác nhân của thiện chí (những người đáp ứng với năng lượng của ý chí-hướng thiện thiêng liêng) tạo thành mục tiêu chính yếu của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và luôn luôn

creatively intensified through the association of the Avatar of Synthesis with the Christ. Their task is to usher in the New Age; in that New Age, the five Kingdoms in Nature will begin to function as one creative whole. Their work falls into the following parts, functions or activities:

là như vậy. Công việc của họ giờ đây có thể được tăng cường một cách xây dựng và sáng tạo nhờ sự liên kết của Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp với Đức Christ. Nhiệm vụ của họ là mở đường cho Kỷ Nguyên Mới; trong Kỷ Nguyên Mới đó, năm giới trong Thiên Nhiên sẽ bắt đầu hoạt động như một toàn thể sáng tạo duy nhất. Công việc của họ gồm các phần, chức năng hay hoạt động sau đây:

a. The production of a human synthesis or unity which will lead to an universal recognition of the one humanity, brought about through right human relations.

a. Tạo ra một sự tổng hợp hay hợp nhất của nhân loại, điều sẽ dẫn đến sự công nhận phổ quát về *một nhân loại*, được mang lại qua các tương quan nhân loại đúng đắn.

b. The establishing of right relations with the subhuman kingdoms in nature, leading to the universal recognition that there is One World.

b. Thiết lập các tương quan đúng đắn với các giới dưới nhân loại trong thiên nhiên, dẫn đến sự công nhận phổ quát rằng có *Một Thế Giới*.

c. The anchoring of the Kingdom of God, the spiritual Hierarchy of our planet, in open expression on Earth, thus leading to the universal recognition that the sons of men are one.

c. Neo giữ Thiên Giới, Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta, trong sự biểu lộ công khai trên Trái Đất, nhờ đó dẫn đến sự công nhận phổ quát rằng *những người con của nhân loại là một*.

These objectives the Avatar of Synthesis will foster and aid and for this purpose He has associated Himself with the Christ, working through the Hierarchy, under instruction from the "centre where the will of God is known." These three related events and distributing points of energy have all come into activity during the point of tension in which Christ and the Hierarchy are at this time held. They all serve to re-direct and focus energy in relation to humanity, for all are the result of the decision made by Christ after His point of crisis, and are all connected [79] with the hierarchical preparation for Christ's reappearance.

Những mục tiêu này sẽ được Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp nuôi dưỡng và trợ giúp, và vì mục đích đó Ngài đã liên kết chính mình với Đức Christ, hoạt động qua Thánh Đoàn, dưới sự chỉ thị từ "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế." Ba biến cố liên hệ với nhau này và các điểm phân phối năng lượng này đều đã đi vào hoạt động trong điểm tập trung nhất tâm mà Đức Christ và Thánh Đoàn hiện đang được giữ trong đó. Tất cả đều nhằm tái định hướng và hội tụ năng lượng liên quan đến nhân loại, vì tất cả đều là kết quả của quyết định do Đức Christ đưa ra sau điểm khủng hoảng của Ngài, và tất cả đều liên hệ [79] với sự chuẩn bị của Thánh Đoàn cho sự tái xuất hiện của Đức Christ.

II. Christ as the Forerunner of the Aquarian Age

People are very apt to overlook the fact that though Christ recognised His function as Teacher and spiritual Leader of humanity during the age which is so rapidly drawing to a close, He also recognised the work which He would do when that age came to an end and the new astronomical cycle came into existence.

The average Christian is singularly unaware of the times and cycles through which our planet passes, under influence of solar progression. The at present dubious science of astrology has sidetracked the legitimate interest of humanity in the astronomical teaching and its spiritual interpretation of the passage of the Sun through the signs of the zodiac. Yet, in The New Testament, that recognition is clearly revealed and colours the presentation of the entire Gospel story. It is found also in The Old Testament. What was the sin of the Children of Israel in the desert but a reversion to the old Mithraic worship which distinguished the time when the sun was "in the sign of Taurus, the Bull," as it is technically called. They fell down and worshipped the golden calf and forgot the new teaching of the age of Aries, the Ram, into which they were entering, the teaching of the Scapegoat which colours Jewish history.

The fact that Christ was the Teacher of the new period into which the Sun was entering, the period of Pisces, is forgotten, but is clearly evidenced in the fish symbology which runs consistently through all four Gospels; the symbol of the Fish is the astrological symbol for the sign Pisces, and has been for untold ages. But Christ also [80] looked ahead to the work He would have to

II. Đức Christ như Đấng Tiền Phong của Kỷ Nguyên Bảo Bình

Con người rất dễ bỏ qua sự kiện rằng tuy Đức Christ đã nhận ra chức năng của Ngài là Huấn sư và Nhà Lãnh Đạo tinh thần của nhân loại trong thời đại đang rất nhanh chóng đi đến chỗ kết thúc, Ngài cũng nhận ra công việc mà Ngài sẽ thực hiện khi thời đại đó chấm dứt và chu kỳ thiên văn mới xuất hiện.

Người Ki-tô hữu trung bình đặc biệt không nhận biết các thời kỳ và chu kỳ mà hành tinh chúng ta đi qua dưới ảnh hưởng của tiến trình thái dương. Khoa học chiêm tinh hiện còn đáng ngờ vào lúc này đã làm chệch hướng mối quan tâm chính đáng của nhân loại đối với giáo huấn thiên văn và sự giải thích tinh thần của nó về sự đi qua của Mặt Trời qua các dấu hiệu hoàng đạo. Tuy nhiên, trong *Tân Ước*, sự nhận biết đó được mặc khải rõ ràng và nhuốm màu cho toàn bộ câu chuyện Phúc Âm. Điều đó cũng được thấy trong *Cựu Ước*. Tội lỗi của Con cái Israel trong sa mạc là gì nếu không phải là sự quay trở lại với sự thờ phụng Mithra cổ xưa, vốn đặc trưng cho thời kỳ khi mặt trời "ở trong dấu hiệu Kim Ngưu, Con Bò Đực," như cách gọi kỹ thuật. Họ sấp mình xuống thờ con bê vàng và quên mất giáo huấn mới của thời đại Bạch Dương, Con Cừu Đực, mà họ đang bước vào, giáo huấn về Con Dê Gánh Tội vốn nhuốm màu lịch sử Do Thái.

Sự kiện rằng Đức Christ là Huấn sư của thời kỳ mới mà Mặt Trời đang đi vào, thời kỳ Song Ngư, đã bị quên lãng, nhưng được chứng minh rõ ràng trong biểu tượng con cá xuyên suốt nhất quán cả bốn sách Phúc Âm; biểu tượng Con Cá là biểu tượng chiêm tinh của dấu hiệu Song Ngư, và đã là như vậy từ những thời đại không thể tính đếm. Nhưng Đức Christ cũng [80] nhìn về phía trước đến

do in the Aquarian Age, in the next sign into which the sun would enter. Prior to His "disappearance," He referred to the symbol of the Aquarian Age and to the task He would then perform. With His twelve disciples, He enacted a dramatic episode which epitomises the work which He would later undertake when the two thousand years of the Piscean era would have passed away. He told His disciples to go into the city and that there they would meet a man, carrying a pitcher of water, that they should follow him to the upper room and there make ready the communion feast in which He and they would share. (Luke XXII.10.) This they did and the Last Supper took place. The ancient symbol for the sign Aquarius (into which our Sun is now entering) is that of the Water-carrier, the man with a pitcher of water. This passing of the Sun into the sign Aquarius is an astronomical fact, as any one can ascertain by writing to any observatory; it is not an astrological prognostication. The great spiritual achievement and evolutionary event of that age will be the communion and human relationships established among all peoples, enabling men everywhere to sit down together in the Presence of the Christ and share the bread and wine (symbols of nourishment). Preparations for that shared feast (symbolically speaking) are on their way, and those preparations are being made by the masses of men themselves, as they fight and struggle and legislate for the economic sustenance of their nations, and as the theme of food occupies the attention of legislators everywhere. This sharing, beginning on the physical plane, will prove equally true of all human relations and this will be the great gift of the Aquarian Age to humanity. This the church has ignored and yet their ecclesiastics cannot explain away the fact that the Jews demonstrated [81] their liking for the Taurian worship of the

công việc Ngài sẽ phải làm trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, trong dấu hiệu kế tiếp mà mặt trời sẽ đi vào. Trước khi Ngài "biến mất," Ngài đã nhắc đến biểu tượng của Kỷ Nguyên Bảo Bình và nhiệm vụ mà khi ấy Ngài sẽ thực hiện. Cùng với mười hai đệ tử của Ngài, Ngài đã diễn một cảnh tượng đầy kịch tính, tóm lược công việc mà về sau Ngài sẽ đảm nhận khi hai ngàn năm của kỷ nguyên Song Ngư đã trôi qua. Ngài bảo các đệ tử đi vào thành phố và ở đó họ sẽ gặp một người đàn ông mang một bình nước, họ phải theo ông ấy lên phòng cao và tại đó chuẩn bị bữa tiệc hiệp thông mà Ngài và họ sẽ cùng chia sẻ. (Luke XXII.10.) Họ đã làm như vậy và Bữa Tiệc Ly đã diễn ra. Biểu tượng cổ xưa của dấu hiệu Bảo Bình (mà Mặt Trời chúng ta hiện đang đi vào) là Người Mang Nước, người đàn ông với bình nước. Việc Mặt Trời đi vào dấu hiệu Bảo Bình này là một sự kiện thiên văn, như bất cứ ai cũng có thể xác minh bằng cách viết thư cho bất kỳ đài thiên văn nào; đó không phải là một tiên đoán chiêm tinh. Thành tựu tinh thần vĩ đại và biến cố tiến hoá của thời đại đó sẽ là sự hiệp thông và các tương quan nhân loại được thiết lập giữa mọi dân tộc, giúp con người ở khắp nơi có thể cùng ngồi xuống trong Hiện Diện của Đức Christ và *chia sẻ* bánh và rượu vang (những biểu tượng của sự nuôi dưỡng). Những chuẩn bị cho bữa tiệc được chia sẻ đó (nói theo biểu tượng) đang được tiến hành, và những chuẩn bị ấy đang được chính quần chúng thực hiện, khi họ chiến đấu, vật lộn và lập pháp cho sự nuôi dưỡng kinh tế của các quốc gia mình, và khi chủ đề lương thực chiếm sự chú ý của các nhà lập pháp ở khắp nơi. Sự chia sẻ này, bắt đầu trên cõi hồng trần, sẽ chứng tỏ cũng đúng như vậy đối với mọi tương quan nhân loại và đây sẽ là món quà lớn lao của Kỷ Nguyên Bảo Bình dành cho nhân loại. Điều này giáo hội đã phớt lờ, vậy mà các giáo sĩ của họ không thể giải thích đi sự kiện rằng người Do Thái đã chứng tỏ [81] sự ưa thích của họ đối với sự thờ

Bull in the golden calf, that the Jewish dispensation used the symbol of the scapegoat or ram in the age of Aries, the Ram, and that the Christian emphasises the fish in the Piscean era, the Christian era.

phụng Kim Ngưu là Con Bò Đực trong con bê vàng, rằng giáo pháp Do Thái đã dùng biểu tượng con dê gánh tội hay con cừu đực trong thời đại Bạch Dương, Con Cừu Đực, và rằng người Ki-tô hữu nhấn mạnh con cá trong kỷ nguyên Song Ngư, kỷ nguyên Ki-tô giáo.

Christ came to bring to an end the Jewish dispensation which should have climaxed and passed away as a religion with the movement of the sun out of Aries into Pisces. He, therefore, presented Himself to them as their Messiah, manifesting through the Jewish race. In the rejection of the Christ as the Messiah, the Jewish race has remained symbolically and practically in the sign Aries, the Scapegoat; they have to pass—again speaking symbolically—into the sign, Pisces, the Fishes, and recognise their Messiah when He comes again in the sign Aquarius. Otherwise, they will repeat their ancient sin of non-response to the evolutionary process. They rejected that which was new and spiritual in the desert; they did it again in Palestine two thousand years ago; will they do it again, as opportunity is offered to them? The difficulty with the Jew is that he remains satisfied with the religion of nearly five thousand years ago and shows as yet little desire to change.

Đức Christ đã đến để chấm dứt giáo pháp Do Thái, vốn lẽ ra phải đạt đến đỉnh điểm và qua đi như một tôn giáo cùng với sự chuyển động của mặt trời ra khỏi Bạch Dương để vào Song Ngư. Vì vậy, Ngài đã tự trình diện với họ như Đấng Messiah của họ, biểu lộ qua chủng tộc Do Thái. Trong việc từ chối Đức Christ như Đấng Messiah, chủng tộc Do Thái đã ở lại một cách biểu tượng và thực tế trong dấu hiệu Bạch Dương, Con Dê Gánh Tội; họ phải đi qua—một lần nữa nói theo biểu tượng—vào dấu hiệu Song Ngư, Hai Con Cá, và nhận ra Đấng Messiah của họ khi Ngài đến lần nữa trong dấu hiệu Bảo Bình. Nếu không, họ sẽ lặp lại tội lỗi cổ xưa của mình là không đáp ứng với tiến trình tiến hoá. Họ đã từ chối điều mới mẻ và tinh thần trong sa mạc; họ lại làm điều đó ở Palestine hai ngàn năm trước; liệu họ có làm điều đó lần nữa, khi cơ hội được trao cho họ không? Khó khăn với người Do Thái là y vẫn thỏa mãn với tôn giáo của gần năm ngàn năm trước và cho đến nay vẫn ít bộc lộ mong muốn thay đổi.

The coming in of the Aquarian Age, Christ foresaw and reduced to pictorial form for us, thus preserving for us—down the centuries—a prophetic episode, the interpretation of which is possible of demonstration only in our time and age. Astronomically, we are not yet functioning fully within the influence of Aquarius; we are only just emerging from the Piscean influence, and the full impact of the energies which Aquarius will set loose has not yet been felt. Nevertheless, each year carries us closer to the centre of power, the

Sự xuất hiện của Kỷ Nguyên Bảo Bình đã được Đức Christ thấy trước và chuyển thành hình thức biểu tượng cho chúng ta, nhờ đó gìn giữ cho chúng ta—qua bao thế kỷ—một cảnh tượng tiên tri, mà sự giải thích của nó chỉ có thể được chứng minh trong chính thời đại và kỷ nguyên của chúng ta. Về mặt thiên văn, chúng ta vẫn chưa hoạt động hoàn toàn trong ảnh hưởng của Bảo Bình; chúng ta chỉ vừa mới thoát ra khỏi ảnh hưởng Song Ngư, và tác động trọn vẹn của các năng lượng mà Bảo Bình sẽ giải phóng vẫn chưa được cảm

major effect of which will be to induce recognition of man's essential unity, [82] of the processes of sharing and of cooperation and of the emergence of that new world religion whose keynote will be universality and initiation. If the word "initiation" signifies the processes of "entering into," then it is indeed true today that humanity is undergoing a true initiation as it enters into the new age of Aquarius; it will then be subjected to those energies and forces which will break down the barriers of separation, and which will blend and fuse the consciousness of all men into that unity which is distinctive of the Christ consciousness.

nhận. Tuy nhiên, mỗi năm đều đưa chúng ta đến gần hơn trung tâm quyền năng, mà hiệu quả chính của nó sẽ là khơi dậy sự công nhận về tính hợp nhất cốt yếu của con người, [82] về các tiến trình chia sẻ và hợp tác, và về sự xuất hiện của tôn giáo thế giới mới mà chủ âm của nó sẽ là tính phổ quát và điểm đạo. Nếu từ "điểm đạo" hàm ý các tiến trình "đi vào trong," thì quả thật ngày nay đúng là nhân loại đang trải qua một cuộc điểm đạo thực sự khi đi vào kỷ nguyên mới của Bảo Bình; khi ấy nhân loại sẽ chịu tác động của những năng lượng và mãnh lực sẽ phá vỡ các rào cản chia cách, và sẽ hòa trộn và dung hợp tâm thức của mọi người vào sự hợp nhất vốn là đặc trưng của tâm thức Christ.

In June, 1945, at the time of the full moon (so significant a day in the spiritual experience of the Christ), He definitely and consciously took over His duties and responsibilities as the Teacher and Leader during the Aquarian solar cycle. He is the first of the great world Teachers to cover two zodiacal cycles—the Piscean and the Aquarian. This is a statement easily made and written down, but again it involves the three modes or techniques of appearance to which I have already referred. His outpouring love and spiritual vitality (augmented by the energies of the Spirit of Peace, the Avatar of Synthesis and the Buddha) were refocussed and channelled into a great stream, pulled through into expression (if I may word it so inadequately) by the words of the Invocation, "Let love stream forth into the hearts of men.... Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth."

Vào tháng Sáu năm 1945, vào lúc trăng tròn (một ngày có ý nghĩa sâu xa trong kinh nghiệm tinh thần của Đức Christ), Ngài đã dứt khoát và có ý thức đảm nhận các nhiệm vụ và trách nhiệm của Ngài như Huấn sư và Nhà Lãnh Đạo trong chu kỳ thái dương Bảo Bình. Ngài là vị đầu tiên trong các Huấn sư thế giới vĩ đại bao trùm hai chu kỳ hoàng đạo—Song Ngư và Bảo Bình. Đây là một phát biểu dễ nói và dễ viết ra, nhưng một lần nữa nó bao hàm ba phương thức hay kỹ thuật xuất hiện mà tôi đã nhắc đến. Tình thương tuôn đổ và sinh lực tinh thần của Ngài (được tăng cường bởi các năng lượng của Đấng Tinh thần Hòa Bình, Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp và Đức Phật) đã được tái hội tụ và dẫn vào một dòng chảy lớn, được kéo vào biểu lộ (nếu tôi có thể diễn đạt một cách quá không đầy đủ như vậy) bởi những lời của Đại Khấn Nguyện, "Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người.... Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian."

In those three words—light, love and power—the energies of His three Associates (the great Triangle of Force which stands in

Trong ba từ ấy—ánh sáng, tình thương và quyền năng—các năng lượng của ba Đấng Cộng Sự của Ngài (Tam Giác Mãnh Lực vĩ đại

power behind Him) are described: the energy of the Buddha: Light, for the light ever comes from the East; the energy of the Spirit of Peace: Love, establishing right human relations; the energy of the Avatar of Synthesis: Power, implementing both light and love. At the centre of this Triangle the Christ took His [83] stand; from that point His Aquarian work began, and it will continue for two thousand five hundred years. Thus He inaugurated the new era and, upon the inner spiritual planes, the new world religion began to take form. The word "religion" concerns relationship, and the era of right human relations and of a right relation to the Kingdom of God began. Such a statement as this is easily made but its implications are far-reaching and stupendous.

đứng đầy quyền năng phía sau Ngài) được mô tả: năng lượng của Đức Phật: Ánh sáng, vì ánh sáng luôn đến từ phương Đông; năng lượng của Đấng Tinh thần Hòa Bình: Tình thương, thiết lập các tương quan nhân loại đúng đắn; năng lượng của Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp: Quyền năng, thực thi cả ánh sáng lẫn tình thương. Ở trung tâm của Tam Giác này, Đức Christ đã đứng [83] vững; từ điểm đó công việc Bảo Bình của Ngài bắt đầu, và sẽ tiếp tục trong hai ngàn năm trăm năm. Như vậy Ngài đã khai mở kỷ nguyên mới và, trên các cõi tinh thần bên trong, tôn giáo thế giới mới bắt đầu thành hình. Từ "tôn giáo" liên quan đến tương quan, và kỷ nguyên của các tương quan nhân loại đúng đắn và của mối tương quan đúng đắn với Thiên Giới đã bắt đầu. Một phát biểu như thế này thì dễ nói ra, nhưng các hàm ý của nó thì sâu rộng và phi thường.

At that time also, the Christ assumed two new functions: one is connected with the second mode of His physical appearance and the other with the mode of over-shadowing. Over the masses, light, love and power are being poured forth and the growth of the Christ-consciousness is, therefore, being constantly stimulated. By His physical Presence, He will become the "Dispenser of the Water of Life"; through the over-shadowing of those sensitive to His impression and of His focussed Mind, He becomes what is technically known as the "Nourisher of the little ones."

Vào lúc đó cũng vậy, Đức Christ đã đảm nhận hai chức năng mới: một chức năng liên hệ với phương thức thứ hai của sự xuất hiện hồng trần của Ngài và chức năng kia liên hệ với phương thức phủ bóng. Trên quần chúng, ánh sáng, tình thương và quyền năng đang được tuôn đổ xuống và vì thế sự tăng trưởng của tâm thức Christ đang liên tục được kích thích. Bằng Hiện Diện hồng trần của Ngài, Ngài sẽ trở thành *"Đấng Phân Phát Nước của Sự Sống"*; qua sự phủ bóng lên những người nhạy cảm với ấn tượng của Ngài và với Trí của Ngài đã được hội tụ, Ngài trở thành điều mà về mặt kỹ thuật được gọi là *"Đấng Nuôi Dưỡng những kẻ bé nhỏ."*

As Dispenser of the Water of Life and as Nourisher of the Little Ones, He enters upon His duties in the Aquarian Age, whilst as the centre of the Triangle above mentioned, He influences, enlightens, and produces right relations in the masses of men. In the coming era, He will, therefore, be known as

Là Đấng Phân Phát Nước của Sự Sống và là Đấng Nuôi Dưỡng những Kẻ Bé Nhỏ, Ngài bước vào các nhiệm vụ của mình trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, trong khi với tư cách là trung tâm của Tam Giác đã nói ở trên, Ngài ảnh hưởng, soi sáng và tạo ra các tương quan

đúng đắn trong quần chúng. Vì vậy, trong kỷ nguyên sắp đến, Ngài sẽ được biết đến như là

1. The Point within the Triangle.

1. Điểm ở trong Tam Giác.

2. The Dispenser of the Water of Life.

2. Đấng Phân Phát Nước của Sự Sống.

3. The Nourisher of the Little Ones.

3. Đấng Nuôi Dưỡng những Kẻ Bé Nhỏ.

These are descriptive of His threefold duties to mankind, and of the work which will be distinctive of His world service, throughout the Aquarian Age.

Đây là những mô tả về các nhiệm vụ tam phân của Ngài đối với nhân loại, và về công việc sẽ là nét đặc trưng của sự phụng sự thế giới của Ngài trong suốt Kỷ Nguyên Bảo Bình.

[84]

[84]

Let us look at these phases of His work and try to understand the significance of the responsibility which He has undertaken. Some understanding is necessary if the New Group of World Servers and the working disciples in the world are to prepare mankind adequately for His appearing. Much can be done if men will apply themselves to comprehension and to the needed subsequent activity.

Chúng ta hãy xem xét các phương diện này trong công việc của Ngài và cố gắng thấu hiểu thâm nghĩa của trách nhiệm mà Ngài đã đảm nhận. Một mức độ thấu hiểu nào đó là cần thiết nếu Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và các đệ tử đang hoạt động trong thế giới muốn chuẩn bị đầy đủ cho nhân loại đón sự xuất hiện của Ngài. Nhiều điều có thể được thực hiện nếu con người chịu chuyên tâm vào sự thấu hiểu và vào hoạt động tiếp theo cần thiết.

First, as the Point within the Triangle, Christ becomes the awakener of the hearts of men, and the one who institutes right human relations by being simply what He is and by standing unmoved where He is. This He accomplishes by transmitting the energies from the three points of the surrounding Triangle to humanity. This blended, impersonal energy, triple in nature, will be spread abroad universally, producing evolutionary growth, attracting people and nations magnetically to each other and automatically causing the unfoldment of the sense of synthesis, of provable unity and of a

Trước hết, với tư cách là *Điểm ở trong Tam Giác*, Đức Christ trở thành Đấng đánh thức trái tim của nhân loại, và là Đấng thiết lập các tương quan nhân loại đúng đắn chỉ bằng cách đơn giản là chính Ngài và đứng bất lay chuyển ở nơi Ngài đứng. Điều này Ngài hoàn thành bằng cách truyền các năng lượng từ ba điểm của Tam Giác bao quanh đến nhân loại. Năng lượng dung hợp, phi cá nhân, tam phân về bản chất này sẽ được lan tỏa khắp nơi, tạo ra sự tăng trưởng tiến hoá, thu hút con người và các quốc gia đến với nhau một cách từ tính và tự động gây ra sự khai mở của ý thức về tổng hợp, về sự hợp nhất có thể

desirable fusion. Just as, during the Piscean Age, there was unfolded in humanity a mass responsiveness to knowledge and to the principle of intelligence, so in the Aquarian Age, a mass response to right relations will equally be evoked, and goodwill (as its expression) will be distinctive of the mass consciousness. It may be difficult to realise and appreciate this possibility but it was equally difficult for the mass of men in the first centuries of the Christian or Piscean era to realise the future growth of the educational systems of the world and the spread of that knowledge which is distinctive of our present civilisation and culture. Past attainment is ever the guarantee of future possibility.

chứng minh được và về một sự dung hợp đáng mong muốn. Cũng như trong Kỷ Nguyên Song Ngư, nơi nhân loại đã khai mở một sự đáp ứng quần chúng đối với tri thức và đối với nguyên khí trí tuệ, thì trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, một sự đáp ứng quần chúng đối với các tương quan đúng đắn cũng sẽ được gợi lên tương tự, và thiện chí (như biểu hiện của nó) sẽ là nét đặc trưng của tâm thức quần chúng. Có thể khó nhận biết và đánh giá đúng khả năng này, nhưng điều đó cũng đã khó như vậy đối với quần chúng trong những thế kỷ đầu của kỷ nguyên Ki-tô giáo hay Song Ngư khi họ phải nhận biết sự phát triển tương lai của các hệ thống giáo dục trên thế giới và sự lan rộng của tri thức vốn là nét đặc trưng của nền văn minh và văn hóa hiện nay của chúng ta. Thành tựu trong quá khứ luôn là bảo chứng cho khả năng trong tương lai.

As Dispenser of the Water of Life, His work is most mysterious and not at all easy to comprehend. In His public work, two thousand years ago, He said: "I am come [85] that they may have life and that they may have it more abundantly." (John X.10.) The Life Aspect—from the angle of the vision of Christ—expresses itself in three ways:

Là *Đấng Phân Phát Nước của Sự Sống*, công việc của Ngài vô cùng huyền nhiệm và hoàn toàn không dễ thấu hiểu. Trong công việc công khai của Ngài, hai ngàn năm trước, Ngài đã nói: "Ta đến [85] để họ có sự sống và có sự sống dồi dào hơn." (John X.10.) Phương diện Sự Sống—xét từ góc độ tầm nhìn của Đức Christ—biểu lộ theo ba cách:

1. As physical life, nourishing the cells of the body. This life is found within each atom of substance as the central point of living light.

1. *Như sự sống hồng trần*, nuôi dưỡng các tế bào của thể xác. Sự sống này được tìm thấy trong mỗi nguyên tử của chất liệu như điểm trung tâm của ánh sáng sống động.

2. As livingness, seen as love and light within the heart. When this livingness is present and expressing itself, the human atom becomes a part of the spiritual Hierarchy.

2. *Như tính sống động*, được thấy như tình thương và ánh sáng trong trái tim. Khi tính sống động này hiện diện và đang biểu lộ, nguyên tử nhân loại trở thành một phần của Thánh đoàn tinh thần.

3. As Life more abundantly. This life can be known as light, love and power within and above the head of the disciple of the Christ.

3. *Như Sự Sống dồi dào hơn*. Sự sống này có thể được biết như ánh sáng, tình thương và quyền năng bên trong và phía trên đầu của

This abundant life enables him to cooperate, not only with humanity and with the spiritual Hierarchy, but also with Shamballa itself—the centre of life in its purest essence.

đệ tử của Đức Christ. Sự sống dồi dào này giúp y hợp tác không chỉ với nhân loại và với Thánh đoàn tinh thần, mà còn với chính Shamballa—trung tâm của sự sống trong tinh túy thuần khiết nhất của nó.

If we say that life is the livingness which enables, the words are relatively meaningless, are they not? If, however, the livingness is referred to the physical plane life, to the spiritual life of the disciple and to the living purpose of God, then some faint concept may come of the wonder of the work undertaken by the Christ in the past, and foreseen by Him as His future responsibility. Christ can draw upon the energies which are defined by the phrase "life more abundantly," because they will set loose (in the Aquarian Age) in a new and dynamic manner the new energies needed in order to bring about restoration and resurrection. This new energy is the "implementing force of universality"; it concerns the future. This inflow of Aquarian energy is one of the factors which will enable [86] the Christ to complete His task as world Saviour and world Teacher. It was to the definite performance of His duties as Distributor, Nourisher and Dispenser that He pledged Himself in June, 1945, and entered upon His responsibilities as the Forerunner and the Teacher of the Aquarian Age.

Nếu chúng ta nói rằng *sự sống là tính sống động làm cho có thể*, thì những lời ấy tương đối vô nghĩa, phải không? Tuy nhiên, nếu tính sống động được liên hệ với sự sống cõi hồng trần, với sự sống tinh thần của đệ tử và với mục đích sống động của Thượng đế, thì một khái niệm mờ nhạt nào đó có thể xuất hiện về sự kỳ diệu của công việc mà Đức Christ đã đảm nhận trong quá khứ, và đã được Ngài thấy trước như trách nhiệm tương lai của mình. Đức Christ có thể rút từ các năng lượng được xác định bằng cụm từ "sự sống dồi dào hơn," vì trong Kỷ Nguyên Bảo Bình chúng sẽ giải phóng theo một cách mới mẻ và năng động các năng lượng mới cần thiết để mang lại sự phục hồi và phục sinh. Năng lượng mới này là "mãnh lực thực thi của tính phổ quát"; nó liên quan đến tương lai. Dòng năng lượng Bảo Bình tuôn vào này là một trong những yếu tố sẽ giúp [86] Đức Christ hoàn tất nhiệm vụ của Ngài như Đấng Cứu Thế của thế giới và Huấn sư của thế giới. Chính đối với việc thực hiện dứt khoát các nhiệm vụ của Ngài như Đấng Phân Phối, Đấng Nuôi Dưỡng và Đấng Phân Phát mà Ngài đã cam kết vào tháng Sáu năm 1945, và bước vào các trách nhiệm của Ngài như Đấng Tiền Phong và Huấn sư của Kỷ Nguyên Bảo Bình.

As Nourisher of the Little Ones, we are dealing with an aspect of Christ's work which involves the stimulation of the consciousnesses of His disciples as they prepare to undergo initiation or to enter into deeper phases of spiritual awareness. The result of His work in the Triangle with the masses of men will be the presentation of

Là Đấng Nuôi Dưỡng những Kẻ Bé Nhỏ, chúng ta đang đề cập đến một phương diện trong công việc của Đức Christ, phương diện bao hàm sự kích thích các tâm thức của các đệ tử của Ngài khi họ chuẩn bị trải qua điểm đạo hoặc đi vào những giai đoạn sâu hơn của nhận biết tinh thần. Kết quả công việc của Ngài trong Tam Giác với quần chúng sẽ là

the first initiation—the Birth of the Christ in the cave of the Heart—as the basic ceremony in the new world religion. By means of this ceremony, the masses of men in all lands will be enabled to register consciously the "birth of the Christ" in the heart, and the "being born again" to which He Himself referred (John III.3) when here on Earth before. This new birth is what esotericists mean when they speak of the first initiation. It will not, in the future, be the experience of the occasional disciple but the general experience of countless thousands towards the close of the Aquarian Age. The purifying waters of the Baptism Initiation (the second initiation) will submerge hundreds of aspirants in many lands, and these two initiations (which are preparatory to true service, and the third initiation of the Transfiguration) will set the seal on Christ's mission as the Agent of the great spiritual Triangle which He represents.

việc trình bày lần điểm đạo thứ nhất—Sự Giáng Sinh của Đức Christ trong hang động của Trái Tim—như nghi lễ căn bản trong tôn giáo thế giới mới. Nhờ nghi lễ này, quần chúng ở mọi xứ sở sẽ có thể ghi nhận một cách hữu thức "sự giáng sinh của Đức Christ" trong trái tim, và việc "được sinh lại" mà chính Ngài đã nói đến (John III.3) khi trước đây còn ở trên Trái Đất. *Sự sinh ra mới này là điều mà các nhà bí truyền học muốn nói đến khi họ nói về lần điểm đạo thứ nhất.* Trong tương lai, đó sẽ không phải là kinh nghiệm của một vài đệ tử riêng lẻ mà là kinh nghiệm chung của vô số hàng ngàn người vào gần cuối Kỷ Nguyên Bảo Bình. Những làn nước thanh tẩy của Cuộc Điểm Đạo Rửa Tội (lần điểm đạo thứ hai) sẽ nhấn chìm hàng trăm người chí nguyện ở nhiều xứ sở, và hai lần điểm đạo này (vốn là sự chuẩn bị cho phụng sự chân chính, và cho lần điểm đạo thứ ba là Biến hình) sẽ đóng ấn lên sứ mệnh của Đức Christ như Tác Nhân của Tam Giác tinh thần vĩ đại mà Ngài đại diện.

The major work of Christ, however, as far as the disciples and the definitely spiritually-minded people of the world are concerned, plus the hundreds of thousands of advanced humanity, is so to "nourish" their spiritual consciousness and life that they will be enabled to take [87] the third and fourth initiations—those of the Transfiguration and the Renunciation (or Crucifixion).

Tuy nhiên, công việc chính yếu của Đức Christ, xét theo những gì liên quan đến các đệ tử và những người có khuynh hướng tinh thần rõ rệt trên thế giới, cộng với hàng trăm ngàn người thuộc nhân loại tiến bộ, là "nuôi dưỡng" tâm thức và sự sống tinh thần của họ sao cho họ có thể đảm nhận [87] lần điểm đạo thứ ba và thứ tư—Biến hình và Từ Bỏ (hay Đóng Đinh).

As esotericists know, the term "little ones" refers to those disciples who are "babes in Christ" (as The New Testament terms it) and who have taken the first two initiations of the Birth and the Baptism. They are aware of the spiritual aspiration which is indicative of the Christ life in their hearts, and they have subjected themselves to the processes of purification which culminate in the baptismal waters. Christ must prepare these

Như các nhà bí truyền học biết, thuật ngữ "những kẻ bé nhỏ" chỉ những đệ tử là "trẻ thơ trong Đức Christ" (như *Tân Ước* gọi) và đã trải qua hai lần điểm đạo đầu là Giáng Sinh và Rửa Tội. Họ nhận biết khát vọng tinh thần vốn là dấu hiệu của sự sống Christ trong trái tim họ, và họ đã tự đặt mình dưới các tiến trình thanh lọc đạt đến đỉnh điểm trong làn nước rửa tội. Đức Christ phải chuẩn bị những người chí nguyện này cho

aspirants for the higher initiations and so nourish and aid them that they can stand before the One Initiator and become pillars in the Temple of God (i.e., agents of the spiritual Hierarchy and, therefore, active, working disciples).

When He was in Palestine, centuries ago, He said, "no man cometh unto the Father but by me." (John XIV.6.) This was a foretelling of the work which He would be called upon to do in the Aquarian era. In the first two initiations, aspirants (trained by senior disciples) find their way to Christ, Who administers the first two initiations; but—in these words—He is referring to still higher states of unfoldment. Through these initiations, administered by the Christ, the disciple becomes an agent of the love of God; the higher initiations enable him, however, to become, stage by stage, an agent of the will of God. The first group knows and understands the second stanza of the Invocation, "From the point of love within the heart of God, let love stream forth into the hearts of men"; the group which (in the Aquarian Age) the Christ Himself will "nourish" and prepare will know the meaning of the third stanza, "From the centre where the will of God is known, let purpose guide the little wills of men."

[88]

The work of Christ, during the Piscean Age, was to relate humanity to the Hierarchy of the planet; in the Aquarian Age, His work will be to relate this rapidly growing group to that higher centre where the Father is contacted, where recognition of sonship is accorded and where the divine purpose can be known. Through the coming work of Christ, the three divine aspects, recognised

các lần điểm đạo cao hơn và nuôi dưỡng, trợ giúp họ sao cho họ có thể đứng trước Đấng Điểm đạo Duy Nhất và trở thành những cột trụ trong Đền thờ của Thượng đế (tức là các tác nhân của Thánh đoàn tinh thần và do đó là các đệ tử hoạt động, làm việc).

Khi ở Palestine, nhiều thế kỷ trước, Ngài đã nói, "chẳng ai đến được với Cha mà không qua ta." (John XIV.6.) Đây là một lời báo trước về công việc mà Ngài sẽ được kêu gọi thực hiện trong kỷ nguyên Bảo Bình. Trong hai lần điểm đạo đầu, những người chí nguyện (được các đệ tử cao cấp huấn luyện) tìm đường đến với Đức Christ, Đấng ban hai lần điểm đạo đầu; nhưng—trong những lời này—Ngài đang nói đến những trạng thái khai mở còn cao hơn nữa. Qua những lần điểm đạo do Đức Christ ban này, đệ tử trở thành một tác nhân của tình thương của Thượng đế; tuy nhiên, các lần điểm đạo cao hơn giúp y, từng giai đoạn một, trở thành một tác nhân của ý chí của Thượng đế. Nhóm thứ nhất biết và thấu hiểu bài kệ thứ hai của Đại Khấn Nguyện, "Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế, Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người"; nhóm mà chính Đức Christ sẽ "nuôi dưỡng" và chuẩn bị trong Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ biết ý nghĩa của bài kệ thứ ba, "Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế, Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người."

[88]

Công việc của Đức Christ trong Kỷ Nguyên Song Ngư là liên kết nhân loại với Thánh Đoàn của hành tinh; trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, công việc của Ngài sẽ là liên kết nhóm đang tăng trưởng nhanh chóng này với trung tâm cao hơn kia, nơi tiếp xúc được với Đức Cha, nơi sự công nhận thiên tử tính được ban cho và nơi thiên ý có thể được biết đến. Qua công việc sắp đến của Đức Christ,

by all the world religions (including the Christian religion)—Intelligence or the Universal Mind, Love and Will—will be consciously developed in mankind; humanity, the spiritual Hierarchy and the "centre where the will of God is known" will be brought into a more open and general relationship.

ba phương diện thiêng liêng, được mọi tôn giáo thế giới công nhận (kể cả Ki-tô giáo)—Trí tuệ hay Vũ Trụ Trí, Tình thương và Ý chí—sẽ được phát triển một cách hữu thức trong nhân loại; nhân loại, Thánh đoàn tinh thần và "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế" sẽ được đưa vào một mối liên hệ cởi mở và phổ quát hơn.

The mystical approach to the Kingdom of God will gradually die out as the race achieves increasing intelligence and a more scientific approach will be favoured; the rules for admission into that Kingdom will become objective; the laws governing the highest centre of the divine will will also be revealed to those who are members of the Kingdom of God and all this will come about under the supervision of the Christ after His reappearance among men. The keynote of His mission then will be to evoke from humanity a response to spiritual influence and an unfoldment (on a large scale) of intuitive perception—a faculty which is, at present, rare indeed. When He came before, He evoked from humanity a gradual response to truth and mental understanding. That is why, at the end of the cycle which He inaugurated two thousand years ago, we have formulated doctrines and a widespread mental or intellectual development.

Cách tiếp cận thần bí đối với Thiên Giới sẽ dần dần mất đi khi nhân loại đạt được trí tuệ ngày càng tăng và một cách tiếp cận khoa học hơn sẽ được ưa chuộng; các quy luật để được thu nhận vào Thiên Giới sẽ được biểu lộ ra bên ngoài; các định luật chi phối trung tâm cao nhất của ý chí thiêng liêng cũng sẽ được mặc khải cho những ai là thành viên của Thiên Giới, và tất cả điều này sẽ diễn ra dưới sự giám sát của Đức Christ *sau* khi Ngài tái xuất hiện giữa nhân loại. Chủ âm của sứ mệnh Ngài khi ấy sẽ là gợi lên từ nhân loại một sự đáp ứng đối với ảnh hưởng tinh thần và một sự khai mở (trên quy mô lớn) của linh thị trực giác—một năng lực mà hiện nay quả thật còn rất hiếm. Khi Ngài đến trước đây, Ngài đã gợi lên từ nhân loại một sự đáp ứng dần dần đối với chân lý và sự thấu hiểu trí tuệ. Đó là lý do tại sao, vào cuối chu kỳ mà Ngài đã khai mở hai ngàn năm trước, chúng ta đã hình thành các giáo lý và một sự phát triển trí tuệ hay tri thức rộng khắp.

III. Christ as the Releaser of Energy

III. Đức Christ như Đấng Giải Phóng Năng Lượng

During the first three months of the period of crisis through which Christ and the Hierarchy passed and which [89] was ended by His announced decision, certain great Energies, or fundamental streams of force were made available to Christ and His disciples. Today, the fact that energy is the basic substance in the universe, that all

Trong ba tháng đầu của thời kỳ khủng hoảng mà Đức Christ và Thánh Đoàn đã trải qua và vốn [89] kết thúc bằng quyết định được Ngài công bố, một số Năng Lượng vĩ đại, hay những dòng mãnh lực căn bản, đã được dành sẵn cho Đức Christ và các đệ tử của Ngài. Ngày nay, sự kiện rằng năng lượng là *chất liệu căn bản* trong vũ trụ, rằng mọi

forms of life are energy forms, living within greater energy forms, and that all such forms—great or small—use energy and act as distributors of energy is a well-known and generally accepted fact by thinking and intelligent people. Speech, the written word, and motivated activity are all expressions of energy, lead to the spread of energy and to activities which are all expressions of energy and the cause of energy distribution. Governments, churches, organisations and groups are all energy distributors, and also storehouses of energy. Humanity itself is a great centre of energy, affecting all the subhuman kingdoms, and forming likewise within itself a great system of inter-related energies. The same thing is true of the individual who, by his acts and words, employs energy, produces effects which are energy effects and acts as a distributor of energy. Where the undeveloped individual is concerned, he realises none of this and the energy which he manipulates is of relatively small importance. As evolution proceeds, and individual men and women achieve power and expression, their use of energy is frequently of major importance; they become dynamic centres of energy distribution and their words (spoken or written), plus their activities, produce wide effects and momentous results. The Hierarchy is a great energy centre and, through the Christ, its energy reaches humanity; this is the significance of His words "I am come that they might have life." Life and energy are synonymous terms.

hình tướng sự sống đều là những hình tướng năng lượng, sống bên trong những hình tướng năng lượng lớn hơn, và rằng mọi hình tướng như thế—lớn hay nhỏ—đều sử dụng năng lượng và hoạt động như những nhà phân phối năng lượng, là một sự kiện đã được biết rõ và được những người suy tư và thông minh chấp nhận rộng rãi. Lời nói, chữ viết, và hoạt động có động cơ đều là những biểu hiện của năng lượng, dẫn đến sự lan truyền năng lượng và đến những hoạt động vốn đều là biểu hiện của năng lượng và là nguyên nhân của sự phân phối năng lượng. Các chính phủ, giáo hội, tổ chức và nhóm đều là những nhà phân phối năng lượng, đồng thời cũng là những kho chứa năng lượng. Bản thân nhân loại là một trung tâm năng lượng lớn, ảnh hưởng đến tất cả các giới dưới nhân loại, và cũng hình thành trong chính mình một hệ thống lớn các năng lượng liên hệ với nhau. Điều tương tự cũng đúng với cá nhân, là người bằng hành vi và lời nói của mình sử dụng năng lượng, tạo ra những hiệu quả là hiệu quả năng lượng và hoạt động như một nhà phân phối năng lượng. Khi liên quan đến cá nhân chưa phát triển, ông không nhận ra điều nào trong số này và năng lượng mà ông thao tác có tầm quan trọng tương đối nhỏ. Khi tiến hoá tiếp diễn, và những người nam và nữ riêng lẻ đạt được quyền năng và biểu hiện, việc sử dụng năng lượng của họ thường có tầm quan trọng lớn lao; họ trở thành những trung tâm năng lượng năng động của sự phân phối, và lời nói của họ (nói ra hay viết ra), cộng với các hoạt động của họ, tạo ra những hiệu quả rộng lớn và những kết quả trọng đại. Thánh Đoàn là một trung tâm năng lượng lớn và, qua Đức Christ, năng lượng của nó đến với nhân loại; đây là ý nghĩa trong lời Ngài "Ta đến để họ có sự sống." Sự sống và năng lượng là những thuật ngữ đồng nghĩa.

During the war (1914-1945), the Christ and the Hierarchy looked on at a dying world; men and forms were dying on every hand; old ideals, organisations and [90] groups were passing away and the spectre of death stalked on every hand. Destruction characterised the phenomenal world, as well as the subtler worlds of feeling and of thought; life was withdrawn and death resulted. The problem of Christ and His disciples was to see that the old and the undesirable were not revivified. Their task was not the resuscitation of the dead and the useless; the directed inflow of life, carrying the capacity to build anew and the energy which could produce a new world and a new civilisation—there lay Their opportunity and Their responsibility.

Trong chiến tranh (1914-1945), Đức Christ và Thánh Đoàn đã nhìn vào một thế giới đang chết; con người và các hình tướng đang chết ở khắp nơi; các lý tưởng, tổ chức và [90] nhóm cũ đang qua đi và bóng ma của cái chết rình rập khắp nơi. Sự hủy diệt là đặc trưng của thế giới hiện tượng, cũng như của các thế giới vi tế hơn của cảm xúc và tư tưởng; sự sống bị rút đi và cái chết là kết quả. Vấn đề của Đức Christ và các đệ tử của Ngài là phải bảo đảm rằng cái cũ và cái không mong muốn không được hồi sinh. Nhiệm vụ của Các Ngài không phải là làm sống lại những gì đã chết và vô dụng; chính trong dòng sự sống được hướng dẫn, mang theo khả năng xây dựng lại và năng lượng có thể tạo ra một thế giới mới và một nền văn minh mới—ở đó có cơ hội và trách nhiệm của Các Ngài.

The reactionary forces of the world—political and religious—desired the resurrection of the old and dead forms; they threw their weight and their influence (which is only another name for energy) against all that was new. This, they are still doing. The progressive forces fight only for that which is new, and seek not the preservation of any of the old forms, even if they could serve a useful purpose. Their energetic denial of all that is of the past, and the destroying energy which they direct against anything which is of the old regime are likewise handicapping the efforts of the Hierarchy. In these progressive forces, hope does indeed lie, but they sadly lack skill in action and have too great a love for destruction. The New Group of World Servers holds steadily to the "Noble Middle Way" (as the Buddha called it) and seeks the decent burial of old forms, the implementation of that which is new and the restoration of that which has, in the past, proved useful and good and which

Các lực lượng phản động của thế giới—chính trị và tôn giáo—mong muốn sự phục sinh của các hình tướng cũ và đã chết; họ dồn sức nặng và ảnh hưởng của mình (mà chỉ là một tên gọi khác của năng lượng) chống lại mọi điều mới mẻ. Họ vẫn đang làm như vậy. Các lực lượng tiến bộ chỉ chiến đấu cho điều mới, và không tìm cách bảo tồn bất kỳ hình tướng cũ nào, ngay cả khi chúng có thể phục vụ một mục đích hữu ích. Sự phủ nhận đầy năng lượng của họ đối với tất cả những gì thuộc về quá khứ, và năng lượng hủy diệt mà họ hướng vào bất cứ điều gì thuộc chế độ cũ, cũng đang cản trở những nỗ lực của Thánh Đoàn. Trong các lực lượng tiến bộ này quả thật có hy vọng, nhưng họ đáng buồn thay lại thiếu kỹ năng trong hành động và có tình yêu quá lớn đối với sự hủy diệt. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian kiên định giữ "Con Đường Trung Đạo Cao Quý" (như Đức Phật đã gọi) và tìm cách chôn cất đàng hoàng các hình tướng cũ, thực thi điều mới và phục hồi điều trong quá khứ đã chứng tỏ

could form the living germ of the new creation.

là hữu ích và tốt đẹp và có thể tạo thành mầm sống của sáng tạo mới.

At the time of the Full Moon of April 1945, during the Easter season of that year and covering approximately a period of five weeks, the Forces of Restoration began their work, emerging first upon the subtler planes [91] of human experience. This type of energy is peculiarly creative in nature and carries the "life which produces the birth of forms." It poured into the Hierarchy, via certain of the Masters and Their groups of disciples, and was immediately transmitted by Them to humanity as a whole. This energy is a mass energy and is related to the stimulation of the mass intelligence; it is not the energy which we have earlier considered when dealing with the Christ consciousness in man. This is the energy which makes men think, plan and take action; it produces neither bad nor good results but simply brings about the awakening of men's minds so that they take intelligent action. That action is necessarily dependent upon the type of mind of the man who responds to the forces of restoration, conditioned by his point in evolution, his racial and national background, his tradition and his religious and civilised reactions. These forces are active now in every land, frequently producing increased initial difficulties but leading eventually to a definite reorganisation of the national or planetary life. Their effects will be primarily physical; they will bring about a new world in which the evidences of war will have disappeared, the physical health of men and animals will be bettered, and cities and villages will be rebuilt. Their objective is the production of the new Earth and all the outer evidences of an inflowing new life.

Vào lúc Trăng Tròn tháng Tư năm 1945, trong mùa Phục Sinh của năm đó và kéo dài khoảng năm tuần, các Mãnh Lực Phục Hồi bắt đầu công việc của mình, trước hết xuất hiện trên các cõi vi tế hơn [91] của kinh nghiệm nhân loại. Loại năng lượng này đặc biệt có bản chất sáng tạo và mang theo "sự sống tạo ra sự sinh thành của các hình tướng." Nó tuôn vào Thánh Đoàn, qua một số Chân sư và các nhóm đệ tử của Các Ngài, và ngay lập tức được Các Ngài truyền đến toàn thể nhân loại. Năng lượng này là năng lượng quần chúng và liên hệ với sự kích thích trí tuệ quần chúng; đó không phải là năng lượng mà trước đây chúng ta đã xem xét khi bàn đến tâm thức Christ trong con người. Đây là năng lượng khiến con người suy nghĩ, hoạch định và hành động; nó không tạo ra kết quả xấu hay tốt mà chỉ đơn giản mang lại sự thức tỉnh của trí óc con người để họ hành động một cách thông minh. Hành động đó tất yếu tùy thuộc vào loại trí tuệ của người đáp ứng với các mãnh lực phục hồi, được tác động bởi điểm tiến hoá của y, bối cảnh chủng tộc và quốc gia của y, truyền thống của y và các phản ứng tôn giáo và văn minh của y. Các mãnh lực này hiện đang hoạt động ở mọi xứ sở, thường tạo ra những khó khăn ban đầu gia tăng nhưng cuối cùng dẫn đến một sự tái tổ chức rõ rệt của đời sống quốc gia hay hành tinh. Các hiệu quả của chúng trước hết sẽ là hồng trần; chúng sẽ mang lại một thế giới mới trong đó các dấu vết của chiến tranh sẽ biến mất, sức khỏe thể chất của người và thú vật sẽ được cải thiện, và các thành phố cùng làng mạc sẽ được tái thiết. Mục tiêu của chúng là tạo ra Trái Đất mới và mọi bằng chứng bên ngoài của một sự sống mới đang tuôn vào.

Following this inflow, at the time of the Full Moon of the Buddha in May 1945, the forces of enlightenment became active, and light began to stream into the minds of men. These are, in reality, the energies which initiate the new world education. Those first to be affected by them are the great educational movements, the forums of the people in all lands and the values which are now unfolding through the radio and the moving picture industry; [92] others deeply affected are the press, the publishers of world literature, speakers, writers, radio commentators, newspaper men and social workers. These effects may not yet be apparent for little time has as yet elapsed, but all these movements and people are the recipients today of the energies of enlightenment if they are prompt to recognise new emerging ideas; they are the custodians of this energy and its distributing agents, channelling it and directing it so that the masses of the people everywhere come under its influence. Progressive and liberal churchmen in all the world religions are also responsive to this energy, but their usefulness is greatly handicapped, owing to the reactionary nature of the setting or field in which they have to work; they are confronted with a well-nigh impossible task.

Tiếp theo dòng tuôn đổ này, vào lúc Trăng Tròn của Đức Phật tháng Năm năm 1945, các mãnh lực soi sáng trở nên hoạt động, và ánh sáng bắt đầu tuôn vào trí óc con người. Thực ra, đây là những năng lượng khởi xướng nền giáo dục thế giới mới. Những đối tượng đầu tiên bị ảnh hưởng bởi chúng là các phong trào giáo dục lớn, các diễn đàn của nhân dân ở mọi xứ sở và các giá trị hiện đang khai mở qua đài phát thanh và ngành điện ảnh; [92] những đối tượng khác bị ảnh hưởng sâu sắc là báo chí, các nhà xuất bản văn học thế giới, các diễn giả, nhà văn, bình luận viên phát thanh, nhà báo và nhân viên công tác xã hội. Những hiệu quả này có thể chưa rõ ràng vì cho đến nay vẫn còn ít thời gian trôi qua, nhưng tất cả các phong trào và những con người này ngày nay đều là những người tiếp nhận các năng lượng soi sáng nếu họ mau chóng nhận ra các ý tưởng mới đang xuất hiện; họ là những người gìn giữ năng lượng này và là các tác nhân phân phối của nó, dẫn truyền và định hướng nó để quần chúng ở khắp nơi chịu ảnh hưởng của nó. Các giáo sĩ tiến bộ và tự do trong mọi tôn giáo thế giới cũng đáp ứng với năng lượng này, nhưng tính hữu dụng của họ bị cản trở rất nhiều do bản chất phản động của bối cảnh hay lĩnh vực mà họ phải làm việc trong đó; họ đang đối diện với một nhiệm vụ gần như bất khả thi.

These energies of enlightenment reach humanity, via the New Group of World Servers who are very susceptible to their impact, and who are in a position to distribute them, because they are to be found working in all the fields of activity mentioned above.

Các năng lượng soi sáng này đến với nhân loại, thông qua Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, những người rất nhạy cảm với tác động của chúng, và ở vào vị thế có thể phân phối chúng, bởi vì họ hiện diện và hoạt động trong mọi lĩnh vực sinh hoạt đã được nhắc đến ở trên.

The forces of restoration are related to and emanate from the Mind of God and are connected with the intelligent principle in the divine nature; the intellect is that divine

Các mãnh lực phục hồi có liên hệ với và phát xuất từ Trí của Thượng đế, và gắn liền với nguyên khí trí tuệ trong bản chất thiêng liêng; trí năng là phương diện thiêng liêng

aspect which distinguishes man from all other forms in nature. The forces of enlightenment come from the Heart of God and are related to divine understanding and can, therefore, reach and strengthen all those who love and serve their fellowmen. This energy is related to the second aspect or principle of divinity, love-wisdom, of which the Buddha and the Christ are the two outstanding divine expressions. It is mainly through Them and Their disciples, or the Masters on the same line of divine expression, that these energies reach humanity, channelled by the New Group of World Servers.

phân biệt con người với mọi hình tướng khác trong thiên nhiên. Các mãnh lực soi sáng đến từ Tâm của Thượng đế và liên hệ với sự thấu hiểu thiêng liêng, vì thế có thể tiếp cận và tăng cường cho tất cả những ai yêu thương và phụng sự đồng loại của mình. Năng lượng này liên hệ với phương diện hay nguyên khí thứ hai của thiên tính, Bác Ái – Minh Triết, mà Đức Phật và Đức Christ là hai biểu hiện thiêng liêng nổi bật nhất. Chính chủ yếu qua Các Ngài và các đệ tử của Các Ngài, hay các Chân sư trên cùng đường lối biểu hiện thiêng liêng ấy, mà các năng lượng này đến với nhân loại, được dẫn truyền qua Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

[93]

[93]

The Christ and the Buddha combined the Way of the Mind and the Way of the Heart in Their perfection, and towered above their fellowmen from the heights of Their achievement. They swayed hemispheres and centuries, whereas lesser sons of God sway countries and shorter periods of time. They still have some consummating work to carry through, though the indicated work lies not so much with the forms which embody Their enunciated divine principles—light and love—as with the souls who have evolved through the application of these principles.

Đức Christ và Đức Phật đã kết hợp Con đường của Trí Tuệ và Con đường của Tâm trong sự toàn thiện của Các Ngài, và vượt cao hơn đồng loại từ những đỉnh cao thành tựu của Các Ngài. Các Ngài đã chi phối cả những bán cầu và nhiều thế kỷ, trong khi những Con của Thượng đế ở cấp thấp hơn chỉ chi phối các quốc gia và những khoảng thời gian ngắn hơn. Các Ngài vẫn còn một số công việc hoàn tất phải thực hiện, mặc dù công việc được chỉ ra không nằm nhiều nơi các hình tướng hiện thân cho những nguyên khí thiêng liêng mà Các Ngài đã công bố—ánh sáng và tình thương—cho bằng nơi các linh hồn đã tiến hoá nhờ việc áp dụng các nguyên khí ấy.

In June 1945, Christ set in motion the forces of reconstruction which are related to the Will aspect of divinity and which remain as yet the least powerful of the three streams of energy, released during the three Full Moon Festivals in 1945. These forces of reconstruction are effective mainly in relation to those entities which we call nations. The Hierarchy is at this time

Vào tháng Sáu năm 1945, Đức Christ đã khởi động các mãnh lực tái thiết, vốn liên hệ với phương diện Ý Chí của thiên tính và cho đến nay vẫn là dòng năng lượng kém mạnh nhất trong ba dòng năng lượng được giải phóng trong ba Lễ Hội Trăng Tròn năm 1945. Các mãnh lực tái thiết này chủ yếu có hiệu lực đối với những thực thể mà chúng ta gọi là các quốc gia. Hiện nay Thánh Đoàn đang cố

attempting to channel them into the Assembly of the United Nations; the use made of these impersonal energies is dependent upon the quality and the nature of the recipient nation, on its measure of true enlightenment and on its point in evolution. Nations are the expression today of the massed self-centredness of a people and of their instinct to self-preservation. These energies can, therefore, increase that aspect of their lives. They can, however, and in spite of this, increase the potency of the objective which the United Nations (at present) theoretically hold before the eyes of men everywhere. The main object of the Hierarchy is so to distribute these constructive, synthesising energies that the theory of unity may slowly be turned into practice, and the word "United" may come to have a true significance and meaning. It is with this type of energy that the Avatar of Synthesis is peculiarly allied. He will convey to humanity, with the aid of the Christ, [94] something for which we have as yet no name. It is neither love nor will, as we understand them. Only a phrase of several words will bring to us something of the meaning. This phrase is "the principle of directed Purpose." This principle involves three things:

gắng dẫn truyền chúng vào Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc; việc sử dụng các năng lượng phi cá nhân này tùy thuộc vào phẩm tính và bản chất của quốc gia tiếp nhận, vào mức độ soi sáng chân chính của quốc gia ấy và vào điểm tiến hoá của nó. *Các quốc gia ngày nay là biểu hiện của sự tập trung vào bản thân tập thể của một dân tộc và của bản năng tự bảo tồn của họ.* Vì thế, các năng lượng này có thể làm gia tăng phương diện ấy trong đời sống của họ. Tuy nhiên, bất chấp điều đó, chúng cũng có thể làm tăng hiệu lực của mục tiêu mà Liên Hiệp Quốc hiện nay *về mặt lý thuyết* đang đặt trước mắt con người ở khắp nơi. Mục tiêu chính của Thánh Đoàn là phân phối các năng lượng kiến tạo, tổng hợp này sao cho lý thuyết về sự hợp nhất có thể dần dần được chuyển thành thực hành, và từ "Liên Hiệp" có thể mang một thâm nghĩa và ý nghĩa chân thực. Chính với loại năng lượng này mà Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp có mối liên hệ đặc biệt. Ngài sẽ chuyển đến nhân loại, với sự trợ giúp của Đức Christ, [94] một điều mà hiện chúng ta vẫn chưa có tên gọi. Đó không phải là tình thương cũng không phải là ý chí như chúng ta hiểu chúng. Chỉ một cụm từ gồm nhiều từ mới có thể đem đến cho chúng ta phần nào ý nghĩa của nó. Cụm từ ấy là "nguyên khí của Thiên Ý có định hướng." Nguyên khí này bao hàm ba điều:

1. Understanding—intuitive and spiritually instinctual, but intelligently interpreted—of the Plan, as it can be worked out in the immediate future by the Christ and His disciples.

1. Sự thấu hiểu—trực giác và theo bản năng tinh thần, nhưng được diễn giải một cách trí tuệ—về Thiên Cơ, như Thiên Cơ ấy có thể được Đức Christ và các đệ tử của Ngài triển khai trong tương lai gần.

2. Focussed intention, based upon the above and emphasising an aspect of the will, hitherto undeveloped in man.

2. Ý định tập trung, dựa trên điều nói trên và nhấn mạnh một phương diện của ý chí, từ trước đến nay chưa được phát triển nơi con người.

3. Capacity to direct energy (through understanding and intent) towards a recognised and desired end, overcoming all obstacles and destroying all that stands in its way. This is not the destruction of forms by force such as we have seen imposed upon the world, but a destruction brought about by the greatly strengthened life within the form.

3. Năng lực định hướng năng lượng (qua sự thấu hiểu và ý định) về một cứu cánh đã được nhận biết và mong muốn, vượt qua mọi chướng ngại và phá hủy tất cả những gì cản đường nó. Đây không phải là sự phá hủy các hình tướng bằng bạo lực như chúng ta đã thấy bị áp đặt lên thế giới, mà là một sự phá hủy được tạo ra bởi sự sống bên trong hình tướng đã được tăng cường rất mạnh.

The significance of these divine principles will make little sense to us today; we are dealing with major mysteries. A mystery remains a mystery only when ignorance or unbelief exist. There is no mystery where there is knowledge and faith. All we know at this time is that the Christ will fuse and blend within Himself three principles of divinity; when He appears "the light that always has been will be seen; the love that never ceases will be realised, and the radiance, deep concealed, will break forth into Being." We shall then have a new world —one which will express the light, the love and the knowledge of God in a crescendo of revelation.

Thâm nghĩa của các nguyên khí thiêng liêng này ngày nay sẽ ít có ý nghĩa đối với chúng ta; chúng ta đang bàn đến những huyền nhiệm lớn lao. Một huyền nhiệm chỉ còn là huyền nhiệm khi còn có vô minh hay thiếu niềm tin. Không có huyền nhiệm ở nơi có tri thức và đức tin. Tất cả những gì chúng ta biết vào lúc này là Đức Christ sẽ dung hợp và hòa trộn trong chính Ngài ba nguyên khí của thiên tính; khi Ngài xuất hiện thì "ánh sáng vốn luôn hiện hữu sẽ được nhìn thấy; tình thương không bao giờ dứt sẽ được chứng nghiệm, và sự rạng ngời, vốn ẩn sâu, sẽ bừng phát thành hiện hữu." Khi ấy chúng ta sẽ có một thế giới mới—một thế giới sẽ biểu lộ ánh sáng, tình thương và tri thức của Thượng đế trong một cao trào mặc khải.

[95]

[95]

The beauty of this synthesis which Christ will manifest, and the wonder of the presented opportunity, must surely be apparent to all of us. Great Forces, under potent spiritual Leadership, are standing ready to precipitate themselves into this world of chaos, of confusion, of aspiration, of hope and of bewilderment. These groups of energies are ready for focussing and distribution by the Hierarchy and that Hierarchy, under its Great Leader, the Christ, is closer to mankind than ever before in human history. The New Group of World Servers are also standing attentive to

Vẻ đẹp của sự tổng hợp này mà Đức Christ sẽ biểu lộ, và điều kỳ diệu của cơ hội được trao ban, hẳn phải hiển nhiên đối với tất cả chúng ta. Những Mãnh Lực vĩ đại, dưới sự Lãnh Đạo tinh thần đầy quyền năng, đang sẵn sàng ngưng tụ vào thế giới hỗn loạn, rối ren, khát vọng, hy vọng và hoang mang này. Các nhóm năng lượng này đã sẵn sàng để được Thánh Đoàn tập trung và phân phối, và Thánh Đoàn ấy, dưới sự lãnh đạo của Vị Lãnh Đạo Vĩ Đại là Đức Christ, đang gần nhân loại hơn bao giờ hết trong lịch sử loài người. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian cũng đang đứng trong tư thế chú tâm chờ

direction in every country in the world, united in their idealism, in their humanitarian objectives, in their sensitivity to spiritual impression, in their united, subjective purpose, in their love of their fellowmen and in their dedication to selfless service. The men and women of goodwill are also to be found everywhere, ready to be guided into constructive activity and to be the agents, gradually trained and educated, for the establishing of that which has never yet before truly existed—right human relations.

chỉ đạo tại mọi quốc gia trên thế giới, hợp nhất trong lý tưởng, trong các mục tiêu nhân đạo, trong sự nhạy cảm với ấn tượng tinh thần, trong mục đích nội giới hợp nhất, trong tình thương đối với đồng loại và trong sự hiến dâng cho phụng sự vô kỷ. Những người nam và nữ thiện chí cũng hiện diện ở khắp nơi, sẵn sàng được hướng dẫn vào hoạt động kiến tạo và trở thành những tác nhân, dần dần được huấn luyện và giáo dục, để thiết lập điều mà trước đây chưa bao giờ thật sự hiện hữu—*những tương quan nhân loại đúng đắn*.

Thus from the highest spiritual Being upon our planet, through the graded spiritual groups of enlightened and perfected men who work upon the inner side of life, on into the outer world of daily living where thinking, loving men and women serve, the tide of the new life sweeps. The Plan is ready for immediate application and intelligent implementing; the workers are there and the power to work is adequate to the need. Above all else, the Hierarchy stands and the Christ stands ready to issue forth and demonstrate reality.

Như vậy, từ Đấng Tinh thần cao nhất trên hành tinh chúng ta, xuyên qua các nhóm tinh thần theo từng cấp bậc của những con người được soi sáng và hoàn thiện đang hoạt động ở mặt nội tại của sự sống, rồi đi vào thế giới bên ngoài của đời sống hằng ngày nơi những người nam và nữ biết suy tư và yêu thương đang phụng sự, làn sóng của sự sống mới đang tràn qua. Thiên Cơ đã sẵn sàng để được áp dụng ngay tức khắc và được thực thi một cách trí tuệ; những người hoạt động đã có mặt và quyền năng để hoạt động *quả thật* tương xứng với nhu cầu. Trên hết mọi sự, *Thánh Đoàn đang đứng đó* và *Đức Christ đang đứng đó*, sẵn sàng xuất hiện và chứng minh thực tại.

IV. Christ, as the Unifier of East and West

IV. Đức Christ, như Đấng Hợp Nhất Đông và Tây

This is a hard saying for the orthodox and narrow Christian churchman to accept; it means primarily that [96] Christ will work in the closest cooperation with the Buddha until this fusion and reconstruction have truly taken place. The Buddha is closely allied with the Christ in this process of His reappearing, though He will not be involved or active during the entire period of Christ's coming, active work on earth. As you know,

Đây là một lời khó chấp nhận đối với người tín đồ Cơ Đốc giáo chính thống và hẹp hòi; điều đó trước hết có nghĩa là [96] Đức Christ sẽ hoạt động trong sự hợp tác mật thiết nhất với Đức Phật cho đến khi sự dung hợp và tái thiết này thật sự diễn ra. Đức Phật có liên hệ mật thiết với Đức Christ trong tiến trình Ngài tái xuất hiện này, mặc dù Ngài sẽ không tham dự hay hoạt động trong suốt toàn bộ thời kỳ Đức Christ đến và hoạt động tích cực

He, too, has not relinquished His contact and relationship with humanity, though He relinquished His physical body centuries ago. He did this in order to accomplish certain assigned work which had in it (besides many things unknown to humanity) activities connected with the work of the Christ, with the immediacy of His coming and with certain plans for the coming civilisation of the Aquarian Age. As many millions in the world know, each year (at the time of the Wesak Festival at the May Full Moon) He communicates with humanity, via the Christ and the assembled, attentive Hierarchy. He acts in this way as an agent bringing about relationship between the "centre where the will of God is known" and the "centre which we call the race of men." These two descriptive phrases are used advisedly because all the work now being done by these two great Sons of God is concerned with the distribution of energy—the energy of light and the energy of love. It is through the Triangle, earlier mentioned, that the energy of will eventually will be distributed and one of these divine distributors is the Buddha.

trên Trái Đất. Như bạn biết, Ngài cũng chưa từ bỏ sự tiếp xúc và mối liên hệ của Ngài với nhân loại, dù Ngài đã từ bỏ thể xác của mình từ nhiều thế kỷ trước. Ngài làm điều đó để hoàn thành một số công việc được giao, trong đó có (ngoài nhiều điều nhân loại chưa biết) những hoạt động liên hệ với công việc của Đức Christ, với tính cấp bách của sự quang lâm của Ngài, và với một số kế hoạch cho nền văn minh sắp đến của Kỷ Nguyên Bảo Bình. Như hàng triệu người trên thế giới đều biết, mỗi năm (vào dịp Lễ Wesak trong kỳ Trăng Tròn tháng Năm) Ngài giao tiếp với nhân loại, thông qua Đức Christ và Thánh Đoàn đang tập hợp, chú tâm. Theo cách này, Ngài hành động như một tác nhân tạo nên mối liên hệ giữa "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế" và "trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người." Hai cụm từ mô tả này được dùng một cách có chủ ý vì toàn bộ công việc hiện đang được hai Con của Thượng đế vĩ đại này thực hiện đều liên quan đến sự phân phối năng lượng—năng lượng ánh sáng và năng lượng tình thương. Chính qua Tam Giác đã được nhắc đến trước đây mà năng lượng ý chí cuối cùng sẽ được phân phối, và một trong những Đấng phân phối thiêng liêng này là Đức Phật.

Actually the work of the Buddha for humanity is nearly over, and His long alliance with the race of men has nearly come to an end. The moment that the appearance of the Christ is an accomplished fact, and the rule of right human relations is beginning definitely to condition human living, then the Buddha will pass to the work which awaits Him. One of the senior disciples of the Christ, ranking next to the Christ in hierarchical status, [97] will take His place and carry on the work, connected with mankind.

Thật ra, công việc của Đức Phật đối với nhân loại gần như đã hoàn tất, và mối liên minh lâu dài của Ngài với nhân loại gần như đã đi đến chấm dứt. Ngay khi sự xuất hiện của Đức Christ trở thành một sự kiện đã hoàn thành, và quy luật về những tương quan nhân loại đúng đắn bắt đầu rõ rệt tác động lên đời sống con người, thì Đức Phật sẽ chuyển sang công việc đang chờ Ngài. Một trong những đệ tử cao cấp của Đức Christ, đứng kế Đức Christ về địa vị trong Thánh Đoàn, [97] sẽ thay thế Ngài và tiếp tục công việc liên hệ với nhân loại.

By the time this particular Master takes over His task, the intelligent principle or knowledge, which is the outstanding characteristic of humanity, will have been to a large extent transmuted into wisdom by the world intelligentsia, though not as yet by the masses of men. Wisdom is the predominant characteristic of the Buddha and the momentum of this wisdom energy will eventually be so strong that it will need no further distribution or control by the Buddha. He can then re-orient Himself to higher spheres of activity where His true work lies, and begin to work with an aspect of wisdom of which we know nothing but of which both knowledge and wisdom have been expressing themselves through the Christ and the Buddha; later, through the cooperation of the Avatar of Synthesis, Christ will be able to blend within Himself both of these major divine energies, and thus be a pure expression of love and wisdom, of right relationship and intuitive understanding.

Vào lúc Chân sư đặc biệt này tiếp nhận nhiệm vụ của Ngài, nguyên khí trí tuệ hay tri thức, vốn là đặc tính nổi bật của nhân loại, phần lớn sẽ được giới trí thức thế giới chuyển hoá thành minh triết, dù chưa phải nơi quần chúng. Minh triết là đặc tính nổi trội của Đức Phật, và động lượng của năng lượng minh triết này cuối cùng sẽ mạnh đến mức không còn cần Đức Phật tiếp tục phân phối hay kiểm soát nữa. Khi ấy Ngài có thể tự tái định hướng đến những lĩnh vực hoạt động cao hơn, nơi công việc đích thực của Ngài tọa lạc, và bắt đầu làm việc với một phương diện của minh triết mà chúng ta không biết gì, nhưng cả tri thức lẫn minh triết đều đã tự biểu lộ qua Đức Christ và Đức Phật; về sau, nhờ sự hợp tác của Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp, Đức Christ sẽ có thể hòa trộn trong chính Ngài cả hai năng lượng thiêng liêng lớn lao này, và như thế trở thành một biểu hiện thuần khiết của tình thương và minh triết, của tương quan đúng đắn và sự thấu hiểu trực giác.

In order to make this possible and thus release His spiritual Brother from the arduous task of relating humanity to the "centre where the will of God is known" (Shamballa), Christ is subjecting Himself at this time to an unique process of training. Of this training, His thirty years of work in the carpenter's shop in Palestine has ever been the hitherto unrecognised symbol. The word "carpenter" is significant of building, of construction, and means (in its derivation) someone who is an artificer in timber or a builder of wooden houses. This is the true meaning of the Biblical story of Christ's being crucified upon the cross of wood or the tree. It is related in reality to the decision made by Christ in the Garden of Gethsemane to take over the building or reconstruction [98] work in Aquarius, and thus complete

Để làm cho điều này có thể xảy ra và nhờ đó giải thoát Người Anh Em tinh thần của Ngài khỏi nhiệm vụ gian lao là liên kết nhân loại với "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế" (Shamballa), hiện nay Đức Christ đang tự đặt mình vào một tiến trình huấn luyện độc nhất vô nhị. Công việc ba mươi năm của Ngài trong xưởng thợ mộc tại Palestine từ lâu vẫn là biểu tượng chưa được nhận ra của sự huấn luyện này. Từ "thợ mộc" có ý nghĩa về xây dựng, kiến tạo, và theo nguyên nghĩa là một người thợ làm việc với gỗ hay một người xây nhà gỗ. Đây là ý nghĩa chân thực của câu chuyện Kinh Thánh về việc Đức Christ bị đóng đinh trên thập giá bằng gỗ hay trên cây. Thật ra điều này liên hệ đến quyết định mà Đức Christ đã đưa ra trong Vườn Gethsemane là đảm nhận công việc xây dựng hay tái thiết [98] trong Bảo Bình, và

the task which He attempted to do in the Piscean Age. He and His disciples and the New Group of World Servers are the pledged builders of the new civilisation, the new "house of humanity." The preparatory work He is now doing will fit Him to demonstrate in wisdom (and not only through love) the nature of the hierarchical Plans, wise constructive measures, wise choice of builders and correct methods of construction.

như thế hoàn tất nhiệm vụ mà Ngài đã cố thực hiện trong Kỷ Nguyên Song Ngư. Ngài cùng các đệ tử của Ngài và Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là những *đấng kiến tạo* đã thệ nguyện của nền văn minh mới, của "ngôi nhà nhân loại" mới. Công việc chuẩn bị mà hiện nay Ngài đang thực hiện sẽ giúp Ngài thích hợp để biểu lộ bằng minh triết (chứ không chỉ qua tình thương) bản chất của các Thiên Cơ của Thánh Đoàn, các biện pháp kiến tạo minh triết, sự lựa chọn minh triết những đấng kiến tạo và các phương pháp xây dựng đúng đắn.

It is apparent, therefore, that this greatest of the Sons of God, the Christ, Representative of humanity and of the second divine aspect, will demonstrate within Himself, during the Aquarian Age and after His reappearance, certain major fused and blended dualities. It would profit us to study them and know which they are:

Vì thế, rõ ràng là Con của Thượng đế vĩ đại nhất này, Đức Christ, Đấng Đại Diện của nhân loại và của phương diện thiêng liêng thứ hai, sẽ biểu lộ trong chính Ngài, trong Kỷ Nguyên Bảo Bình và sau khi Ngài tái xuất hiện, một số nhị nguyên tính lớn lao đã được dung hợp và hòa trộn. Sẽ có ích cho chúng ta nếu nghiên cứu chúng và biết đó là những gì:

1. The fusion of the second divine aspect of Love and the first divine aspect of Will—the Will-to-good.

1. Sự dung hợp của phương diện thiêng liêng thứ hai là Tình thương và phương diện thiêng liêng thứ nhất là Ý Chí—Ý Chí-hướng Thiện.

2. The fusion of love and wisdom, enabling Him to be the Builder of the new age and civilisation.

2. Sự dung hợp của tình thương và minh triết, giúp Ngài trở thành Đấng Kiến Tạo của kỷ nguyên và nền văn minh mới.

3. The fusion of Piscean energy, generated during the past two thousand years of Christ's spiritual activity and the Aquarian energies to be generated and active on Earth during the next two thousand years, or two thousand five hundred.

3. Sự dung hợp của năng lượng Song Ngư, được tạo ra trong hai ngàn năm hoạt động tinh thần vừa qua của Đức Christ, và các năng lượng Bảo Bình sẽ được tạo ra và hoạt động trên Trái Đất trong hai ngàn năm, hay hai ngàn năm trăm năm sắp tới.

It is for this process of fusion and all that it entails that He now subjects Himself to training. When this is completed, He can become in a sense hitherto unknown to Him

Chính vì tiến trình dung hợp này và tất cả những gì nó bao hàm mà hiện nay Ngài đang tự đặt mình vào sự huấn luyện. Khi điều này hoàn tất, theo một ý nghĩa mà trước đây

the focal point and the transmitting Agent for all these five divine energies:

Ngài chưa từng biết, Ngài có thể trở thành tiêu điểm và Tác Nhân truyền dẫn cho cả năm năng lượng thiêng liêng này:

1. The energy of Love.

1. Năng lượng Tình thương.

2. The energy of Will. [99]

2. Năng lượng Ý Chí. [99]

3. The energy of Wisdom.

3. Năng lượng Minh triết.

4. Piscean energy, generated during the Christian era.

4. Năng lượng Song Ngư, được tạo ra trong kỷ nguyên Cơ Đốc.

5. Aquarian energy, already generating upon the inner planes of thought and feeling, and to be generated during the centuries ahead of us.

5. Năng lượng Bảo Bình, hiện đã đang được tạo ra trên các cõi nội tại của tư tưởng và cảm xúc, và sẽ được tạo ra trong các thế kỷ phía trước chúng ta.

The lines which His training follows are known only to Christ, to the Buddha and to the Avatar of Synthesis. All esoteric or spiritual training has to be self-applied; this is as true of the Christ as it is of the humblest aspirant. Into the processes of Christ's thinking, reactions and planning, it is not possible for us to enter.

Những đường lối mà sự huấn luyện của Ngài đang theo đuổi chỉ có Đức Christ, Đức Phật và Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp biết mà thôi. Mọi sự huấn luyện nội môn hay tinh thần đều phải do chính mình tự áp dụng; điều này đúng với Đức Christ cũng như với người chí nguyện khiêm tốn nhất. Chúng ta không thể đi vào các tiến trình suy tư, phản ứng và hoạch định của Đức Christ.

In Palestine, His appearance was mainly prophetic and His work primarily that of laying the foundation for the activities which will follow His reappearance, plus the sowing of the seed, the harvest of which He will garner in the new age. The tragedy of His appearance two thousand years ago has coloured the presentation of truth by the theologians and made them posit an unhappy story, producing a miserable and unhappy world. This tragedy was based on:

Tại Palestine, sự xuất hiện của Ngài chủ yếu mang tính tiên tri và công việc của Ngài trước hết là đặt nền móng cho những hoạt động sẽ tiếp theo sau sự tái xuất hiện của Ngài, cùng với việc gieo hạt giống mà mùa gặt của nó Ngài sẽ thu hoạch trong kỷ nguyên mới. Bi kịch của sự xuất hiện của Ngài cách đây hai ngàn năm đã nhuốm màu cách trình bày chân lý của các nhà thần học và khiến họ dựng nên một câu chuyện buồn thảm, tạo ra một thế giới khổ đau và bất hạnh. Bi kịch này dựa trên:

1. His discovery that humanity was not ready for that which He came to give and

1. Sự khám phá của Ngài rằng nhân loại chưa sẵn sàng cho điều mà Ngài đến để ban cho,

that for centuries much experience, teaching, trial and testing would be needed before His real work could begin.

và rằng trong nhiều thế kỷ sẽ cần rất nhiều kinh nghiệm, giáo huấn, thử thách và khảo nghiệm trước khi công việc thực sự của Ngài có thể bắt đầu.

2. His recognition that He Himself needed a deeper relation with that centre which He always referred to as "the Father's House"; it was this realisation which led to His comment that His disciples could and would do "greater things" than He had done and that He had to go to His Father.

2. Sự nhận ra của Ngài rằng chính Ngài cần một mối liên hệ sâu xa hơn với trung tâm mà Ngài luôn gọi là "Nhà của Cha"; chính sự nhận biết này đã dẫn đến lời nhận xét của Ngài rằng các đệ tử của Ngài có thể và sẽ làm được "những việc lớn hơn" điều Ngài đã làm, và rằng Ngài phải đi về với Cha của Ngài.

3. His arriving at the conclusion that He must have more trained and dedicated workers and agents [100] than at that time was possible, or has proved possible since. Hence the gathering out and the training of the New Group of World Servers. When there are enough of these servers and enlightened workers, He will come and nothing can arrest His approach.

3. Việc Ngài đi đến kết luận rằng Ngài phải có nhiều người hoạt động và tác nhân được huấn luyện và hiến dâng hơn [100] so với điều khi đó có thể có, hay đã tỏ ra có thể có kể từ đó. Vì thế mới có việc tập hợp và huấn luyện Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Khi có đủ những người phụng sự và những người hoạt động được soi sáng này, Ngài sẽ đến và không gì có thể ngăn cản sự tiếp cận của Ngài.

4. He discovered also that men were not then desperate enough to "take the Kingdom of Heaven by violence"; it is only in desperation and when completely at the end of his tether that the disciple finds his way into that Kingdom and is ready to relinquish the old ways. What is true of the individual must also be true, on a larger scale, of humanity.

4. Ngài cũng khám phá ra rằng khi ấy con người chưa đủ tuyệt vọng để "chiếm lấy Thiên Giới bằng bạo lực"; chỉ trong tuyệt vọng và khi hoàn toàn đến tận cùng sức chịu đựng của mình thì đệ tử mới tìm được đường vào Thiên Giới ấy và sẵn sàng từ bỏ những lối cũ. Điều gì đúng với cá nhân thì trên quy mô lớn hơn cũng phải đúng với nhân loại.

It is to the whole world that Christ comes and not just to the Christian world. He comes to the East and to the West, and has foreseen this "time of the end," with its planetary catastrophes, phenomenal disasters, despair and invocation—arising from both the East and West. He knew that in the time of final crisis and tension, humanity itself would force His emergence. The New Testament story is true and

Đức Christ đến với toàn thế giới chứ không chỉ với thế giới Cơ Đốc giáo. Ngài đến với Đông phương và Tây phương, và đã thấy trước "thời kỳ cuối cùng" này, với những thảm họa hành tinh, những tai biến phi thường, sự tuyệt vọng và khẩn cầu—phát sinh từ cả Đông lẫn Tây. Ngài biết rằng trong thời kỳ khủng hoảng và căng thẳng cuối cùng, chính nhân loại sẽ buộc sự xuất hiện của Ngài. Câu chuyện trong *Tân Ước* là chân

correct; it is only the man-made interpretations which have misled humanity.

thực và đúng đắn; chỉ có những diễn giải do con người tạo ra mới làm nhân loại lạc hướng.

In the East there is an ancient legend which has an application today and which holds the clue to the relation of the Christ and of the Buddha; it concerns a service which, the legend says, the Buddha will render Christ. In symbolic form, the legend runs that when the Buddha reached enlightenment, and experience on Earth could teach Him no more, He looked ahead to the time when His Brother, the Christ, would be active in the Great Service—as it is called. In order, therefore, to aid the Christ, He left behind Him (for His use) what are mysteriously called "His vestures." He bequeathed and left [101] in some safe place the sum total of His emotional-intuitive nature, called by some the astral body and the sumtotal of His knowledge and His thought, called His mind or mental body. These, the legend says, will be assumed by the Coming One and prove of service, supplementing Christ's Own emotional and mental equipment and providing Him with what He needs as the Teacher of the East as well as of the West. He can then with strength and success contemplate His future work and choose His workers. There is something of this same idea latent in the injunction given in The New Testament, "Let this mind be in you which was also in Christ." (Phil. II:5.)

Ở phương Đông có một truyền thuyết cổ xưa có thể áp dụng cho ngày nay và nắm giữ chìa khóa cho mối liên hệ giữa Đức Christ và Đức Phật; nó nói về một sự phụng sự mà, theo truyền thuyết, Đức Phật sẽ thực hiện cho Đức Christ. Dưới hình thức biểu tượng, truyền thuyết kể rằng khi Đức Phật đạt đến giác ngộ, và kinh nghiệm trên Trái Đất không còn có thể dạy Ngài thêm điều gì nữa, Ngài đã nhìn về phía trước đến thời điểm mà Người Anh Em của Ngài là Đức Christ sẽ hoạt động trong Công Cuộc Phụng Sự Vĩ Đại—như cách gọi của truyền thuyết. Vì vậy, để trợ giúp Đức Christ, Ngài đã để lại phía sau (cho Ngài sử dụng) điều được gọi một cách huyền nhiệm là "những y bào của Ngài." Ngài đã di tặng và để lại [101] ở một nơi an toàn tổng thể bản chất cảm xúc-trực giác của Ngài, được một số người gọi là thể cảm dục, và tổng thể tri thức cùng tư tưởng của Ngài, được gọi là trí tuệ hay thể trí của Ngài. Truyền thuyết nói rằng những điều này sẽ được Đấng Đang Đến tiếp nhận và sẽ hữu ích, bổ sung cho trang bị cảm xúc và trí tuệ riêng của Đức Christ, và cung cấp cho Ngài điều Ngài cần với tư cách là Huấn sư của Đông phương cũng như Tây phương. Khi ấy Ngài có thể với sức mạnh và thành công suy ngẫm về công việc tương lai của mình và chọn lựa những người hoạt động của Ngài. Có điều gì đó của cùng ý tưởng này tiềm ẩn trong lời khuyên được đưa ra trong *Tân Ước*: "Hãy để tâm trí này ở trong anh em, vốn cũng đã ở trong Đức Christ." (Phil. II:5.)

Thus the Christ, with the fused energies of love and wisdom, with the aid of the Avatar of Synthesis and of the Buddha and under the influence of the Spirit of Peace and of Equilibrium, can implement and direct the

Như vậy, Đức Christ, với các năng lượng dung hợp của tình thương và minh triết, với sự trợ giúp của Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp và của Đức Phật, và dưới ảnh hưởng của Đấng Tinh thần Hòa Bình và của Quân Bình,

energies which will produce the coming new civilisation. He will see, demonstrating before His eyes the true resurrection—the emergence of mankind from the imprisoning cave of materialism. Thus He will "see of the travail of His soul and shall be satisfied." (Is. LIII.11.)

có thể thực thi và định hướng các năng lượng sẽ tạo ra nền văn minh mới sắp đến. Ngài sẽ thấy, được biểu lộ trước mắt Ngài, sự phục sinh chân thực—sự xuất hiện của nhân loại ra khỏi hang động giam hãm của chủ nghĩa duy vật. Như thế Ngài sẽ "thấy công lao khổ nhọc của linh hồn mình và sẽ được thỏa lòng." (Is. LIII.11.)

CHAPTER FIVE - THE TEACHINGS OF THE CHRIST — CHƯƠNG NĂM - CÁC GIÁO HUẤN CỦA ĐỨC CHRIST

The Establishing of Right Human Relations

Sự Thiết Lập Những Tương Quan Nhân Loại Đúng Đắn

The Law of Rebirth

Định luật Tái Sinh

Revelation of the Mystery of Initiation

Sự Mặc Khải Huyền Nhiệm của Điểm Đạo

The Dispelling of Glamour

Sự Làm Tiêu Tan Ảo Cảm

[102]

[102]

It might be useful to make a few opening remarks upon the general subject of the teaching given (down the ages) by the Sons of God Who have come forth in the hour of humanity's need, in order to present to the consciousness of the men of Their time certain required ideas and concepts of truth. When They come, Their aim is to meet the immediate need in such a fashion that the ideas presented may become ideals to which eventually the life of mankind would later conform and bring about a better civilisation. There has been a great continuity of such teaching down the ages.

Có lẽ sẽ hữu ích nếu đưa ra một vài nhận xét mở đầu về chủ đề tổng quát là giáo huấn được ban ra (qua các thời đại) bởi các Con của Thượng đế, những Đấng đã xuất hiện vào giờ phút nhân loại cần đến, nhằm trình bày cho tâm thức của con người trong thời đại của Các Ngài một số ý tưởng và khái niệm chân lý cần thiết. Khi Các Ngài đến, mục đích của Các Ngài là đáp ứng nhu cầu trước mắt theo cách sao cho những ý tưởng được trình bày có thể trở thành những lý tưởng mà cuối cùng đời sống nhân loại về sau sẽ phù hợp theo, và nhờ đó tạo ra một nền văn minh tốt đẹp hơn. Đã có một sự liên tục lớn lao của loại giáo huấn như thế qua các thời đại.

There is not the time to write or the time to read a complete analysis or statement as to the progressive revelation of ideas which great and illumined minds, authorised by the spiritual Hierarchy of the planet, have brought to humanity. All the cyclic Teachers (to differentiate Them from the many lesser Teachers) have mastered life for Themselves in the three worlds of human evolution—physical, emotional and mental—have achieved control of the physical level of

Không có đủ thời gian để viết hay để đọc một phân tích hay trình bày đầy đủ về sự mặc khải tiến bộ của các ý tưởng mà những trí tuệ vĩ đại và được soi sáng, được Thánh đoàn tinh thần của hành tinh ủy nhiệm, đã mang đến cho nhân loại. Tất cả các Huấn sư theo chu kỳ (để phân biệt Các Ngài với nhiều huấn sư ở cấp thấp hơn) đều đã tự mình làm chủ sự sống trong ba cõi của tiến hoá nhân loại—hồng trần, cảm dục và trí—đã đạt được sự kiểm soát cấp độ tâm thức hồng trần, bản

consciousness, of Their emotional-feeling nature, and have attained mental understanding and finally enlightenment.

chất cảm xúc-cảm nhận của Các Ngài, và đã đạt đến sự thấu hiểu trí tuệ và cuối cùng là sự soi sáng.

The problem of the Hierarchy has been (and still is) how much exact truth humanity can comprehend, and to [103] what extent absolute truth can be presented to their awakening minds; They have to decide which aspect of universal truth will enable man to emerge out of his difficulties and thus move forward on the Path of Return to God; They have to know, therefore, at what point on the ladder of evolution humanity stands at any given period. This in itself presents a field of research to Them.

Vấn đề của Thánh Đoàn đã là (và vẫn là) nhân loại có thể hiểu được bao nhiêu chân lý chính xác, và [103] chân lý tuyệt đối có thể được trình bày đến mức nào cho trí tuệ đang thức tỉnh của họ; Các Ngài phải quyết định phương diện nào của chân lý phổ quát sẽ giúp con người thoát ra khỏi những khó khăn của mình và nhờ đó tiến bước trên Con Đường Trở Về với Thượng đế; vì vậy Các Ngài phải biết nhân loại đang đứng ở điểm nào trên chiếc thang tiến hoá trong bất kỳ thời kỳ nào. Bản thân điều này đã tạo nên một lĩnh vực nghiên cứu cho Các Ngài.

The method hitherto followed has been to decide what is the major factor lacking in man's perception of reality (at any given time), and what recognised divine truth has in it the seeds of a living activity for a humanity in a particular condition, necessitating a certain type of help. They have also to determine how that help can best be presented, so that its results will be lasting, cultural and effective. Hitherto, the presented concepts have been formulated by the world Teachers of the period, and presented to a picked and chosen few whose task it has been to take the newly presented idea and promulgate it among those men who are enlightened enough to accept it, to spread it, to live it and to make it popular. This they have done for ages with more or less success.

Phương pháp từ trước đến nay là quyết định yếu tố chủ yếu nào đang thiếu trong sự nhận thức thực tại của con người (vào bất kỳ thời điểm nào), và chân lý thiêng liêng nào đã được công nhận có chứa những hạt giống của một hoạt động sống động cho một nhân loại trong một tình trạng đặc biệt, đòi hỏi một loại trợ giúp nhất định. Các Ngài cũng phải xác định sự trợ giúp ấy có thể được trình bày tốt nhất như thế nào, để kết quả của nó được bền vững, có tính văn hóa và hữu hiệu. Từ trước đến nay, các khái niệm được trình bày đã được các Đức Chưởng Giáo thế giới của thời kỳ ấy hình thành, và trao cho một số ít người được tuyển chọn, mà nhiệm vụ của họ là tiếp nhận ý tưởng mới được trình bày và truyền bá nó giữa những người đủ được soi sáng để chấp nhận nó, phổ biến nó, sống theo nó và làm cho nó trở nên phổ biến. Họ đã làm điều này qua nhiều thời đại với thành công nhiều hay ít.

It is also not possible here to give the relatively few truths which guided the development of humanity in old Atlantis; these, however, form the firm foundation of

Ở đây cũng không thể trình bày số ít chân lý đã hướng dẫn sự phát triển của nhân loại trong Atlantis cổ xưa; tuy nhiên, chúng tạo thành nền tảng vững chắc cho mọi giáo

all later teaching. We can study (as a background to our consideration of the teachings which Christ will give after His reappearance) several of the minor concepts which today underlie the teaching of all the world religions, and which modern religious teachers should be presenting to the public mind.

huấn về sau. Chúng ta có thể nghiên cứu (như một bối cảnh cho việc xem xét các giáo huấn mà Đức Christ sẽ ban ra *sau* khi Ngài tái xuất hiện) một số khái niệm nhỏ hơn mà ngày nay làm nền cho giáo huấn của mọi tôn giáo thế giới, và mà những người giảng dạy tôn giáo hiện đại nên trình bày cho tâm trí công chúng.

The first such Teacher is of such ancient date that it is not possible to say when He truly lived; even His name is a modernised one, given to an ancient hero-teacher. His name is Hercules. He presented to the world, through [104] the form of a pictorial and world drama (symbolic in nature) the concept of a great objective, only to be reached as the result of struggle and difficulty. He pointed to a goal toward which men must make their way, no matter what the obstacles; these obstacles He portrayed in the Twelve Labours of Hercules which were dramas and not factual occurrences. He thus pictured for those who had eyes to see and hearts to understand the nature of the problem to be solved upon the Path of Return to God; He depicted the Prodigal Son's journey back to the Father's house, and the tests and trials which all disciples, aspirants and initiates have to face and which all Those Who today compose the spiritual Hierarchy have already faced. When this statement is considered, it must include also the Christ Who, we are told, "was in all points tempted like as we are" (Heb. IV.15), but also passed triumphantly the tests and trials.

Vị Huấn sư đầu tiên như thế thuộc về một niên đại cổ xưa đến mức không thể nói Ngài thật sự sống vào lúc nào; ngay cả tên của Ngài cũng là một dạng hiện đại hóa, được đặt cho một vị anh hùng-huấn sư cổ đại. Tên Ngài là *Hercules*. Ngài đã trình bày cho thế giới, qua [104] hình thức của một vở kịch bằng hình ảnh và mang tính thế giới (có bản chất biểu tượng), khái niệm về một mục tiêu lớn lao, chỉ có thể đạt đến như kết quả của đấu tranh và khó khăn. Ngài đã chỉ ra một mục tiêu mà con người phải tìm đường đến, bất kể chướng ngại là gì; những chướng ngại này Ngài đã mô tả trong Mười Hai Công Lao của Hercules, vốn là những vở kịch chứ không phải những sự kiện thực tế. Như vậy, Ngài đã phác họa cho những ai có mắt để thấy và tim để thấu hiểu bản chất của vấn đề phải được giải quyết trên Con Đường Trở Về với Thượng đế; Ngài đã mô tả cuộc hành trình trở về nhà Cha của Người Con Hoang Đàng, cùng những thử thách và khảo nghiệm mà mọi đệ tử, người chí nguyện và điểm đạo đồ đều phải đối diện, và mà tất cả những Đấng ngày nay cấu thành Thánh đoàn tinh thần đều đã từng đối diện. Khi xem xét phát biểu này, phải bao gồm cả Đức Christ, Đấng mà chúng ta được bảo rằng "đã bị cám dỗ trong mọi phương diện như chúng ta" (Heb. IV.15), nhưng cũng đã vượt qua các thử thách và khảo nghiệm một cách khải hoàn.

At some also unknown date Hermes came and, so the records say, was the first to

Vào một thời điểm cũng không rõ, *Hermes* đã đến và, theo các ghi chép, là người đầu tiên

proclaim Himself as "the Light of the World." Later the great Teacher, Vyasa, appeared. He gave one simple and needed message that death is not the end. From His time, the thinking of humanity about the possible immortality of the soul can be seen to stem. Vaguely and instinctively, men had hoped and sensed that the discarding of the physical vehicle was not the final consummation to all human struggle, loving and aspiration; in those early days, feeling dominated and instinct led; thought was not found among the masses of men as it is today. In this period of culmination in which we now live, the work of the spiritualistic movement, in its many forms, is in reality the emergence of that stream of thought-energy and of the idea which Vyasa, thousands of years ago, implanted in the human consciousness. The effort of the intellectuals [105] to prove the scientific possibility of immortality is part also of this great stream, carried onto intellectual levels, thus salvaging Vyasa's work from the mists and glamours and the psychic dishonesty with which it is now surrounded. The fact of immortality is today on the verge of scientific proof; the fact of the survival of some factor has already been proved, though what has been demonstrated as surviving is apparently not in itself intrinsically immortal. The factual nature of the soul, and the fact of soul survival and of its eternal livingness, go hand in hand and have not yet been scientifically proven; they are, however, known and recognised as truths today by such countless millions and by so many intellectuals that—unless mass hysteria and mass deception is posited—their existence is already correctly surmised.

tự xưng là "Ánh Sáng của Thế Gian." Về sau, vị Huấn sư vĩ đại *Vyasa* xuất hiện. Ngài đã trao một thông điệp đơn giản và cần thiết rằng cái chết không phải là kết thúc. Từ thời của Ngài, có thể thấy tư tưởng của nhân loại về khả năng bất tử của linh hồn bắt nguồn từ đó. Một cách mơ hồ và theo bản năng, con người đã hy vọng và cảm nhận rằng việc bỏ lại vận cụ hồng trần không phải là sự hoàn tất cuối cùng của mọi đấu tranh, yêu thương và khát vọng của con người; trong những ngày đầu ấy, cảm xúc chi phối và bản năng dẫn dắt; tư tưởng không hiện diện nơi quần chúng như ngày nay. Trong thời kỳ cao điểm mà hiện nay chúng ta đang sống, công việc của phong trào thần linh học, dưới nhiều hình thức của nó, thật ra là sự xuất hiện của dòng năng lượng tư tưởng và của ý tưởng mà Vyasa, hàng ngàn năm trước, đã cấy vào tâm thức nhân loại. Nỗ lực của giới trí thức [105] nhằm chứng minh khả năng khoa học của sự bất tử cũng là một phần của dòng lớn lao này, được đưa lên các cấp độ trí tuệ, nhờ đó cứu vãn công việc của Vyasa khỏi những màn sương và ảo cảm cùng sự thiếu trung thực thông linh hiện đang bao quanh nó. Sự kiện về tính bất tử ngày nay đang ở ngưỡng cửa của sự chứng minh khoa học; sự kiện về sự tồn tại tiếp tục của một yếu tố nào đó đã được chứng minh, dù điều đã được chứng minh là còn tồn tại ấy dường như tự nó không mang tính bất tử nội tại. Bản chất thực sự của linh hồn, và sự kiện linh hồn tiếp tục tồn tại cùng sự sống vĩnh cửu của nó, đi đôi với nhau và vẫn chưa được chứng minh một cách khoa học; tuy nhiên, ngày nay chúng được vô số triệu người và rất nhiều giới trí thức biết đến và công nhận là chân lý đến mức—trừ phi người ta giả định có chứng cuồng loạn tập thể và sự lừa dối tập thể—sự hiện hữu của chúng đã được phỏng đoán đúng đắn.

Buddha is the next Teacher to Whom we should refer, though there were many

Đức Phật là vị Huấn sư kế tiếp mà chúng ta nên nhắc đến, mặc dù giữa thời của Ngài và

between His time and that of Vyasa. During those centuries wherein history is relatively dim and faint in its outlines, the intelligence of men had been rapidly growing, and the enquiring perception of mankind came into increasingly active use. The asking of questions, to which there seem no apparent or easy answers, focussed itself in a group of thinkers in India and they represented thinking men in every land. They asked the ancient questions as to why there is sorrow and misery in every land and in every life; they asked what caused these things and what must be done to change these circumstances of life; they demanded to know what was the integrating principle in man, and what was the soul and was there a self. The Buddha came forth to give the answer and to lay the foundation for a more enlightened approach to life, giving the teaching which [106] would open the door to the work of the Christ Who would, He knew, follow in His steps.

thời của Vyasa còn có nhiều vị khác. Trong những thế kỷ mà lịch sử còn tương đối mờ nhạt và không rõ nét ấy, trí tuệ của con người đã tăng trưởng nhanh chóng, và năng lực nhận thức truy vấn của nhân loại ngày càng được sử dụng tích cực hơn. Việc đặt ra những câu hỏi dường như không có câu trả lời hiển nhiên hay dễ dàng đã tập trung nơi một nhóm tư tưởng gia ở Ấn Độ, và họ đại diện cho những người biết suy tư ở mọi xứ sở. Họ nêu lên những câu hỏi cổ xưa về lý do tại sao ở mọi xứ sở và trong mọi đời sống lại có đau khổ và bất hạnh; họ hỏi điều gì gây ra những điều ấy và phải làm gì để thay đổi các hoàn cảnh sống này; họ đòi biết nguyên khí tích hợp trong con người là gì, linh hồn là gì và có một bản ngã hay không. Đức Phật đã xuất hiện để đưa ra câu trả lời và đặt nền móng cho một cách tiếp cận đời sống được soi sáng hơn, trao ban giáo huấn mà [106] Ngài biết sẽ mở cánh cửa cho công việc của Đức Christ, Đấng sẽ tiếp bước Ngài.

It is interesting to remember that when the Buddha came, approximately five hundred years before Christ (for the exact date of Christ's birth remains debatable), the first dim influences of the Piscean Age could be felt, impinging upon the powerful quality of the age of Aries, the Scapegoat or the Ram. It was the influence of this age—persisting throughout the Jewish dispensation—which led eventually to the distortion of the simple teaching of the Christ when He came. He was erroneously presented to the world as the living Scapegoat, bearing away the sins of the people, and thus originating the doctrine of the vicarious at-one-ment. It was St. Paul who was responsible for this emphasis. A paralleling instance of a similar distortion was also of Jewish origin and appeared in the early stages of the cycle of Aries, the Ram. We are told that the Children of Israel fell down and worshipped the

Thật thú vị khi nhớ rằng khi Đức Phật xuất hiện, khoảng năm trăm năm trước Đức Christ (vì niên đại chính xác của sự giáng sinh của Đức Christ vẫn còn gây tranh luận), những ảnh hưởng mờ nhạt đầu tiên của Kỷ Nguyên Song Ngư đã có thể được cảm nhận, tác động lên phẩm tính mạnh mẽ của kỷ nguyên Bạch Dương, Con Dê Gánh Tội hay Con Cừu Đực. Chính ảnh hưởng của kỷ nguyên này—kéo dài suốt thời kỳ Do Thái giáo—cuối cùng đã dẫn đến sự bóp méo giáo huấn đơn giản của Đức Christ khi Ngài đến. Ngài đã bị trình bày sai lạc trước thế giới như Con Dê Gánh Tội sống động, mang đi tội lỗi của dân chúng, và như thế khởi sinh giáo lý chuộc tội thay. Chính Thánh Paul là người chịu trách nhiệm cho sự nhấn mạnh này. Một trường hợp tương tự của một sự bóp méo cùng loại cũng có nguồn gốc Do Thái và xuất hiện trong những giai đoạn đầu của chu kỳ Bạch Dương, Con Cừu Đực. Chúng ta

golden calf, the symbol of Taurus, the Bull; this was the preceding astronomical cycle. These are astronomical cycles and not a presented astrology. In the early stages of Aries, the teaching reverted to that of Taurus and in the early stages of Pisces, it reverted to that of Aries and thus set the seal of retrogression upon the teaching which now controls so many orthodox Christians.

được kể rằng Con cái Israel đã sấp mình xuống và thờ lạy con bê vàng, biểu tượng của Kim Ngưu, Con Bò Đực; đó là chu kỳ thiên văn trước đó. Đây là các chu kỳ thiên văn chứ không phải một hệ chiêm tinh được trình bày. Trong những giai đoạn đầu của Bạch Dương, giáo huấn đã quay trở lại với Kim Ngưu, và trong những giai đoạn đầu của Song Ngư, nó quay trở lại với Bạch Dương, và như thế đóng dấu sự thoái bộ lên giáo huấn hiện đang chi phối rất nhiều tín đồ Cơ Đốc chính thống.

Buddha answered the questions posited in His time by giving out the Four Noble Truths, which satisfactorily and eternally answer man's demand of why. These Truths can be summarised as follows: the Buddha taught that misery and suffering were of man's own making and that the focussing of human desire upon the undesirable, the ephemeral and the material was the cause of all despair, all hatred and competition, and the reason why [107] man found himself living in the realm of death—the realm of physical living, which is the true death of the spirit. He made a unique contribution to the teaching given by Hercules and Vyasa, and added to the structure of truth which They had erected. Thus He prepared the way for Christ. Between the times of these two great Teachers, the Buddha and the Christ, lesser teachers appeared to amplify and add to the already given basic truths; of these Sankaracharya was one of the most important, giving, as He did, deep instruction upon the nature of the Self. Also the teacher in The Bhagavad Gita, Shri Krishna, must be noted, for many believe Him to be a previous incarnation of the Christ.

Đức Phật đã trả lời những câu hỏi được nêu ra trong thời của Ngài bằng cách ban ra *Tứ Diệu Đế*, những chân lý trả lời một cách thỏa đáng và vĩnh cửu cho đòi hỏi của con người về câu hỏi *tại sao*. Những Chân Lý này có thể được tóm tắt như sau: Đức Phật dạy rằng khổ đau và đau đớn là do chính con người tạo ra, và rằng việc tập trung dục vọng của con người vào cái không đáng mong muốn, cái phù du và cái vật chất là nguyên nhân của mọi tuyệt vọng, mọi hận thù và cạnh tranh, và là lý do tại sao [107] con người thấy mình đang sống trong cõi chết—cõi của đời sống hồng trần, vốn là cái chết thật sự của tinh thần. Ngài đã đóng góp một phần độc đáo vào giáo huấn do Hercules và Vyasa trao ra, và thêm vào cấu trúc chân lý mà Các Ngài đã dựng nên. Như vậy Ngài đã chuẩn bị con đường cho Đức Christ. Giữa thời của hai vị Huấn sư vĩ đại này, Đức Phật và Đức Christ, những huấn sư ở cấp thấp hơn đã xuất hiện để khai triển và bổ sung cho các chân lý căn bản đã được trao ra; trong số đó Sankaracharya là một trong những vị quan trọng nhất, vì Ngài đã ban giáo huấn sâu sắc về bản chất của Bản Ngã. Ngoài ra, vị huấn sư trong *Bhagavad Gita*, Shri Krishna, cũng phải được lưu ý, vì nhiều người tin rằng Ngài là một lần lâm phàm trước đây của Đức Christ.

Thus the fundamental truths upon which relation to God (and, therefore, relation to our fellowmen) is founded are always given out by the Son of God, Who—in any particular world period—is the teaching Head of the spiritual Hierarchy.

Như vậy, những chân lý nền tảng mà trên đó mối liên hệ với Thượng đế (và do đó, mối liên hệ với đồng loại) được xây dựng, luôn luôn được ban ra bởi Con của Thượng đế, Đấng—trong bất kỳ thời kỳ thế giới nào—là vị đứng đầu giáo huấn của Thánh đoàn tinh thần.

In due time, Christ came and gave out to the world (mainly through His disciples) two major truths: the fact of the existence of the human soul and, secondly, the system of service (this phrase is used advisedly) as a mode of establishing right human relations —to God and to one's fellowmen. He told men that they were all the Sons of God in the same sense that He was; He told them in many symbolic ways who and what He was and assured them that they could do even greater things than He had done, because they were divine as He was. These greater things, humanity has already accomplished upon the physical plane and in its control of nature, as Christ knew men would, because He knew the workings of the Law of Evolution. He taught them that service was the key to the life of liberation, teaching them the technique of service through His own life as He went [108] about doing good, healing the sick, as well as preaching and teaching the things of the Kingdom of God and feeding the hungry, both physically and spiritually. He made the life of every day a divine sphere of spiritual livingness, thus emphasising the teaching of the Buddha, through desiring nothing for the separated self. Thus the Christ taught, loved, and lived, carrying forward the great continuity of revelation and of hierarchical teaching; then He entered for us within the veil, leaving us an example that we should follow His steps (1 Pet. II.21)—follow Him in His belief in divinity, in His service and in ability to penetrate into that area of consciousness and that field of activity which we call the

Đến đúng thời điểm, *Đức Christ* đã đến và ban ra cho thế giới (chủ yếu qua các đệ tử của Ngài) hai chân lý lớn: sự kiện về sự hiện hữu của linh hồn con người và, thứ hai, hệ thống phụng sự (cụm từ này được dùng có chủ ý) như một phương thức thiết lập những tương quan nhân loại đúng đắn—với Thượng đế và với đồng loại. Ngài nói với con người rằng tất cả họ đều là Con của Thượng đế theo cùng ý nghĩa như Ngài; Ngài nói với họ bằng nhiều cách biểu tượng rằng Ngài là ai và là gì, và bảo đảm với họ rằng họ có thể làm những việc còn lớn hơn cả điều Ngài đã làm, bởi vì họ thiêng liêng như Ngài. Những việc lớn hơn này, nhân loại đã thực hiện được trên cõi hồng trần và trong việc kiểm soát thiên nhiên, như Đức Christ đã biết con người sẽ làm, bởi vì Ngài biết sự vận hành của Định luật Tiến hoá. Ngài dạy họ rằng phụng sự là chìa khóa của đời sống giải thoát, dạy họ kỹ thuật phụng sự qua chính đời sống của Ngài khi Ngài [108] đi khắp nơi làm điều lành, chữa lành người bệnh, cũng như giảng dạy những điều thuộc Thiên Giới và cho kẻ đói ăn, cả về thể xác lẫn tinh thần. Ngài đã biến đời sống hằng ngày thành một lĩnh vực thiêng liêng của sự sống tinh thần, nhờ đó nhấn mạnh giáo huấn của Đức Phật, bằng cách không mong cầu gì cho bản ngã biệt lập. Như vậy Đức Christ đã dạy dỗ, yêu thương và sống, tiếp nối sự liên tục lớn lao của mặc khải và giáo huấn của Thánh Đoàn; rồi Ngài đã đi vào phía trong bức màn vì chúng ta, để lại cho chúng ta một tấm gương hầu chúng ta noi theo bước chân Ngài (1 Pet. II.21)—noi theo Ngài trong niềm tin của Ngài vào thiên tính, trong sự phụng sự của

true Church of Christ, the spiritual (at present invisible) Hierarchy of our planet, the true Kingdom of God. The veil that hides that real church from us is now in process of disappearing and Christ is on the verge of reappearing.

Ngài và trong khả năng thâm nhập vào khu vực tâm thức và lĩnh vực hoạt động mà chúng ta gọi là Giáo Hội chân thực của Đức Christ, Thánh đoàn tinh thần (hiện nay vô hình) của hành tinh chúng ta, Thiên Giới chân thực. Bức màn che giấu giáo hội chân thực ấy khỏi chúng ta hiện đang trong tiến trình biến mất và Đức Christ đang ở ngưỡng tái xuất hiện.

In the light of the past, therefore, and of humanity's present need, which Christ and the Hierarchy must meet, what will be the teaching which He will this time give? Such is the question which His disciples are now asking. The probability is that His teaching will fall into four parts; we would do well to consider each of them and do our best to understand and prepare the human mind for the reception of what He has to give.

Vì vậy, dưới ánh sáng của quá khứ và của nhu cầu hiện tại của nhân loại, nhu cầu mà Đức Christ và Thánh Đoàn phải đáp ứng, giáo huấn mà lần này Ngài sẽ ban ra là gì? Đó là câu hỏi mà các đệ tử của Ngài hiện đang nêu lên. Có khả năng là giáo huấn của Ngài sẽ gồm bốn phần; chúng ta nên xem xét từng phần và cố gắng hết sức để thấu hiểu cũng như chuẩn bị trí tuệ con người đón nhận điều Ngài phải ban ra.

I. The Establishing of Right Human Relations

I. Sự Thiết Lập Những Tương Quan Đúng Đắn của Con Người

The phrase "right human relations" is one that is today being much discussed; it is being increasingly realised that it is a major human need, and the only hope of a peaceful and secure future. Wrong human relations have reached such a stage of difficulty that every phase of human life is in a state of chaotic turmoil; every aspect [109] of daily living is involved—family life, communal living, business relations, religious and political contacts, governmental action and the habitual life of all peoples, including the entire field of international relations. Everywhere there is hate, competition, mal-adjustment, strife between parties, the vilest kind of muck raking and scandal making, deep distrust between men and nations, between capital and labour and among the many sects, churches and religions. The difference between a sect and a church is,

Cụm từ "những tương quan đúng đắn của con người" hiện nay đang được bàn luận rất nhiều; ngày càng nhận ra rằng đó là một nhu cầu lớn của nhân loại, và là niềm hy vọng duy nhất cho một tương lai hòa bình và an toàn. Những tương quan sai lạc của con người đã đạt đến một mức độ khó khăn đến nỗi mọi phương diện của đời sống nhân loại đều ở trong tình trạng hỗn loạn rối ren; mọi phương diện [109] của sinh hoạt hằng ngày đều bị cuốn vào—đời sống gia đình, đời sống cộng đồng, các quan hệ kinh doanh, các tiếp xúc tôn giáo và chính trị, hành động của chính quyền và đời sống thường nhật của mọi dân tộc, kể cả toàn bộ lĩnh vực quan hệ quốc tế. Khắp nơi đều có hận thù, cạnh tranh, mất điều chỉnh, xung đột giữa các phe phái, kiểu bới móc và tạo scandal đê tiện nhất, sự ngờ vực sâu sắc giữa người với người và giữa các quốc gia, giữa tư bản và lao

after all, only one of degree and historical inception; it is one of interpretation, of fanatical adherence to some pet truth and always—exclusiveness, which is contrary to Christian teaching. Nowhere is there peace today or understanding; only a small minority in relation to the Earth's population are struggling for those conditions which will lead to peaceful and happy relationships.

động, và giữa nhiều giáo phái, giáo hội và tôn giáo. Rốt cuộc, sự khác biệt giữa một giáo phái và một giáo hội chỉ là khác biệt về mức độ và về nguồn gốc lịch sử; đó là vấn đề diễn giải, của sự bám chấp cuồng tín vào một chân lý được mình đặc biệt ưa thích, và luôn luôn là tính loại trừ, điều trái ngược với giáo huấn của Đức Christ. Ngày nay không nơi nào có hòa bình hay thấu hiểu; chỉ có một thiểu số nhỏ so với dân số Trái Đất đang đấu tranh cho những điều kiện sẽ dẫn đến các mối quan hệ hòa bình và hạnh phúc.

The strength of this fighting minority, struggling for peace and right relations, consists in the fact that the work they are attempting to do is in line with divine intention and purpose. Into this chaos of conflicting, competitive and fighting interests, Christ plans to reappear. I would ask you to contemplate the very real horror of what He has to face, and the necessity for some measure of order to be brought about in the world, for certain basic principles to be enunciated and partially, at least, accepted, before He can usefully work amongst men. If He were to come immediately, His voice would not be heard, for the noise of men's quarrelling is too great; if He sought to attract human attention, even through the prophesied sound of the trumpet (Matt. XXIV.31), He would be classed simply as one who advertised himself; if He preached and taught, He would attract primarily those who think naturally in unison with His message, or the gullible and the credulous would flock to Him, as they [110] do to all new teachers—no matter what they teach. The bulk of human beings are still too hungry, too devastated psychically, too bewildered and distressed, and too unsure of their future, their freedom and their

Sức mạnh của thiểu số chiến đấu này, đang đấu tranh cho hòa bình và những tương quan đúng đắn, nằm ở chỗ công việc họ đang cố gắng thực hiện phù hợp với ý định và mục đích thiêng liêng. Chính vào trong tình trạng hỗn loạn của những quyền lợi xung đột, cạnh tranh và đối kháng này mà Đức Christ dự định tái lâm. Tôi muốn các bạn suy ngẫm về nỗi kinh hoàng rất thực mà Ngài phải đối diện, và sự cần thiết phải đem lại một mức độ trật tự nào đó cho thế giới, phải công bố một số nguyên tắc căn bản và ít nhất cũng được chấp nhận phần nào, trước khi Ngài có thể hoạt động hữu ích giữa loài người. Nếu Ngài đến ngay lập tức, tiếng nói của Ngài sẽ không được nghe thấy, vì tiếng ồn của những cuộc cãi vã của con người quá lớn; nếu Ngài tìm cách thu hút sự chú ý của nhân loại, ngay cả qua tiếng kèn được tiên tri báo trước (Matt. XXIV.31), Ngài đơn giản sẽ bị xếp vào loại một kẻ tự quảng bá mình; nếu Ngài giảng dạy, Ngài trước hết sẽ thu hút những người vốn tự nhiên suy nghĩ hòa điệu với thông điệp của Ngài, hoặc những kẻ nhẹ dạ và cả tin sẽ đổ xô đến với Ngài, như họ [110] vẫn làm với mọi huấn sư mới—bất kể họ dạy điều gì. Đại đa số nhân loại vẫn còn quá đói khổ, quá tan nát về mặt tâm lý, quá hoang mang và đau khổ, và quá bất an về tương lai, tự do và sự an toàn của mình để có thể ở trong tình trạng lắng nghe Ngài.

security to be in any condition to listen to Him.

He will not come, we may be sure, as a conquering hero, as the interpretations of the theological teachers have led man to believe, for that would certainly fail to identify Him and He would be simply classed as another military figure; of them we have had a plethora; He will not come as the Messiah of the Jews to save the so-called Holy Land and the city of Jerusalem for the Jews, because He belongs to the whole world and no Jews nor any other people have special rights or unique privileges or may claim Him as their own; He will not come to convert the "heathen" world for, in the eyes of the Christ and of His true disciples, no such world exists and the so-called heathen have demonstrated historically less of the evil of vicious conflict than has the militant Christian world. The history of the Christian nations and of the Christian church has been one of an aggressive militancy—the last thing desired by the Christ when He sought to establish the church on earth.

Chúng ta có thể chắc chắn rằng Ngài sẽ không đến như một anh hùng chinh phục, như những cách diễn giải của các nhà thần học đã khiến con người tin tưởng, vì điều đó chắc chắn sẽ không giúp nhận ra Ngài và Ngài đơn giản sẽ bị xếp vào loại một nhân vật quân sự khác; mà chúng ta đã có quá nhiều những người như thế; Ngài sẽ không đến như Đấng Messiah của người Do Thái để cứu cái gọi là Thánh Địa và thành Jerusalem cho người Do Thái, bởi vì Ngài thuộc về toàn thế giới và không người Do Thái nào hay bất kỳ dân tộc nào khác có những quyền đặc biệt hay đặc ân độc nhất, hoặc có thể đòi nhận Ngài là của riêng họ; Ngài sẽ không đến để cải đạo thế giới "ngoại giáo", vì trong mắt Đức Christ và các đệ tử chân chính của Ngài, không hề có một thế giới như thế, và những người bị gọi là ngoại giáo trong lịch sử đã biểu lộ ít điều ác của xung đột hung bạo hơn thế giới Cơ Đốc giáo hiếu chiến. Lịch sử của các quốc gia Cơ Đốc giáo và của giáo hội Cơ Đốc giáo là lịch sử của một tính hiếu chiến xâm lấn—điều mà Đức Christ không hề mong muốn khi Ngài tìm cách thiết lập giáo hội trên Trái Đất.

When He came before He said (and the words have been sadly misread): "I come not to bring peace but a sword" (Matt. X.34). This will be true especially during the early days of His advent. The sword which He wields is the sword of the Spirit; it is that sword which produces cleavage between a true spirituality and an habitual materialism. The major effect of His appearance will surely be to demonstrate in every land the effects of a spirit of inclusiveness—an inclusiveness which will be channelled or expressed through Him. All who seek right human relations will be

Khi trước kia Ngài đến, Ngài đã nói (và những lời ấy đã bị hiểu sai một cách đáng buồn): "Ta đến không phải để đem hòa bình mà là gươm giáo" (Matt. X.34). Điều này sẽ đặc biệt đúng trong những ngày đầu của cuộc quang lâm của Ngài. Thanh gươm mà Ngài sử dụng là thanh gươm của tinh thần; chính thanh gươm ấy tạo ra sự phân rẽ giữa một tinh thần tính chân chính và một chủ nghĩa duy vật cố hữu. Hiệu quả chính của sự xuất hiện của Ngài chắc chắn sẽ là chứng minh tại mọi quốc gia những tác động của *một tinh thần bao gồm*—một tính bao gồm sẽ được dẫn truyền hay biểu lộ qua Ngài. Tất cả

gathered automatically to Him, [111] whether they are in one of the great world religions or not; all who see no true or basic difference between religion and religion or between man and man or nation and nation will rally around Him; those who embody the spirit of exclusiveness and separativeness will stand automatically and equally revealed and all men will know them for what they are. The cleaving sword of the spirit will—without wounding—bring revelation and indicate the first needed step towards human regeneration.

những ai tìm kiếm những tương quan đúng đắn của con người sẽ tự động được tập hợp về phía Ngài, [111] dù họ có ở trong một trong những tôn giáo lớn của thế giới hay không; tất cả những ai không thấy có sự khác biệt chân thực hay căn bản giữa tôn giáo này với tôn giáo khác, giữa người này với người khác, hay giữa quốc gia này với quốc gia khác sẽ tập hợp quanh Ngài; những ai hiện thân cho tinh thần loại trừ và chia rẽ sẽ cũng tự động bị phơi bày, và mọi người sẽ biết họ đúng như họ là. Thanh gươm phân cắt của tinh thần sẽ—không gây thương tích—mang lại sự mặc khải và chỉ ra bước đầu tiên cần thiết hướng tới sự tái sinh của nhân loại.

Standing as the focal point of the inner Triangle—of the Buddha, of the Spirit of Peace and of the Avatar of Synthesis—the consequent outpouring potency of the Christ will be so great that the distinction between love and hate, between aggression and freedom, and between greed and sharing will be made lucidly clear to the eyes and minds of all men and, therefore, the distinction between good and evil will be made equally clear. The invocative prayer, "From the point of love within the heart of God, let love stream forth into the hearts of men" will meet with fulfilment. Christ will let loose into the world of men the potency and the distinctive energy of intuitive love. The results of the distribution of this energy of love will be twofold:

Đứng như tiêu điểm của Tam Giác nội tại—của Đức Phật, của Đấng Tinh thần Hòa Bình và của Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp—mãnh lực tuôn đổ tiếp theo của Đức Christ sẽ lớn lao đến nỗi sự phân biệt giữa tình thương và hận thù, giữa xâm lấn và tự do, và giữa tham lam và chia sẻ sẽ được làm sáng tỏ rõ ràng trước mắt và trí tuệ của mọi người; và vì vậy, sự phân biệt giữa thiện và ác cũng sẽ được làm sáng tỏ tương tự. Lời khẩn cầu, "Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế, Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người" sẽ được ứng nghiệm. Đức Christ sẽ giải phóng vào thế giới loài người mãnh lực và năng lượng đặc thù của tình thương trực giác. Kết quả của việc phân phối năng lượng tình thương này sẽ có hai mặt:

1. Countless men and women in every land will form themselves into groups for the promotion of goodwill and for the production of right human relations. So great will be their numbers that from being a small and relatively unimportant minority, they will be the largest and the most influential force in the world. Through

1. Vô số những người nam và nữ ở mọi quốc gia sẽ tự tổ chức thành các nhóm để thúc đẩy thiện chí và tạo ra những tương quan đúng đắn của con người. Số lượng của họ sẽ lớn đến nỗi từ chỗ là một thiểu số nhỏ và tương đối không quan trọng, họ sẽ trở thành lực lượng lớn nhất và có ảnh hưởng nhất trên

them, the New Group of World Servers will be able to work successfully.

thế giới. Qua họ, Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian sẽ có thể hoạt động thành công.

2. This active energy of loving understanding will mobilise a tremendous reaction against the potency [112] of hate. To hate, to be separate, and to be exclusive will come to be regarded as the only sin, for it will be recognised that all the sins—as listed and now regarded as wrong—only stem from hate or from its product, the anti-social consciousness. Hate and its dependent consequences are the true sin against the Holy Ghost, about which commentators have so long debated, overlooking (in their silliness) the simplicity and the appropriateness of the true definition.

2. Năng lượng tích cực của sự thấu hiểu đầy bác ái này sẽ huy động một phản ứng to lớn chống lại mãnh lực [112] của hận thù. Hận thù, chia rẽ và loại trừ sẽ bị xem là tội lỗi duy nhất, vì người ta sẽ nhận ra rằng mọi tội lỗi —như hiện được liệt kê và xem là sai trái— đều chỉ phát sinh từ hận thù hoặc từ sản phẩm của nó là tâm thức phản xã hội. Hận thù và những hậu quả phụ thuộc của nó mới là tội lỗi thật sự chống lại Chúa Thánh Thần, điều mà các nhà chú giải đã tranh luận quá lâu, trong khi bỏ qua (trong sự ngớ ngẩn của họ) tính đơn giản và thích đáng của định nghĩa chân thực.

The power of the hierarchical spiritual impact, focussed through Christ and His working disciples, will be so great that the usefulness, the practicality and the naturalness of right human relations will become so evident that world affairs will rapidly be adjusted and the new era of goodwill and of peace on earth will be inaugurated. The new culture and the new civilisation will then be possible.

Quyền năng của sự tác động tinh thần từ Thánh đoàn, được tập trung qua Đức Christ và các đệ tử đang hoạt động của Ngài, sẽ lớn lao đến nỗi tính hữu ích, tính thực tiễn và tính tự nhiên của những tương quan đúng đắn của con người sẽ trở nên hiển nhiên đến mức các công việc thế giới sẽ nhanh chóng được điều chỉnh và kỷ nguyên mới của thiện chí và hòa bình trên Trái Đất sẽ được khai mở. Khi đó nền văn hóa mới và nền văn minh mới sẽ trở nên khả hữu.

This is the picture of no optimistic, mystical and impossible event. It is not based upon wishful thinking or upon a blind hope. Already today, the disciples of the Christ are preaching the doctrine of right human relations; men and women of goodwill are endeavouring to show that only through goodwill can true peace be brought about in the arena of international life. In the presentation of true "livingness" which the Christ will demonstrate to the world of thinking men, there is necessarily no room for exclusiveness or for separativeness,

Đây không phải là bức tranh của một biến cố lạc quan, thần bí và bất khả thi. Nó không dựa trên sự mong ước viển vông hay một hy vọng mù quáng. Ngay hôm nay, các đệ tử của Đức Christ đã và đang giảng dạy giáo lý về những tương quan đúng đắn của con người; những người nam và nữ thiện chí đang nỗ lực chứng tỏ rằng chỉ qua thiện chí mà hòa bình chân thực mới có thể được mang lại trong đấu trường đời sống quốc tế. Trong sự trình bày về "tính sống động" chân thực mà Đức Christ sẽ chứng minh cho thế giới của những người biết suy nghĩ, tất yếu không có

because that "life more abundantly" (which He seeks to channel to us) is a free and flowing current, sweeping away obstructions and barriers, and establishing an unimpeded circulation of truth and life itself—the essential quality of both being love.

chỗ cho tính loại trừ hay chia rẽ, bởi vì "sự sống dồi dào hơn" ấy (mà Ngài tìm cách dẫn truyền đến chúng ta) là một dòng chảy tự do và tuôn trào, quét sạch những chướng ngại và rào cản, và thiết lập một sự lưu thông không bị cản trở của chân lý và chính sự sống—mà phẩm tính cốt yếu của cả hai là *tình thương*.

[113]

[113]

All the world religions have posited the fact that God is Love essentially and that God is life essentially as well as intelligence. That life carries within itself the essential quality of the will of God, as well as the love of God. Both are equally important because that will is qualified by love. Hitherto, men have known nothing of the factual nature of the quality of livingness, energised by love and will, except through a vague theoretical conception. The reappearance of Christ will establish the fact of this divine livingness; the work which He will accomplish—with the aid of His disciples—will demonstrate the love and the divine purpose which lie behind all phenomenal experience.

Mọi tôn giáo trên thế giới đều đã khẳng định sự kiện rằng Thượng đế về bản chất là Tình thương và Thượng đế về bản chất là sự sống cũng như trí tuệ. Sự sống ấy mang trong chính nó phẩm tính cốt yếu của Ý Chí của Thượng Đế, cũng như tình thương của Thượng đế. Cả hai đều quan trọng như nhau vì ý chí ấy được tình thương định tính. Cho đến nay, con người chưa biết gì về bản chất thực sự của phẩm tính sống động, được tiếp sinh lực bởi tình thương và ý chí, ngoại trừ qua một quan niệm lý thuyết mơ hồ. Sự tái lâm của Đức Christ sẽ xác lập sự kiện về tính sống thiêng liêng này; công việc mà Ngài sẽ hoàn thành—với sự trợ giúp của các đệ tử của Ngài—sẽ chứng minh tình thương và mục đích thiêng liêng nằm sau mọi kinh nghiệm hiện tượng.

The establishing of right human relations is an aspect of the divine will for humanity and the next facet of the divine expression to manifest itself in human affairs—individual, communal, national, and international. Nothing has ever finally impeded this divine expression, except the time factor, and that time factor is determined by humanity and is an expression of divine freewill. The intended, divine expression can move rapidly or slowly into manifestation, according as man decides; hitherto, man has decided upon a slow—a very slow—manifestation. It is here

Việc thiết lập những tương quan đúng đắn của con người là một phương diện của ý chí thiêng liêng dành cho nhân loại và là diện mạo kế tiếp của biểu lộ thiêng liêng sẽ tự biểu hiện trong các công việc của con người—cá nhân, cộng đồng, quốc gia và quốc tế. Chưa từng có điều gì cuối cùng ngăn trở được biểu lộ thiêng liêng này, ngoại trừ yếu tố *thời gian*, và yếu tố thời gian ấy *do nhân loại quyết định* và là một biểu hiện của tự do ý chí thiêng liêng. Biểu lộ thiêng liêng đã được dự định có thể tiến vào sự biểu hiện nhanh hay chậm, tùy theo con người quyết định; cho đến nay, con người đã quyết định

that the freedom of the human will shows itself. Because divinity is immanent or present in all forms and, therefore, in all human beings, that will must eventually be fulfilled; because of the tremendously material intention (esoterically speaking) of all forms at present, that Will has hitherto been retarded in its expression; it has not been the will of man to establish right human relations. Hence the discipline of war, the torture of the forms, and the misery in human living today.

cho một sự biểu hiện chậm—rất chậm. Chính ở đây mà sự tự do của ý chí con người tự bộc lộ. Bởi vì thiên tính là nội tại hay hiện diện trong mọi hình tướng và, do đó, trong mọi con người, nên ý chí ấy cuối cùng *phải* được hoàn thành; bởi vì hiện nay ý định duy vật cực mạnh (nói theo nội môn) của mọi hình tướng, nên Ý Chí ấy cho đến nay đã bị trì hoãn trong sự biểu lộ của nó; *không* phải là ý chí của con người muốn thiết lập những tương quan đúng đắn của con người. Do đó mới có kỷ luật của chiến tranh, sự tra tấn các hình tướng, và nỗi khốn khổ trong đời sống nhân loại ngày nay.

These factors are bringing about a great and general transformation; the indications of this is easily to be [114] seen by spiritually minded people. Such people are constantly saying (as Christ did in the Garden of Gethsemane), "Let the will of God be done." (Matt. XXVI.39.) They say it ignorantly and often hopelessly; nevertheless, it indicates a general process of spiritual re-orientation, of submission and of acquiescence. Christ demonstrated this submission when He said, "I came not to do my own will but the will of Him Who sent me." (John VI.38.) He proved His acquiescence when He cried, "Father, not my will but Thine be done." Submission has in it the elements of conquest by circumstances and of a recognition which may not understand but which submits to that which is imposed. Acquiescence has in it the element of an understanding intelligence, and this marks a great step forward. Both admit the fact of a divine over-shadowing will in the life of mankind today; both are preparatory to a recognition of Christ's work in bringing about right human relations. At present, the submission of mankind to the divine will is a negative submission; the true submission is a positive attitude of spiritual expectancy,

Những yếu tố này đang mang lại một sự chuyển đổi lớn lao và phổ quát; các dấu hiệu của điều này rất dễ [114] được nhìn thấy bởi những người có khuynh hướng tinh thần. Những người như thế luôn luôn nói (như Đức Christ đã nói trong Vườn Gethsemane), "Xin cho ý muốn của Thượng đế được nên." (Matt. XXVI.39.) Họ nói điều đó trong vô minh và thường là trong tuyệt vọng; tuy nhiên, điều đó cho thấy một tiến trình tái định hướng tinh thần phổ quát, của *sự quy phục* và của sự thuận phục. Đức Christ đã chứng minh sự quy phục này khi Ngài nói, "Ta đến không phải để làm theo ý riêng Ta mà theo ý của Đấng đã sai Ta." (John VI.38.) Ngài đã chứng tỏ *sự thuận phục* của mình khi kêu lên, "Lạy Cha, xin đừng theo ý con mà theo ý Cha." Sự quy phục chứa trong nó những yếu tố của việc bị hoàn cảnh chinh phục và của một sự nhìn nhận có thể không hiểu nhưng vẫn quy phục điều được áp đặt. Sự thuận phục chứa trong nó yếu tố của một trí tuệ thấu hiểu, và điều này đánh dấu một bước tiến lớn. Cả hai đều thừa nhận sự kiện về một ý chí phủ bóng thiêng liêng trong đời sống nhân loại ngày nay; cả hai đều là sự chuẩn bị cho việc nhận ra công việc của Đức Christ trong việc mang lại những tương quan đúng đắn của con người. Hiện nay, sự quy phục của nhân loại đối với ý chí thiêng

leading eventually to a positive acquiescence.

liêng là một sự quy phục thụ động; sự quy phục chân chính là một thái độ tích cực của sự mong đợi tinh thần, cuối cùng dẫn đến một sự thuận phục tích cực.

A spiritual expectancy is also to be seen; it is part of the work of the New Group of World Servers to intensify this. They have also to foster spiritual submission and intelligent acquiescence in the masses, who normally divide themselves into the two classes, expressing these two attitudes; these factors of submission, acquiescence and expectancy are latent in every man. It is these three divine potentialities which will enable men to respond to the message of the Christ and, therefore, the selfless sacrifice, the understanding compromise and the comprehension of the many and diverse points of view (necessary [115] to the establishing of right human relations) will be far easier to bring about.

Một sự mong đợi tinh thần cũng có thể được nhìn thấy; việc tăng cường điều này là một phần công việc của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Họ cũng phải nuôi dưỡng sự quy phục tinh thần và sự thuận phục thông tuệ trong quần chúng, những người thường tự chia thành hai loại, biểu lộ hai thái độ này; những yếu tố quy phục, thuận phục và mong đợi này đều tiềm ẩn trong mỗi con người. Chính ba tiềm năng thiêng liêng này sẽ giúp con người đáp ứng với thông điệp của Đức Christ và, do đó, sự hy sinh vô kỷ, sự thỏa hiệp đầy thấu hiểu và sự lĩnh hội nhiều quan điểm đa dạng khác nhau (cần thiết [115] cho việc thiết lập những tương quan đúng đắn của con người) sẽ dễ dàng được mang lại hơn nhiều.

We would all find it helpful to reflect upon what are the factors recognised in submission and acquiescence. In establishing right human relations, relinquishment, renunciation, submission to existent facts, and obedient acquiescence to divine law are all involved. These are the things which Christ earlier demonstrated on Earth, and they are the things which He will help humanity to accept with enthusiasm and understanding. This will produce happiness. Happiness is a difficult lesson to learn; it is for mankind a totally new experience and Christ will have to teach men how to handle happiness correctly, to overcome the ancient habits of misery, and thus to know the meaning of true joy. Christ, however, is not coming simply to teach men the need for right human relations; He is coming to teach them how to establish it successfully themselves.

Tất cả chúng ta sẽ thấy hữu ích nếu suy ngẫm về những yếu tố được nhận ra trong sự quy phục và thuận phục. Trong việc thiết lập những tương quan đúng đắn của con người, sự buông bỏ, Sự từ bỏ, sự quy phục trước các sự kiện hiện hữu, và sự thuận phục vâng lời đối với định luật thiêng liêng đều được bao hàm. Đó là những điều mà trước kia Đức Christ đã chứng minh trên Trái Đất, và đó là những điều mà Ngài sẽ giúp nhân loại chấp nhận với nhiệt tâm và thấu hiểu. Điều này sẽ tạo ra hạnh phúc. Hạnh phúc là một bài học khó học; đối với nhân loại, đó là một kinh nghiệm hoàn toàn mới và Đức Christ sẽ phải dạy con người cách xử lý hạnh phúc một cách đúng đắn, vượt qua những thói quen cổ xưa của khổ đau, và nhờ đó biết được ý nghĩa của niềm vui chân thực. Tuy nhiên, Đức Christ không đến chỉ để dạy con người nhu cầu về những tương quan đúng đắn của con

người; Ngài đến để dạy họ cách tự mình thiết lập điều đó một cách thành công.

II. Christ Will Teach the Law of Rebirth

II. Đức Christ Sẽ Dạy Định luật Tái Sinh

This Law is the major corollary of the Law of Evolution. It has never been grasped or properly understood in the West and, in the East, where it is acknowledged as a governing principle of life, it has not proved useful because it has been soporific in its effect, and a detriment to progress. The Eastern student regards it as giving him plenty of time; this has negated the driving effort to achieve a goal. The average Christian confuses the Law of Rebirth with what he calls "the transmigration of souls" and frequently believes that the Law of Rebirth signifies the passing of human beings into the bodies of animals or of lower forms of life. Such is by no means the case. As the life of God progresses onwards through [116] form after form, that life in the subhuman kingdoms of nature proceeds progressively from mineral forms into vegetable forms, and from these vegetable forms into animal forms; from the animal form stage, the life of God passes into the human kingdom, and becomes subject to the Law of Rebirth and not the law of Transmigration. To those who know something of the Law of Rebirth or of Reincarnation, the mistake seems ridiculous.

Định luật này là hệ quả tất yếu chủ yếu của Định luật Tiến hoá. Nó chưa bao giờ được nắm bắt hay thấu hiểu đúng đắn ở phương Tây, và ở phương Đông, nơi nó được thừa nhận như một nguyên lý chi phối đời sống, nó đã không chứng tỏ được tính hữu ích vì tác động gây mê ngủ của nó, và là một trở ngại cho tiến bộ. Đạo sinh phương Đông xem nó như cho y rất nhiều thời gian; điều này đã triệt tiêu sự nỗ lực tích cực để đạt đến một mục tiêu. Người Cơ Đốc giáo trung bình nhầm lẫn Định luật Tái Sinh với điều ông gọi là "sự luân chuyển của các linh hồn" và thường tin rằng Định luật Tái Sinh có nghĩa là con người đi vào các thân thể của động vật hay các hình thức sống thấp hơn. Hoàn toàn không phải như vậy. Khi sự sống của Thượng đế tiến bước qua [116] hình tướng này đến hình tướng khác, sự sống ấy trong các giới dưới nhân loại trong thiên nhiên tiến triển dần từ các hình thức khoáng vật sang các hình thức thực vật, và từ các hình thức thực vật ấy sang các hình thức động vật; từ giai đoạn hình thức động vật, sự sống của Thượng đế đi vào giới nhân loại, và trở thành đối tượng của Định luật Tái Sinh chứ *không* phải định luật Luân chuyển. Đối với những ai biết đôi điều về Định luật Tái Sinh hay Tái Nhập Thể, sai lầm này có vẻ lố bịch.

The doctrine or theory of reincarnation strikes the orthodox Christian with horror; yet if one asks him the question which the disciples asked Christ about the blind man, "Master, did this man sin or his fathers that he was born blind?" (John IX.2), they refuse the implications; or they express amusement or dismay as the case may be. The presentation to the world of the thought

Giáo lý hay lý thuyết tái nhập thể khiến người Cơ Đốc giáo chính thống kinh hoàng; tuy nhiên nếu người ta hỏi ông câu hỏi mà các đệ tử đã hỏi Đức Christ về người mù, "Thưa Thầy, người này phạm tội hay cha mẹ người mà người sinh ra đã mù?" (John IX.2), họ từ chối những hàm ý của nó; hoặc họ bày tỏ sự thích thú hay kinh ngạc tùy trường hợp. Việc trình bày tư tưởng này cho thế giới

by the average occult or theosophical exponent has been, on the whole, deplorable. It has been deplorable because it has been so unintelligently presented. The best that can be said is that they have familiarised the general public with the theory; had it, however, been more intelligently presented, it might have been more generally accepted in the West.

bởi nhà huyền bí học hay nhà Thông Thiên Học trung bình nhìn chung là đáng tiếc. Nó đáng tiếc vì đã được trình bày quá thiếu thông tuệ. Điều tốt nhất có thể nói là họ đã làm cho công chúng quen thuộc với lý thuyết ấy; tuy nhiên, nếu nó được trình bày thông tuệ hơn, có lẽ nó đã được chấp nhận rộng rãi hơn ở phương Tây.

If the goal of right human relations will be taught universally by the Christ, the emphasis of His teaching must be laid upon the Law of Rebirth. This is inevitably so, because in the recognition of this law will be found the solution of all the problems of humanity, and the answer to much of human questioning.

Nếu mục tiêu của những tương quan đúng đắn của con người sẽ được Đức Christ giảng dạy một cách phổ quát, thì trọng tâm giáo huấn của Ngài *phải* được đặt trên Định luật Tái Sinh. Điều này tất yếu là như vậy, bởi vì trong sự thừa nhận định luật này sẽ tìm thấy lời giải cho mọi vấn đề của nhân loại, và câu trả lời cho phần lớn những thắc mắc của con người.

This doctrine will be one of the keynotes of the new world religion, as well as the clarifying agent for a better understanding of world affairs. When Christ was here, in person, before, He emphasised the fact of the soul and the value of the individual. He told men that they could be saved by the life of the soul, and of the Christ within [117] the human heart. He said also that "except a man be born again, he cannot see the Kingdom of God." (John III.3.) Only souls can function as citizens of that kingdom, and it was this privileged functioning that He held, for the first time, before humanity, thus giving men a vision of a divine possibility and an unalterable conclusion to experience. He told them to "Be ye, therefore, perfect, even as your Father which is in Heaven is perfect." (Matt. V.48.)

Giáo lý này sẽ là một trong những chủ âm của tôn giáo thế giới mới, cũng như là tác nhân làm sáng tỏ cho một sự thấu hiểu tốt hơn về các công việc thế giới. Khi Đức Christ hiện diện nơi đây, trong thân xác, trước kia, Ngài đã nhấn mạnh sự kiện về linh hồn và giá trị của cá nhân. Ngài nói với con người rằng họ có thể được cứu rỗi nhờ đời sống của linh hồn, và của Đức Christ bên trong [117] trái tim con người. Ngài cũng nói rằng "nếu một người không được sinh lại, người ấy không thể thấy Thiên Giới." (John III.3.) Chỉ có *các linh hồn* mới có thể hoạt động như công dân của giới ấy, và chính sự hoạt động đặc ân này mà lần đầu tiên Ngài đã đặt trước nhân loại, nhờ đó ban cho con người một linh ảnh về một khả năng thiêng liêng và một kết quả cuối cùng bất biến của kinh nghiệm. Ngài bảo họ "Vậy các ngươi hãy nên trọn lành, như Cha các ngươi ở trên trời là trọn lành." (Matt. V.48.)

This time, He will teach men the method whereby this possibility can become

Lần này, Ngài sẽ dạy con người phương pháp nhờ đó khả năng này có thể trở thành sự

accomplished fact—through the constant return of the incarnating soul to the school of life on Earth, there to undergo the perfecting process of which He was the outstanding example. That is the meaning and teaching of reincarnation. Dane Rudhyar, in his book New Mansions for New Men, page 123, gives a satisfying definition of this mysterious cosmic and human process. He says that "The individual structure of the new manifestation is necessarily conditioned by the unfulfillment of the past; by the remains, the failures of the past—preserved in the records of nature in the memory of universal substance." The whole story—yours and mine and that of everyone—is covered in those few words.

kiện đã hoàn thành—qua sự trở lại liên tục của linh hồn đang nhập thể đến trường học của đời sống trên Trái Đất, ở đó trải qua tiến trình hoàn thiện mà chính Ngài là tấm gương nổi bật. Đó là ý nghĩa và giáo huấn của tái nhập thể. Dane Rudhyar, trong cuốn sách *New Mansions for New Men,* trang 123, đã đưa ra một định nghĩa thỏa đáng về tiến trình vũ trụ và nhân loại huyền nhiệm này. Ông nói rằng "Cấu trúc cá nhân của biểu hiện mới tất yếu bị điều kiện hóa bởi sự không hoàn tất của quá khứ; bởi những tàn dư, những thất bại của quá khứ—được lưu giữ trong hồ sơ của thiên nhiên trong ký ức của chất liệu vũ trụ." Toàn bộ câu chuyện—của bạn và của tôi và của mọi người—đều được bao hàm trong vài lời ấy.

It should be remembered that practically all the occult groups and writings have foolishly laid the emphasis upon past incarnations and upon their recovery; this recovery is incapable of any reasonable checking—anyone can say and claim anything they like; the teaching has been laid upon imaginary rules, supposed to govern the time equation and the interval between lives, forgetting that time is a faculty of the brain-consciousness and that, divorced from the brain, time is non-existent; the emphasis has always been laid upon a fictional presentation of relationships. The teaching (hitherto given out on reincarnation) [118] has done more harm than good. Only one factor remains of value: the existence of a Law of Rebirth is now discussed by many and accepted by thousands.

Cần nhớ rằng hầu như mọi nhóm và trước tác huyền bí học đều đã ngu xuẩn đặt trọng tâm vào các lần nhập thể *quá khứ* và vào việc phục hồi chúng; sự phục hồi này không thể được kiểm chứng hợp lý—bất cứ ai cũng có thể nói và khẳng định bất cứ điều gì họ thích; giáo huấn đã được đặt trên những quy luật tưởng tượng, được cho là chi phối phương trình thời gian và khoảng cách giữa các kiếp sống, quên rằng thời gian là một khả năng của tâm thức não bộ và rằng, tách khỏi bộ não, thời gian không tồn tại; trọng tâm luôn luôn được đặt trên một sự trình bày hư cấu về các mối quan hệ. Giáo huấn (cho đến nay được truyền ra về tái nhập thể) [118] đã gây hại nhiều hơn lợi. Chỉ còn một yếu tố có giá trị: sự tồn tại của một Định luật Tái Sinh hiện nay được nhiều người bàn luận và được hàng ngàn người chấp nhận.

Beyond the fact that there is such a law, we know little and those who know from experience the factual nature of this return reject earnestly the foolish and improbable details, given out as fact by the theosophical

Ngoài sự kiện rằng có một định luật như thế, chúng ta biết rất ít, và những ai biết từ kinh nghiệm bản chất thực sự của sự trở lại này đều tha thiết bác bỏ những chi tiết ngu xuẩn và khó tin được các tổ chức Thông Thiên Học

and occult bodies. The Law exists; of the details of its working we know as yet nothing. Only a few things can be said with accuracy about it and these few warrant no contradiction:

và huyền bí học đưa ra như là sự kiện. *Định luật ấy tồn tại; còn về các chi tiết vận hành của nó thì hiện nay chúng ta chưa biết gì cả.* Chỉ có thể nói chính xác vài điều về nó, và những điều ấy không thể bị bác bỏ:

1. The Law of Rebirth is a great natural law upon our planet.

1. Định luật Tái Sinh là một định luật tự nhiên lớn trên hành tinh chúng ta.

2. It is a process, instituted and carried forward under the Law of Evolution.

2. Nó là một tiến trình, được thiết lập và được tiếp tục dưới Định luật Tiến hoá.

3. It is closely related to and conditioned by the Law of Cause and Effect.

3. Nó liên hệ chặt chẽ với và bị điều kiện hóa bởi Định luật Nhân Quả.

4. It is a process of progressive development, enabling men to move forward from the grossest forms of unthinking materialism to a spiritual perfection and an intelligent perception which will enable a man to become a member of the Kingdom of God.

4. Nó là một tiến trình phát triển tiến bộ, giúp con người tiến lên từ những hình thức duy vật vô tri thô thiển nhất đến một sự hoàn thiện tinh thần và một nhận thức thông tuệ, điều sẽ giúp một người trở thành thành viên của Thiên Giới.

5. It accounts for the differences among men and—in connection with the Law of Cause and Effect (called the Law of Karma in the East)—it accounts for differences in circumstances and attitudes to life.

5. Nó giải thích những khác biệt giữa con người và—kết hợp với Định luật Nhân Quả (được gọi là Định luật Karma ở phương Đông)—nó giải thích những khác biệt về hoàn cảnh và thái độ đối với đời sống.

6. It is the expression of the will aspect of the soul and is not the result of any form decision; it is the soul in all forms which reincarnates, choosing and building suitable physical, emotional and [119] mental vehicles through which to learn the next needed lessons.

6. Nó là biểu hiện của phương diện ý chí của linh hồn và không phải là kết quả của bất kỳ quyết định nào của hình tướng; chính linh hồn trong mọi hình tướng tái nhập thể, chọn lựa và kiến tạo những vận cụ hồng trần, cảm dục và [119] trí thích hợp để học những bài học kế tiếp cần thiết.

7. The Law of Rebirth (as far as humanity is concerned) comes into activity upon the soul plane. Incarnation is motivated and directed from the soul level, upon the mental plane.

7. Định luật Tái Sinh (xét theo nhân loại) đi vào hoạt động trên cõi linh hồn. Sự nhập thể được thúc đẩy và chỉ đạo từ cấp độ linh hồn, trên cõi trí.

8. Souls incarnate in groups, cyclically, under law and in order to achieve right relations with God and with their fellowmen.

8. Các linh hồn nhập thể theo nhóm, theo chu kỳ, dưới định luật và nhằm đạt được những tương quan đúng đắn với Thượng đế và với những người đồng loại của mình.

9. Progressive unfoldment, under the Law of Rebirth, is largely conditioned by the mental principle for "as a man thinketh in his heart, so is he." These few brief words need most careful consideration.

9. Sự khai mở tiến bộ, dưới Định luật Tái Sinh, phần lớn bị điều kiện hóa bởi nguyên khí trí tuệ vì "con người nghĩ thế nào trong lòng mình, thì y là thế ấy." Những lời ngắn gọn này cần được suy xét hết sức cẩn trọng.

10. Under the Law of Rebirth, man slowly develops mind, then mind begins to control the feeling, emotional nature, and finally reveals the soul and its nature and environment to man.

10. Dưới Định luật Tái Sinh, con người chậm rãi phát triển trí tuệ, rồi trí tuệ bắt đầu kiểm soát bản chất cảm xúc, cảm dục, và cuối cùng mặc khải linh hồn cùng bản chất và môi trường của nó cho con người.

11. At that point in his development, the man begins to tread the Path of Return, and orients himself gradually (after many lives) to the Kingdom of God.

11. Ở điểm đó trong sự phát triển của mình, con người bắt đầu bước đi trên Con Đường Trở Về, và dần dần định hướng mình (sau nhiều kiếp sống) về Thiên Giới.

12. When—through a developed mentality, wisdom, practical service and understanding—a man has learnt to ask nothing for the separated self, he then renounces desire for life in the three worlds and is freed from the Law of Rebirth.

12. Khi—nhờ một trí tuệ phát triển, minh triết, phụng sự thực tiễn và thấu hiểu—một người đã học được cách không đòi hỏi gì cho bản ngã biệt lập, thì y từ bỏ ham muốn sống trong ba cõi giới và được giải thoát khỏi Định luật Tái Sinh.

13. He is now group conscious, is aware of his soul group and of the soul in all forms and has attained—as Christ had requested—a stage of Christlike perfection reaching unto the "Measure of the stature of the fullness of the Christ." (Eph. IV.13.)

13. Giờ đây y có tâm thức nhóm, nhận biết nhóm linh hồn của mình và linh hồn trong mọi hình tướng, và đã đạt đến—như Đức Christ đã yêu cầu—một giai đoạn hoàn thiện giống Đức Christ, đạt tới "tầm vóc viên mãn của Đức Christ." (Eph. IV.13.)

[120]

[120]

Beyond this generalisation, no intelligent person will attempt to go. When Christ reappears, our knowledge will become more true and realistic; we shall know that we are

Ngoài sự khái quát này, không người thông tuệ nào sẽ cố đi xa hơn. Khi Đức Christ tái lâm, tri thức của chúng ta sẽ trở nên chân thực và thực tế hơn; chúng ta sẽ biết rằng

eternally related to the souls of all men, and that we have a definite relationship to those who reincarnate with us, who are learning with us the same lessons and who are experiencing and experimenting with us. This proven and accepted knowledge will regenerate the very sources of our human living. We shall know that all our difficulties and all our problems are caused by our failure to recognise this fundamental Law, with its responsibilities and obligations; we shall then gradually learn to govern our activities by its just and restraining power. The Law of Rebirth embodies the practical knowledge which men need today to conduct rightly and correctly their religious, political, economic, communal and private lives and thus establish right relations with the divine life in all forms.

mình vĩnh viễn liên hệ với các linh hồn của mọi người, và rằng chúng ta có một mối liên hệ xác định với những ai tái nhập thể cùng chúng ta, những người đang học cùng chúng ta những bài học giống nhau và đang trải nghiệm và thử nghiệm cùng chúng ta. Tri thức đã được chứng minh và chấp nhận này sẽ tái sinh chính những nguồn mạch của đời sống nhân loại chúng ta. Chúng ta sẽ biết rằng mọi khó khăn và mọi vấn đề của mình đều do sự thất bại của chúng ta trong việc nhận ra Định luật căn bản này, cùng với các trách nhiệm và nghĩa vụ của nó; khi đó chúng ta sẽ dần dần học cách điều hành các hoạt động của mình bằng quyền năng công chính và kiềm chế của nó. Định luật Tái Sinh bao hàm tri thức thực tiễn mà con người ngày nay cần để điều hành đúng đắn và chính xác đời sống tôn giáo, chính trị, kinh tế, cộng đồng và riêng tư của mình, và nhờ đó thiết lập những tương quan đúng đắn với sự sống thiêng liêng trong mọi hình tướng.

III. Revelation of the Mysteries of Initiation

III. Sự Mặc Khải các Huyền Nhiệm của Điểm Đạo

Much that is here written and which is conveyed in these pages is in reality concerned with the appearance of the Kingdom of God—an appearance which can now take place because of three factors:

Phần lớn những gì được viết ở đây và được truyền đạt trong những trang này thực ra liên quan đến sự xuất hiện của Thiên Giới—một sự xuất hiện hiện nay có thể diễn ra vì ba yếu tố:

1. The growth of that Kingdom on Earth, and the thousands of people who recognise its laws and endeavour to live in accordance with its rules and spirit.

1. Sự tăng trưởng của giới ấy trên Trái Đất, và hàng ngàn người nhận ra các định luật của nó và nỗ lực sống phù hợp với các quy luật và tinh thần của nó.

2. The fact that the signs of the time and the wide-spread need of humanity have evoked the Christ, and that He has decided to reappear. [121]

2. Sự kiện rằng các dấu hiệu của thời đại và nhu cầu lan rộng của nhân loại đã gợi lên sự đáp ứng của Đức Christ, và rằng Ngài đã quyết định tái lâm. [121]

3. The invocative cry of humanity is ascending hourly to “the secret place of the

3. Tiếng kêu khẩn cầu của nhân loại đang dâng lên từng giờ tới “nơi bí mật của Đấng

Most High" and the Hierarchy plans to emerge when Christ appears and restores the rule of the Spirit on Earth. The hour for the restoration of the ancient Mysteries has arrived.

Tối Cao" và Thánh Đoàn dự định ngoại hiện khi Đức Christ xuất hiện và phục hồi quyền cai quản của tinh thần trên Trái Đất. Giờ phục hồi các Huyền Nhiệm cổ xưa đã đến.

These facts have been widely given out, during the past two years, as the result of the cleansing of the Earth through the medium of the world war (1914-1945) and through the suffering to which humanity has been subjected (with an equally potent purifying effect, which will demonstrate later). It will then be possible for the Hierarchy, the Church of Christ hitherto invisible, to externalise itself and to function openly upon the physical plane. This will indicate a return to the situation which existed in Atlantean days when (to use Biblical symbology, Genesis Chaps. 2 and 3) God Himself walked among men; He talked with them and there was no barrier between the Kingdom of men and the Kingdom of God. Divinity was then present in physical form and the Members of the spiritual Hierarchy were openly guiding and directing the affairs of humanity as far as man's innate freedom permitted. Now, in the immediate future, and on a higher turn of the spiral of life, this will again happen. The Masters will walk openly among men; the Christ will reappear in physical Presence. Another thing that will happen will be that the ancient Mysteries will be restored, the ancient landmarks will again be recognised —those landmarks which Masonry has so earnestly preserved and which have been hitherto securely embalmed in the Masonic rituals, waiting the day of restoration and of resurrection.

Những sự kiện này đã được công bố rộng rãi trong hai năm qua, như là kết quả của sự thanh tẩy Trái Đất qua trung gian của cuộc thế chiến (1914-1945) và qua nỗi đau khổ mà nhân loại đã phải chịu đựng (với một hiệu quả thanh lọc mạnh mẽ tương đương, sẽ được chứng minh về sau). Khi đó Thánh Đoàn, Giáo hội của Đức Christ từ trước đến nay vẫn vô hình, sẽ có thể ngoại hiện và hoạt động công khai trên cõi hồng trần. Điều này sẽ cho thấy sự trở lại của tình trạng đã tồn tại trong thời Atlantis khi (dùng biểu tượng Kinh Thánh, Sáng Thế Ký chương 2 và 3) chính Thượng đế đi lại giữa loài người; Ngài nói chuyện với họ và không có rào cản nào giữa giới loài người và Thiên Giới. Khi ấy thiên tính hiện diện trong hình tướng hồng trần và các Thành viên của Thánh đoàn tinh thần công khai hướng dẫn và chỉ đạo các công việc của nhân loại trong chừng mực mà tự do bẩm sinh của con người cho phép. Giờ đây, trong tương lai gần, và ở một vòng xoắn cao hơn của sự sống, điều này sẽ lại xảy ra. Các Chân sư sẽ công khai đi lại giữa loài người; Đức Christ sẽ tái lâm trong Hiện Diện hồng trần. Một điều khác cũng sẽ xảy ra là các Huyền Nhiệm cổ xưa sẽ được phục hồi, các cột mốc cổ xưa sẽ lại được nhận ra— những cột mốc mà Hội Tam Điểm đã hết sức gìn giữ và cho đến nay vẫn được ướp giữ an toàn trong các nghi lễ Tam Điểm, chờ đợi ngày phục hồi và phục sinh.

[122]

[122]

These ancient Mysteries were originally given to humanity by the Hierarchy and contain the entire clue to the evolutionary process, hidden in numbers, in ritual, in words and in symbology; these veil the secret of man's origin and destiny, picturing to him, in rite and ritual, the long, long path which he must tread, back into the light. They provide also (when rightly interpreted and correctly represented) the teaching which humanity needs in order to pass from darkness to Light, from the unreal to the Real and from death to Immortality. Any true Mason who understands, even if only to a slight degree, the significance of the three degrees of the Blue Lodge, and the implications of that in which he participates, will recognise the above three phrases for what they are, and will recognise the significance of the three degrees. I mention it here with Masonic purpose because it is closely related to the restoration of the Mysteries and has held the clue (down the ages) to that long awaited restoration, to the platform upon which the required teaching can be based and the structure which can express (when freed of its Jewish names and nomenclature, which are long out of date, though right three thousand years ago) the history of man's moving forward upon the Path of Return.

Những Huyền Nhiệm cổ xưa này nguyên thủy đã được Thánh Đoàn ban cho nhân loại và chứa toàn bộ đầu mối của tiến trình tiến hoá, được che giấu trong các con số, trong nghi lễ, trong ngôn từ và trong biểu tượng; những điều này che phủ bí mật về nguồn gốc và định mệnh của con người, phác họa cho y, trong lễ thức và nghi lễ, con đường dài, rất dài mà y phải bước đi để trở về ánh sáng. Chúng cũng cung cấp (khi được diễn giải đúng và trình bày chính xác) giáo huấn mà nhân loại cần để đi từ bóng tối đến Ánh sáng, từ cái không thực đến cái Thực và từ cái chết đến Bất tử. Bất kỳ một hội viên Tam Điểm chân chính nào hiểu, dù chỉ ở mức độ nhỏ, ý nghĩa của ba cấp độ của Blue Lodge, và những hàm ý của điều mà y tham dự, sẽ nhận ra ba cụm từ trên đúng như chúng là, và sẽ nhận ra ý nghĩa của ba cấp độ ấy. Tôi đề cập điều này ở đây với mục đích Tam Điểm vì nó liên hệ chặt chẽ với sự phục hồi các Huyền Nhiệm và đã nắm giữ đầu mối (qua các thời đại) cho sự phục hồi được chờ đợi từ lâu ấy, cho nền tảng mà trên đó giáo huấn cần thiết có thể được đặt cơ sở và cho cấu trúc có thể biểu lộ (khi được giải thoát khỏi các tên gọi và thuật ngữ Do Thái, vốn đã lỗi thời từ lâu, dù ba ngàn năm trước là đúng đắn) lịch sử về sự tiến bước của con người trên Con Đường Trở Về.

It is these Mysteries which Christ will restore upon His reappearance, thus reviving the churches in a new form, and restoring the hidden Mystery which they long have lost through their materialism. Masonry has also lost the true livingness it once possessed but, in its forms and rituals, the truth is preserved and can be recovered. This Christ will do. He will also revive these Mysteries in other ways; not all will seek the church or Masonry for the revitalising of their spiritual life. The true Mysteries will

Chính những Huyền Nhiệm này mà Đức Christ sẽ phục hồi khi Ngài tái lâm, nhờ đó làm sống lại các giáo hội trong một hình thức mới, và phục hồi Huyền Nhiệm ẩn giấu mà từ lâu họ đã đánh mất vì chủ nghĩa duy vật của mình. Hội Tam Điểm cũng đã đánh mất tính sống động chân thực mà nó từng sở hữu nhưng, trong các hình thức và nghi lễ của nó, chân lý vẫn được bảo tồn và có thể được phục hồi. Điều này Đức Christ sẽ làm. Ngài cũng sẽ phục hồi các Huyền Nhiệm này theo những cách khác; không phải ai cũng sẽ

also reveal themselves through science and [123] the incentive to search for them there will be given by the Christ. The Mysteries contain, within their formulas and teachings, the key to the science which will unlock the mystery of electricity—the greatest spiritual science and area of divine knowledge in the world, the fringes of which have only just been touched. Only when the Hierarchy is present visibly on Earth and the Mysteries of which the disciples of the Christ are the Custodians are given openly to the world, will the true secret and nature of electrical phenomena be revealed.

tìm đến giáo hội hay Hội Tam Điểm để tiếp sinh lực cho đời sống tinh thần của mình. Các Huyền Nhiệm chân thực cũng sẽ tự mặc khải qua khoa học và [123] động lực tìm kiếm chúng ở đó sẽ được Đức Christ ban ra. Các Huyền Nhiệm chứa đựng, trong các công thức và giáo huấn của chúng, chìa khóa cho khoa học sẽ mở khóa huyền nhiệm của điện —khoa học tinh thần vĩ đại nhất và lĩnh vực tri thức thiêng liêng lớn nhất trên thế giới, mà rìa mép của nó mới chỉ vừa được chạm tới. Chỉ khi Thánh Đoàn hiện diện hữu hình trên Trái Đất và các Huyền Nhiệm mà các đệ tử của Đức Christ là những Người Gìn Giữ được công khai ban ra cho thế giới, thì bí mật và bản chất chân thực của các hiện tượng điện mới được mặc khải.

The Mysteries are, in the last analysis, the true source of revelation; it can only be when the mind and the will-to-good are closely fused and blended and are thus conditioning human behaviour that the extent of the coming revelation can be safely grasped. There are planetary energies and forces which men as yet cannot and do not control; they know nothing of them and yet upon them the life of the planet is dependent; they are also closely related to the despised psychic powers (today so stupidly approached and ignorantly used), yet these powers (when correctly assessed and used) will prove of enormous usefulness in the sciences which the Mysteries will reveal.

Các Huyền Nhiệm, xét đến cùng, là nguồn gốc chân thực của sự mặc khải; chỉ khi trí tuệ và Ý Chí-hướng Thiện được dung hợp và hòa trộn chặt chẽ, và nhờ đó đang tác động lên hành vi con người, thì mức độ của sự mặc khải sắp đến mới có thể được nắm bắt một cách an toàn. Có những năng lượng và mãnh lực hành tinh mà con người hiện chưa thể và không kiểm soát được; họ không biết gì về chúng, vậy mà sự sống của hành tinh lại phụ thuộc vào chúng; chúng cũng liên hệ chặt chẽ với các năng lực thông linh bị khinh miệt (ngày nay bị tiếp cận một cách ngu xuẩn và sử dụng một cách vô minh), tuy nhiên các năng lực này (khi được đánh giá và sử dụng đúng đắn) sẽ chứng tỏ vô cùng hữu ích trong *các khoa học mà các Huyền Nhiệm sẽ mặc khải.*

The Mystery of the Ages is, through the reappearance of the Christ, on the verge of revelation. Through the revelation of the soul that Mystery (which soul knowledge veils) will stand revealed. The Scriptures of the world have ever prophesied that, at the end of the age, we shall see the revelation of

Huyền Nhiệm của Muôn Thời, qua sự tái lâm của Đức Christ, đang ở bên bờ của sự mặc khải. Qua sự mặc khải của linh hồn, Huyền Nhiệm ấy (mà tri thức linh hồn che phủ) sẽ được phơi bày. Kinh điển của thế giới từ lâu đã tiên tri rằng, vào cuối thời đại, chúng ta sẽ thấy sự mặc khải của điều bí mật và sự xuất

that which is secret and the emergence of that which has hitherto been concealed, into the light of day. As we know, our present cycle marks the end of the Piscean age; the next two hundred years will see the abolition of death or rather of our misconceptions as to death and the firm establishing of the fact of the soul's existence; the soul will then be [124] known to be an entity and the motivating impulse and the spiritual force behind all manifested forms. The work of the Christ (two thousand years ago) was to proclaim certain great possibilities and the existence of great powers. His work when He reappears will be to prove the fact of these possibilities and to reveal the true nature and potency of man. The proclamation He made that we were all sons of God and own one universal Father will, in the near future, no longer be regarded as a beautiful, mystical and symbolic statement, but will be regarded as a proved scientific pronouncement. Our universal brotherhood and our essential immortality will be proven to be facts in nature.

hiện ra ánh sáng ban ngày của điều từ trước đến nay vẫn bị che giấu. Như chúng ta biết, chu kỳ hiện tại của chúng ta đánh dấu sự kết thúc của thời đại Song Ngư; hai trăm năm tới sẽ chứng kiến sự bãi bỏ cái chết hay đúng hơn là sự bãi bỏ những ngộ nhận của chúng ta về cái chết và sự xác lập vững chắc sự kiện về sự tồn tại của linh hồn; khi đó linh hồn sẽ [124] được biết là một thực thể và là xung lực thúc đẩy cùng mãnh lực tinh thần đứng sau mọi hình tướng biểu hiện. Công việc của Đức Christ (hai ngàn năm trước) là công bố một số khả năng lớn lao và sự tồn tại của những quyền năng lớn lao. Công việc của Ngài khi Ngài tái lâm sẽ là chứng minh *sự kiện* của những khả năng này và mặc khải bản chất cùng quyền năng chân thực của con người. Lời công bố của Ngài rằng tất cả chúng ta đều là con của Thượng đế và cùng có một Người Cha phổ quát sẽ, trong tương lai gần, không còn bị xem là một phát biểu đẹp đẽ, thần bí và biểu tượng nữa, mà sẽ được xem là một tuyên bố khoa học đã được chứng minh. Tình huynh đệ phổ quát của chúng ta và sự bất tử cốt yếu của chúng ta sẽ được chứng minh là những sự kiện trong thiên nhiên.

The ground is being prepared at this time for the great restoration which the Christ will engineer. The world religions (including Christianity) and Masonry are today before the judgment seat of humanity's critical mind; the word has gone forth almost unanimously that both of them have failed in their divinely assigned tasks. It is realised everywhere that new life must be poured in, but this will take a new vision and a new approach to living conditions and this only the appearance of the Christ can teach and help us bring about. As an ancient Scripture says:

Hiện nay nền móng đang được chuẩn bị cho cuộc phục hưng vĩ đại mà Đức Christ sẽ chủ trì. Các tôn giáo thế giới (kể cả Cơ Đốc giáo) và Hội Tam Điểm ngày nay đang ở trước tòa phán xét của trí tuệ phê phán của nhân loại; lời phán gần như đồng thanh đã được đưa ra rằng cả hai đều đã thất bại trong những nhiệm vụ được giao phó một cách thiêng liêng. Khắp nơi người ta đều nhận ra rằng phải có một sự sống mới được tuôn đổ vào, nhưng điều này sẽ đòi hỏi một tầm nhìn mới và một cách tiếp cận mới đối với các điều kiện sống, và chỉ sự xuất hiện của Đức Christ mới có thể dạy và giúp chúng ta thực hiện điều đó. Như một Thánh thư cổ xưa đã nói:

"That which has been a mystery shall no longer be so, and that which has been veiled will now be revealed; that which has been withdrawn will emerge into the light and will then enhance that light and all men will see and together will rejoice. The time will come when destruction will have wrought its beneficent work; then men, through suffering, will seek that which they have discarded. In vain pursuit, they sought that which was near at hand and easy of attainment. [125] Possessed, they found that it proved an agency of death. Yet all the time, they sought for life, not death."

"Điều từng là một huyền nhiệm sẽ không còn như thế nữa, và điều từng bị che phủ nay sẽ được mặc khải; điều từng bị rút lui sẽ xuất hiện trong ánh sáng và rồi sẽ làm tăng thêm ánh sáng ấy, và mọi người sẽ thấy và cùng nhau hoan hỉ. Thời gian sẽ đến khi sự hủy diệt đã hoàn thành công việc mang lại lợi ích của nó; khi ấy con người, qua đau khổ, sẽ tìm kiếm điều mà họ đã vứt bỏ. Trong sự theo đuổi vô ích, họ đã tìm kiếm điều ở ngay gần bên và dễ đạt được. [125] Khi chiếm hữu được nó, họ nhận ra rằng nó hóa ra là một tác nhân của cái chết. Tuy nhiên, suốt mọi lúc, họ tìm kiếm sự sống chứ không phải cái chết."

And the Christ will bring them life and life abundantly.

Và Đức Christ sẽ mang đến cho họ sự sống, và sự sống dồi dào.

There is much talk these days concerning the mysteries of initiation. Every country is full of spurious teachers, teaching the so-called Mysteries, offering spurious initiations (usually at a cost and with a diploma) and misleading the people. Christ Himself taught that just before He came, this state of affairs would be found and that everywhere the false and the spurious would be proclaiming themselves. All this is, however, but indicative of His coming. The counterfeit ever guarantees the true. The talk, the discussions, the silly claim-making, the pseudo-occultism and the futile efforts to "take an initiation" (that undistinguished phrase which ignorant theosophical teachers have coined to express a deep spiritual experience) have been distinctive of the esoteric teaching ever since its modern inception in 1875. Then H.P. Blavatsky brought to the attention of the Western world the fact that great disciples and Masters of the Wisdom were present on the Earth, obedient to the guidance of the Christ. Later she deeply regretted doing this,

Ngày nay có rất nhiều lời bàn về các huyền nhiệm của điểm đạo. Mọi quốc gia đều đầy rẫy những huấn sư giả mạo, giảng dạy những cái gọi là Huyền Nhiệm, đưa ra những cuộc điểm đạo giả tạo (thường có thu phí và cấp bằng), và dẫn dắt dân chúng đi lạc hướng. Chính Đức Christ đã dạy rằng ngay trước khi Ngài đến, tình trạng này sẽ xuất hiện và ở khắp nơi những gì giả dối và ngụy tạo sẽ tự xưng mình. Tuy nhiên, tất cả điều này chỉ là dấu hiệu về sự đến của Ngài. Hàng giả luôn luôn bảo đảm cho hàng thật. Những lời bàn luận, những cuộc thảo luận, những lời tự xưng ngớ ngẩn, thứ huyền bí học giả hiệu và những nỗ lực vô ích nhằm "nhận một cuộc điểm đạo" (cụm từ tầm thường mà các huấn sư Thông Thiên Học thiếu hiểu biết đã đặt ra để diễn tả một kinh nghiệm tinh thần sâu xa) đã là nét đặc trưng của giáo huấn nội môn kể từ khi nó khởi đầu trong thời hiện đại vào năm 1875. Khi ấy H.P. Blavatsky đã đưa đến sự chú ý của thế giới phương Tây sự kiện rằng những đệ tử vĩ đại và các Chân sư Minh triết hiện diện trên Trái Đất, vâng phục sự hướng dẫn của Đức Christ.

as some of her papers, issued to her Esoteric Section, proclaimed. Yet what she did was all a part of the great plan and was no mistake. The interpretations and the excited reactions of the theosophists of her time were the mistake—a mistake which they have not yet acknowledged. This stupid reaction was aided and helped by the inquisitive nature of humanity itself, as well as by its aspiration which was undoubtedly aroused thereby. Men also, full of cupidity and commercial greed, exploited the theme and are still doing so.

Về sau bà vô cùng hối tiếc vì đã làm điều này, như một số tài liệu của bà gửi cho Ban Nội Môn của bà đã công bố. Tuy nhiên, điều bà đã làm hoàn toàn là một phần của đại kế hoạch và không phải là một sai lầm. Những cách diễn giải và những phản ứng kích động của các nhà Thông Thiên Học cùng thời với bà mới là sai lầm—một sai lầm mà họ vẫn chưa thừa nhận. Phản ứng ngu xuẩn này còn được hỗ trợ và tiếp tay bởi bản chất hiếu kỳ của chính nhân loại, cũng như bởi khát vọng của họ, vốn chắc chắn đã được khơi dậy nhờ đó. Con người cũng vậy, đầy lòng tham và sự tham lam thương mại, đã khai thác đề tài này và vẫn còn đang làm như thế.

[126]

[126]

The total effect of all these stupidities and errors of presentation has nevertheless been good. In all lands, men today are aware of the existence of the Masters and of the possibility offered and the opportunity presented to make scientific spiritual progress and thus become members of the Kingdom of God. This the churches had ignored and had—in the Victorian age particularly—looked upon science as an arch enemy.

Tuy nhiên, tổng thể ảnh hưởng của tất cả những điều ngu xuẩn và những sai lầm trong cách trình bày này lại là tốt. Ở mọi xứ sở, ngày nay con người đều biết đến sự hiện hữu của các Chân sư và về khả năng được trao cùng cơ hội được mở ra để đạt tiến bộ tinh thần *một cách khoa học* và nhờ đó trở thành thành viên của Thiên Giới. Điều này các giáo hội đã phớt lờ và—đặc biệt trong thời Victoria—đã xem khoa học như một kẻ thù lớn.

All this flood of information about the mysteries of initiation—some of it indicative of a hidden truth, some of it the fabrications of an aspirational imagination and some commercially instigated—has definitely prepared humanity for the teaching it is believed Christ will give when again here with us in physical Presence.

Toàn bộ dòng thác thông tin này về các huyền nhiệm của điểm đạo—một phần trong đó chỉ ra một chân lý ẩn giấu, một phần là sản phẩm bịa đặt của sự tưởng tượng đầy khát vọng và một phần do động cơ thương mại thúc đẩy—đã rõ ràng chuẩn bị nhân loại cho giáo huấn mà người ta tin rằng Đức Christ sẽ ban ra khi một lần nữa hiện diện cùng chúng ta trong Sự Hiện Diện hồng trần.

Little as the orthodox Christian may care to admit it, the entire Gospel story in its four forms or presentations, contains little else

Dù tín đồ Cơ Đốc chính thống có ít muốn thừa nhận đến đâu, toàn bộ câu chuyện Phúc Âm trong bốn hình thức hay bốn cách trình

except symbolic details about the Mysteries which are (as far as humanity is concerned) five in all. These Mysteries indicate, in reality, five important points in the spiritual history of an aspirant; they indicate also five important stages in the progress of human consciousness. This advance will become definite and clear in a manner not understood today, at some point during the Aquarian Age. Humanity, the world disciple (through its various groups all at various stages of unfoldment) will "enter into" new states of awareness and into new realms or spheres of mental and spiritual consciousness, during the next two thousand years.

bày của nó hầu như không chứa gì khác ngoài những chi tiết biểu tượng về các Huyền Nhiệm mà (xét theo phương diện nhân loại) có tất cả năm. Những Huyền Nhiệm này thực ra chỉ ra năm điểm quan trọng trong lịch sử tinh thần của một người chí nguyện; chúng cũng chỉ ra năm giai đoạn quan trọng trong sự tiến bộ của tâm thức nhân loại. Sự tiến bộ này sẽ trở nên xác định và rõ ràng theo một cách mà ngày nay chưa được thấu hiểu, vào một thời điểm nào đó trong Kỷ Nguyên Bảo Bình. Nhân loại, đệ tử thế gian (thông qua các nhóm khác nhau của mình, tất cả đều ở những giai đoạn khai mở khác nhau) sẽ "đi vào" những trạng thái nhận biết mới và những lĩnh vực hay cảnh giới mới của tâm thức trí tuệ và tinh thần trong hai ngàn năm tới.

Each age has left a reflection of a modern fivefold development upon it. Four ages have just passed away, astronomically speaking: Gemini, Taurus, Aries, and Pisces. Today Aquarius, the fifth age, is coming into power. In Gemini, its symbolical sign of the two pillars set its seal upon the Masonic Fraternity of the time [127] and the two pillars of Jachin and Boaz—to give them their Jewish names which are, of course, not their real names—came into being approximately eight thousand years ago. Then came Taurus, the Bull, wherein Mithra came as the world Teacher and instituted the Mysteries of Mithras with an (apparent) worship of the Bull. Next followed Aries the Ram, which saw the start of the Jewish Dispensation which is of importance to the Jews and unfortunately of importance to the Christian religion, but of no importance to the untold millions in the other parts of the world; during this cycle came the Buddha, Shri Krishna and Sankaracharya; finally we have the age of Pisces the Fishes, which brought to us the Christ. The sequence of the Mysteries which each of the signs of the

Mỗi thời đại đều để lại trên nó một phản ánh của một sự phát triển hiện đại ngũ phân. Bốn thời đại vừa mới qua đi, xét theo thiên văn học: Song Tử, Kim Ngưu, Bạch Dương và Song Ngư. Ngày nay Bảo Bình, thời đại thứ năm, đang đi vào quyền lực. Trong Song Tử, dấu hiệu biểu tượng của nó là hai cột trụ đã đóng ấn lên Hội Tam Điểm của thời đó [127] và hai cột Jachin và Boaz—để gọi chúng bằng tên Do Thái của chúng, dĩ nhiên đó không phải là tên thật của chúng—đã xuất hiện cách đây khoảng tám ngàn năm. Sau đó đến Kim Ngưu, Con Bò, trong đó Mithra xuất hiện như Đức Chưởng Giáo thế gian và thiết lập các Huyền Nhiệm Mithras với một sự thờ phụng (bề ngoài) đối với Con Bò. Tiếp theo là Bạch Dương, Con Cừu Đực, chứng kiến sự khởi đầu của Kỷ Nguyên Do Thái, điều có tầm quan trọng đối với người Do Thái và đáng tiếc là cũng có tầm quan trọng đối với tôn giáo Cơ Đốc, nhưng không có tầm quan trọng gì đối với vô số triệu người ở những nơi khác trên thế giới; trong chu kỳ này đã xuất hiện Đức Phật, Shri Krishna và Sankaracharya; cuối cùng chúng ta có thời đại Song Ngư, Hai Con Cá, đã mang Đức

Zodiac embodies will be clarified for us by the Christ, because the public consciousness today demands something more definite and spiritually real than modern astrology, or all the pseudo-occultism so widely extant.

Christ đến cho chúng ta. Trình tự các Huyền Nhiệm mà mỗi dấu hiệu hoàng đạo hàm chứa sẽ được Đức Christ làm sáng tỏ cho chúng ta, bởi vì tâm thức công chúng ngày nay đòi hỏi một điều gì đó xác định hơn và có thực tính tinh thần hơn là chiêm tinh học hiện đại, hay toàn bộ thứ huyền bí học giả hiệu đang lan tràn rộng khắp.

In the era which lies ahead, after the reappearance of the Christ, hundreds of thousands of men and women everywhere will pass through some one or other of the great expansions of consciousness, but the mass reflection will be that of the renunciation (though this does not mean that the masses will by any means take the fourth initiation); they will renounce the materialistic standards which today control in every layer of the human family. One of the lessons to be learnt by humanity at the present time (a time which is the ante-chamber to the new age) is how few material things are really necessary to life and happiness. The lesson is not yet learnt. It is, however, essentially one of the values to be extracted out of this period of appalling deprivations through which men are every day passing. The real tragedy is that the [128] Western Hemisphere, particularly the United States, will not share in this definite spiritual and vitalising process; they are at present too selfish to permit it to happen.

Trong kỷ nguyên đang ở phía trước, sau sự tái xuất hiện của Đức Christ, hàng trăm ngàn những người nam và nữ ở khắp nơi sẽ đi qua một trong những cuộc mở rộng tâm thức vĩ đại, nhưng phản ánh đại chúng sẽ là sự từ bỏ (dù điều này hoàn toàn không có nghĩa là quần chúng sẽ thực hiện lần điểm đạo thứ tư); họ sẽ từ bỏ những tiêu chuẩn duy vật hiện đang chi phối mọi tầng lớp trong gia đình nhân loại. Một trong những bài học mà nhân loại phải học vào lúc này (một thời kỳ là tiền sảnh của kỷ nguyên mới) là chỉ cần rất ít những thứ vật chất cho sự sống và hạnh phúc. Bài học ấy vẫn chưa được học. Tuy nhiên, về bản chất, đó là một trong những giá trị phải được rút ra từ giai đoạn thiếu thốn kinh hoàng này mà con người đang trải qua mỗi ngày. Bi kịch thực sự là [128] Tây Bán Cầu, đặc biệt là Hoa Kỳ, sẽ không tham dự vào tiến trình tinh thần và tiếp sinh lực rõ rệt này; hiện nay họ quá ích kỷ để cho phép điều đó xảy ra.

You can see, therefore, that initiation is not a ceremonial procedure, or an accolade, conferred upon a successful aspirant; neither is it a penetration into the Mysteries —of which the mysteries of Masonry are, as yet, only the pictorial presentation—but is simply the result of experiencing "livingness" on all three levels of awareness (physical, emotional and mental) and—through that livingness—bringing into

Vì vậy bạn có thể thấy rằng điểm đạo không phải là một thủ tục nghi lễ, hay một sự phong tước, được ban cho một người chí nguyện thành công; nó cũng không phải là sự thâm nhập vào các Huyền Nhiệm—mà các huyền nhiệm của Hội Tam Điểm, cho đến nay, chỉ mới là sự trình bày bằng hình ảnh—mà đơn giản chỉ là kết quả của việc kinh nghiệm "tính sống động" trên cả ba cấp độ nhận biết (hồng trần, cảm xúc và trí tuệ)

activity those registering and those recording cells within the brain substance which have hitherto not been susceptible to the higher impression. Through this expanding area of registration or, if you prefer it, through the development of a finer recording instrument or responsive apparatus, the mind is enabled to become the transmitter of higher values and of spiritual understanding. Thus the individual becomes aware of areas of divine existence and of states of consciousness which are always eternally present but which the individual man was constitutionally unable to contact or to register; neither the mind, nor its recording agent, the brain, were able to from the angle of their evolutionary development.

và—thông qua tính sống động đó—đưa vào hoạt động những tế bào ghi nhận và ghi chép trong chất liệu não bộ mà từ trước đến nay chưa tiếp nhận được ấn tượng cao hơn. Thông qua vùng ghi nhận đang mở rộng này, hay nếu bạn thích, thông qua sự phát triển của một khí cụ ghi chép tinh tế hơn hoặc một bộ máy đáp ứng nhạy bén hơn, thể trí được làm cho có khả năng trở thành kẻ truyền đạt những giá trị cao hơn và sự thấu hiểu tinh thần. Nhờ đó cá nhân trở nên nhận biết được những lĩnh vực của sự tồn tại thiêng liêng và những trạng thái tâm thức vốn luôn luôn hiện diện vĩnh cửu nhưng con người cá biệt, do cấu tạo của mình, đã không thể tiếp xúc hay ghi nhận; cả thể trí lẫn tác nhân ghi chép của nó là bộ não đều không thể làm được điều đó xét từ góc độ phát triển tiến hoá của chúng.

When the searchlight of the mind is penetrating slowly into hitherto unrecognised aspects of the divine mind, when the magnetic qualities of the heart are awakening and becoming sensitively responsive to both the other aspects, then the man becomes able to function in the new unfolding realms of light, love and service. He is initiate.

Khi luồng sáng tìm kiếm của thể trí đang từ từ xuyên nhập vào những phương diện của Trí của Thượng đế trước đây chưa được nhận biết, khi các phẩm tính từ tính của tim đang thức tỉnh và trở nên nhạy bén đáp ứng với cả hai phương diện kia, thì con người trở nên có khả năng hoạt động trong những lĩnh vực mới đang khai mở của ánh sáng, bác ái và phụng sự. Y là điểm đạo đồ.

These are the mysteries with which the Christ will deal; His acknowledged Presence with us and the presence of His disciples will make possible a far more rapid development than would otherwise be the case. The stimulation [129] of the objective Hierarchy will be increasingly potent and the Aquarian Age will see so many of the sons of men accepting the great Renunciation that world effort will be on the same scale as the mass education of mankind in the Piscean Age. Materialism as a mass principle will be rejected and the

Đó là những huyền nhiệm mà Đức Christ sẽ đề cập đến; Sự Hiện Diện được thừa nhận của Ngài với chúng ta và sự hiện diện của các đệ tử của Ngài sẽ làm cho một sự phát triển nhanh hơn rất nhiều trở thành khả hữu so với trường hợp khác. Sự kích thích [129] của Thánh Đoàn đã ngoại hiện sẽ ngày càng mạnh mẽ và Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ chứng kiến rất nhiều những người con của nhân loại chấp nhận Sự từ bỏ vĩ đại đến mức nỗ lực thế giới sẽ ở cùng quy mô như nền giáo dục đại chúng của nhân loại trong Kỷ Nguyên Song Ngư. *Chủ nghĩa duy vật như một nguyên lý đại chúng sẽ bị bác bỏ* và các giá

major spiritual values will assume greater control.

trị tinh thần chủ yếu sẽ nắm quyền kiểm soát lớn hơn.

The culmination of a civilisation, with its special note, quality and gifts to posterity, is significant of the reflection of the spiritual intent, and (through its massed populations) of one of the initiations. History will some day be based and written upon the record of the initiatory growth of humanity; prior to that, we must have a history which is constructed around the development of humanity under the influences of great and fundamental ideas. That is the next historical presentation.

Sự cực thịnh của một nền văn minh, với chủ âm, phẩm tính và những tặng phẩm riêng của nó cho hậu thế, là dấu hiệu có ý nghĩa về sự phản ánh của ý định tinh thần, và (thông qua quần thể dân cư đông đảo của nó) của một trong các cuộc điểm đạo. Một ngày nào đó lịch sử sẽ được đặt nền và được viết dựa trên biên niên về sự tăng trưởng điểm đạo của nhân loại; trước đó, chúng ta phải có một lịch sử được xây dựng xoay quanh sự phát triển của nhân loại dưới những ảnh hưởng của các ý tưởng lớn lao và căn bản. Đó là cách trình bày lịch sử kế tiếp.

The production of the culture of any given period is simply the reflection of the creative ability and the precise consciousness of the initiates of the time—those who knew they were initiate and were also conscious of admittance into direct relation with the Hierarchy. At present, we use neither of these two words, civilisation and culture, in their rightful sense or with their true meaning. Civilisation is the reflection in the mass of men of some particular cyclic influence, leading to an initiation. Culture is esoterically related to those within any era of civilisation who specifically, precisely and in full waking consciousness, through self-initiated effort, penetrate into those inner realms of thought activity which we call the creative world. These are the realms which are responsible for the outer civilisation.

Việc sản sinh ra nền văn hóa của bất kỳ thời kỳ nào đơn giản chỉ là sự phản ánh khả năng sáng tạo và tâm thức chính xác của các điểm đạo đồ thời đó—những người biết mình là điểm đạo đồ và cũng có ý thức về việc được tiếp nhận vào mối liên hệ trực tiếp với Thánh Đoàn. Hiện nay, chúng ta không dùng từ nào trong hai từ này, văn minh và văn hóa, theo đúng nghĩa của chúng hay với ý nghĩa chân thực của chúng. Văn minh là *sự phản ánh* trong quần chúng nhân loại của một ảnh hưởng chu kỳ đặc thù nào đó, dẫn đến một cuộc điểm đạo. Về mặt nội môn, văn hóa liên hệ với những người trong bất kỳ kỷ nguyên văn minh nào, những người một cách chuyên biệt, chính xác và trong tâm thức thức tỉnh trọn vẹn, bằng nỗ lực tự khởi xướng, xuyên nhập vào những lĩnh vực bên trong của hoạt động tư tưởng mà chúng ta gọi là thế giới sáng tạo. Đây là những lĩnh vực chịu trách nhiệm cho nền văn minh bên ngoài.

The reappearance of the Christ is indicative of a closer relation between the outer and the inner worlds of thought. The world of meaning and the world of experience will

Sự tái xuất hiện của Đức Christ là dấu hiệu của một mối liên hệ gần gũi hơn giữa các thế giới tư tưởng bên ngoài và bên trong. Thế

giới của ý nghĩa và thế giới của kinh nghiệm sẽ

[130]

[130]

be obviously blended through the stimulation of the advent of the Hierarchy and of its Head, the Christ. A tremendous growth of understanding and of relationships will be the major result.

được hòa trộn một cách hiển nhiên nhờ sự kích thích của sự giáng lâm của Thánh Đoàn và của Đấng đứng đầu Thánh Đoàn, Đức Christ. Một sự tăng trưởng to lớn về thấu hiểu và về các mối liên hệ sẽ là kết quả chủ yếu.

IV. The Dispelling of Glamour

IV. Sự Làm Tiêu Tan Ảo Cảm

The word "glamour," the outstanding characteristic of the astral plane, has never been correctly employed and it is a pity that it was ever used in the early days of the esoteric teachings. The so-called "astral plane" is simply the name given to that sumtotal of sentient reactions, of feeling-responsiveness, and of emotional substance which man has himself so powerfully created and so successfully projected that he is today the victim of that which he has made. Eighty per cent of the teaching given about the astral plane is a part itself of the great delusion and a part also of that unreal world to which we refer when we pray the ancient prayer: "Lead us from the unreal to the Real." What is said about it has little basis in fact; it has, however, served a useful purpose as a field of experience in which we can learn to differentiate between the true and the untrue; it is an area also in which the aspirant can use the discriminating faculty of the mind—the great discloser of error and the eventual revealer of truth.

Từ "ảo cảm", đặc tính nổi bật của cõi cảm dục, chưa bao giờ được dùng một cách đúng đắn và thật đáng tiếc là nó đã từng được dùng trong những ngày đầu của các giáo huấn nội môn. Cái gọi là "cõi cảm dục" chỉ đơn giản là tên gọi dành cho tổng thể những phản ứng cảm nhận, sự đáp ứng của cảm giác, và chất liệu cảm dục mà chính con người đã tạo ra mạnh mẽ đến thế và phóng chiếu thành công đến thế đến nỗi ngày nay y là nạn nhân của chính điều mình đã tạo ra. Tám mươi phần trăm giáo huấn được đưa ra về cõi cảm dục bản thân nó là một phần của đại ảo tưởng và cũng là một phần của thế giới không thực mà chúng ta nhắc đến khi cầu nguyện lời nguyện cổ xưa: "Xin dẫn chúng con từ cái không thực đến cái Thực." Điều được nói về nó có rất ít nền tảng trong sự kiện; tuy nhiên, nó đã phục vụ một mục đích hữu ích như một lĩnh vực kinh nghiệm trong đó chúng ta có thể học cách phân biệt giữa cái thật và cái không thật; nó cũng là một khu vực trong đó người chí nguyện có thể sử dụng năng lực phân biện của thể trí—đấng vạch trần sai lầm vĩ đại và là kẻ mặc khải chân lý sau cùng.

Once that "mind is in us which is also in Christ" (Phil. II.5), we shall find that the control of this emotional nature and this

Một khi "trí tuệ ở trong chúng ta cũng là trí tuệ ở trong Đức Christ" (Phil. II.5), chúng ta sẽ thấy rằng sự kiểm soát bản chất cảm xúc

sentient area of consciousness (the astral plane, if you prefer the term!) becomes complete. Then this past sentient control and its entire area of influence no longer exists. It has no reality, except as a field of service and a realm in which men wander in despair and bewilderment. The greatest service a man [131] can render his fellowmen is to free himself from the control of that plane by himself directing its energies through the power of the Christ within. He will then find that the self-centred forces and the energies of personal desire and of emotional love will be superseded by a living energy which can be sensed in a large way, though it cannot as yet be appropriated in its pure essence; this energy, we call the "love of God." It is that free-flowing, outgoing, magnetically attractive force which leads each pilgrim back to the Father's House. It is that force which stirs in the heart of humanity and finds expression through the medium of such great avatars as the Christ; which guides the mystical yearning found in each human being, and works through all movements that have for their objective the welfare of humanity, through philanthropic and educational tendencies of all kinds and through the instinctual motherhood found everywhere. But it is essentially a group sentiency, and only in the Aquarian Age, and as a result of the reappearance of the Christ, will its true nature reach correct understanding and the love of God be spread abroad in every human heart.

này và khu vực cảm nhận này của tâm thức (cõi cảm dục, nếu bạn thích thuật ngữ ấy!) trở nên hoàn toàn. Khi đó sự kiểm soát cảm nhận trong quá khứ này và toàn bộ khu vực ảnh hưởng của nó không còn tồn tại nữa. Nó không có thực tại nào, ngoại trừ như một lĩnh vực phụng sự và một cõi trong đó con người lang thang trong tuyệt vọng và hoang mang. Sự phụng sự lớn lao nhất mà một người [131] có thể cống hiến cho đồng loại là tự giải thoát mình khỏi sự kiểm soát của cõi ấy bằng cách chính y *định hướng các năng lượng của nó qua quyền năng của Đức Christ bên trong.* Khi đó y sẽ thấy rằng các mãnh lực tập trung vào bản thân và các năng lượng của dục vọng cá nhân cùng tình yêu cảm xúc sẽ được thay thế bởi một năng lượng sống động có thể được cảm nhận một cách rộng lớn, dù chưa thể được chiếm hữu trong tinh chất thuần khiết của nó; năng lượng này, chúng ta gọi là "tình yêu của Thượng đế." Đó là mãnh lực tuôn chảy tự do, hướng ngoại, hấp dẫn bằng từ tính, dẫn mỗi người hành hương trở về Nhà Cha. Đó là mãnh lực đang lay động trong trái tim nhân loại và tìm được sự biểu lộ qua trung gian của những Đấng Hoá Thân vĩ đại như Đức Christ; nó hướng dẫn nỗi khát khao thần bí được tìm thấy trong mỗi con người, và hoạt động qua mọi phong trào lấy phúc lợi của nhân loại làm mục tiêu, qua các xu hướng từ thiện và giáo dục thuộc mọi loại và qua bản năng làm mẹ hiện diện khắp nơi. Nhưng về bản chất, đó là một cảm nhận nhóm, và chỉ trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, và như là kết quả của sự tái xuất hiện của Đức Christ, bản chất chân thực của nó mới đạt đến sự thấu hiểu đúng đắn và tình yêu của Thượng đế mới được lan tỏa trong mọi trái tim con người.

Of this world of glamour and illusion, Christ knew much, and in Himself demonstrated that true love could control it. Part of the three great temptations of the Christ in the wilderness was based upon the three aspects

Về thế giới ảo cảm và ảo tưởng này, Đức Christ biết rất nhiều, và trong chính Ngài đã chứng minh rằng tình yêu chân thật có thể kiểm soát nó. Một phần của ba cám dỗ lớn của Đức Christ trong hoang địa được đặt nền

of world glamour: the illusions which the mind creates, the glamour of the emotional plane of experience and the maze of earthly circumstances. These all threatened to bewilder Him; He met each of them in turn with the enunciation of a clear-cut principle and not with the wordy arguments of an analytical mind; from that field of threefold experience He went forth to love, to teach and to heal. Christ is the great dispeller of world glamour when [132] He comes, and in this work the Buddha has previously prepared the way. The possibility of such a dispelling and dissipation is therefore definitely centred in the two Avatars, the Buddha and the Christ. One of the essential things at this time is to bring home to humanity and to the nations of the world the nature of the work undertaken by the Buddha and the Christ, and to re-emphasise the truths projected by Them into the arena of world thought. The work of the Lord of Light and of the Lord of Love must be presented anew to a needy world. In this connection, it might be said that some nations need to grasp the teaching of the Buddha which He enunciated in the Four Noble Truths; they must be brought to the realisation that the cause of all sorrow and woe is the misuse of desire—desire for that which is material and transitory. The United Nations need to learn to apply the Law of Love as enunciated in the life of Christ and to express the vitality of the truth that "no man liveth unto himself" (Rom. XIV.7) and no nation either; the goal of all human effort is loving understanding, prompted by a programme of love and right human relations for all mankind.

trên ba phương diện của ảo cảm thế gian: những *ảo tưởng* mà thể trí tạo ra, *ảo cảm* của cõi cảm dục của kinh nghiệm và mê cung của các hoàn cảnh trần thế. Tất cả những điều này đều đe dọa làm Ngài hoang mang; Ngài đã lần lượt đối diện từng điều bằng sự tuyên bố một nguyên lý rõ ràng dứt khoát chứ không phải bằng những lập luận dài dòng của một thể trí phân tích; từ lĩnh vực kinh nghiệm tam phân ấy, Ngài bước ra để yêu thương, giảng dạy và chữa lành. Đức Christ là Đấng làm tiêu tan ảo cảm thế gian vĩ đại khi [132] Ngài đến, và trong công việc này Đức Phật trước đó đã chuẩn bị con đường. Vì vậy khả năng của sự làm tiêu tan và làm tan biến như thế rõ ràng được tập trung nơi hai Đấng Hoá Thân, Đức Phật và Đức Christ. Một trong những điều thiết yếu vào lúc này là làm cho nhân loại và các quốc gia trên thế giới thấu hiểu bản chất của công việc do Đức Phật và Đức Christ đảm nhận, và tái nhấn mạnh những chân lý mà Các Ngài đã phóng chiếu vào đấu trường tư tưởng thế giới. Công việc của Chúa Tể của Ánh Sáng và của Chúa Tể của Bác Ái phải được trình bày lại cho một thế giới đang cần. Trong mối liên hệ này, có thể nói rằng một số quốc gia cần nắm bắt giáo huấn của Đức Phật mà Ngài đã tuyên thuyết trong *Tứ Diệu Đế*; họ phải được đưa đến chỗ nhận ra rằng nguyên nhân của mọi đau khổ và khốn cùng là sự lạm dụng dục vọng—dục vọng đối với điều vật chất và tạm bợ. Liên Hiệp Quốc cần học cách áp dụng Định luật Bác ái như đã được tuyên thuyết trong cuộc đời của Đức Christ và biểu lộ sức sống của chân lý rằng "không ai sống cho chính mình" (Rom. XIV.7) và không một quốc gia nào cũng vậy; mục tiêu của mọi nỗ lực nhân loại là sự thấu hiểu đầy bác ái, được thúc đẩy bởi một chương trình bác ái và những quan hệ đúng đắn giữa người với người cho toàn thể nhân loại.

If the lives of these two great Teachers can be comprehended and Their teachings be

Nếu cuộc đời của hai Đấng Huấn Sư vĩ đại này có thể được thấu hiểu và giáo huấn của

wrought out in the lives of men anew today, in the world of human affairs, in the realm of human thinking and in the arena of political and economic intercourse, the present world order (which is so largely disorder) can be so modified and changed that a new world order and a new race of men can gradually come into being. World glamour will be dissipated and world illusion be dispelled.

Các Ngài được thực hiện lại trong đời sống con người ngày nay, trong thế giới các công việc nhân loại, trong lĩnh vực tư tưởng nhân loại và trong đấu trường giao tiếp chính trị và kinh tế, thì trật tự thế giới hiện nay (vốn phần lớn là hỗn loạn) có thể được điều chỉnh và thay đổi đến mức một trật tự thế giới mới và một nhân loại mới có thể dần dần xuất hiện. Ảo cảm thế gian sẽ được làm tiêu tan và ảo tưởng thế gian sẽ được xua tan.

Within the world of glamour—the world of the astral plane and of the emotions—appeared, centuries ago, a point of light; the Lord of Light, the Buddha, undertook [133] to focus in Himself the illumination which would eventually make possible the dissipation of glamour. Within the world of illusion, the world of the mental plane, appeared the Christ, the Lord of Love Himself. He undertook to dispel illusion by drawing to Himself (by the attractive potency of love) the hearts of all men, and stated this determination in the words, "I, if I be lifted up, will draw all men unto Me." (John XII.32.)

Trong thế giới ảo cảm—thế giới của cõi cảm dục và của cảm xúc—đã xuất hiện, từ nhiều thế kỷ trước, một điểm ánh sáng; Chúa Tể của Ánh Sáng, Đức Phật, đã đảm nhận [133] việc tập trung trong chính Ngài sự soi sáng mà cuối cùng sẽ làm cho việc làm tiêu tan ảo cảm trở nên khả hữu. Trong thế giới ảo tưởng, thế giới của cõi trí, đã xuất hiện chính Đức Christ, Chúa Tể của Bác Ái. Ngài đã đảm nhận việc xua tan ảo tưởng bằng cách kéo về phía mình (nhờ tiềm lực hấp dẫn của bác ái) trái tim của mọi người, và đã tuyên bố quyết tâm này bằng những lời: "Ta, nếu được nâng lên, sẽ kéo mọi người đến cùng Ta." (John XII.32.)

The combined work of these two great Sons of God, concentrated through the world disciples and through Their initiates must and will inevitably shatter illusion and dispel glamour—the one by the intuitive recognition of reality by minds attuned to it, and the other by the pouring in of the light of the reason. The Buddha made the first planetary effort to dissipate world glamour; the Christ made the first planetary effort towards the dispelling of illusion. Their work must now be intelligently carried forward by a humanity wise enough to recognise its duty.

Công việc phối hợp của hai Con của Thượng đế vĩ đại này, được tập trung qua các đệ tử thế gian và qua các điểm đạo đồ của Các Ngài, phải và chắc chắn sẽ phá tan ảo tưởng và làm tiêu tan ảo cảm—một bên bằng sự nhận biết trực giác về thực tại bởi những thể trí được chỉnh hợp với nó, và bên kia bằng sự tuôn đổ của ánh sáng của lý trí. Đức Phật đã thực hiện nỗ lực hành tinh đầu tiên nhằm làm tiêu tan ảo cảm thế gian; Đức Christ đã thực hiện nỗ lực hành tinh đầu tiên hướng tới việc xua tan ảo tưởng. Công việc của Các Ngài giờ đây phải được một nhân loại đủ minh triết để nhận ra bổn phận của mình tiếp tục một cách thông minh.

Men are being rapidly disillusioned and will consequently see more clearly. World glamour is being steadily removed from the ways of men. Those two developments have been brought about by the incoming new ideas, focussed through the world intuitives and released to the general public by the world thinkers. It is also largely aided by the unconscious, but none the less real, recognition by the masses of the true meaning of these Four Noble Truths. Disillusioned and deglamoured (if I may use such a term) humanity awaits the coming revelation. This revelation will be brought about by the combined efforts of the Buddha and the Christ. All that we can foresee or foretell anent that revelation is that some potent and far-reaching results will be achieved by the merging of light and love, and by the reaction of "lighted [134] substance" to "the attractive power of love." I have here given a clue to the true understanding of the work of these Avatars —a thing hitherto quite unrealised. It might be added that when an appreciation of the meaning of the words "transfiguration of a human being" is gained, the realisation will come that when "the body is full of light" (Luke XI.36) then "in Thy light shall we see light." (Ps. XXXVI.9.) This means that when the personality has reached a point of purification, of dedication and of illumination, then the attractive power of the soul, whose nature is love and understanding, can function, and fusion of these two will take place. This is what the Christ proved and demonstrated.

Con người đang nhanh chóng được giải ảo tưởng và do đó sẽ thấy rõ hơn. Ảo cảm thế gian đang đều đặn được dời khỏi con đường của con người. Hai sự phát triển ấy đã được mang lại bởi những ý tưởng mới đang đi vào, được tập trung qua các nhà trực giác thế giới và được các nhà tư tưởng thế giới giải phóng cho công chúng nói chung. Nó cũng được hỗ trợ phần lớn bởi sự nhận biết vô thức, nhưng không vì thế mà kém thực, của quần chúng về ý nghĩa chân thực của *Tứ Diệu Đế* này. Đã được giải ảo tưởng và thoát ảo cảm (nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ như vậy), nhân loại đang chờ đợi sự mặc khải sắp đến. Sự mặc khải này sẽ được mang lại bởi những nỗ lực phối hợp của Đức Phật và Đức Christ. Tất cả những gì chúng ta có thể thấy trước hay báo trước liên quan đến sự mặc khải ấy là một số kết quả mạnh mẽ và sâu rộng sẽ đạt được nhờ sự hòa nhập của ánh sáng và bác ái, và nhờ phản ứng của "chất liệu [134] được soi sáng" đối với "quyền năng hấp dẫn của bác ái." Ở đây tôi đã đưa ra một đầu mối cho sự thấu hiểu chân thực về công việc của các Đấng Hoá Thân này—một điều cho đến nay hoàn toàn chưa được nhận ra. Có thể nói thêm rằng khi đạt được sự cảm nhận về ý nghĩa của những lời "sự Biến hình của một con người", thì sẽ nhận ra rằng khi "thân thể đầy ánh sáng" (Luke XI.36) thì "trong ánh sáng của Ngài chúng ta sẽ thấy *ánh sáng*." (Ps. XXXVI.9.) Điều này có nghĩa là khi phàm ngã đã đạt đến một điểm thanh luyện, hiến dâng và soi sáng, thì quyền năng hấp dẫn của linh hồn, mà bản chất là bác ái và thấu hiểu, có thể hoạt động, và sự dung hợp của hai điều này sẽ diễn ra. Đây là điều Đức Christ đã chứng minh và biểu lộ.

When the work of the Buddha (or of the embodied wisdom principle) is consummated in the aspiring disciple and his integrated personality, then the full expression of the work of the Christ (the

Khi công việc của Đức Phật (hay của nguyên khí minh triết nhập thể) được hoàn tất trong người đệ tử chí nguyện và phàm ngã tích hợp của y, thì sự biểu lộ trọn vẹn của công việc của Đức Christ (nguyên khí bác ái nhập

embodied principle of love) can also be consummated then both of these potencies —Light and Love—will find radiant expression in the transfigured disciple. What is true, therefore, of the individual is true also of humanity as a whole; today humanity (having reached maturity) can "enter into realisation" and consciously take part in the work of enlightenment and of spiritual, loving activity. The practical effects of this process will be the dissipation of glamour and the release of the human spirit from the thraldom of matter; it will produce also the dispelling of illusion and the recognition of the truth as it exists in the consciousness of those who are polarised in the awareness of the Christ.

thể) cũng có thể được hoàn tất; khi đó cả hai tiềm lực này—Ánh Sáng và Bác Ái—sẽ tìm được sự biểu lộ rạng ngời trong người đệ tử đã biến hình. Vì vậy, điều đúng với cá nhân cũng đúng với toàn thể nhân loại; ngày nay nhân loại (đã đạt đến trưởng thành) có thể "đi vào chứng nghiệm" và có ý thức tham gia vào công việc soi sáng và hoạt động tinh thần đầy bác ái. Những hiệu quả thực tiễn của tiến trình này sẽ là sự làm tiêu tan ảo cảm và sự giải phóng tinh thần con người khỏi ách nô lệ của vật chất; nó cũng sẽ tạo ra sự xua tan ảo tưởng và sự nhận biết chân lý như nó hiện hữu trong tâm thức của những người được phân cực trong sự nhận biết về Đức Christ.

This is necessarily no rapid process; it is an ordered and regulated procedure, sure in its eventual success but relatively slow also in its establishment and sequential process. This process was initiated upon the astral plane [135] by the Buddha, and on the mental plane when Christ manifested on Earth. It indicated the approaching maturity of humanity. The process has been slowly gathering momentum as these two great Beings have gathered around Them Their disciples and initiates, during the past two thousand years. It has reached a point of intensive usefulness as the channel of communication between "the Centre where the Will of God is known," and the Hierarchy where the Love of God demonstrates has been opened and enlarged, and the contact between these two great centres and humanity has been more firmly established.

Đây tất yếu không phải là một tiến trình nhanh chóng; đó là một thủ tục có trật tự và được điều hòa, chắc chắn trong thành công cuối cùng của nó nhưng cũng tương đối chậm trong sự thiết lập và tiến trình tuần tự của nó. Tiến trình này đã được khởi xướng trên cõi cảm dục [135] bởi Đức Phật, và trên cõi trí khi Đức Christ biểu lộ trên Trái Đất. Nó cho thấy *sự trưởng thành đang đến gần của nhân loại*. Tiến trình ấy đã từ từ tích lũy đà tiến khi hai Đấng Vĩ Đại này quy tụ quanh Các Ngài các đệ tử và điểm đạo đồ của Các Ngài trong suốt hai ngàn năm qua. Nó đã đạt đến một điểm hữu ích mãnh liệt khi kênh giao tiếp giữa "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế" và Thánh Đoàn nơi Bác Ái của Thượng Đế biểu lộ đã được mở ra và mở rộng, và sự tiếp xúc giữa hai trung tâm vĩ đại này với nhân loại đã được thiết lập vững chắc hơn.

Thus thousands of intelligent men and women will be enabled to free themselves from all delusion and emotional control. The moment that the hearts of men are active, that moment sees the termination of

Nhờ đó hàng ngàn những người nam và nữ thông minh sẽ có thể tự giải thoát khỏi mọi ảo tưởng và sự kiểm soát cảm xúc. Ngay khoảnh khắc mà *trái tim con người* hoạt động, khoảnh khắc ấy chứng kiến sự chấm

emotional, solar plexus activity. That is a statement of fact; it is the hearts of men which respond to the call of Christ and it is those hearts which are becoming invocative today. The agonising emotional cycle through which humanity has passed during the past one hundred years, and the emotional tension in which men today live are also playing their part in fitting humanity to emerge into the realm of clear thought; this will mark a significant turning point in human history and will be one of the results of Christ's future scientific work (if I may use this term) with the hearts of men, bringing them into rapport with the Heart of God.

dứt của hoạt động cảm xúc nơi tùng thái dương. Đó là một lời khẳng định sự kiện; chính *trái tim con người* đáp ứng lời kêu gọi của Đức Christ và chính những trái tim ấy ngày nay đang trở nên khẩn cầu. Chu kỳ cảm xúc đau đớn mà nhân loại đã trải qua trong một trăm năm qua, và sự căng thẳng cảm xúc mà con người đang sống trong đó ngày nay, cũng đang góp phần của chúng vào việc chuẩn bị cho nhân loại bước ra cõi của tư tưởng sáng tỏ; điều này sẽ đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử nhân loại và sẽ là một trong những kết quả của công việc khoa học tương lai của Đức Christ (nếu tôi có thể dùng thuật ngữ này) với trái tim con người, đưa chúng vào tương giao với Trái Tim của Thượng Đế.

Because of the magnitude of this theme and the wide extent of the psychological area in which the mass of men now live, I cannot further enlarge. This field of experience and of trial is well known to all aspirants and is the battlefield of millions. The Christ within, as the Controller of the individual life, can bring that battle to [136] an end; the aspirant can emerge clear sighted and unafraid. The appearance of the Christ among men will do the same thing for humanity as a whole, not in any vicarious sense but through the livingness of His Presence, stimulating the Christ principle in every human heart.

Vì tầm vóc của chủ đề này và phạm vi rộng lớn của khu vực tâm lý mà quần chúng nhân loại hiện đang sống trong đó, tôi không thể nói rộng thêm. Lĩnh vực kinh nghiệm và thử thách này được mọi người chí nguyện biết rõ và là chiến trường của hàng triệu người. Đức Christ bên trong, như Đấng Kiểm Soát đời sống cá nhân, có thể đưa trận chiến ấy đến [136] chỗ kết thúc; người chí nguyện có thể bước ra với cái nhìn sáng rõ và không sợ hãi. Sự xuất hiện của Đức Christ giữa loài người sẽ làm điều tương tự cho toàn thể nhân loại, không phải theo bất kỳ ý nghĩa thay thế nào mà thông qua tính sống động của Sự Hiện Diện của Ngài, kích thích nguyên khí Christ trong mọi trái tim con người.

CHAPTER SIX - THE NEW WORLD RELIGION — CHƯƠNG SÁU - TÔN GIÁO THẾ GIỚI MỚI

[137]

The world today is more spiritually inclined than ever before. This is said with a full realisation of the generally accepted idea that the world of men is on the rocks spiritually, and that at no time has the spiritual life of the race been at such a low ebb. This idea is largely due to the fact that humanity is not excessively interested in the orthodox presentation of truth, and that our churches are relatively empty and are under public indictment as having failed to teach humanity to live rightly. These affirmations are distressingly true, but the fact still remains that human beings everywhere are searching for spiritual release and truth, and that the truly religious spirit is more fundamentally alive than at any previous time. This is especially true of those countries which have suffered the most in the late world war (1914-1945). Countries, such as the United States and the neutral countries show, as yet, no sign of any real spiritual revival. The other countries are spiritually alive—not along orthodox lines but in a true search and a vital demand for light.

[137]

Ngày nay thế giới có khuynh hướng tinh thần hơn bao giờ hết. Điều này được nói ra với sự nhận biết đầy đủ về ý tưởng được chấp nhận rộng rãi rằng thế giới loài người đang lâm vào khủng hoảng về mặt tinh thần, và chưa bao giờ đời sống tinh thần của nhân loại lại suy giảm đến mức như thế. Ý tưởng này phần lớn là do sự kiện rằng nhân loại không quá quan tâm đến cách trình bày chân lý theo chính thống, và rằng các giáo hội của chúng ta tương đối trống vắng và đang bị công chúng kết tội là đã thất bại trong việc dạy nhân loại sống đúng đắn. Những khẳng định này đau lòng thay đều đúng, nhưng sự kiện vẫn còn đó là con người ở khắp nơi đang tìm kiếm sự giải thoát tinh thần và chân lý, và tinh thần tôn giáo chân chính sống động một cách căn bản hơn bất kỳ thời nào trước đây. Điều này đặc biệt đúng ở những quốc gia đã chịu đau khổ nhiều nhất trong cuộc thế chiến vừa qua (1914-1945). Những quốc gia như Hoa Kỳ và các nước trung lập cho đến nay vẫn chưa cho thấy dấu hiệu nào của một sự phục hưng tinh thần thực sự. Các quốc gia khác thì sống động về mặt tinh thần—không theo đường lối chính thống mà trong một cuộc tìm kiếm chân thực và một nhu cầu sống động đối với ánh sáng.

The religious spirit of humanity is today more definitely focussed upon Reality than has ever before been the case. The orthodox world religions are rapidly falling into the background of men's minds even whilst we are undoubtedly approaching nearer to the central spiritual Reality. The theologies now taught by the ecclesiastical organisation

Tinh thần tôn giáo của nhân loại ngày nay được tập trung vào Thực Tại một cách xác định hơn bao giờ hết. Các tôn giáo thế giới chính thống đang nhanh chóng lùi vào hậu cảnh trong tâm trí con người ngay cả khi chúng ta chắc chắn đang tiến gần hơn đến Thực Tại tinh thần trung tâm. Những thần học hiện được giảng dạy bởi tổ chức giáo hội

(both in the East and in the West) are [138] crystallised and of relatively little use. Priests and churchmen, orthodox instructors and fundamentalists (fanatical though sincere) are seeking to perpetuate that which is old and which sufficed in the past to satisfy the enquirer, but which now fails to do so. Sincere but unenlightened religious men are deploring the revolt of youth from doctrinal attitudes. At the same time, along with all seekers, they are demanding a new revelation. They seek something new and arresting by which to attract the masses back to God; they fear that something must be relinquished, that new interpretations of old truths must be found, but fail to realise that a new outlook upon the truth (as it is in Christ) must be attained; they sense the approach of new, impending spiritual revelations but are apt to shrink back from their revolutionary effects. They ask themselves many questions and are assailed by deep and disturbing doubts. It is interesting here to note that the answers to these questions come (and will increasingly come), from two sources: the thinking masses, whose growing intellectual perception is the cause of the revolt from orthodox religion, and from that overshadowing source of truth and light which has unfailingly brought revelation down the ages. The answers will not come, as far as one can see, from any religious organisation, whether Asiatic or Western.

(cả ở Đông phương lẫn Tây phương) đều [138] đã kết tinh và tương đối ít hữu ích. Các giáo sĩ và người của giáo hội, các huấn sư chính thống và những người theo chủ nghĩa căn bản (cuồng tín nhưng chân thành) đang tìm cách duy trì điều cũ kỹ và điều đã từng đủ để làm thỏa mãn người tìm hỏi trong quá khứ, nhưng nay không còn làm được như vậy nữa. Những người tôn giáo chân thành nhưng chưa được soi sáng đang than phiền về sự nổi loạn của giới trẻ đối với các thái độ giáo điều. Đồng thời, cùng với mọi người tìm kiếm, họ đang đòi hỏi một sự mặc khải mới. Họ tìm kiếm một điều gì đó mới mẻ và mạnh mẽ để lôi cuốn quần chúng trở lại với Thượng đế; họ sợ rằng phải từ bỏ một điều gì đó, rằng phải tìm ra những cách diễn giải mới cho các chân lý cũ, nhưng lại không nhận ra rằng phải đạt được một nhãn quan mới về chân lý (như nó ở trong Đức Christ); họ cảm nhận sự tiếp cận của những mặc khải tinh thần mới đang sắp đến nhưng lại có khuynh hướng lùi bước trước những tác động mang tính cách mạng của chúng. Họ tự đặt cho mình nhiều câu hỏi và bị tấn công bởi những nghi ngờ sâu xa và xáo động. Ở đây thật thú vị khi lưu ý rằng câu trả lời cho những câu hỏi này đến (và sẽ ngày càng đến) từ hai nguồn: quần chúng biết suy nghĩ, mà sự nhận thức trí tuệ ngày càng tăng của họ là nguyên nhân của cuộc nổi loạn chống lại tôn giáo chính thống, và từ nguồn chân lý và ánh sáng phủ bóng ấy, nguồn đã không hề sai sót trong việc mang sự mặc khải xuống qua các thời đại. Theo như người ta có thể thấy, các câu trả lời sẽ không đến từ bất kỳ tổ chức tôn giáo nào, dù là châu Á hay phương Tây.

Some of these questions can be expressed as follows:

Một số câu hỏi này có thể được nêu ra như sau:

Why has the church been unable to arrest the overpowering expression of evil, as evidenced in the late world war?

Tại sao giáo hội đã không thể ngăn chặn sự biểu lộ áp đảo của điều ác, như đã được chứng minh trong cuộc thế chiến vừa qua?

Why has religion proved inadequate to the need of humanity?

Tại sao tôn giáo lại tỏ ra không đủ đáp ứng nhu cầu của nhân loại?

Why have the so-called spiritual leaders of the religious world proved themselves incompetent to aid in the solution of the world problems?

Tại sao những người được gọi là lãnh đạo tinh thần của thế giới tôn giáo lại tỏ ra bất lực trong việc trợ giúp giải quyết các vấn đề thế giới?

[139]

[139]

Why, as exponents of the God of Love, have Christian teachers been unable to arrest the unparalleled growth of hate in the world today?

Tại sao, với tư cách là những người diễn giải Thượng đế của Bác ái, các huấn sư Cơ Đốc lại không thể ngăn chặn sự tăng trưởng chưa từng có của hận thù trong thế giới ngày nay?

Why are the majority of such teachers so sectarian, separative and denominational in their approaches to truth? There is, however, a spiritual, open-minded minority.

Tại sao đa số những huấn sư như thế lại quá bè phái, chia rẽ và giáo phái trong cách tiếp cận chân lý của họ? Tuy nhiên, vẫn có một thiểu số tinh thần, cởi mở.

Why do the young people refuse to go to church and lack interest to accept the doctrines presented for their belief?

Tại sao giới trẻ từ chối đến nhà thờ và thiếu quan tâm trong việc chấp nhận các giáo lý được trình bày để họ tin theo?

Why is death and not life stalking the world today?

Tại sao ngày nay cái chết chứ không phải sự sống đang rình rập thế giới?

Why do so many new cults arise and sidetrack the people away from orthodox organisations of a religious nature?

Tại sao quá nhiều giáo phái mới lại xuất hiện và kéo dân chúng đi chệch khỏi các tổ chức chính thống có tính chất tôn giáo?

Why does Mental Science, the Unity Movement and the New Thought presentation attract people away from the better established organisations? Note the use of the word “organisations”; it holds the key to the problem.

Tại sao Khoa Học Tinh Thần, Phong Trào Unity và cách trình bày của Tân Tư Tưởng lại lôi cuốn con người rời khỏi các tổ chức đã được thiết lập vững chắc hơn? Hãy lưu ý việc dùng từ “các tổ chức”; nó nắm giữ chìa khóa của vấn đề.

Why is there a growing emphasis upon the Eastern theologies, upon the various yogas, upon Buddhistic teachings and oriental faiths?

Tại sao ngày càng nhấn mạnh đến các thần học Đông phương, đến các yoga khác nhau, đến giáo huấn Phật giáo và các tín ngưỡng phương Đông?

Why do such teachings as astrology, numerology and various magical rituals find so many adherents whilst the churches remain empty or are only attended by old people, the conservatives and reactionaries or by those who go there by force of habit, or desperate unhappiness?

Tại sao những giáo huấn như chiêm tinh học, thần số học và các nghi thức huyền thuật khác nhau lại tìm được nhiều người theo đến thế trong khi các giáo hội vẫn trống vắng hoặc chỉ được những người già, những người bảo thủ và phản động, hay những người đến đó do thói quen, hoặc do bất hạnh tuyệt vọng, lui tới?

What is wrong, finally, with our presentation of the spiritual realities and the truths of the ages?

Sau cùng, điều gì là sai lầm trong cách trình bày của chúng ta về các thực tại tinh thần và các chân lý của các thời đại?

Many answers can be given. The most important one is that the presentation of divine truth, as given by the churches in the West and by the teachers in the East, has not kept pace with the unfolding intellect of the human spirit. The same old forms of words and of ideas are still handed out to the enquirer and they do not satisfy [140] his mind nor do they meet his practical need in a most difficult world. He is asked to give unquestioning belief but not to understand; he is told that it is not possible for him to comprehend and yet he is asked to accept the interpretations and the affirmations of other human minds who claim that they do understand and that they have the truth. He does not believe that their minds and their interpretations are any better than his. The same old formulas, the same old theologies and the same old interpretations are deemed adequate to meet man's modern needs and enquiries. They are not.

Có thể đưa ra nhiều câu trả lời. Câu trả lời quan trọng nhất là rằng *cách trình bày chân lý thiêng liêng*, như được các giáo hội ở phương Tây và các huấn sư ở phương Đông đưa ra, *đã không theo kịp trí tuệ đang khai mở của tinh thần con người*. Những hình thức ngôn từ và ý tưởng cũ kỹ ấy vẫn còn được trao cho người tìm hỏi và chúng không làm thỏa mãn [140] trí tuệ của y cũng không đáp ứng nhu cầu thực tiễn của y trong một thế giới vô cùng khó khăn. Y được yêu cầu phải tin mà không chất vấn chứ không phải thấu hiểu; y được bảo rằng y không thể hiểu được, nhưng lại được yêu cầu chấp nhận những cách diễn giải và những khẳng định của những trí tuệ con người khác, những người tự nhận là họ hiểu và họ có chân lý. Y không tin rằng trí tuệ của họ và những cách diễn giải của họ tốt hơn của y. Những công thức cũ, những thần học cũ và những cách diễn giải cũ vẫn được xem là đầy đủ để đáp ứng các nhu cầu và những câu hỏi hiện đại của con người. Chúng không đủ.

The church today is the tomb of the Christ and the stone of theology has been rolled to the door of the sepulchre.

Ngày nay giáo hội là ngôi mộ của Đức Christ và tảng đá của thần học đã được lăn đến cửa mộ.

There is, however, no point in attacking Christianity. Christianity cannot be attacked; it is an expression—in essence, if not yet entirely factual—of the love of God, immanent in His created universe. Churchianity has, however, laid itself wide open to attack, and the mass of thinking people are aware of this; unfortunately, these thinking people are still a small minority. Nevertheless, it is this thinking minority which (when it is a majority and it is today a rapidly growing one) will spell the doom of the churches and endorse the spread of the true teaching of the Christ. It is not possible that He has any pleasure in the great stone temples which churchmen have built, whilst His people are left without guidance or reasonable light upon world affairs; surely, He must feel (with an aching heart) that the simplicity which He taught and the simple way to God which He emphasised have disappeared into the fogs of theology (initiated by St. Paul) and in the discussions of churchmen throughout the centuries. Men have travelled far from the simplicity of thought and from the simple, spiritual life which the early [141] Christians lived. Is it not possible that the Christ may regard the separative life of the churches and the arrogance of the theologians as wrong and undesirable—dividing (as they have) the world into believer and unbeliever, into Christian and heathen, into the so-called enlightened and the so-called benighted—and as contrary to all that He Himself held and believed when He said, "Other sheep I have which are not of this fold." (John X.16.)

Tuy nhiên, không có ích gì khi công kích Cơ Đốc giáo. *Cơ Đốc giáo không thể bị công kích; về bản chất, dù chưa hoàn toàn là một thực tại, nó là một biểu hiện của tình thương của Thượng đế, nội tại trong vũ trụ do Ngài sáng tạo.* Tuy nhiên, giáo hội tính đã tự phơi bày mình ra cho sự công kích, và đại đa số những người biết suy nghĩ đều nhận thức được điều này; tiếc thay, những người biết suy nghĩ ấy vẫn còn là một thiểu số nhỏ. Dẫu vậy, chính thiểu số biết suy nghĩ này—khi trở thành đa số, và ngày nay họ đang tăng trưởng rất nhanh—sẽ báo hiệu sự cáo chung của các giáo hội và tán thành sự truyền bá giáo huấn chân chính của Đức Christ. Không thể nào Ngài lại vui thích trước những đền thờ bằng đá đồ sộ mà giới giáo sĩ đã xây dựng, trong khi dân của Ngài bị bỏ mặc không có sự hướng dẫn hay ánh sáng hợp lý nào về các vấn đề thế giới; hẳn nhiên, Ngài phải cảm thấy (với một trái tim đau nhói) rằng sự đơn giản mà Ngài đã dạy và con đường đơn giản đến với Thượng đế mà Ngài đã nhấn mạnh đã biến mất trong màn sương của thần học (do Thánh Paul khởi xướng) và trong những cuộc tranh luận của giới giáo sĩ suốt bao thế kỷ. Con người đã đi rất xa khỏi sự đơn giản trong tư tưởng và khỏi đời sống tinh thần đơn giản mà các tín đồ Cơ Đốc tiên khởi [141] đã sống. Chẳng lẽ không thể nào Đức Christ xem đời sống chia rẽ của các giáo hội và sự kiêu ngạo của các nhà thần học là sai lầm và không đáng mong muốn—vì họ đã chia thế giới thành kẻ tin và kẻ không tin, thành tín đồ Cơ Đốc và dân ngoại, thành những người được gọi là khai sáng và những người bị gọi là tăm tối—và là trái ngược với tất cả những gì chính Ngài đã giữ vững và tin tưởng khi Ngài nói: "Ta còn có những chiên khác không thuộc về chuồng này." (John X.16.)

It is not the evil rampant in the world today which is hindering the revelation and hindering the unfoldment of the spiritual

Không phải điều ác đang lan tràn trong thế giới ngày nay là cái đang cản trở sự mặc khải và cản trở sự khai mở của đời sống tinh thần.

life. That evil is the result of the misapprehension and the wrong orientation of the human mind, of the emphasis upon material things which ages of competitive activity have brought about; it rests upon the failure of the religious organizations throughout the world to preserve the truth in its purity and to avoid the fanatical idea that anyone's individual interpretation of truth must necessarily be the only and correct one. Theologians have fought (and with sincerity of intention) for forms of words which they believed were the only true and correct formulation of the divine idea, but Christ was forgotten behind the words; churchmen have expended effort and executive ability in raising funds for the building of stone edifices whilst God's children everywhere went hungry and unclothed and so lost their belief in divine love.

Điều ác ấy là kết quả của sự hiểu sai và sự định hướng sai lạc của trí tuệ con người, của sự nhấn mạnh vào những điều vật chất mà bao thời đại hoạt động cạnh tranh đã tạo ra; nó dựa trên sự thất bại của các tổ chức tôn giáo trên khắp thế giới trong việc gìn giữ chân lý trong sự tinh tuyền của nó và tránh ý tưởng cuồng tín rằng cách diễn giải chân lý của riêng bất kỳ ai nhất thiết phải là cách duy nhất và đúng đắn. Các nhà thần học đã chiến đấu (và với sự chân thành trong ý định) cho những hình thức ngôn từ mà họ tin là sự phát biểu duy nhất chân thật và đúng đắn của ý tưởng thiêng liêng, nhưng Đức Christ đã bị quên lãng đằng sau những lời lẽ ấy; giới giáo sĩ đã dốc công sức và khả năng điều hành vào việc gây quỹ để xây dựng những công trình bằng đá trong khi con cái của Thượng đế ở khắp nơi bị đói khát và thiếu áo mặc, và vì thế đã đánh mất niềm tin vào tình thương thiêng liêng.

How can the need of humanity for spiritual guidance be met when the leaders of the churches are occupied with temporal concerns, when the emphasis is laid in the Roman Catholic, the Greek Orthodox and the Protestant Churches upon pomp and ceremonies, on great churches and stone cathedrals, upon gold and silver communion sets, on scarlet birettas, on jewelled vestments, and upon all the paraphernalia so cherished by the ecclesiastically minded? How [142] can the starving children of the world—and of Europe in particular—be salvaged when pleas go out from Popes and Bishops for money to build cathedrals and erect more churches when the existent churches now stand empty? How can light shine again in the minds of men when churchmen keep the people in a state of fear unless they accept the old theological interpretations and the old ways of approaching God? How can the spiritual and intellectual needs of the people be met when

Làm sao nhu cầu của nhân loại về sự hướng dẫn tinh thần có thể được đáp ứng khi các nhà lãnh đạo của các giáo hội bận rộn với những mối quan tâm thế tục, khi sự nhấn mạnh trong Giáo hội Công giáo La Mã, Chính Thống giáo Hy Lạp và các Giáo hội Tin Lành lại đặt vào sự phô trương và nghi lễ, vào những nhà thờ lớn và những thánh đường bằng đá, vào các bộ đồ thánh bằng vàng bạc, vào những mũ biretta đỏ thắm, vào những phẩm phục đính ngọc, và vào toàn bộ những vật dụng phụ thuộc được giới đầu óc giáo hội quý chuộng đến thế? Làm sao [142] những trẻ em đói khát của thế giới—và đặc biệt là của châu Âu—có thể được cứu giúp khi các lời kêu gọi từ các Giáo hoàng và Giám mục vẫn vang lên để xin tiền xây các thánh đường và dựng thêm nhiều nhà thờ nữa trong khi các nhà thờ hiện có nay đang trống rỗng? Làm sao ánh sáng có thể lại chiếu rọi trong trí tuệ con người khi giới giáo sĩ giữ dân chúng trong trạng thái sợ hãi trừ phi họ chấp nhận những cách diễn giải thần học cũ

the theological seminaries teach nothing new or appropriate to the day and age, but send out young men to guide humanity who are grounded only in the past interpretations. These young men enter upon their religious training and preparation for the ministry with high hopes and vision; they emerge with little hope, not much faith, but with a determination to "make good" and rise to prominence in the church.

và những lối tiếp cận Thượng đế cũ? Làm sao các nhu cầu tinh thần và trí tuệ của dân chúng có thể được đáp ứng khi các chủng viện thần học không dạy điều gì mới mẻ hay thích hợp với thời đại, mà lại gửi ra những người trẻ để hướng dẫn nhân loại, những người chỉ được đặt nền trên các cách diễn giải của quá khứ. Những người trẻ này bước vào sự huấn luyện tôn giáo và sự chuẩn bị cho chức vụ mục sư với niềm hy vọng cao cả và tầm nhìn; họ bước ra với ít hy vọng, không nhiều đức tin, nhưng với quyết tâm phải "thành công" và vươn lên địa vị nổi bật trong giáo hội.

The question arises whether Christ would be at home in the churches if He walked again among men. The rituals and the ceremonies, the pomp and the vestments, the candles and the gold and silver, the graded order of popes, cardinals, archbishops, canons and ordinary rectors, pastors and clergy would seemingly have small interest for the simple Son of God, Who—when on Earth—had not where to lay His head.

Câu hỏi được đặt ra là liệu Đức Christ có cảm thấy như ở nhà trong các giáo hội nếu Ngài lại bước đi giữa loài người hay không. Các nghi thức và lễ nghi, sự phô trương và phẩm phục, nến, vàng và bạc, trật tự phẩm cấp từ giáo hoàng, hồng y, tổng giám mục, kinh sĩ và các cha xứ thường, mục sư và hàng giáo sĩ dường như sẽ ít có sức hấp dẫn đối với Con đơn sơ của Thượng đế, Đấng—khi ở trên Trái Đất—đã không có nơi nào để gối đầu.

The presentation of religious truth in the past has blocked the growth of the religious spirit; theology has brought mankind to the very gates of despair; the delicate flower of the Christ life has been stunted and arrested in the dark caves of man's thinking; fanatical adherence to human interpretations has taken the place of Christian living; millions of books have obliterated the living words of Christ; the arguments and discussions of priests have put out the light which the Buddha brought, and the love of God as revealed by the life of Christ has been forgotten [143] whilst men have quarrelled over meanings, over phrases and words. In the meantime, men have agonised, starved, suffered, demanded help and instruction and, unsatisfied, have lost faith.

Sự trình bày chân lý tôn giáo trong quá khứ đã ngăn chặn sự tăng trưởng của tinh thần tôn giáo; thần học đã đưa nhân loại đến tận cổng tuyệt vọng; đóa hoa mong manh của đời sống Christ đã bị còi cọc và đình trệ trong những hang tối của tư tưởng con người; sự bám chấp cuồng tín vào các cách diễn giải của con người đã thay thế cho đời sống Cơ Đốc; hàng triệu cuốn sách đã xóa mờ những lời sống động của Đức Christ; các cuộc tranh luận và thảo luận của giới tăng lữ đã dập tắt ánh sáng mà Đức Phật mang đến, và tình thương của Thượng đế như được mặc khải qua đời sống của Đức Christ đã bị lãng quên [143] trong khi con người cãi cọ về ý nghĩa, về cụm từ và ngôn từ. Trong khi đó, con người đã quằn quại, đói khát, đau khổ,

đòi hỏi sự giúp đỡ và chỉ dẫn, và vì không được thỏa mãn nên đã đánh mất đức tin.

Today everywhere people are ready for the light; they are expectant of a new revelation and of a new dispensation, and humanity has advanced so far on the way of evolution that these demands and expectations are not couched in terms of material betterment only, but in terms of a spiritual vision, true values and right human relations. They are demanding teaching and spiritual help along with the necessary requests for food, clothes and the opportunity to work and live in freedom; they face famine in large areas of the world and yet are registering (with equal dismay) the famine of the soul.

Ngày nay, ở khắp nơi, con người đã sẵn sàng cho ánh sáng; họ mong đợi một sự mặc khải mới và một thời kỳ tôn giáo mới, và nhân loại đã tiến xa đến mức những đòi hỏi và kỳ vọng này không còn chỉ được diễn đạt bằng những điều kiện cải thiện vật chất, mà bằng một linh thị tinh thần, những giá trị chân chính và những tương quan nhân loại đúng đắn. Họ đòi hỏi giáo huấn và sự trợ giúp tinh thần cùng với những yêu cầu cần thiết về thực phẩm, quần áo và cơ hội làm việc và sống trong tự do; họ đang đối diện nạn đói trên những vùng rộng lớn của thế giới, nhưng đồng thời cũng đang ghi nhận (với cùng nỗi kinh hoàng) nạn đói của linh hồn.

We are surely not in error if we conclude that this spiritual dismay and this spiritual demand have assumed a paramount place in the consciousness of the Christ. When He reappears and when His Church, hitherto invisible, appears with Him, what can They do to meet this demanding cry and this intensified attitude of spiritual perception with which They will be greeted. They see the picture whole. The cry of the Christian for spiritual help, the cry of the Buddhist for spiritual enlightenment, and the cry of the Hindu for spiritual understanding—along with the cries of all those who have faith or have no faith—must be met. The demands of humanity are rising to Their ears and the Christ and His disciples have no sectarian scruples, of that we may be sure. It is impossible to believe that They are interested in the views of the Fundamentalists or in the theories of the theologians upon the Virgin Birth, the Vicarious Atonement or the Infallibility of the Pope. Humanity is in desperate need and that need must be met; only great and

Chắc chắn chúng ta không sai nếu kết luận rằng nỗi kinh hoàng tinh thần này và nhu cầu tinh thần này đã chiếm một vị trí tối thượng trong tâm thức của Đức Christ. Khi Ngài tái lâm và khi Giáo hội của Ngài, từ trước đến nay vẫn vô hình, xuất hiện cùng Ngài, Các Ngài có thể làm gì để đáp ứng tiếng kêu đòi hỏi này và thái độ tri giác tinh thần được tăng cường này mà Các Ngài sẽ được đón nhận. Các Ngài nhìn thấy toàn cảnh. Tiếng kêu của tín đồ Cơ Đốc đòi hỏi sự trợ giúp tinh thần, tiếng kêu của tín đồ Phật giáo đòi hỏi sự giác ngộ tinh thần, và tiếng kêu của tín đồ Ấn giáo đòi hỏi sự thấu hiểu tinh thần—cùng với tiếng kêu của tất cả những ai có đức tin hoặc không có đức tin—đều phải được đáp ứng. Những đòi hỏi của nhân loại đang dâng lên tai Các Ngài, và Đức Christ cùng các đệ tử của Ngài không có những dè dặt bè phái, điều đó chúng ta có thể chắc chắn. Không thể tin rằng Các Ngài quan tâm đến các quan điểm của những người theo chủ nghĩa Căn bản hay các lý thuyết của các nhà thần học về Sự Giáng Sinh Đồng Trinh, Sự Chuộc Tội Thế Mạng

fundamental [144] principles of living, covering the past and the present and providing a platform for the future, will really meet that human invocation. The Christ and the spiritual Hierarchy will not come to destroy all that humanity has hitherto found "necessary to salvation," and all that has met its spiritual demand. When the Christ reappears, the non-essentials will surely disappear; the fundamentals of faith will remain, upon which He can build that new world religion for which all men wait. That new world religion must be based upon those truths which have stood the test of ages and which have brought assurance and comfort to men everywhere. These surely are:

hay Tính Bất Khả Ngộ của Giáo hoàng. Nhân loại đang ở trong nhu cầu tuyệt vọng và nhu cầu ấy phải được đáp ứng; chỉ những nguyên lý sống lớn lao và căn bản [144], bao quát quá khứ và hiện tại và cung cấp một nền tảng cho tương lai, mới thực sự đáp ứng được lời Khẩn Cầu đó của nhân loại. Đức Christ và Thánh đoàn tinh thần sẽ không đến để phá hủy tất cả những gì mà cho đến nay nhân loại đã thấy là "cần thiết cho sự cứu rỗi," và tất cả những gì đã đáp ứng nhu cầu tinh thần của họ. Khi Đức Christ tái lâm, những điều không cốt yếu chắc chắn sẽ biến mất; những nền tảng của đức tin sẽ còn lại, trên đó Ngài có thể xây dựng tôn giáo thế giới mới mà mọi người đang chờ đợi. Tôn giáo thế giới mới ấy *phải* được đặt nền trên những chân lý đã đứng vững trước thử thách của các thời đại và đã mang lại sự bảo đảm và an ủi cho con người ở khắp nơi. Chắc chắn đó là:

1. The Fact of God.

1. Sự Kiện về Thượng đế.

First and foremost, there must be recognition of the fact of God. That central Reality can be called by any name that man may choose according to his mental or emotional bent, racial tradition and heritage, for it cannot be defined or conditioned by names. Human beings perforce always use names in order to express that which they sense, feel and know, both of the phenomenal and also of the intangible. Consciously or unconsciously, all men recognise God Transcendent and God Immanent. They sense God to be the Creator and the Inspiration of all that is.

Trước hết và trên hết, phải có sự công nhận sự kiện về Thượng đế. Thực Tại trung tâm ấy có thể được gọi bằng bất kỳ danh xưng nào mà con người chọn theo khuynh hướng trí tuệ hay cảm xúc của mình, theo truyền thống và di sản chủng tộc của mình, vì nó không thể được định nghĩa hay bị quy định bởi tên gọi. Con người tất nhiên luôn dùng tên gọi để diễn đạt điều mà họ cảm nhận, cảm thấy và biết, cả về hiện tượng giới lẫn về cái vô hình. Một cách hữu thức hay vô thức, mọi người đều công nhận Thượng đế Siêu Việt và Thượng đế Nội Tại. Họ cảm nhận Thượng đế là Đấng Sáng Tạo và là Nguồn Cảm Hứng của tất cả những gì hiện hữu.

The Eastern faiths have ever emphasised God Immanent, deep within the human heart, "nearer than hands and feet," the Self, the One, the Atma, smaller than the small,

Các tín ngưỡng phương Đông từ lâu luôn nhấn mạnh *Thượng đế Nội Tại*, sâu trong trái tim con người, "gần hơn tay và chân," là Bản Ngã, là Đấng Duy Nhất, là Atma, nhỏ hơn cái

yet all-comprehensive. The Western faiths have presented God Transcendent, outside His universe, an Onlooker. God transcendent, first of all, conditioned men's concept of Deity, for the action of this transcendent God appeared in the processes of nature; later, in the Jewish [145] dispensation, God appeared as the tribal Jehovah, as the soul (the rather unpleasant soul) of a nation. Next, God was seen as a perfected man, and the divine God-man walked the Earth in the Person of Christ. Today we have a rapidly growing emphasis upon God immanent in every human being and in every created form. Today, we should have the churches presenting a synthesis of these two ideas which have been summed up for us in the statement of Shri Krishna in The Bhagavad Gita: "Having pervaded this whole Universe with a fragment of Myself, I remain." God, greater than the created whole, yet God present also in the part; God Transcendent guarantees the plan for our world and is the Purpose, conditioning all lives from the minutest atom, up through all the kingdoms of nature, to man.

nhỏ nhất mà vẫn bao trùm tất cả. Các tín ngưỡng phương Tây đã trình bày *Thượng đế Siêu Việt*, ở bên ngoài vũ trụ của Ngài, như một Đấng Quan Sát. Trước hết, Thượng đế siêu việt đã quy định quan niệm của con người về Thượng đế, vì hành động của Thượng đế siêu việt này xuất hiện trong các tiến trình của thiên nhiên; về sau, trong thời kỳ [145] Do Thái giáo, Thượng đế xuất hiện như Jehovah của bộ tộc, như linh hồn (một linh hồn khá khó chịu) của một dân tộc. Tiếp đó, Thượng đế được nhìn như một con người hoàn hảo, và Thượng đế-người thiêng liêng đã bước đi trên Trái Đất trong Nhân vị của Đức Christ. Ngày nay, sự nhấn mạnh vào Thượng đế nội tại trong mỗi con người và trong mọi hình tướng được tạo thành đang tăng trưởng rất nhanh. Ngày nay, các giáo hội lẽ ra phải trình bày một tổng hợp của hai ý tưởng này, vốn đã được tóm kết cho chúng ta trong lời tuyên bố của Shri Krishna trong *The Bhagavad Gita*: "Sau khi thấm nhuần toàn thể Vũ Trụ này bằng một mảnh của Chính Ta, Ta vẫn còn đó." Thượng đế lớn hơn toàn thể được tạo thành, nhưng đồng thời Thượng đế cũng hiện diện trong từng phần; Thượng đế Siêu Việt bảo đảm Thiên Cơ cho thế giới chúng ta và là Mục Đích, quy định mọi sự sống từ nguyên tử nhỏ bé nhất, xuyên qua mọi giới trong thiên nhiên, cho đến con người.

2. Man's Relationship to God.

2. Mối Liên Hệ của Con Người với Thượng đế.

The second truth to which all give allegiance —no matter what the faith—is that of man's essential relationship to God. Inherent in the human consciousness—inchoate often and undefined—is a sense of divinity. "We are all the children of God" (Gal. III.26); "One is our Father, even God," says the Christ and so say all the world Teachers and Avatars down the ages. "As He is, so are we in this world" (1 John IV.17) is another Biblical statement.

Chân lý thứ hai mà mọi người đều trung thành—bất kể tín ngưỡng nào—là mối liên hệ cốt yếu của con người với Thượng đế. Nội tại trong tâm thức con người—thường còn mơ hồ và chưa được xác định—là một cảm thức về thiên tính. "Chúng ta đều là con cái của Thượng đế" (Gal. III.26); "Cha của chúng ta là một, tức là Thượng đế," Đức Christ nói như vậy và tất cả các Đức Chưởng Giáo cùng các Đấng Hoá Thân qua các thời đại cũng nói

"Closer is He than breathing, nearer than hands and feet," chants the Hindu. "Christ in us, the hope of glory" is the triumphant affirmation of St. Paul.

như vậy. "Ngài thế nào, chúng ta cũng như vậy trong thế gian này" (1 John IV.17) là một lời tuyên bố khác trong Kinh Thánh. "Ngài gần hơn hơi thở, gần hơn tay và chân," người Ấn giáo xướng lên. "Đức Christ ở trong chúng ta, niềm hy vọng của vinh quang" là lời khẳng định đắc thắng của Thánh Paul.

3. The Fact of Immortality and of Eternal Persistence.

3. Sự Kiện về Tính Bất Tử và về Sự Tồn Tại Vĩnh Cửu.

Third, is the sense of persistence, of eternal life or of immortality. From this recognition, there seems to be [146] no escape; it is as much a part of humanity's reaction as is the instinct of self-preservation. With that inner conviction, we face death and we know that we shall live again, that we come and we go and that we persist because we are divine and the controllers of our own destiny. We know that we have set ourselves a goal and that the goal is "Life more abundantly"—somewhere, here, there, and eventually everywhere.

Thứ ba là cảm thức về sự tồn tại bền bỉ, về sự sống vĩnh cửu hay tính bất tử. Dường như không có [146] lối thoát nào khỏi sự công nhận này; nó cũng là một phần trong phản ứng của nhân loại như bản năng tự bảo tồn. Với niềm xác tín nội tâm ấy, chúng ta đối diện cái chết và biết rằng chúng ta sẽ sống lại, rằng chúng ta đến rồi đi và vẫn tồn tại vì chúng ta là thiêng liêng và là những kẻ điều khiển định mệnh của chính mình. Chúng ta biết rằng mình đã đặt ra cho mình một mục tiêu và mục tiêu ấy là "Sự sống dồi dào hơn"—ở đâu đó, ở đây, ở kia, và cuối cùng ở khắp nơi.

The spirit in man is undying; it forever endures, progressing from point to point and stage to stage upon the Path of Evolution, unfolding steadily and sequentially the divine attributes and aspects. This truth involves necessarily the recognition of two great natural laws; the Law of Rebirth and the Law of Cause and Effect. The churches in the West have refused officially to recognise the Law of Rebirth and have thereby wandered into a theological impasse and into a cul-de-sac from which there is no possible exit. The churches in the East have over-emphasised these laws so that a negative, acquiescent attitude to life and its processes, based on continuously renewed opportunity, controls the people. Christianity has emphasised

Tinh thần trong con người là bất diệt; nó tồn tại mãi mãi, tiến từ điểm này sang điểm khác và từ giai đoạn này sang giai đoạn khác trên Con đường Tiến Hóa, khai mở một cách đều đặn và tuần tự các thuộc tính và phương diện thiêng liêng. Chân lý này tất yếu bao hàm sự công nhận hai định luật tự nhiên lớn; Định luật Tái Sinh và Định luật Nhân Quả. Các giáo hội ở phương Tây đã chính thức từ chối công nhận Định luật Tái Sinh và do đó đã lang thang vào một ngõ cụt thần học, một lối cụt không thể nào thoát ra được. Các giáo hội ở phương Đông đã nhấn mạnh quá mức các định luật này đến nỗi một thái độ thụ động, cam chịu đối với đời sống và các tiến trình của nó, dựa trên cơ hội liên tục được đổi mới, đã chi phối dân chúng. Cơ Đốc giáo đã nhấn mạnh tính bất tử nhưng lại

immortality but has made eternal happiness dependent upon the acceptance of a theological dogma: Be a true professing Christian and live in a somewhat fatuous heaven or refuse to be an accepting Christian, or a negative professional Christian, and go to an impossible hell—a hell growing out of the theology of The Old Testament and its presentation of a God, full of hate and jealousy. Both concepts are today repudiated by all sane, sincere, thinking people. No one of any true reasoning power or with any true belief in a God of love accepts the heaven of the churchmen or has any desire to go there. Still less do they accept the "lake that burneth with fire and brimstone" (Rev. XIX.20) or the everlasting [147] torture to which a God of love is supposed to condemn all who do not believe in the theological interpretations of the Middle Ages, of the modern fundamentalists or of the unreasoning churchmen who seek —through doctrine, fear and threat—to keep people in line with the obsolete old teaching. The essential truth lies elsewhere. "Whatsoever a man soweth that shall he also reap" (Gal. VI.7) is a truth which needs re-emphasising. In these words, St. Paul phrases for us the ancient and true teaching of the Law of Cause and Effect, called in the Orient the Law of Karma.

làm cho hạnh phúc vĩnh cửu phụ thuộc vào việc chấp nhận một giáo điều thần học: hãy là một tín đồ Cơ Đốc chân chính công khai và sống trong một thiên đường có phần ngớ ngẩn, hoặc từ chối làm một tín đồ Cơ Đốc chấp nhận, hay một tín đồ Cơ Đốc chuyên nghiệp tiêu cực, và đi vào một địa ngục không thể có—một địa ngục phát sinh từ thần học của *Cựu Ước* và cách nó trình bày một Thượng đế đầy hận thù và ghen tuông. Cả hai quan niệm ấy ngày nay đều bị mọi người tỉnh táo, chân thành và biết suy nghĩ bác bỏ. Không ai có năng lực lý luận chân chính hay có niềm tin chân chính vào một Thượng đế của tình thương lại chấp nhận thiên đường của giới giáo sĩ hoặc có bất kỳ mong muốn nào được đến đó. Càng không ai chấp nhận "hồ lửa và diêm sinh cháy bừng" (Rev. XIX.20) hay sự tra tấn vĩnh viễn [147] mà một Thượng đế của tình thương được cho là sẽ kết án tất cả những ai không tin vào các cách diễn giải thần học của thời Trung Cổ, của những người theo chủ nghĩa Căn bản hiện đại, hay của những giáo sĩ phi lý trí đang tìm cách—qua giáo lý, nỗi sợ và sự đe dọa—giữ dân chúng đi theo giáo huấn cũ đã lỗi thời. Chân lý cốt yếu nằm ở nơi khác. "Ai gieo gì thì sẽ gặt nấy" (Gal. VI.7) là một chân lý cần được nhấn mạnh lại. Trong những lời này, Thánh Paul đã phát biểu cho chúng ta giáo huấn cổ xưa và chân thật của Định luật Nhân Quả, được phương Đông gọi là Định luật Karma.

The immortality of the human soul, and the innate ability of the spiritual, inner man to work out his own salvation under the Law of Rebirth, in response to the Law of Cause and Effect, are the underlying factors governing all human conduct and all human aspiration. These two laws no man can evade. They condition him at all times until he has achieved the desired and the designed

Tính bất tử của linh hồn con người, và khả năng bẩm sinh của con người tinh thần bên trong trong việc tự hoàn thành sự cứu rỗi của mình dưới Định luật Tái Sinh, để đáp ứng với Định luật Nhân Quả, là những yếu tố nền tảng chi phối mọi hành vi và mọi khát vọng của con người. Không ai có thể né tránh hai định luật này. Chúng quy định y vào mọi lúc cho đến khi y đạt được sự hoàn hảo được mong muốn và được hoạch định, và có thể biểu hiện trên trần gian như một

perfection and can manifest on earth as a rightly functioning son of God.

người con của Thượng đế đang hoạt động đúng đắn.

4. The Continuity of Revelation and the Divine Approaches.

4. Tính Liên Tục của Sự Mặc Khải và Những Sự Tiếp Cận Thiêng Liêng.

A fourth essential truth and one which clarifies all the planned work of the Christ is tied in with spiritual revelation and the need of man for God and of God for man. Never has Deity left Itself at any time without witness. Never has man demanded light that the light has not been forthcoming. Never has there been a time, cycle or world period when there was not the giving out of the teaching and spiritual help which human need demanded. Never did the hearts and minds of men go out towards God, but that divinity itself came nearer to [148] man. The history of mankind is, in reality, the history of man's demand for light and for contact with God, and then the giving of light and the approach of God to man. Always the Saviour, the Avatar or the World Teacher issued forth from the secret place of the Most High and brought to man fresh revelation, fresh hope and a fresh incentive towards fuller spiritual living.

Chân lý cốt yếu thứ tư, và là chân lý làm sáng tỏ toàn bộ công việc đã được hoạch định của Đức Christ, gắn liền với sự mặc khải tinh thần và nhu cầu của con người đối với Thượng đế cũng như của Thượng đế đối với con người. Chưa bao giờ Thượng đế tính lại để chính Nó không có chứng nhân vào bất kỳ lúc nào. Chưa bao giờ con người đòi hỏi ánh sáng mà ánh sáng lại không đến. Chưa bao giờ có một thời kỳ, chu kỳ hay giai đoạn thế giới nào mà giáo huấn và sự trợ giúp tinh thần do nhu cầu con người đòi hỏi lại không được ban ra. Chưa bao giờ trái tim và trí tuệ con người hướng về Thượng đế mà thiên tính lại không đến gần [148] con người hơn. Lịch sử nhân loại, trên thực tế, là lịch sử về sự đòi hỏi ánh sáng và tiếp xúc với Thượng đế của con người, rồi sau đó là sự ban phát ánh sáng và sự tiếp cận của Thượng đế với con người. Luôn luôn Đấng Cứu Thế, Đấng Hoá Thân hay Đức Chưởng Giáo xuất hiện từ nơi bí mật của Đấng Tối Cao và mang đến cho con người sự mặc khải mới, niềm hy vọng mới và một động lực mới hướng tới đời sống tinh thần viên mãn hơn.

Some of these Approaches have been of a major nature, affecting humanity as a whole and some of them are of less importance, affecting only a relatively small part of mankind—a nation or a group. Those Who come as the Revealers of the love of God come from that spiritual centre to which the Christ gave the name "the Kingdom of God" (Matt. VI.33). Here dwell the "spirits of just men made perfect" (Heb. XII.23); here the spiritual Guides of the race are to be found and here the spiritual Executives of God's

Một số Sự Tiếp Cận này có tính chất lớn lao, ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại, và một số khác ít quan trọng hơn, chỉ ảnh hưởng đến một phần tương đối nhỏ của loài người—một quốc gia hay một nhóm. Những Đấng đến như các Đấng Mặc Khải tình thương của Thượng đế đến từ trung tâm tinh thần mà Đức Christ đã gọi là "Thiên Giới" (Matt. VI.33). Ở đây cư ngụ "linh hồn của những người công chính đã được làm cho trọn lành" (Heb. XII.23); ở đây có thể tìm thấy các Đấng Hướng Dẫn tinh thần của nhân loại, và

plan live and work and oversee human and planetary affairs. It is called by many names by many people. It is spoken of as the Spiritual Hierarchy, as the Abode of Light, as the Centre where the Masters of the Wisdom are to be found, as the Great White Lodge. From it come those who act as Messengers of the Wisdom of God, Custodians of the truth as it is in Christ, and Those Whose task is to save the world, to impart the next revelation, and to demonstrate divinity. All the world Scriptures bear witness to the existence of this centre of spiritual energy. This spiritual Hierarchy has been steadily drawing nearer to humanity as men have become more conscious of divinity and more fitted for contact with the divine.

ở đây các Đấng Điều Hành tinh thần của Thiên Cơ của Thượng đế sống, làm việc và giám sát các công việc của nhân loại và hành tinh. Trung tâm này được nhiều người gọi bằng nhiều tên. Nó được nói đến như Thánh đoàn tinh thần, như Cõi Ánh Sáng, như Trung Tâm nơi các Chân sư Minh Triết hiện diện, như Thánh đoàn. Từ đó đi ra những Đấng hành động như các Sứ Giả của Minh Triết của Thượng đế, những Đấng Gìn Giữ chân lý như nó hiện hữu trong Đức Christ, và những Đấng có nhiệm vụ cứu thế giới, truyền đạt sự mặc khải kế tiếp, và biểu lộ thiên tính. Tất cả các kinh điển thế giới đều làm chứng cho sự hiện hữu của trung tâm năng lượng tinh thần này. Thánh đoàn tinh thần này đã đều đặn tiến gần hơn đến nhân loại khi con người trở nên ý thức hơn về thiên tính và thích hợp hơn cho sự tiếp xúc với thiêng liêng.

Another great Approach of divinity and another spiritual revelation are now possible. A new revelation is hovering over mankind and the One Who will bring it and implement it is drawing steadily nearer to us. What [149] this great approach will bring to mankind, we do not yet know. It will surely bring us as definite results as did all the earlier revelations and the missions of Those Who came in response to humanity's earlier demands. The World War has purified mankind. A new heaven and a new earth are on their way. What does the orthodox theologian and churchman mean when he uses the words "a new heaven"? May these words not signify something entirely new and a new conception as to the world of spiritual realities? May not the Coming One bring us a new revelation as to the very nature of God Himself? Do we yet know all that can be known about God? If so, God is very limited. May it not be possible that our present ideas of God, as the Universal Mind, as Love and as Will may be

Một Sự Tiếp Cận lớn lao khác của thiên tính và một sự mặc khải tinh thần khác hiện nay đang có thể xảy ra. Một sự mặc khải mới đang lơ lửng trên nhân loại, và Đấng sẽ mang nó đến và thực hiện nó đang đều đặn tiến gần chúng ta hơn. Điều [149] mà sự tiếp cận lớn lao này sẽ mang đến cho nhân loại, chúng ta chưa biết. Chắc chắn nó sẽ mang đến cho chúng ta những kết quả xác định như các sự mặc khải trước đây và các sứ mệnh của những Đấng đã đến để đáp ứng những đòi hỏi trước kia của nhân loại. Thế chiến đã thanh lọc nhân loại. Một trời mới và một đất mới đang trên đường đến. Nhà thần học chính thống và giáo sĩ muốn nói gì khi dùng những lời "một trời mới"? Chẳng lẽ những lời ấy không thể hàm ý một điều gì hoàn toàn mới và một quan niệm mới về thế giới của các thực tại tinh thần sao? Chẳng lẽ Đấng Đang Đến không thể mang đến cho chúng ta một sự mặc khải mới về chính bản chất của Thượng đế sao? Chúng ta đã biết hết mọi điều có thể biết về Thượng đế chưa? Nếu rồi, thì Thượng đế rất hữu hạn. Chẳng lẽ

enriched by some new idea or quality for which we have as yet no name or word, and of which we have no slightest understanding. Each of the three present concepts of divinity—of the Trinity—were entirely new when first sequentially presented to the mind or consciousness of man.

không thể nào những ý tưởng hiện nay của chúng ta về Thượng đế, như Vũ Trụ Trí, như Tình thương và như Ý Chí, lại được làm phong phú thêm bởi một ý tưởng hay phẩm tính mới nào đó mà hiện nay chúng ta chưa có tên hay từ để gọi, và về điều đó chúng ta chưa có chút hiểu biết nào sao. Mỗi một trong ba quan niệm hiện tại về thiên tính—về Tam Vị—đều hoàn toàn mới mẻ khi lần đầu tiên được trình bày tuần tự cho trí tuệ hay tâm thức con người.

For some years now the spiritual Hierarchy of our planet has been drawing nearer to humanity and its approach is responsible for the great concepts of freedom which are so close to the hearts of men everywhere. The dream of brotherhood, of fellowship, of world cooperation and of a peace, based on right human relations, is becoming clearer in our minds. We are also visioning a new and vital world religion, a universal faith which will have its roots in the past, but which will make clear the new dawning beauty and the coming vital revelation.

Trong một số năm nay, Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta đã tiến gần hơn đến nhân loại, và sự tiếp cận của nó chịu trách nhiệm cho những quan niệm lớn lao về tự do đang rất gần gũi với trái tim con người ở khắp nơi. Giấc mơ về tình huynh đệ, về tình bằng hữu, về sự hợp tác thế giới và về một nền hòa bình dựa trên những tương quan nhân loại đúng đắn đang trở nên rõ ràng hơn trong trí tuệ chúng ta. Chúng ta cũng đang hình dung một tôn giáo thế giới mới và sống động, một đức tin phổ quát sẽ có cội rễ trong quá khứ, nhưng sẽ làm sáng tỏ vẻ đẹp mới đang ló rạng và sự mặc khải sống động sắp đến.

Of one thing we can be sure, this approach will, in some way—deeply spiritual, yet wholly factual—prove the truth of the immanence of God. The churches have emphasised and exploited the extra-territoriality of Deity [150] and have posited the presence of a God Who is creating, sustaining and creatively active, but at the same time outside His Creation—an inscrutable onlooker. This type of transcendent Creator must be shown to be false and this doctrine must be countered by the manifestation of God in man, the hope of glory. It is this surely that the expected Approach will demonstrate; it will prove also the close relationship between God

Có một điều chúng ta có thể chắc chắn, đó là sự tiếp cận này, bằng một cách nào đó—sâu sắc về tinh thần nhưng hoàn toàn thực tế—sẽ chứng minh chân lý về tính nội tại của Thượng đế. Các giáo hội đã nhấn mạnh và khai thác tính siêu ngoại của Thượng đế [150] và đã đặt định sự hiện diện của một Thượng đế đang sáng tạo, duy trì và hoạt động sáng tạo, nhưng đồng thời lại ở bên ngoài Sáng Tạo của Ngài—một Đấng quan sát bất khả tri. Kiểu Đấng Sáng Tạo siêu việt này phải được chứng minh là sai lầm và giáo lý này phải được đối trị bằng sự biểu lộ của Thượng đế trong con người, niềm hy vọng của vinh quang. Chắc chắn chính điều này mà Sự Tiếp Cận được mong đợi sẽ chứng

Transcendent and that in "Him we live and move and have our being," because, "having pervaded this entire Universe with a fragment of Himself, He remains." God is immanent in the forms of all created things; the glory which shall be revealed is the expression of that innate divinity in all its attributes and aspects, its qualities and powers, through the medium of humanity.

minh; nó cũng sẽ chứng minh mối liên hệ mật thiết giữa Thượng đế Siêu Việt và điều rằng "trong Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu," bởi vì, "sau khi thấm nhuần toàn thể Vũ Trụ này bằng một mảnh của Chính Ngài, Ngài *vẫn còn đó*." Thượng đế nội tại trong các hình tướng của mọi vật được tạo thành; vinh quang sẽ được mặc khải là sự biểu lộ của thiên tính bẩm sinh ấy trong mọi thuộc tính và phương diện, mọi phẩm tính và quyền năng của nó, qua trung gian của nhân loại.

On the fact of God and of man's relation to the divine, on the fact of immortality and of the continuity of divine revelation, and upon the fact of the constant emergence of Messengers from the divine centre, the new world religion will be based. To these facts must be added man's assured, instinctive knowledge of the existence of the Path to God and of his ability to tread it, when the evolutionary process has brought him to the point of a fresh orientation to divinity and to the acceptance of the fact of God Transcendent and of God Immanent within every form of life.

Trên sự kiện về Thượng đế và về mối liên hệ của con người với thiêng liêng, trên sự kiện về tính bất tử và tính liên tục của sự mặc khải thiêng liêng, và trên sự kiện về sự xuất hiện không ngừng của các Sứ Giả từ trung tâm thiêng liêng, tôn giáo thế giới mới sẽ được xây dựng. Vào những sự kiện này phải được thêm vào tri thức chắc chắn, bản năng của con người về sự hiện hữu của Con Đường đến với Thượng đế và về khả năng bước đi trên đó của y, khi tiến trình tiến hoá đã đưa y đến điểm có một sự định hướng mới đối với thiên tính và đến sự chấp nhận sự kiện về Thượng đế Siêu Việt và Thượng đế Nội Tại trong mọi hình tướng sự sống.

These are the foundational truths upon which the world religion of the future will rest. Its keynote will be Divine Approach. "Draw near to Him and He will draw near to you" (James IV.8) is the great injunction, emanating in new and clear tones from Christ and the spiritual Hierarchy at this time.

Đó là những chân lý nền tảng mà tôn giáo thế giới tương lai sẽ dựa vào. Chủ âm của nó sẽ là *Sự Tiếp Cận Thiêng Liêng*. "Hãy đến gần Ngài và Ngài sẽ đến gần bạn" (James IV.8) là lời huấn thị lớn lao, đang phát ra bằng những âm điệu mới mẻ và rõ ràng từ Đức Christ và Thánh đoàn tinh thần vào lúc này.

The great theme of the new world religion will be the recognition of the many divine approaches and the continuity of revelation which each of them conveyed; the [151] task ahead of the spiritually minded people of the world today is to prepare humanity for the

Chủ đề lớn của tôn giáo thế giới mới sẽ là sự công nhận nhiều sự tiếp cận thiêng liêng và tính liên tục của sự mặc khải mà mỗi sự tiếp cận ấy đã chuyển tải; [151] nhiệm vụ trước mắt của những người có đầu óc tinh thần trên thế giới ngày nay là chuẩn bị nhân loại

imminent and (perhaps) the greatest of all the Approaches. The method employed will be the scientific and intelligent use of Invocation and Evocation and the recognition of their tremendous potency.

cho Sự Tiếp Cận sắp xảy ra và (có lẽ) lớn lao nhất trong tất cả các Sự Tiếp Cận. *Phương pháp* được sử dụng sẽ là việc dùng một cách khoa học và thông minh Khẩn Cầu và Gợi Lên, cùng với sự công nhận tiềm năng to lớn của chúng.

Man invokes divine Approach in various ways: by means of the inchoate, voiceless appeal or invocative cry of the masses and also by the planned, defined invocation of the spiritually oriented aspirants, the intelligently convinced worker, disciple and initiate—by all, in fact, who form the New Group of World Servers.

Con người khẩn cầu Sự Tiếp Cận thiêng liêng bằng nhiều cách khác nhau: bằng lời kêu gọi còn mơ hồ, không lời, hay tiếng kêu khẩn cầu của quần chúng, và cũng bằng sự khẩn cầu có kế hoạch, xác định của những người chí nguyện được định hướng tinh thần, của người hoạt động được thuyết phục bằng trí tuệ, của đệ tử và điểm đạo đồ—thực ra là của tất cả những ai tạo thành Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

The science of invocation and evocation will take the place of what we now call “prayer” and “worship.” Be not disturbed by the use of the word “science.” It is not the cold and heartless intellectual thing so oft depicted. It is in reality the intelligent organisation of spiritual energy and of the forces of love, and these, when effective, will evoke the response of spiritual Beings Who can again walk openly among men, and thus establish a close relation and a constant communication between humanity and the spiritual Hierarchy.

Khoa học về khẩn cầu và gợi lên sẽ thay thế điều mà hiện nay chúng ta gọi là “cầu nguyện” và “thờ phụng.” Đừng bối rối vì việc dùng từ “khoa học.” Nó không phải là điều lạnh lùng và vô cảm của trí tuệ như thường được mô tả. Thực ra, nó là sự tổ chức thông minh của năng lượng tinh thần và của các mãnh lực của tình thương, và những điều này, khi hữu hiệu, sẽ gợi lên sự đáp ứng của các Đấng tinh thần có thể lại công khai bước đi giữa loài người, và như thế thiết lập một mối liên hệ mật thiết và một sự giao tiếp thường xuyên giữa nhân loại và Thánh đoàn tinh thần.

In order to clarify, it might be said that Invocation is of three kinds: there is, as stated above, the massed demand, unconsciously voiced, and the crying appeal, wrung from the hearts of men in all times of crisis such as the present. This invocative cry rises ceaselessly from all men living in the midst of disaster; it is addressed to that power outside themselves which they feel can and should come to their help in their moment of extremity. This great and

Để làm sáng tỏ, có thể nói rằng Khẩn Cầu có ba loại: như đã nói ở trên, có sự đòi hỏi tập thể, được phát ra một cách vô thức, và lời kêu cứu bật ra từ trái tim con người trong mọi thời kỳ khủng hoảng như hiện nay. Tiếng kêu khẩn cầu này không ngừng dâng lên từ tất cả những ai đang sống giữa tai họa; nó được hướng đến quyền năng ở ngoài chính họ mà họ cảm thấy có thể và nên đến giúp họ trong lúc cùng cực. Sự khẩn cầu lớn lao và không lời này ngày nay đang dâng lên

wordless invocation is rising everywhere today. Then there is the invocational spirit, evidenced by sincere men as they participate in the rites of their religion and take advantage of the opportunity of united worship [152] and prayer to lay their demands for help before God. This group, added to the mass of men, creates a huge body of invocative applicants and at this time, their massed intent is in great evidence and their invocation is rising to the Most High. Then, lastly there are the trained disciples and aspirants of the world who use certain forms of words, certain carefully defined invocations and who—as they do this—focus the invocative cry and the invocative appeal of the other two groups, giving it right direction and power. All these three groups are, consciously or unconsciously, swinging into activity at this time and their united effort guarantees a resultant evocation.

ở khắp nơi. Kế đó là tinh thần khẩn cầu, được biểu lộ bởi những người chân thành khi họ tham dự các nghi lễ tôn giáo của mình và tận dụng cơ hội thờ phụng [152] và cầu nguyện chung để đặt những yêu cầu xin trợ giúp của họ trước Thượng đế. Nhóm này, cộng thêm vào quần chúng, tạo nên một khối lượng to lớn những người khẩn cầu, và vào lúc này, ý hướng tập thể của họ đang biểu lộ rất mạnh mẽ và sự khẩn cầu của họ đang dâng lên Đấng Tối Cao. Sau cùng là các đệ tử và người chí nguyện đã được huấn luyện của thế giới, những người sử dụng những hình thức ngôn từ nhất định, những lời khẩn cầu được xác định cẩn thận, và khi làm như vậy, họ tập trung tiếng kêu khẩn cầu và lời cầu xin khẩn cầu của hai nhóm kia, ban cho nó đúng hướng và quyền năng. Cả ba nhóm này, một cách hữu thức hay vô thức, đều đang chuyển vào hoạt động trong lúc này và nỗ lực hợp nhất của họ bảo đảm sự gợi lên đáp ứng như kết quả.

This new invocative work will be the keynote of the coming world religion and will fall into two parts. There will be the invocative work of the masses of the people, everywhere, trained by the spiritually minded people of the world (working in the churches whenever possible under an enlightened clergy) to accept the fact of the approaching spiritual energies, focussed through Christ and His spiritual Hierarchy, and trained also to voice their demand for light, liberation and understanding. There will also be the skilled work of invocation as practised by those who have trained their minds through right meditation, who know the potency of formulas, mantrams and invocations and who work consciously. They will increasingly use certain great formulas of words which will later be given to the race, just as the Lord's Prayer was given by the Christ, and as the New Invocation has

Công việc khẩn cầu mới này sẽ là chủ âm của tôn giáo thế giới sắp đến và sẽ chia thành hai phần. Sẽ có công việc khẩn cầu của quần chúng ở khắp nơi, được những người có đầu óc tinh thần trên thế giới huấn luyện (làm việc trong các giáo hội bất cứ khi nào có thể dưới sự hướng dẫn của hàng giáo sĩ được soi sáng) để chấp nhận sự kiện về các năng lượng tinh thần đang tiếp cận, được tập trung qua Đức Christ và Thánh đoàn tinh thần của Ngài, và cũng được huấn luyện để cất lên yêu cầu của họ về ánh sáng, giải thoát và thấu hiểu. Cũng sẽ có công việc khẩn cầu thành thạo như được thực hành bởi những người đã huấn luyện trí tuệ mình qua tham thiền đúng đắn, những người biết tiềm năng của các công thức, mantram và lời khẩn cầu, và làm việc một cách hữu thức. Họ sẽ ngày càng sử dụng một số công thức ngôn từ lớn lao mà về sau sẽ được ban cho nhân loại, cũng như Kinh Lạy Cha đã được Đức Christ

been given out for use at this time by the Hierarchy.

ban ra, và như Đại Khấn Nguyện đã được Thánh đoàn ban ra để sử dụng vào lúc này.

This new religious science for which prayer, meditation and ritual have prepared humanity, will train its people to present—at stated periods throughout the year—the voiced demand of the people of the world for relationship [153] with God and for a closer spiritual relation to each other. This work, when rightly carried forward, will evoke response from the waiting Hierarchy and from its Head, the Christ. Through this response, the belief of the masses will gradually be changed into the conviction of the knowers. In this way, the mass of men will be transformed and spiritualised, and the two great divine centres of energy or groups—the Hierarchy and Humanity itself—will begin to work in complete at-one-ment and unity. Then the Kingdom of God will indeed and in truth be functioning on earth.

Khoa học tôn giáo mới này, mà cầu nguyện, tham thiền và nghi lễ đã chuẩn bị cho nhân loại, sẽ huấn luyện con người của nó trình bày—vào những thời kỳ nhất định trong năm—yêu cầu được cất thành lời của dân chúng thế giới về mối liên hệ [153] với Thượng đế và về một mối liên hệ tinh thần gần gũi hơn với nhau. Công việc này, khi được tiến hành đúng đắn, sẽ gợi lên sự đáp ứng từ Thánh đoàn đang chờ đợi và từ Đấng Đứng Đầu của Thánh đoàn, Đức Christ. Qua sự đáp ứng này, niềm tin của quần chúng sẽ dần dần được chuyển thành sự xác tín của các thức giả. Theo cách đó, quần chúng sẽ được chuyển đổi và tinh thần hóa, và hai trung tâm năng lượng thiêng liêng lớn lao hay hai nhóm—Thánh đoàn và chính Nhân loại—sẽ bắt đầu làm việc trong sự hợp nhất và nhất thể hoàn toàn. Khi ấy Thiên Giới quả thật và thực sự sẽ hoạt động trên trần gian.

It will be apparent to you that it is only possible to indicate the broad general outlines of the new world religion. The expansion of the human consciousness which will take place as a result of the coming Great Approach will enable humanity to grasp not only its relation to the spiritual life of our planet, the "One in Whom we live and move and have our being," but will also give a glimpse of the relation of our planet to the circle of planetary lives, moving within the orbit of the Sun and the still greater circle of spiritual influences which contact our system as it pursues its orbit in the Heavens (the twelve constellations of the zodiac). Astronomical and astrological investigation has demonstrated this relationship and the influences exerted but there is still speculation and much foolish claiming and

Bạn sẽ thấy rõ rằng chỉ có thể phác họa những nét đại cương rộng lớn của tôn giáo thế giới mới. Sự mở rộng của tâm thức con người sẽ diễn ra như một kết quả của Sự Tiếp Cận Vĩ Đại sắp đến sẽ giúp nhân loại nắm bắt không chỉ mối liên hệ của mình với đời sống tinh thần của hành tinh chúng ta, "Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu," mà còn cho một thoáng thấy về mối liên hệ của hành tinh chúng ta với vòng tròn các sự sống hành tinh, đang chuyển động trong quỹ đạo của Mặt Trời, và với vòng tròn còn lớn hơn của các ảnh hưởng tinh thần tiếp xúc với thái dương hệ của chúng ta khi nó di chuyển theo quỹ đạo của mình trong các cõi Trời (mười hai chòm sao hoàng đạo). Nghiên cứu thiên văn và chiêm tinh đã chứng minh mối liên hệ này và các ảnh hưởng được tác động, nhưng vẫn còn sự suy đoán và nhiều lời khẳng định cùng diễn

interpretation. Yet the churches have ever recognized this and the Bible has testified to it. “The stars in their courses fought against Sisera” (Judges V.20). “Who can withstand the sweet influences of the Pleiades?” (Job XXXVIII.31). Many other passages bear out this contention of the Knowers. Many church festivals are fixed by reference to the moon or a zodiacal constellation. Investigation will prove this to be the case and when the ritual of the new world religion is universally [154] established, this will be one of the important factors considered.

giải ngu xuẩn. Tuy nhiên, các giáo hội từ lâu vẫn đã công nhận điều này và Kinh Thánh đã làm chứng cho nó. “Các ngôi sao trong đường đi của chúng đã chiến đấu chống Sisera” (Judges V.20). “Ai có thể chống lại những ảnh hưởng dịu ngọt của chòm Pleiades?” (Job XXXVIII.31). Nhiều đoạn khác cũng xác nhận lập luận này của các thức giả. Nhiều lễ hội của giáo hội được ấn định theo Mặt Trăng hay một chòm sao hoàng đạo. Sự khảo cứu sẽ chứng minh điều này là đúng, và khi nghi lễ của tôn giáo thế giới mới được thiết lập [154] một cách phổ quát, đây sẽ là một trong những yếu tố quan trọng được xét đến.

The establishing of certain major festivals in relation to the Moon and in a lesser degree to the zodiac will bring about a strengthening of the spirit of invocation and the resultant inflow of evoked influences. The truth lying behind all invocation is based upon the power of thought, particularly in its telepathic nature, rapport and aspect. The unified, invocative thought of the masses and the focussed, directed thought of the New Group of World Servers constitute an outgoing stream of energy. This will reach telepathically those spiritual Beings Who are sensitive and responsive to such impacts. Their evoked response, sent out as spiritual energy, will in turn reach humanity after having been stepped down into thought energy and in that form will make its due impact upon the minds of men, convincing them and carrying inspiration and revelation. Thus has it ever been in the history of the spiritual unfoldment of the world and the procedure followed in writing the world Scriptures.

Việc thiết lập một số lễ hội chính yếu liên hệ với Mặt Trăng và ở mức độ thấp hơn với hoàng đạo sẽ mang lại sự tăng cường tinh thần khẩn cầu và dòng tuôn vào của các ảnh hưởng được gợi lên như kết quả. Chân lý nằm sau mọi sự khẩn cầu được đặt nền trên quyền năng của tư tưởng, đặc biệt trong bản chất, sự tương giao và phương diện viễn cảm của nó. Tư tưởng khẩn cầu hợp nhất của quần chúng và tư tưởng tập trung, có định hướng của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian tạo thành *một dòng năng lượng tuôn ra*. Dòng này sẽ tiếp cận bằng viễn cảm những Đấng tinh thần nhạy cảm và đáp ứng với những tác động như thế. Sự đáp ứng được gợi lên của Các Ngài, *được gửi ra như năng lượng tinh thần*, đến lượt nó sẽ đến với nhân loại sau khi đã được hạ xuống thành năng lượng tư tưởng, và dưới hình thức đó sẽ tạo tác động thích đáng lên trí tuệ con người, thuyết phục họ và mang đến cảm hứng cùng sự mặc khải. Trong lịch sử sự khai mở tinh thần của thế giới luôn luôn là như vậy, và đó là tiến trình đã được theo trong việc viết nên các kinh điển thế giới.

Secondly, the establishing of a certain uniformity in the world religious rituals will

Thứ hai, việc thiết lập một mức độ đồng nhất nào đó trong các nghi lễ tôn giáo thế

aid men everywhere to strengthen each other's work and enhance powerfully the thought currents directed to the waiting spiritual Lives. At present, the Christian religion has its great festivals, the Buddhist keeps his different set spiritual events, and the Hindu has still another list of holy days. In the future world, when organised, all men of spiritual inclination and intention everywhere will keep the same holy days. This will bring about a pooling of spiritual resources, and a united spiritual effort, plus a simultaneous spiritual invocation. The potency of this will be apparent.

giới sẽ giúp con người ở khắp nơi tăng cường công việc của nhau và làm mạnh lên một cách đầy quyền năng các dòng tư tưởng hướng đến các Sự Sống tinh thần đang chờ đợi. Hiện nay, tôn giáo Cơ Đốc có các lễ hội lớn của mình, Phật giáo giữ một hệ thống biến cố tinh thần khác, và Ấn giáo lại có một danh sách ngày thánh khác nữa. Trong thế giới tương lai, khi đã được tổ chức, tất cả những người có khuynh hướng và ý hướng tinh thần ở khắp nơi sẽ giữ cùng những ngày thánh như nhau. Điều này sẽ mang lại sự gom chung các nguồn lực tinh thần, một nỗ lực tinh thần hợp nhất, cộng với một sự khẩn cầu tinh thần đồng thời. Tiềm năng của điều này sẽ hiển nhiên.

Let me indicate the possibilities of such spiritual events, and attempt to prophesy the nature of the coming worldwide [155] Festivals. There will be three such major Festivals each year, concentrated in three consecutive months and leading, therefore, to a prolonged annual spiritual effort which will affect the remainder of the year. These will be:

Hãy để tôi chỉ ra những khả năng của các biến cố tinh thần như thế, và thử tiên đoán bản chất của các Lễ Hội [155] toàn cầu sắp đến. Mỗi năm sẽ có ba Lễ Hội chính yếu như vậy, tập trung trong ba tháng liên tiếp và do đó dẫn đến một nỗ lực tinh thần hằng năm kéo dài, sẽ ảnh hưởng đến phần còn lại của năm. Đó sẽ là:

1. The Festival of Easter. This is the Festival of the risen, living Christ, the Teacher of all men and the Head of the Spiritual Hierarchy. He is the Expression of the love of God. On this day the spiritual Hierarchy, which He guides and directs, will be recognised and the nature of God's love will be emphasised. This Festival is determined always by the date of the first Full Moon of spring and is the great Western and Christian Festival.

1. *Lễ Hội Phục Sinh.* Đây là Lễ Hội của Đức Christ phục sinh và hằng sống, Huấn sư của mọi người và là Đấng Đứng Đầu của Thánh đoàn tinh thần. Ngài là Biểu Hiện của tình thương của Thượng đế. Vào ngày này, Thánh đoàn tinh thần mà Ngài hướng dẫn và chỉ đạo sẽ được công nhận, và bản chất của tình thương của Thượng đế sẽ được nhấn mạnh. Lễ Hội này luôn luôn được xác định theo ngày của kỳ Trăng Tròn đầu tiên của mùa xuân và là Lễ Hội lớn của phương Tây và của Cơ Đốc giáo.

2. The Festival of Wesak. This is the Festival of the Buddha, the spiritual Intermediary between the highest spiritual centre, Shamballa, and the Hierarchy. The Buddha is

2. *Lễ Hội Wesak.* Đây là Lễ Hội của Đức Phật, Đấng Trung Gian tinh thần giữa trung tâm tinh thần cao nhất, Shamballa, và Thánh đoàn. Đức Phật là biểu hiện của minh triết

the expression of the wisdom of God, the Embodiment of Light and the Indicator of the divine purpose. This will be fixed annually in relation to the Full Moon of May, as is at present the case. It is the great Eastern Festival.

của Thượng đế, là Hiện Thân của Ánh Sáng và là Đấng Chỉ Báo Thiên Ý. Lễ Hội này sẽ được ấn định hằng năm theo kỳ Trăng Tròn tháng Năm, như hiện nay vẫn vậy. Đây là Lễ Hội lớn của phương Đông.

3. The Festival of Goodwill. This will be the Festival of the spirit of humanity—aspiring towards God, seeking conformity with the will of God and dedicated to the expression of right human relation. This will be fixed annually in relation to the Full Moon of June. It will be a day whereon the spiritual and divine nature of mankind will be recognised. On this Festival for two thousand years the Christ has represented humanity and has [156] stood before the Hierarchy and in the sight of Shamballa as the God-Man, the leader of His people and "the Eldest in a great family of brothers" (Romans VIII.29). Each year at that time He has preached the last sermon of the Buddha, before the assembled Hierarchy. This will, therefore, be a festival of deep invocation and appeal, of a basic aspiration towards fellowship, of human and spiritual unity, and will represent the effect in the human consciousness of the work of the Buddha and of the Christ.

3. *Lễ Hội Thiện Chí*. Đây sẽ là Lễ Hội của tinh thần nhân loại—khát vọng hướng về Thượng đế, tìm cách phù hợp với Ý Chí của Thượng Đế và hiến mình cho sự biểu lộ những tương quan nhân loại đúng đắn. Lễ Hội này sẽ được ấn định hằng năm theo Trăng Tròn tháng Sáu. Đây sẽ là ngày mà bản chất tinh thần và thiêng liêng của nhân loại sẽ được nhìn nhận. Trong Lễ Hội này suốt hai ngàn năm, Đức Christ đã đại diện cho nhân loại và đã [156] đứng trước Thánh Đoàn và trước mắt Shamballa như Thượng Đế-Người, vị lãnh đạo dân của Ngài và "Người Anh Cả trong một đại gia đình huynh đệ" (La Mã VIII.29). Mỗi năm vào thời điểm đó, Ngài đã thuyết bài pháp cuối cùng của Đức Phật trước Thánh Đoàn tề tựu. Vì vậy, đây sẽ là một lễ hội của sự khẩn cầu và thỉnh nguyện sâu xa, của một khát vọng căn bản hướng tới tình huynh đệ, của sự hợp nhất nhân loại và tinh thần, và sẽ biểu thị hiệu quả trong tâm thức nhân loại của công việc của Đức Phật và của Đức Christ.

These three Festivals are already being kept throughout the world, though they are not as yet related to each other and are a part of the unified spiritual Approach of humanity. The time is coming when all three Festivals will be kept throughout the world and by their means a great spiritual unity will be achieved and the effects of the Great Approach, so close to us at this time, will be stabilised by the united invocation of humanity throughout the planet.

Ba Lễ Hội này đã được cử hành trên khắp thế giới, dù chúng chưa liên hệ với nhau, chúng vẫn là một phần của sự Tiếp Cận tinh thần hợp nhất của nhân loại. Thời điểm đang đến khi cả ba Lễ Hội sẽ được cử hành trên khắp thế giới và nhờ đó một sự hợp nhất tinh thần vĩ đại sẽ được thành tựu, và các hiệu quả của Sự Tiếp Cận Vĩ Đại, hiện đang rất gần chúng ta vào lúc này, sẽ được ổn định nhờ sự khẩn cầu hợp nhất của nhân loại trên khắp hành tinh.

The remaining full moons will constitute lesser festivals but will be recognised to be also of vital importance. They will establish the divine attributes in the consciousness of man, just as the major festivals establish the three divine aspects. These aspects and qualities will be arrived at and determined by a close study of the nature of a particular constellation or constellations influencing those months. For instance, Capricorn will call attention to the first initiation, the birth of the Christ in the cave of the heart, and indicate the training needed to bring about that great spiritual event in the life of the individual man. I give this one instance to you in order to indicate the possibilities for spiritual unfoldment that [157] could be given through an understanding of these influences and in order to revivify the ancient faiths by expanding them into their larger undying relationships.

Những kỳ trăng tròn còn lại sẽ tạo thành các lễ hội nhỏ hơn nhưng cũng sẽ được nhìn nhận là có tầm quan trọng thiết yếu. Chúng sẽ thiết lập các thuộc tính thiêng liêng trong tâm thức con người, cũng như các lễ hội lớn thiết lập ba phương diện thiêng liêng. Những phương diện và phẩm tính này sẽ đạt tới và được xác định nhờ sự nghiên cứu kỹ lưỡng bản chất của một chòm sao hay các chòm sao đặc biệt ảnh hưởng đến những tháng đó. Chẳng hạn, Ma Kết sẽ hướng sự chú ý đến lần điểm đạo thứ nhất, sự giáng sinh của Đức Christ trong hang động của tim, và chỉ ra sự huấn luyện cần thiết để đem lại biến cố tinh thần lớn lao ấy trong đời sống của con người cá nhân. Tôi đưa ra ví dụ này cho bạn để chỉ ra những khả năng khai mở tinh thần mà [157] có thể được trao ban qua sự thấu hiểu các ảnh hưởng này và để làm sống lại các tín ngưỡng cổ xưa bằng cách mở rộng chúng vào những tương quan lớn lao bất diệt của chúng.

Thus, the twelve annual festivals will constitute a revelation of divinity. They will present a means of bringing about relationship, first of all, during three months with the three great spiritual Centres, the three expressions of the divine Trinity. The minor festivals will emphasise the inter-relation of the Whole, thus lifting the divine presentation out of the individual and the personal, into that of the universal divine Purpose; the relationship of the Whole to the part and of the part to that Whole will be thereby fully expressed.

Như vậy, mười hai lễ hội hằng năm sẽ tạo thành một sự mặc khải về thiên tính. Chúng sẽ trình bày một phương tiện để tạo ra tương quan, trước hết, trong ba tháng với ba Trung Tâm tinh thần vĩ đại, ba biểu hiện của Tam Vị thiêng liêng. Các lễ hội nhỏ sẽ nhấn mạnh sự tương liên của Toàn Thể, nhờ đó nâng sự trình bày thiêng liêng ra khỏi cái cá nhân và riêng tư, vào trong Thiên Ý phổ quát; tương quan của Toàn Thể với bộ phận và của bộ phận với Toàn Thể ấy nhờ đó sẽ được biểu lộ đầy đủ.

Humanity will, therefore, invoke the spiritual power of the Kingdom of God, the Hierarchy; the Hierarchy will respond, and God's plans will then be worked out on earth. The Hierarchy, on a higher turn of the spiral will invoke the "Centre where the Will of God is known," thus invoking the Purpose

Vì vậy, nhân loại sẽ khẩn cầu mãnh lực tinh thần của Thiên Giới, Thánh Đoàn; Thánh Đoàn sẽ đáp ứng, và các kế hoạch của Thượng đế khi đó sẽ được thực hiện trên Trái Đất. Thánh Đoàn, trên một vòng xoắn cao hơn, sẽ khẩn cầu "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế," nhờ đó khẩn cầu Thiên Ý

of God. Thus will the Will of God be implemented by Love and manifested intelligently; for this mankind is ready, and for this the Earth waits.

của Thượng đế. Như vậy Ý Chí của Thượng Đế sẽ được thực thi bằng Tình thương và được biểu lộ một cách thông minh; nhân loại đã sẵn sàng cho điều này, và Trái Đất đang chờ đợi điều này.

To sum up therefore: on the basis of the fundamental truth already recognised the new world religion will be built.

Vì vậy, để tóm lại: trên cơ sở chân lý căn bản đã được nhìn nhận, tôn giáo thế giới mới sẽ được xây dựng.

The definition of religion which will in the future prove of greater accuracy than any yet formulated by the theologians might be expressed as follows:

Định nghĩa về tôn giáo mà trong tương lai sẽ chứng tỏ chính xác hơn bất kỳ định nghĩa nào mà các nhà thần học từng nêu ra có thể được diễn đạt như sau:

Religion is the name given to the invocative appeal of humanity and the evocative response of the greater Life to that cry.

Tôn giáo là tên gọi dành cho lời kêu cầu khẩn nguyện của nhân loại và sự đáp ứng được gợi lên từ Sự sống lớn lao hơn đối với tiếng kêu ấy.

It is, in fact, the recognition by the part of its relationship [158] to the Whole, plus a constantly growing demand for increased awareness of that relation; it draws forth the recognition of the Whole that the demand has been made. It is the impact of the vibration of humanity—oriented specifically to the Great Life of which it feels itself a part—upon that Life and the responsive impact of that "All-surrounding Love" upon the lesser vibration. It is only now that the impact of the human vibration can dimly be sensed in Shamballa; hitherto its most potent activity has only reached the Hierarchy. Religion, the science of invocation and evocation as far as humanity is concerned, is the approach (in the coming New Age) of a mentally polarised humanity. In the past, religion has had an entirely emotional appeal. It concerned the relation of the individual to the world of reality, of the seeking aspirant to the sought-for divinity. Its technique was the process of fitting oneself for the revelation of that

Thực ra, đó là sự nhìn nhận của bộ phận về tương quan [158] của nó với Toàn Thể, cộng với một đòi hỏi không ngừng tăng trưởng về sự nhận biết sâu hơn đối với tương quan ấy; nó rút ra sự nhìn nhận của Toàn Thể rằng đòi hỏi đó đã được đưa ra. Đó là sự tác động của rung động của nhân loại—được định hướng đặc biệt tới Sự Sống Vĩ Đại mà nhân loại cảm thấy mình là một phần—lên Sự Sống ấy và sự tác động đáp ứng của "Tình Thương Bao Trùm Tất Cả" ấy lên rung động nhỏ hơn. Chỉ đến nay sự tác động của rung động nhân loại mới có thể được cảm nhận mơ hồ tại Shamballa; cho đến nay hoạt động mãnh liệt nhất của nó chỉ mới vươn tới Thánh Đoàn. Tôn giáo, khoa học về Khẩn Cầu và Gợi Lên xét theo phương diện nhân loại, là sự tiếp cận (trong Kỷ Nguyên Mới đang đến) của một nhân loại phân cực trí tuệ. Trong quá khứ, tôn giáo đã có một sức kêu gọi hoàn toàn cảm xúc. Nó liên quan đến tương quan của cá nhân với thế giới thực tại, của người chí nguyện đang tìm kiếm với thiên tính được tìm cầu. Kỹ thuật của nó là

divinity, of achieving a perfection which would warrant that revelation, and of developing a sensitivity and a loving response to the ideal Man, summarised, for present day humanity, in the Christ. Christ came to end the cycle of this emotional approach which had existed since Atlantean days; He demonstrated in Himself the visioned perfection and then presented to humanity an example—in full manifestation—of every possibility latent in man up to that time. The achieving of the perfection of the Christ-consciousness became the emphasised goal of humanity.

tiến trình tự làm cho mình thích hợp với sự mặc khải của thiên tính ấy, đạt tới một sự hoàn thiện có thể bảo đảm cho sự mặc khải đó, và phát triển một sự nhạy cảm cùng một đáp ứng đầy bác ái đối với Con Người lý tưởng, được tóm kết, đối với nhân loại ngày nay, trong Đức Christ. Đức Christ đã đến để chấm dứt chu kỳ của lối tiếp cận cảm xúc này vốn đã tồn tại từ thời Atlantis; trong chính Ngài, Ngài đã chứng minh sự hoàn thiện được linh thị và rồi trình bày cho nhân loại một tấm gương—trong sự biểu lộ trọn vẹn—về mọi khả năng tiềm tàng trong con người *cho đến thời điểm đó*. Việc đạt được sự hoàn thiện của tâm thức Christ đã trở thành mục tiêu được nhấn mạnh của nhân loại.

Today, slowly, the concept of a world religion and the need for its emergence are widely desired and worked for. The fusion of faiths is now a field for discussion. Workers in the field of religion will formulate the universal platform of the new world religion. It is a work of loving synthesis and will emphasise the unity and the fellowship of the spirit. This group is, in a pronounced sense, a [159] channel for the activities of the Christ, the world Teacher. The platform of the new world religion will be built by many groups, working under the inspiration of the Christ.

Ngày nay, chậm rãi, khái niệm về một tôn giáo thế giới và nhu cầu cho sự xuất hiện của nó đang được mong muốn rộng rãi và được nỗ lực thực hiện. Sự dung hợp các tín ngưỡng hiện là một lĩnh vực thảo luận. Những người hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo sẽ hình thành nền tảng phổ quát của tôn giáo thế giới mới. Đây là một công việc của sự tổng hợp đầy bác ái và sẽ nhấn mạnh sự hợp nhất và tình huynh đệ của tinh thần. Nhóm này, theo một ý nghĩa rõ rệt, là một [159] kênh cho các hoạt động của Đức Christ, Đức Chưởng Giáo. Nền tảng của tôn giáo thế giới mới sẽ được xây dựng bởi nhiều nhóm, hoạt động dưới cảm hứng của Đức Christ.

Churchmen need to remember that the human spirit is greater than all the churches and greater than their teaching. In the long run, that human spirit will defeat them and proceed triumphantly into the Kingdom of God, leaving them far behind unless they enter as a humble part of the mass of men. Nothing under heaven can arrest the progress of the human soul on its long pilgrimage from darkness to light, from the unreal to the real, from death to immortality

Những người trong giáo hội cần nhớ rằng tinh thần con người lớn lao hơn mọi giáo hội và lớn lao hơn giáo huấn của họ. Rốt cuộc, tinh thần con người ấy sẽ vượt thắng họ và tiến bước khải hoàn vào Thiên Giới, bỏ họ lại rất xa phía sau trừ phi họ bước vào như một phần khiêm nhường của quần chúng nhân loại. Không gì dưới bầu trời có thể ngăn chặn sự tiến bộ của linh hồn con người trên cuộc hành hương dài của nó từ bóng tối đến ánh sáng, từ cái không thực đến cái thực, từ cái

and from ignorance to wisdom. If the great organised religious groups of churches in every land, and composing all faiths do not offer spiritual guidance and help, humanity will find another way. Nothing can keep the spirit of man from God.

chết đến sự bất tử và từ vô minh đến minh triết. Nếu các nhóm tôn giáo có tổ chức lớn của các giáo hội ở mọi quốc gia, bao gồm mọi tín ngưỡng, không cống hiến sự hướng dẫn và trợ giúp *tinh thần*, nhân loại sẽ tìm ra một con đường khác. Không gì có thể giữ tinh thần con người xa khỏi Thượng đế.

The churches in the West need also to realise that basically there is only one Church, but it is not necessarily only the orthodox Christian institution. God works in many ways, through many faiths and religious agencies; this is one reason for the elimination of non-essential doctrines. By the emphasising of the essential doctrines and in their union will the fullness of truth be revealed. This, the new world religion will do and its implementation will proceed apace, after the reappearance of the Christ.

Các giáo hội ở phương Tây cũng cần nhận ra rằng về căn bản chỉ có một Giáo Hội duy nhất, nhưng không nhất thiết chỉ là định chế Cơ Đốc giáo chính thống. Thượng đế hoạt động theo nhiều cách, qua nhiều tín ngưỡng và cơ quan tôn giáo; đây là một lý do cho việc loại bỏ các giáo điều không thiết yếu. Chính bằng cách nhấn mạnh các giáo lý cốt yếu và trong sự hợp nhất của chúng mà sự viên mãn của chân lý sẽ được mặc khải. Tôn giáo thế giới mới sẽ làm điều này và việc thực hiện nó sẽ tiến triển nhanh chóng sau sự tái lâm của Đức Christ.

CHAPTER SEVEN - PREPARATION FOR THE REAPPEARANCE OF THE CHRIST — CHƯƠNG BẢY - CHUẨN BỊ CHO SỰ TÁI LÂM CỦA ĐỨC CHRIST

The Needed Preparation

Sự Chuẩn Bị Cần Thiết

The Work of the New Group of World Servers

Công Việc của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian

[160]

[160]

If the general premise and theme of all that has been here written is accepted, the question necessarily arises: What should be done to hasten this reappearance of the Christ? and also: Is there anything that the individual can do, in the place where he is and with the equipment, opportunities and assets of which he stands possessed? The opportunity is so great and the need for definite and explicit spiritual help is so demanding that—whether we like it or not—we are faced with a challenge. We are confronted with the choice of acceptance and consequent responsibility, or with rejection of the idea and the consequent realisation that we are not concerned. What we decide, however, in this time and period, will definitely affect the remainder of our life activity, for we shall either throw what weight or aid we can on the side of the invocation of the Christ and in preparation for His return, or we shall join the ranks of those who regard the whole proposition as an appeal to the gullible and the credulous, and possibly work to prevent men being deceived and taken in by what we have decided is a fraud. Herein lies our challenge. It will take all that we have of a sense of values and all that we can give to a specialised intuitive research to meet it. We may then realise that this promised

Nếu tiền đề và chủ đề tổng quát của tất cả những gì đã được viết ở đây được chấp nhận, thì tất yếu nảy sinh câu hỏi: Cần phải làm gì để thúc đẩy sự tái lâm này của Đức Christ? và thêm nữa: Có điều gì mà cá nhân có thể làm, tại nơi y đang ở và với các phương tiện, cơ hội và tài sản mà y đang có không? Cơ hội lớn lao đến mức và nhu cầu về sự trợ giúp tinh thần rõ rệt và minh xác lại cấp bách đến mức—dù chúng ta thích hay không—chúng ta đang đối diện với một thách thức. Chúng ta đang đứng trước sự lựa chọn giữa chấp nhận và trách nhiệm kéo theo, hoặc bác bỏ ý tưởng ấy và sự nhận ra kéo theo rằng chúng ta không liên quan. Tuy nhiên, điều chúng ta quyết định trong thời gian và giai đoạn này chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến phần còn lại của hoạt động đời sống của chúng ta, vì hoặc chúng ta sẽ đặt bất cứ sức nặng hay sự trợ giúp nào có thể của mình về phía sự khẩn cầu Đức Christ và sự chuẩn bị cho sự trở lại của Ngài, hoặc chúng ta sẽ gia nhập hàng ngũ những người xem toàn bộ đề nghị này như một lời kêu gọi đối với những kẻ nhẹ dạ và cả tin, và có thể còn hoạt động để ngăn con người bị lừa dối và mắc bẫy bởi điều mà chúng ta đã quyết định là một sự giả trá. Chính trong đó có thách thức của chúng ta. Để đáp ứng nó sẽ cần đến toàn bộ ý thức về giá trị mà chúng ta có và tất cả những gì chúng ta có thể cống hiến cho một sự nghiên

reappearance is in line with general religious [161] belief and the major hope left in the minds of men which can bring true relief to suffering humanity.

cứu trực giác chuyên biệt. Khi đó, chúng ta có thể nhận ra rằng sự tái lâm đã được hứa hẹn này phù hợp với niềm tin tôn giáo phổ quát [161] và với niềm hy vọng lớn lao còn lại trong tâm trí con người, điều có thể đem lại sự giải thoát chân thực cho nhân loại đang đau khổ.

To those who accept the possibility of His reappearance and who are willing to admit that history can again repeat itself, there are three questions which can be asked—the answers to which are strictly individual. These are:

Đối với những ai chấp nhận khả năng tái lâm của Ngài và sẵn lòng thừa nhận rằng lịch sử có thể một lần nữa lặp lại, có ba câu hỏi có thể được nêu ra—mà câu trả lời hoàn toàn mang tính cá nhân. Đó là:

1. How can I personally meet this challenge?

1. Cá nhân tôi có thể đáp ứng thách thức này như thế nào?

2. What can I specifically do?

2. Cụ thể tôi có thể *làm* gì?

3. What are the steps which I should take and where are those who will take them with me?

3. Những bước mà tôi nên thực hiện là gì và những ai sẽ cùng tôi thực hiện chúng ở đâu?

What is written here and in the following pages is essentially for those who accept the fact of Christ, recognise the continuity of revelation and are willing to admit the possibility of His return.

Điều được viết ở đây và trong những trang tiếp theo chủ yếu dành cho những ai chấp nhận sự kiện về Đức Christ, nhìn nhận tính liên tục của sự mặc khải và sẵn lòng thừa nhận khả năng Ngài trở lại.

The complexities and the difficulties of this post-war period are very great. The closer a man may be to the source of spiritual light and power, the more difficult is his problem, for human affairs at this time seem so far away from this divine possibility. He will need all that he has of patience, understanding and goodwill. At the same time, the clearer will be his recognition of the facts. There are inner and outer problems which must be solved; there are inner and outer possibilities which can be made factual. As the spiritually-minded

Những phức tạp và khó khăn của thời kỳ hậu chiến này là rất lớn. Con người càng gần nguồn ánh sáng và quyền năng tinh thần bao nhiêu thì vấn đề của y càng khó khăn bấy nhiêu, vì các công việc của nhân loại vào lúc này dường như quá xa vời khả năng thiêng liêng này. Y sẽ cần tất cả sự kiên nhẫn, thấu hiểu và thiện chí mà y có. Đồng thời, sự nhìn nhận của y về các sự kiện sẽ càng rõ ràng hơn. Có những vấn đề bên trong và bên ngoài phải được giải quyết; có những khả năng bên trong và bên ngoài có thể trở thành hiện thực. Khi người có khuynh

man faces both these inner and outer possibilities and events, it is easy to register a sense of complete frustration; he longs to help but knows not what to do; his grasp of the menacing difficulties, his analysis of his resources and of those with whom he will have to work, and his clarity of perception as to the forces [162] ranged against him (and on a much larger scale against the Christ) will make him inclined to ask: "What is the use of any effort which I can make? Why not let the forces of good and evil fight it out alone? Why not permit the pressure of the evolutionary current—eventually and at long last—to bring cessation to the world fight and usher in the triumph of the good? Why attempt anything now?

hướng tinh thần đối diện với cả những khả năng và biến cố bên trong lẫn bên ngoài ấy, rất dễ ghi nhận một cảm giác hoàn toàn thất vọng; y khao khát giúp đỡ nhưng không biết phải làm gì; sự nắm bắt của y về những khó khăn đe dọa, sự phân tích của y về các nguồn lực của mình và của những người mà y sẽ phải cùng làm việc, và sự sáng rõ trong nhận thức của y về các mãnh lực [162] được bố trí chống lại y (và trên một quy mô lớn hơn nhiều là chống lại Đức Christ) sẽ khiến y có khuynh hướng hỏi: "Bất kỳ nỗ lực nào mà tôi có thể thực hiện thì có ích gì? Tại sao không để các mãnh lực thiện và ác tự chiến đấu với nhau? Tại sao không để áp lực của dòng tiến hoá—cuối cùng và sau một thời gian dài—mang lại sự chấm dứt cho cuộc chiến của thế giới và mở ra chiến thắng của điều thiện? Tại sao phải cố gắng bất cứ điều gì *ngay bây giờ*?"

These are natural and wholesome reactions. The poverty and starvation of the millions in Europe and elsewhere, the fear of Russia (warranted or unwarranted), the greed of the capitalistic forces of the world, the selfishness of labour, the aggressiveness of the Zionists, claiming as their own a land which has not been theirs for more than fifteen hundred years, the plight of the Jews in Europe, the desperation of the little man in every country who sees no security or hope anywhere, the work of the churches as they endeavour to restore the old order and rule which (over the centuries) has saved the world from little, and the lack of any clear voice or leadership in any country—all these things make the average man feel the futility of all effort. The problem seems too big, too terrible, and he himself seems too small and helpless.

Đó là những phản ứng tự nhiên và lành mạnh. Sự nghèo đói và nạn đói của hàng triệu người ở châu Âu và nơi khác, nỗi sợ Nga Sô (có căn cứ hay không), lòng tham của các thế lực tư bản trên thế giới, tính ích kỷ của lao động, tính hiếu chiến của những người Zionist, đòi làm của riêng một vùng đất vốn đã không thuộc về họ hơn một ngàn năm trăm năm, hoàn cảnh khốn cùng của người Do Thái ở châu Âu, sự tuyệt vọng của người dân nhỏ bé ở mọi quốc gia, kẻ không thấy sự an toàn hay hy vọng ở đâu cả, công việc của các giáo hội khi họ cố gắng khôi phục trật tự và quyền cai quản cũ vốn (qua nhiều thế kỷ) cứu thế giới được rất ít, và sự thiếu vắng bất kỳ tiếng nói hay sự lãnh đạo rõ ràng nào ở bất kỳ quốc gia nào—tất cả những điều này khiến con người trung bình cảm thấy mọi nỗ lực đều vô ích. Vấn đề dường như quá lớn, quá khủng khiếp, còn chính y thì dường như quá nhỏ bé và bất lực.

Nevertheless, the mass of straight goodness and vision in the world is enormous and the

Tuy nhiên, khối lượng to lớn của thiện lành chân chính và tầm nhìn trong thế giới là vô

amount of clear, humanitarian thinking is unbounded; it is in the hands of the masses of good little men and the millions of right thinking people in every land that the salvation of the world lies and by them the preparatory work for the Coming of the Christ will be done. Numerically, they are adequate to the task and need only re-assurance and wise coordination to prepare them for the service required, [163] before the reappearance of the Christ becomes possible. The problems confronting us should be faced with courage, with truth and understanding; as well as with the willingness to speak factually, with simplicity and with love in the effort to expose the truth and clarify the problems which must be solved. The opposing forces of entrenched evil must be routed before He for Whom all men wait, the Christ, can come.

cùng lớn, và mức độ tư duy nhân đạo sáng suốt là vô hạn; sự cứu rỗi của thế giới nằm trong tay quần chúng của những người dân bình thường tốt lành và hàng triệu người suy nghĩ đúng đắn ở mọi quốc gia, và chính bởi họ mà công việc chuẩn bị cho Sự Quang Lâm của Đức Christ sẽ được thực hiện. Về số lượng, họ đủ cho nhiệm vụ và chỉ cần được trấn an và phối hợp một cách khôn ngoan để chuẩn bị cho họ phụng sự theo yêu cầu, [163] trước khi sự tái lâm của Đức Christ có thể trở thành khả hữu. Những vấn đề đối diện chúng ta cần phải được đối mặt *với lòng can đảm*, với chân lý và sự thấu hiểu; cũng như với sự sẵn lòng nói ra sự thật một cách thực tế, đơn giản và với tình thương trong nỗ lực phơi bày chân lý và làm sáng tỏ những vấn đề phải được giải quyết. Các mãnh lực đối kháng của cái ác cố thủ phải bị đánh bại trước khi Đấng mà mọi người đang chờ đợi, Đức Christ, có thể đến.

The knowledge that He is ready and anxious publicly to appear to His loved Humanity only adds to the sense of general frustration, and another very vital question arises: For what period of time must we endure, struggle and fight? The reply comes with clarity: He will come unfailingly when a measure of peace has been restored, when the principle of sharing is at least in process of controlling economic affairs, and when churches and political groups have begun to clean house. Then He can and will come; then the Kingdom of God will be publicly recognised and will no longer be a thing of dreams and of wishful thinking and orthodox hope.

Sự hiểu biết rằng Ngài đã sẵn sàng và tha thiết xuất hiện công khai trước Nhân Loại yêu dấu của Ngài chỉ càng làm tăng cảm giác thất vọng chung, và một câu hỏi rất thiết yếu khác nảy sinh: Chúng ta phải chịu đựng, đấu tranh và chiến đấu trong bao lâu? Câu trả lời đến một cách rõ ràng: Ngài chắc chắn sẽ đến khi một mức độ hòa bình nào đó đã được phục hồi, khi nguyên tắc chia sẻ ít nhất đang trong tiến trình kiểm soát các công việc kinh tế, và khi các giáo hội cùng các nhóm chính trị đã bắt đầu tự thanh lọc. Khi đó Ngài có thể và sẽ đến; khi đó Thiên Giới sẽ được công khai nhìn nhận và sẽ không còn là một điều của mộng tưởng, của ước muốn viển vông và của hy vọng chính thống nữa.

People are prone to ask the question as to why the Christ does not come—in the pomp and ceremony which the churches ascribe to the event—and, by His coming, demonstrate His divine power, prove convincingly the

Con người thường có khuynh hướng đặt câu hỏi tại sao Đức Christ không đến—trong sự huy hoàng và nghi lễ mà các giáo hội gán cho biến cố ấy—và, bằng sự đến của Ngài, chứng minh quyền năng thiêng liêng của

authority and the potency of God, and thus end the cycle of agony and distress. The answers to this are many. It must be remembered that the main objective of the Christ will not be to demonstrate power but to make public the already existent Kingdom of God. Again, when He came before He was unrecognised, and is there any guarantee that this time it would be different? You may ask why would He not be recognised? Because men's eyes are blinded with the tears of self-pity and not of contrition; because the hearts of men are still corroded with [164] a selfishness which the agony of war has not cured; because the standards of value are the same as in the corrupt Roman Empire which saw His first appearance, only then these standards were localised and not universal as they are today; because those who could recognise Him and who hope and long for His coming are not willing to make the needed sacrifices, and thus ensure the success of His advent.

Ngài, chứng tỏ một cách thuyết phục thẩm quyền và uy lực của Thượng đế, và như vậy chấm dứt chu kỳ đau đớn và khổ sở. Có nhiều câu trả lời cho điều này. Cần nhớ *rằng mục tiêu chính của Đức Christ sẽ không phải là chứng minh quyền năng mà là công khai hóa Thiên Giới vốn đã hiện hữu.* Hơn nữa, khi Ngài đến trước đây, Ngài đã không được nhận ra, và có gì bảo đảm rằng lần này sẽ khác? Bạn có thể hỏi tại sao Ngài lại không được nhận ra? Bởi vì mắt người ta bị che mờ bởi những giọt nước mắt tự thương hại chứ không phải của sự ăn năn; bởi vì trái tim con người vẫn còn bị ăn mòn bởi [164] một tính ích kỷ mà nỗi đau chiến tranh chưa chữa lành; bởi vì các tiêu chuẩn giá trị vẫn y như trong Đế quốc La Mã suy đồi đã chứng kiến lần xuất hiện đầu tiên của Ngài, chỉ khác là khi ấy các tiêu chuẩn này mang tính địa phương chứ không phổ quát như ngày nay; bởi vì những ai có thể nhận ra Ngài và những ai hy vọng, khát khao sự đến của Ngài lại không sẵn lòng thực hiện những hy sinh cần thiết, và như vậy bảo đảm thành công cho sự giáng lâm của Ngài.

The advanced thinking, the success of the many esoteric movements and above all, the marvels of science and the wonder of the many humanitarian movements, indicate no divine frustration but growth of spiritual understanding; the forces of the spirit are unconquered. These aspects of human behaviour indicate the wonder of the divinity which is in man and the success of the divine plan for humanity. Divinity, however, awaits the expression of man's free will; his intelligence and his growth in goodwill are already being expressed.

Tư tưởng tiến bộ, thành công của nhiều phong trào nội môn và trên hết là những kỳ công của khoa học cùng điều kỳ diệu của nhiều phong trào nhân đạo, không cho thấy sự thất bại thiêng liêng nào mà cho thấy sự tăng trưởng của sự thấu hiểu tinh thần; các mãnh lực của tinh thần là bất khả chinh phục. Những phương diện này của hành vi con người cho thấy điều kỳ diệu của thiên tính ở trong con người và sự thành công của Thiên Cơ thiêng liêng dành cho nhân loại. Tuy nhiên, thiên tính đang chờ đợi sự biểu lộ của *ý chí tự do* của con người; trí tuệ và sự tăng trưởng trong thiện chí của y thì đã đang được biểu lộ.

Therefore, another answer to the question posited is that Christ and the spiritual

Vì vậy, một câu trả lời khác cho câu hỏi đã được nêu ra là Đức Christ và Thánh đoàn

Hierarchy never—no matter how great the need or important the incentive—infringe upon the divine right of men to make their own decisions, to exert their own free will and to achieve freedom by fighting for freedom—individually, nationally and internationally. When true freedom covers the earth, we shall see the end of tyranny—politically, religiously and economically. I am not here referring to modern democracy as a condition which meets the need, for democracy is at present a philosophy of wishful thinking and an unachieved ideal. I refer to that period which will surely come in which an enlightened people will rule; these people will not tolerate authoritarianism in any church or totalitarianism in any political system; they will not accept or permit the rule of any body of men who undertake [165] to tell them what they must believe in order to be saved or what government they must accept. When the people are told the truth and when they can freely judge and decide for themselves, we shall then see a much better world.

tinh thần không bao giờ—dù nhu cầu lớn đến đâu hay động lực quan trọng đến mức nào—xâm phạm quyền thiêng liêng của con người trong việc tự đưa ra quyết định của mình, vận dụng ý chí tự do của mình và đạt được tự do bằng cách chiến đấu cho tự do—trên bình diện cá nhân, quốc gia và quốc tế. Khi tự do chân chính bao phủ Trái Đất, chúng ta sẽ thấy sự chấm dứt của bạo quyền—về chính trị, tôn giáo và kinh tế. Ở đây tôi không nói đến nền dân chủ hiện đại như một tình trạng đáp ứng nhu cầu, vì hiện nay dân chủ là một triết lý của ước muốn viển vông và một lý tưởng chưa đạt được. Tôi nói đến thời kỳ chắc chắn sẽ đến khi một *dân chúng được giác ngộ* sẽ cai quản; những người này sẽ không dung thứ chủ nghĩa độc đoán trong bất kỳ giáo hội nào hay chủ nghĩa toàn trị trong bất kỳ hệ thống chính trị nào; họ sẽ không chấp nhận hay cho phép sự cai trị của bất kỳ nhóm người nào tự nhận [165] quyền bảo họ phải tin điều gì để được cứu rỗi hay phải chấp nhận chính quyền nào. Khi con người được nói cho biết sự thật và khi họ có thể tự do phán đoán và quyết định cho chính mình, khi đó chúng ta sẽ thấy một thế giới tốt đẹp hơn nhiều.

It is not essential or necessary that all these desirable objectives should be accomplished facts upon Earth before Christ again moves amongst us. It is, however, necessary that this attitude to religion and politics is generally regarded as desirable and that steps have been successfully taken in the direction of right human relations. It is along these lines that the New Group of World Servers and all men of goodwill are working, and their first effort must be to offset the widespread sense of frustration and individual futility.

Không thiết yếu hay cần thiết rằng tất cả những mục tiêu đáng mong muốn này phải trở thành sự kiện đã hoàn tất trên Trái Đất trước khi Đức Christ lại đi lại giữa chúng ta. Tuy nhiên, điều cần thiết là thái độ này đối với tôn giáo và chính trị phải được nhìn nhận rộng rãi là đáng mong muốn và những bước đi theo hướng những tương quan nhân loại đúng đắn phải đã được thực hiện thành công. Chính theo những đường hướng này mà Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và mọi người thiện chí đang hoạt động, và nỗ lực đầu tiên của họ phải là hóa giải cảm giác thất vọng lan rộng và sự vô dụng của cá nhân.

That which will offset the sense of frustration and futility and provide likewise the needed incentive towards the re-building of the new world will be the belief in the essential divinity of humanity, in the evolutionary proof (which a little study quickly provides) that mankind has steadily moved onward in wisdom and knowledge, and a wide inclusiveness, plus the development of that state of mind which will base itself upon belief in the veracity of the historical records which bear witness to the many advents at crucial times in human affairs, and to the many world Saviours—of Whom the Christ was the greatest. A right and constructive attitude must also be based on an innate recognition of the existence of the Christ and of His Presence with us at all times; it must be grounded in the knowledge that the war—with all its unspeakable horrors, its cruelties and its cataclysmic disasters—was but the broom of the Father of all, sweeping away all obstructions in the path of His returning Son. It would have been well-nigh impossible to prepare [166] for the coming in the face of the pre-war conditions. Upon these facts the New Group of World Servers must, today, take their stand. They must recognise the obstructing factors, but must also refuse to be frustrated by them; they must be aware of the hindrances (many of them financial and based on material greed, on ancient tradition and national prejudices). They must then employ such skill in action and such business acumen that these hindrances will be overcome; they must walk clear-eyed through world difficulties and pass unscathed and successful through the midst of all frustrating factors.

Điều sẽ hóa giải cảm giác thất vọng và vô dụng, đồng thời cũng cung cấp động lực cần thiết hướng tới việc tái thiết thế giới mới, sẽ là niềm tin vào thiên tính cốt yếu của nhân loại, vào bằng chứng tiến hoá (mà chỉ cần một ít nghiên cứu là nhanh chóng có được) rằng nhân loại đã không ngừng tiến lên trong minh triết và tri thức, và một tính bao gồm rộng lớn, cộng với sự phát triển của trạng thái trí tuệ sẽ đặt nền trên niềm tin vào tính chân thực của các ghi chép lịch sử làm chứng cho nhiều lần giáng lâm vào những thời điểm then chốt trong các công việc của nhân loại, và cho nhiều Đấng Cứu Thế của thế giới—mà Đức Christ là vĩ đại nhất. Một thái độ đúng đắn và xây dựng cũng phải dựa trên sự nhìn nhận bẩm sinh về sự hiện hữu của Đức Christ và về Hiện Diện của Ngài với chúng ta mọi lúc; nó phải được đặt nền trên tri thức rằng cuộc chiến—với tất cả những kinh hoàng không thể diễn tả, những tàn bạo và những thảm họa dữ dội của nó—chỉ là cây chổi của Cha của muôn loài, đang quét sạch mọi chướng ngại trên con đường của Người Con đang trở lại của Ngài. Hầu như không thể nào chuẩn bị [166] cho sự đến trong bối cảnh những điều kiện trước chiến tranh. Trên những sự kiện này, hôm nay Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian phải đứng vững. Họ phải nhận ra các yếu tố cản trở, nhưng cũng phải từ chối để bị chúng làm cho thất vọng; họ phải ý thức các trở ngại (nhiều trong số đó là tài chính và dựa trên lòng tham vật chất, trên truyền thống cổ xưa và thành kiến quốc gia). Sau đó họ phải vận dụng kỹ năng trong hành động và sự nhạy bén trong kinh doanh đến mức những trở ngại này sẽ được vượt qua; họ phải bước đi với đôi mắt sáng rõ xuyên qua những khó khăn của thế giới và đi qua giữa mọi yếu tố gây thất vọng mà không hề hấn gì và thành công.

There are two major factors which condition the present opportunity; these can be regarded as so completely hindering that unless they are removed, there will be a long delay before Christ can return. They are:

Có hai yếu tố lớn đang tác động lên cơ hội hiện tại; chúng có thể được xem là cản trở hoàn toàn đến mức nếu không được loại bỏ, sẽ có một sự trì hoãn lâu dài trước khi Đức Christ có thể trở lại. Đó là:

1. The inertia of the average Christian or spiritually-minded man in every country—Eastern or Western.

1. Tính trì trệ của người Cơ Đốc giáo trung bình hay người có khuynh hướng tinh thần ở mọi quốc gia—Đông phương hay Tây phương.

2. The lack of money for the work of preparation.

2. Sự thiếu tiền cho công việc chuẩn bị.

We will keep these themes simple and down on the level at which most people work and think today. Let us be intensely practical and force ourselves to look at conditions as they are, thus arriving at a better knowledge of ourselves and of our motives.

Chúng ta sẽ giữ những chủ đề này đơn giản và ở ngay cấp độ mà phần lớn mọi người ngày nay làm việc và suy nghĩ. Hãy hết sức thực tế và buộc mình nhìn vào *các điều kiện đúng như chúng là*, nhờ đó đạt đến một tri thức tốt hơn về chính mình và về các động cơ của mình.

1. The Inertia of the Average Spiritually-Minded Man.

1. Tính Trì Trệ của Người Có Khuynh Hướng Tinh Thần Trung Bình.

The average spiritually-minded person, man of goodwill, or disciple is constantly aware of the challenge of the times and the opportunity which spiritual events may offer. The desire to do good and to accomplish spiritual ends are ceaselessly gnawing away within his consciousness. No one who loves his fellowmen, who has a dream [167] of seeing the Kingdom of God materialise on earth, or who is conscious of the awakening—slow though it may be—of the masses to the higher spiritual values but is thoroughly dissatisfied. He realises that what he contributed of help to these desirable objectives is little indeed. He knows that his spiritual life is a side issue; it is something which he keeps carefully to himself and which he is frequently afraid to

Người có khuynh hướng tinh thần trung bình, người thiện chí, hay đệ tử luôn luôn ý thức về thách thức của thời đại và cơ hội mà các biến cố tinh thần có thể mang lại. Ước muốn làm điều thiện và hoàn thành các mục tiêu tinh thần không ngừng gặm nhấm trong tâm thức của y. Không ai yêu thương đồng loại của mình, có giấc mơ [167] thấy Thiên Giới được hiện thực hóa trên Trái Đất, hay ý thức được sự thức tỉnh—dù chậm đến đâu—của quần chúng đối với các giá trị tinh thần cao hơn mà lại không hoàn toàn bất mãn. Y nhận ra rằng điều y đóng góp để trợ giúp cho những mục tiêu đáng mong muốn này quả thật rất ít. Y biết rằng đời sống tinh thần của mình là một vấn đề phụ; đó là điều y cẩn thận giữ cho riêng mình và thường sợ nhắc đến với những người gần gũi và thân

mention to his nearest and his dearest; he tries to dovetail his spiritual efforts into his ordinary, outer life, struggling to find time and opportunity for it in a gentle, futile and innocuous manner. He finds himself helpless before the task of organising and rearranging his affairs so that the spiritual way of living may dominate; he searches for alibis for himself and eventually rationalises himself so successfully that he ends by deciding that he is doing the best he can in the given circumstances. The truth is that he is doing so little that probably one hour out of the twenty-four (or perhaps two) would cover the time given to the Master's work; he hides behind the alibi that his home obligations prevent his doing more and does not realise that—given tact and loving understanding—his home environment can and must be the field in which he triumphs; he forgets that there exist no circumstances in which the spirit of man can be defeated or in which the aspirant cannot meditate, think, talk and prepare the way for the coming of the Christ, provided he cares enough and knows the meaning of sacrifice and silence. Circumstances and environment offer no true obstacle to the spiritual life.

yêu nhất; y cố gắng lồng ghép những nỗ lực tinh thần của mình vào đời sống bên ngoài thông thường, vật lộn để tìm thời gian và cơ hội cho nó theo một cách nhẹ nhàng, vô ích và vô hại. Y thấy mình bất lực trước nhiệm vụ tổ chức và sắp xếp lại công việc của mình để lối sống tinh thần có thể chi phối; y tìm kiếm những lời bào chữa cho bản thân và cuối cùng hợp lý hóa mình thành công đến mức kết thúc bằng việc quyết định rằng y đang làm hết sức mình trong hoàn cảnh đã cho. Sự thật là y làm quá ít đến mức có lẽ một giờ trong hai mươi bốn giờ (hoặc có thể hai giờ) là đủ bao trùm thời gian dành cho công việc của Chân sư; y ẩn sau lời bào chữa rằng các nghĩa vụ gia đình ngăn cản y làm nhiều hơn và không nhận ra rằng—nếu có sự khéo léo và thấu hiểu đầy bác ái—môi trường gia đình của y có thể và phải là lĩnh vực trong đó y chiến thắng; y quên rằng *không có hoàn cảnh nào mà trong đó tinh thần con người có thể bị đánh bại* hay trong đó người chí nguyện không thể tham thiền, suy nghĩ, nói năng và chuẩn bị con đường cho sự đến của Đức Christ, miễn là y đủ quan tâm và biết ý nghĩa của hy sinh và im lặng. *Hoàn cảnh và môi trường không tạo ra chướng ngại thực sự nào cho đời sống tinh thần.*

Perhaps he hides behind the alibi of poor health and frequently behind that of imaginary ills. He gives so much time to the care of himself that the hours which could be given to the Master's work are directly and [168] seriously curtailed; he is so pre-occupied with feeling tired, or tending a cold, or with fancied heart difficulties that his "body consciousness" steadily develops until it eventually dominates his life; it is then too late to do anything. This is particularly the case with people who have reached their fiftieth year or over. It is an alibi which it is hard not to use, for many

Có lẽ y ẩn sau lời bào chữa về sức khỏe kém và thường là sau những bệnh tật tưởng tượng. Y dành quá nhiều thời gian để chăm sóc bản thân đến mức những giờ có thể dành cho công việc của Chân sư bị cắt giảm trực tiếp và [168] nghiêm trọng; y quá bận tâm đến việc cảm thấy mệt mỏi, hay chăm sóc một cơn cảm lạnh, hay những rối loạn tim tưởng tượng đến mức "tâm thức thể xác" của y phát triển đều đặn cho đến cuối cùng chi phối đời sống của y; khi đó thì đã quá muộn để làm bất cứ điều gì. Điều này đặc biệt đúng với những người đã đến tuổi năm mươi trở lên. Đây là một lời bào chữa khó mà không dùng đến, vì nhiều người cảm thấy mệt mỏi

feel tired and ailing and this, as the years go by, is apt to get worse.

và đau yếu, và điều này, theo năm tháng, có khuynh hướng trở nên tệ hơn.

The only cure for this creeping inertia is to ignore the body and take your joy in the livingness of service. I speak here not of definite disease or of serious physical liabilities; to these right care and attention must be duly given; I speak to the thousands of ailing men and women who are pre-occupied with taking care of themselves, and so waste hours of the time which could be given to the service of humanity. Those who are seeking to tread the Path of Discipleship should release those many hours spent in needless self-care into the service of the Hierarchy.

Phương thuốc duy nhất cho tính trì trệ đang len lỏi này là phớt lờ thể xác và tìm niềm hoan hỉ của bạn trong sức sống của sự phụng sự. Ở đây tôi không nói đến bệnh tật rõ rệt hay những khiếm khuyết hồng trần nghiêm trọng; đối với những điều đó, sự chăm sóc và chú ý đúng đắn phải được dành cho đầy đủ; tôi nói với hàng ngàn những người nam và nữ đau yếu đang bận tâm chăm sóc bản thân, và như vậy lãng phí hàng giờ thời gian lẽ ra có thể dành cho việc phụng sự nhân loại. Những ai đang tìm cách bước đi trên Con Đường Đệ Tử nên giải phóng nhiều giờ đã tiêu tốn vào việc chăm sóc bản thân không cần thiết ấy để đưa vào việc phụng sự Thánh Đoàn.

Still another alibi, leading to inertia, is the fear people have of speaking about the things of the kingdom of God to others; they are afraid of being rebuffed, or of being thought peculiar, or of intruding. They, therefore, preserve silence, lose opportunity and never discover how ready people are for the discussion of realities, for the comfort and hope which the thought of Christ's return can bring, or for the sharing of spiritual light. This is essentially a form of spiritual cowardice but is so widespread that it is responsible for the loss of millions of hours of world service.

Một lời bào chữa khác nữa, dẫn đến trì trệ, là *nỗi sợ* mà con người có khi nói với người khác về những điều thuộc Thiên Giới; họ sợ bị gạt đi, hay bị cho là kỳ quặc, hay bị xem là xâm phạm. Vì vậy, họ giữ im lặng, đánh mất cơ hội và không bao giờ khám phá ra con người sẵn sàng đến mức nào cho việc thảo luận về các thực tại, cho sự an ủi và hy vọng mà ý nghĩ về sự trở lại của Đức Christ có thể mang lại, hay cho việc chia sẻ ánh sáng tinh thần. Về bản chất, đây là một hình thức hèn nhát tinh thần nhưng lại phổ biến đến mức nó chịu trách nhiệm cho sự mất mát hàng triệu giờ phụng sự thế giới.

There are other alibis, but those above noted are the most common; the release of the majority of people from these hindering conditions would bring to the service of the Christ so many hours and so much overtime endeavour that the task of those who admit no alibis would [169] be greatly lightened and the coming of the Christ would be much nearer than it is today. To the rhythm of life

Còn có những lời bào chữa khác, nhưng những điều đã nêu trên là phổ biến nhất; việc giải thoát đa số con người khỏi những điều kiện cản trở này sẽ mang đến cho việc phụng sự Đức Christ rất nhiều giờ và rất nhiều nỗ lực ngoài giờ đến mức nhiệm vụ của những ai không chấp nhận lời bào chữa nào [169] sẽ được giảm nhẹ rất nhiều và sự đến của Đức Christ sẽ gần hơn nhiều so với

under which the Christ and the spiritual Hierarchy operate, and which vibrates in harmony with human need and spiritual response, we are not called. We are, however, called to demonstrate the quality of spiritual activity and to refuse to hide behind alibis. It is essential that all spiritual people recognise that in the place where they now are, among the people who are their associates and with the psychological and physical equipment with which they are endowed, they can and must work. There is no possible coercion or undue pressure exerted in the service of the Hierarchy. The situation is clear and simple.

ngày nay. Chúng ta không được kêu gọi theo nhịp điệu đời sống mà dưới đó Đức Christ và Thánh đoàn tinh thần vận hành, và vốn rung động hài hòa với nhu cầu nhân loại và sự đáp ứng tinh thần. Tuy nhiên, chúng ta được kêu gọi chứng minh phẩm tính của hoạt động tinh thần và từ chối ẩn sau những lời bào chữa. Điều thiết yếu là mọi người tinh thần phải nhận ra rằng tại chính nơi họ đang ở, giữa những người là cộng sự của họ và với trang bị tâm lý cùng hồng trần mà họ được phú cho, *họ có thể và phải làm việc*. Không có sự cưỡng bách hay áp lực quá mức nào được áp dụng trong việc phụng sự Thánh Đoàn. Tình hình rõ ràng và đơn giản.

There are, at the present time, three great activities going on:-

Hiện nay có ba hoạt động lớn đang diễn ra:-

First, the activity to be felt in the "centre where the will of God is known," that will-to-good which has carried all creation on toward a greater glory and a steadily deepening, intelligent responsiveness. This today is creatively endeavouring to bring in the new world order, the order of the Kingdom of God under the physical supervision of the Christ. This might be regarded as the externalisation of the spiritual Hierarchy of our planet. Of this, the return of the Christ to visible activity will be the sign and the symbol.

Thứ nhất, hoạt động được cảm nhận trong "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế," ý chí-hướng thiện đã mang toàn thể sáng tạo tiến về một vinh quang lớn hơn và một sự đáp ứng ngày càng sâu sắc, thông minh hơn. Ngày nay, điều này đang nỗ lực một cách sáng tạo để mang vào trật tự thế giới mới, trật tự của Thiên Giới dưới sự giám sát *hồng trần* của Đức Christ. Điều này có thể được xem như sự ngoại hiện của Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta. Dấu hiệu và biểu tượng của điều này sẽ là sự trở lại của Đức Christ vào hoạt động *hữu hình*.

Secondly, the critical activity which is conditioning the spiritual Hierarchy, from the Christ Himself down to the lowest aspirant to be found on the periphery of that "centre where the love of God" has full play. There, it is fully realised that (in the words of St. Paul) "the whole creation groaneth and travaileth in pain together until now, waiting for the manifestation of the Sons of God" (Romans VIII.22). It is for that manifestation They now prepare, these

Thứ hai, hoạt động có tính quyết định đang tác động lên Thánh đoàn tinh thần, từ chính Đức Christ xuống đến người chí nguyện thấp nhất có thể được tìm thấy ở chu vi của "trung tâm nơi tình thương của Thượng đế" được vận hành trọn vẹn. *Tại đó*, người ta hoàn toàn nhận ra rằng (theo lời Thánh Paul) "muôn vật thọ tạo cùng than thở và quặn đau cho đến nay, chờ đợi sự biểu lộ của các Con của Thượng đế" (La Mã VIII.22). Chính cho sự biểu lộ đó mà Các Ngài hiện

"Sons of God Who are the Sons [170] of Men;" it is for this coming forth to outer active service that They are already—one by one—entering into outer activity upon the physical plane. They are not recognised for what They are, but They go about the Father's business, demonstrating goodwill, seeking to enlarge the horizon of humanity, and thus prepare the way for the One Whom They serve, the Christ, the Master of all the Masters and the Teacher alike of angels and of men.

đang chuẩn bị, những "Con của Thượng đế là những Con [170] của loài người" này; chính cho sự xuất hiện này vào phụng sự tích cực bên ngoài mà Các Ngài đã—từng vị một—đi vào hoạt động bên ngoài trên cõi hồng trần. Các Ngài không được nhận ra đúng như Các Ngài là, nhưng Các Ngài đang làm công việc của Cha, biểu lộ thiện chí, tìm cách mở rộng chân trời của nhân loại, và như vậy chuẩn bị con đường cho Đấng mà Các Ngài phụng sự, Đức Christ, Chân sư của mọi Chân sư và là Huấn sư của cả thiên thần lẫn loài người.

Thirdly, there is humanity itself, "the centre which we call the race of men"—a centre at present full of chaos, turmoil and confusion, a humanity full of pain, bewilderment, disturbance, yet mentally aware of infinite possibilities, emotionally fighting for that plan which seems to them to be the best, but with no sense of coherency or any realisation that it must be the "one world for the one humanity." They desire simply emotional peace, security in which to live and work, and a vision of a future which will satisfy some inchoate sense of divine persistence. They are physically ill, deprived for the most part of the essentials of normal wholesome living, wracked with the sense of financial insecurity and—consciously or unconsciously—invoking the Father of all on behalf of themselves and of the rest of the world.

Thứ ba, có chính nhân loại, "trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người"—một trung tâm hiện đầy hỗn loạn, xáo trộn và rối ren, một nhân loại đầy đau khổ, hoang mang, bất an, nhưng về trí tuệ thì ý thức được những khả năng vô hạn, về cảm xúc thì chiến đấu cho kế hoạch dường như là tốt nhất đối với họ, nhưng không có ý thức về tính cố kết hay bất kỳ nhận thức nào rằng đó phải là *"một thế giới cho một nhân loại."* Họ chỉ mong muốn sự bình an cảm xúc, sự an toàn để sống và làm việc, và một linh ảnh về tương lai sẽ thỏa mãn một cảm nhận mơ hồ nào đó về sự bền bỉ thiêng liêng. Về thể xác, họ đau yếu, phần lớn bị tước mất những điều thiết yếu của đời sống bình thường lành mạnh, bị giày vò bởi cảm giác bất an tài chính và—một cách hữu thức hay vô thức—đang khẩn cầu Cha của muôn loài thay cho chính họ và cho phần còn lại của thế giới.

The solution is to be found in the reappearance of the Christ. This is the ascertained will of God, and to it the Scriptures of the world testify; it is the desire of Christ Himself and of His disciples, the Masters of the Wisdom; it is the unrealised demand of peoples in all lands. Where there is this unification of purpose, this uniformity of spiritual intention and of realised demand, then there is only one

Giải pháp được tìm thấy trong sự tái lâm của Đức Christ. Đây là Ý Chí đã được xác định của Thượng đế, và các Thánh Kinh của thế giới làm chứng cho điều đó; đó là ước muốn của chính Đức Christ và của các đệ tử của Ngài, các Chân sư Minh Triết; đó là đòi hỏi chưa được nhận ra của các dân tộc ở mọi quốc gia. Nơi nào có sự hợp nhất mục đích này, sự đồng nhất của ý định tinh thần và của đòi hỏi đã được nhận ra này, thì chỉ có một điều

thing which can arrest His reappearance and that is the failure of mankind to prepare the world stage for that stupendous event, to "prepare the Way of the Lord, make His paths straight" (Matthew III.3), to [171] familiarise the people everywhere with the idea of His coming, and bring about the required measure of peace on earth—a peace based upon right human relations.

có thể ngăn cản sự tái lâm của Ngài, và đó là sự thất bại của nhân loại trong việc chuẩn bị sân khấu thế giới cho biến cố kỳ vĩ ấy, trong việc "chuẩn bị Con Đường của Chúa, làm thẳng các lối đi của Ngài" (Ma-thi-ơ III.3), [171] làm cho con người ở khắp nơi quen thuộc với ý tưởng về sự đến của Ngài, và đem lại mức độ hòa bình cần thiết trên Trái Đất—một nền hòa bình dựa trên những tương quan nhân loại đúng đắn.

It is surely needless here to deal with the theme of the preparation which the individual should make within himself as he prepares for the work to be done. Men have had the principles of right spiritual conduct presented to them for centuries, though largely because good conduct will lead them to a good heaven, the aim has been basically selfish. The little prayer which says, "Lord God Almighty! Let there be peace on earth and let it begin with me," sums up all the requirements for those who seek to work in preparation for the coming of the Christ, if to it is added the development of a sound intelligence and the practice of an organised life. But today the motive shifts from the concept of personal salvation (which is assumed or taken for granted), and the preparation required is that of working, with strength and understanding, to bring about right human relations—a broader objective. There we have a motive which is not self-centred but which ranges each individual worker and humanitarian on the side of the spiritual Hierarchy, putting him in touch with all men of goodwill. We come now to the second of the major hindrances: the lack of financial support for the workers of the Christ.

Ở đây hẳn là không cần bàn đến chủ đề về sự chuẩn bị mà cá nhân nên thực hiện trong chính mình khi y chuẩn bị cho công việc phải làm. Trong nhiều thế kỷ, các nguyên tắc của hạnh kiểm tinh thần đúng đắn đã được trình bày cho con người, dù phần lớn là vì hạnh kiểm tốt sẽ dẫn họ đến một thiên đường tốt đẹp, nên mục tiêu về căn bản là ích kỷ. Lời cầu nguyện ngắn nói rằng: "Lạy Chúa là Thượng Đế Toàn Năng! Xin cho có hòa bình trên Trái Đất và xin cho nó bắt đầu từ nơi con," tóm lược mọi yêu cầu đối với những ai tìm cách hoạt động để chuẩn bị cho sự đến của Đức Christ, nếu thêm vào đó là sự phát triển một trí tuệ lành mạnh và việc thực hành một đời sống có tổ chức. Nhưng ngày nay động cơ chuyển khỏi khái niệm cứu rỗi cá nhân (được giả định hay xem như đương nhiên), và sự chuẩn bị cần thiết là chuẩn bị để hoạt động, với sức mạnh và sự thấu hiểu, nhằm đem lại những tương quan nhân loại đúng đắn—một mục tiêu rộng lớn hơn. Ở đó chúng ta có một động cơ không tập trung vào bản thân mà đặt mỗi người hoạt động và mỗi nhà nhân đạo về phía Thánh đoàn tinh thần, đưa y vào tiếp xúc với mọi người thiện chí. Giờ đây chúng ta đến với chướng ngại lớn thứ hai: sự thiếu hỗ trợ tài chính cho những người hoạt động của Đức Christ.

2. Lack of Financial Support for the Work of the Christ.

2. Sự Thiếu Hỗ Trợ Tài Chính cho Công Việc của Đức Christ.

This is perhaps the major difficulty, and it appears to many at times to be an insuperable one. It involves the problem of true financial trusteeship and the deflection of adequate sums of money into channels which will definitely aid in the work of preparation for the return [172] of the Christ. It is closely tied up with the problem of right human relations.

Đây có lẽ là khó khăn lớn nhất, và đôi khi đối với nhiều người nó dường như là một điều không thể vượt qua. Nó bao hàm vấn đề về sự quản thác tài chính chân chính và việc chuyển hướng những khoản tiền thích đáng vào những kênh chắc chắn sẽ hỗ trợ công cuộc chuẩn bị cho sự trở lại [172] của Đức Christ. Nó gắn bó mật thiết với vấn đề về những tương quan nhân loại đúng đắn.

The problem is, therefore, a peculiarly hard one, for the spiritual workers of the world have not only to train people to give (according to their means) but, in many cases, they have—first of all—to provide them with a motive so magnetic in its appeal that they must perforce give. They have also to provide the trust, foundation or organisation through which the given money may be administered. This presents them with a most impressively difficult task. The impasse which at present exists is not based only upon the novelty of raising funds in preparation for the return of the Christ, but it is based also upon the trained selfishness of the majority who own the world's wealth and who—even if they do give—do so because it fosters prestige and indicates financial success. Necessarily, there are exceptions to this but they are relatively few.

Vì vậy, vấn đề này đặc biệt khó khăn, vì những người hoạt động tinh thần của thế giới không những phải huấn luyện con người biết *cho đi* (tùy theo khả năng của họ) mà trong nhiều trường hợp, trước hết họ còn phải cung cấp cho họ một động cơ có sức hút từ tính đến mức họ buộc phải cho đi. Họ cũng phải cung cấp quỹ tín thác, quỹ tài trợ hay tổ chức mà qua đó số tiền được hiến tặng có thể được quản trị. Điều này đặt trước họ một nhiệm vụ vô cùng khó khăn và đầy ấn tượng. Tình trạng bế tắc hiện đang tồn tại không chỉ dựa trên tính mới mẻ của việc gây quỹ để chuẩn bị cho sự trở lại của Đức Christ, mà còn dựa trên tính ích kỷ đã được rèn luyện của đa số những người nắm giữ của cải thế giới và là những người—ngay cả khi họ có cho đi—cũng làm như vậy vì điều đó nuôi dưỡng uy tín và biểu thị thành công tài chính. Dĩ nhiên, vẫn có những ngoại lệ, nhưng tương đối ít.

Generalising, therefore, and over-simplifying the subject, we can assume that money finds its way into four main channels of expenditure:

Vì vậy, khi khái quát hóa và đơn giản hóa quá mức chủ đề này, chúng ta có thể giả định rằng tiền bạc tìm đường đi vào bốn kênh chi tiêu chính:

1. Into the myriad homes in the world in the form of wages, salaries or inherited wealth. All this is at present most unevenly balanced, producing extreme riches or extreme poverty.

1. Vào vô số gia đình trên thế giới dưới hình thức tiền công, lương bổng hoặc của cải thừa kế. Tất cả điều này hiện nay được cân bằng hết sức bất đồng đều, tạo ra sự giàu có cực độ hoặc nghèo khổ cực độ.

2. Into great capitalistic systems and monopolies which are found as towering structures in most lands. Whether this capital is owned by the government, or by a municipality, or by a handful of wealthy men or by the great labour unions matters not. Little of it is spent in the betterment of human living or for the inculcation of those values which lead to right human relations. [173]

2. Vào những hệ thống tư bản lớn và những độc quyền được thấy như những cơ cấu đồ sộ ở hầu hết các quốc gia. Dù tư bản này thuộc sở hữu của chính phủ, của một đô thị, của một nhóm nhỏ những người giàu có hay của các công đoàn lao động lớn thì cũng không quan trọng. Chỉ có rất ít trong số đó được chi dùng để cải thiện đời sống con người hoặc để truyền dạy những giá trị dẫn đến những tương quan nhân loại đúng đắn. [173]

3. Into the churches and religious groups throughout the world. Here (again speaking in general terms and at the same time recognising the existence of a spiritually-minded minority) the money is deflected into the material aspects of the work, into the multiplying and preservation of ecclesiastical structures, into salaries and general overhead, and only a percentage of it really goes into the teaching of the people, into a living demonstration of the simplicity "as it is in Christ," and into the spreading of the fact of His return—for centuries a definite doctrine of the churches. That return has been anticipated down the ages, and might have occurred ere now had the churches and religious organisations everywhere done their duty.

3. Vào các giáo hội và các nhóm tôn giáo trên khắp thế giới. Ở đây (một lần nữa, nói theo nghĩa khái quát và đồng thời thừa nhận sự hiện hữu của một thiểu số có tinh thần) tiền bạc bị chuyển hướng vào các phương diện vật chất của công việc, vào việc gia tăng và duy trì các cơ cấu giáo hội, vào lương bổng và chi phí chung, và chỉ một phần của số tiền ấy thực sự đi vào việc giáo huấn con người, vào sự biểu hiện sống động của tính đơn giản "như trong Đức Christ," và vào việc truyền bá sự kiện về sự trở lại của Ngài—trong nhiều thế kỷ là một giáo lý xác định của các giáo hội. Sự trở lại đó đã được mong đợi qua các thời đại, và có thể đã xảy ra từ lâu nếu các giáo hội và các tổ chức tôn giáo ở khắp nơi đã làm tròn bổn phận của mình.

4. Into philanthropic, educational and medical work. All of this has been exceedingly good and greatly needed and the debt of the world to the public-spirited men who have made these institutions possible is great indeed. All of this has been a step in the right direction and an expression of the divine will-to-good. It is, however, frequently money misused and misdirected and the values developed have been largely institutional and concrete. They have been limited by the separative tenets of the donors, or the religious prejudices of those who control the disbursement of the funds.

4. Vào công việc từ thiện, giáo dục và y tế. Tất cả điều này đều vô cùng tốt đẹp và rất cần thiết, và món nợ của thế giới đối với những người có tinh thần công ích đã làm cho các định chế này trở nên khả hữu quả thật là rất lớn. Tất cả điều này là một bước đi đúng hướng và là một biểu hiện của Ý Chí-hướng Thiện thiêng liêng. Tuy nhiên, đó thường là tiền bạc bị sử dụng sai và định hướng sai, và những giá trị được phát triển phần lớn mang tính định chế và cụ thể. Chúng đã bị giới hạn bởi các giáo điều chia rẽ của những người hiến tặng, hoặc bởi các thành kiến tôn giáo của những người kiểm

In the quarrelling over ideas, religious theories and ideologies, the true assistance of the One Humanity is overlooked.

soát việc phân phối các quỹ. Trong sự tranh cãi về các ý tưởng, các lý thuyết tôn giáo và các hệ tư tưởng, sự trợ giúp chân chính dành cho Nhân Loại Duy Nhất bị bỏ quên.

The fact remains that had the directing agencies (through whose hands the money of the world is channelled) any true vision of the spiritual realities, of the [174] one humanity and the one world, and had their objective been the stimulation of right human relations, the mass of men everywhere would be responding to a future possibility very different from the present one; we would not be faced as we are today with the expenditures—running into countless billions—necessitated by the need to restore physically, not only the physical bodies of countless millions of men, but entire cities, transportation systems and centres responsible for the reorganisation of human living.

Sự thật vẫn là: nếu các cơ quan chỉ đạo (qua tay họ mà tiền bạc của thế giới được dẫn truyền) có bất kỳ tầm nhìn chân chính nào về các thực tại tinh thần, về [174] nhân loại duy nhất và thế giới duy nhất, và nếu mục tiêu của họ là kích thích những tương quan nhân loại đúng đắn, thì quần chúng ở khắp nơi hẳn đã đáp ứng với một khả năng tương lai rất khác với hiện tại; chúng ta hẳn đã không phải đối diện như ngày nay với những khoản chi tiêu—lên đến vô số hàng tỷ—do nhu cầu phải phục hồi *về mặt vật chất,* không chỉ các thể xác của vô số hàng triệu người, mà cả toàn bộ các thành phố, các hệ thống giao thông và các trung tâm chịu trách nhiệm cho việc tái tổ chức đời sống nhân loại.

Equally, it can be said that if the spiritual values and the spiritual responsibilities attached to money (in large quantities or in small) had been properly appreciated and taught in homes and schools, we would not have had the appalling statistics of the money spent, prior to the war in every country in the world (and spent today in the Western Hemisphere) on candy, liquor, cigarettes, recreation, unnecessary clothes and luxuries. These statistics run into hundreds of millions of dollars every year. A fraction of this money, necessitating the minimum of sacrifice, would enable the disciples of the Christ and the New Group of World Servers to prepare the way for His coming and to educate the minds and hearts of men in every land in right human relations.

Cũng có thể nói tương tự rằng nếu các giá trị tinh thần và các trách nhiệm tinh thần gắn liền với tiền bạc (dù nhiều hay ít) đã được đánh giá đúng và được dạy dỗ trong gia đình và trường học, thì chúng ta đã không có những thống kê kinh hoàng về số tiền được chi tiêu, trước chiến tranh ở mọi quốc gia trên thế giới (và ngày nay được chi tiêu ở Tây Bán Cầu) cho kẹo bánh, rượu, thuốc lá, giải trí, quần áo không cần thiết và xa xỉ phẩm. Những thống kê này lên đến hàng trăm triệu đô-la mỗi năm. Chỉ một phần nhỏ của số tiền này, đòi hỏi mức hy sinh tối thiểu, cũng sẽ giúp các đệ tử của Đức Christ và Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian chuẩn bị con đường cho sự quang lâm của Ngài và giáo dục tâm trí cùng trái tim con người ở mọi xứ sở về những tương quan nhân loại đúng đắn.

Money—as with all else in human living—has been tainted by selfishness and grabbed for selfish individual or national ends. Of this, the World War (1914-1945) is the proof, for, although there was much talk of "saving the world for democracy" and "fighting a war to end war," the main motive was self-protection and self-preservation, the hope of gain and the satisfaction of ancient hatreds, and the regaining of territory. The years which have elapsed since the war have proved this to be so. The United Nations is unfortunately perforce occupied with rapacious demands from all sides, with the angling [175] of the nations for position and power, and for the possession of the natural resources of the earth—coal, oil, etc., and also with the underground activities of the great Powers and of the capitalists which they all create.

Tiền bạc—cũng như mọi điều khác trong đời sống nhân loại—đã bị nhuốm bẩn bởi tính ích kỷ và bị chộp lấy cho những mục đích ích kỷ của cá nhân hay quốc gia. Chiến tranh Thế giới (1914-1945) là bằng chứng cho điều này, vì mặc dù đã có nhiều lời nói về việc "cứu thế giới cho nền dân chủ" và "chiến đấu trong một cuộc chiến để chấm dứt chiến tranh," động cơ chính vẫn là tự bảo vệ và tự tồn, hy vọng thu lợi, thỏa mãn những hận thù cổ xưa, và giành lại lãnh thổ. Những năm đã trôi qua kể từ sau chiến tranh đã chứng minh điều đó là đúng. Liên Hiệp Quốc, thật đáng tiếc, buộc phải bận rộn với những đòi hỏi tham lam từ mọi phía, với sự tranh giành [175] vị thế và quyền lực của các quốc gia, và với việc chiếm hữu các tài nguyên thiên nhiên của trái đất—than, dầu, v.v.—cũng như với các hoạt động ngầm của các Cường quốc và của các nhà tư bản mà tất cả họ đều tạo ra.

Yet all the time, the one humanity—no matter what the place of residence, what the colour of the skin, or what the religious belief—is clamouring for peace, justice and a sense of security. This, the right use of money and a realisation on the part of many of their financial responsibility (a responsibility based on the spiritual values) would rapidly give them. With the exception of a few great far-sighted philanthropists and of a mere handful of enlightened statesmen, churchmen and educators, this sense of financial responsibility is to be found nowhere.

Tuy nhiên, trong suốt thời gian đó, nhân loại duy nhất—bất kể nơi cư trú, màu da, hay tín ngưỡng tôn giáo nào—đều đang kêu đòi hòa bình, công lý và một cảm thức an toàn. Điều này, việc sử dụng tiền bạc đúng đắn và sự nhận biết nơi nhiều người về trách nhiệm tài chính của họ (một trách nhiệm dựa trên các giá trị tinh thần), sẽ nhanh chóng mang lại cho họ. Ngoại trừ một vài nhà từ thiện vĩ đại có tầm nhìn xa và chỉ một nhúm rất nhỏ những chính khách, giáo sĩ và nhà giáo dục được soi sáng, cảm thức trách nhiệm tài chính này không thể tìm thấy ở đâu cả.

The time has now come when money must be revaluated and its usefulness channelled into new directions. The voice of the people must prevail, but it must be a people educated in the true values, in the significances of a right culture and in the need for right human relations. It is,

Giờ đây đã đến lúc tiền bạc phải được tái định giá và tính hữu dụng của nó phải được dẫn vào những hướng mới. Tiếng nói của nhân dân phải thắng thế, nhưng đó phải là một dân chúng được giáo dục về các giá trị chân chính, về thâm nghĩa của một nền văn hóa đúng đắn và về nhu cầu của những

therefore, essentially a question of right education and correct training in world citizenship—a thing that has not yet been undertaken. Who can give this training? Russia would gladly train the world in the ideals of communism, and would gather all the money in the world into the coffers of the proletariat, eventually producing the greatest capitalistic system the world has ever seen; Great Britain would gladly train the world in the British concepts of justice and fair play and world trade, and would do it more correctly than any other nation because of vast experience but always too with an eye to profit. The United States would also gladly undertake to force the American brand of democracy upon the world, using her vast capital and resources in so doing, and gathering into her banks the financial results of her widespread financial [176] dealings, preserving them safely by the threat of the atomic bomb and the shaking of the mailed fist over the rest of the world. France will keep Europe in a state of unrest as she seeks to regain her lost prestige and garner all she can from the victory of the other allied nations. Thus the story goes—each nation fighting for itself, and all rating each other in terms of resources and finance. In the meantime, humanity starves, remains uneducated, and is brought up on false values and the wrong use of money. Until these things are in process of being righted, the return of the Christ is not possible.

tương quan nhân loại đúng đắn. Vì vậy, về bản chất, đây là vấn đề giáo dục đúng đắn và huấn luyện chính xác về tư cách công dân thế giới—một điều vẫn chưa được đảm nhận. Ai có thể trao sự huấn luyện này? Nga sẽ sẵn lòng huấn luyện thế giới theo các lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản, và sẽ gom toàn bộ tiền bạc của thế giới vào kho bạc của giai cấp vô sản, cuối cùng tạo ra hệ thống tư bản lớn nhất mà thế giới từng thấy; Anh quốc sẽ sẵn lòng huấn luyện thế giới theo các quan niệm của Anh về công lý, tinh thần thượng võ và thương mại thế giới, và sẽ làm điều đó đúng đắn hơn bất kỳ quốc gia nào khác nhờ kinh nghiệm rộng lớn, nhưng luôn luôn cũng với con mắt hướng về lợi nhuận. Hoa Kỳ cũng sẽ sẵn lòng đảm nhận việc áp đặt kiểu dân chủ Mỹ lên thế giới, sử dụng nguồn vốn và tài nguyên khổng lồ của mình để làm như vậy, và thu gom vào các ngân hàng của mình những kết quả tài chính từ các giao dịch tài chính rộng khắp [176] của mình, giữ chúng an toàn bằng sự đe dọa của bom nguyên tử và cái lắc nắm đấm bọc sắt trước phần còn lại của thế giới. Pháp sẽ giữ châu Âu trong tình trạng bất an khi nước này tìm cách lấy lại uy tín đã mất và thu vén mọi thứ có thể từ chiến thắng của các quốc gia đồng minh khác. Câu chuyện cứ thế tiếp diễn—mỗi quốc gia chiến đấu cho chính mình, và tất cả đều đánh giá lẫn nhau theo tài nguyên và tài chính. Trong khi đó, nhân loại bị đói khát, vẫn không được giáo dục, và được nuôi dưỡng bằng những giá trị sai lầm cùng việc sử dụng tiền bạc sai lạc. Chừng nào những điều này còn chưa được bắt đầu sửa chữa, sự trở lại của Đức Christ vẫn chưa thể xảy ra.

In the face of this disturbing financial situation—what is the answer to the problem? There are men and women to be found in every land, every government, every church and religion, and every educational foundation who have the

Trước tình trạng tài chính đầy xáo trộn này—đâu là lời giải cho vấn đề? Có những người nam và nữ ở mọi quốc gia, mọi chính phủ, mọi giáo hội và tôn giáo, và mọi quỹ giáo dục, là những người có câu trả lời. Có hy vọng nào cho họ và cho công việc đã được

answer. What hope is there for them and for the work with which they have been entrusted? How can the people of the world, the men of goodwill and of spiritual vision help? Is there anything they can do to change the thinking of the world in regard to money, thus deflecting it into channels where it will be more correctly used? The answer must be found.

giao phó cho họ? Dân chúng thế giới, những người thiện chí và có tầm nhìn tinh thần, có thể giúp như thế nào? Có điều gì họ có thể làm để thay đổi tư duy của thế giới về tiền bạc, nhờ đó chuyển hướng nó vào những kênh mà ở đó nó sẽ được sử dụng đúng đắn hơn không? Câu trả lời phải được tìm ra.

There are two groups who can do much: those already using the financial resources of the world, if they will catch the new vision and also see the handwriting on the wall which is bringing the old order down in destruction, and, secondly, the mass of the good, kindly, people in all classes and spheres of influence.

Có hai nhóm có thể làm được nhiều việc: thứ nhất, những người hiện đang sử dụng các nguồn tài chính của thế giới, nếu họ nắm bắt được tầm nhìn mới và cũng thấy được dấu hiệu báo trước sự sụp đổ của trật tự cũ; và thứ hai, khối đông những người tốt lành, tử tế trong mọi giai cấp và mọi phạm vi ảnh hưởng.

Men of goodwill and of spiritual inclination must reject the thought of their relative uselessness, insignificance and futility, and realise that now (in the critical and crucial moment that has come) they can work potently. The Forces of Evil are defeated, though not yet "sealed" behind the door where humanity can put them [177] and which The New Testament foretold would happen. Evil is seeking every avenue available for a new approach but—and this we can say with confidence and insistence—the little people of the world, enlightened and selfless in their viewpoint, exist in sufficient numbers to make their power felt—if they will. There are millions of spiritually-minded men and women in every country who, when they come to the point of approaching in mass formation this question of money, can permanently re-channel it. There are writers and thinkers in all lands who can add their powerful help, and who will, if correctly approached. There are esoteric students and devoted church people to whom appeal can be made for aid

Những người thiện chí và có khuynh hướng tinh thần phải bác bỏ ý nghĩ về sự tương đối vô dụng, không đáng kể và vô hiệu của mình, và phải nhận ra rằng giờ đây (trong thời khắc nguy cấp và quyết định đã đến) họ *có thể* hoạt động một cách mạnh mẽ. Các Mãnh Lực của Điều Ác *đã* bị đánh bại, dù chưa bị "niêm phong" sau cánh cửa nơi nhân loại có thể đặt chúng [177] vào và điều mà *Tân Ước* đã tiên báo sẽ xảy ra. Điều ác đang tìm kiếm mọi lối đi khả dụng cho một cách tiếp cận mới nhưng—và điều này chúng ta có thể nói với sự tin tưởng và quả quyết—những người dân bình thường trên thế giới, được soi sáng và vô kỷ trong quan điểm của mình, *hiện hữu với số lượng đủ để làm cho quyền năng của họ được cảm nhận*—nếu họ muốn. Có hàng triệu người nam và nữ có tinh thần ở mọi quốc gia, những người mà khi đi đến chỗ tiếp cận vấn đề tiền bạc này trong đội hình quần chúng, có thể *vĩnh viễn chuyển hướng dòng chảy của nó*. Có những nhà văn và nhà tư tưởng ở mọi xứ sở có thể thêm vào sự trợ giúp mạnh mẽ của họ, và họ sẽ làm như vậy nếu được tiếp cận đúng cách.

in preparing the way for the return of Christ, particularly if the aid required is the expenditure of money and time for the establishing of right human relations and the growth and spread of goodwill.

Có những đạo sinh nội môn và những tín đồ giáo hội tận tụy mà người ta có thể kêu gọi giúp đỡ trong việc chuẩn bị con đường cho sự trở lại của Đức Christ, đặc biệt nếu sự trợ giúp cần thiết là việc chi dùng tiền bạc và thời gian để thiết lập những tương quan nhân loại đúng đắn và sự tăng trưởng cùng lan rộng của thiện chí.

A great campaign to raise money is not demanded, but the selfless work of thousands of apparently unimportant people is required. I would say that the most needed quality is courage; it takes courage to put aside diffidence, shyness and the dislike of presenting a point of view, particularly a point of view connected with money. It is here that the majority fail. It is relatively easy today to raise money for the Red Cross, for hospitals and for educational institutions. It is exceedingly difficult to raise money for the spread of goodwill, or to secure the right use of money for forward looking ideas, such as the return of the Christ. Therefore, I say that the first prerequisite is Courage.

Không đòi hỏi một chiến dịch lớn để gây quỹ, nhưng cần đến công việc vô kỷ của hàng ngàn người dường như không quan trọng. Tôi muốn nói rằng phẩm tính cần thiết nhất là *can đảm*; cần có can đảm để gạt sang một bên sự rụt rè, nhút nhát và sự không thích trình bày một quan điểm, đặc biệt là một quan điểm liên quan đến tiền bạc. Chính ở đây mà đa số thất bại. Ngày nay, việc gây quỹ cho Hội Hồng Thập Tự, cho các bệnh viện và cho các cơ sở giáo dục tương đối dễ dàng. Việc gây quỹ cho sự lan truyền thiện chí, hoặc bảo đảm việc sử dụng tiền bạc đúng đắn cho những ý tưởng hướng về tương lai, như sự trở lại của Đức Christ, thì vô cùng khó khăn. Vì vậy, tôi nói rằng *điều kiện tiên quyết thứ nhất là Can Đảm.*

The second requirement for the workers of the Christ is to make those sacrifices and arrangements which will enable them to give to the limit of their capacity; there must not be simply a trained ability to present the subject, [178] but each worker must practise what he preaches. If, for instance, the millions of people who love the Christ and seek to serve His cause gave at least a tiny sum of money each year, there would be adequate funds for His work; the needed trusts and spiritually-minded trustees would then automatically appear. The difficulty is not with the organising of the money and work; it lies with the seeming inability of people to give. For one reason or another, they give little or nothing, even

Yêu cầu thứ hai đối với những người hoạt động của Đức Christ là thực hiện những hy sinh và sắp xếp cần thiết để giúp họ có thể cho đi đến giới hạn khả năng của mình; không được chỉ đơn thuần có khả năng đã được rèn luyện trong việc trình bày chủ đề, [178] mà mỗi người hoạt động phải thực hành điều mình rao giảng. Chẳng hạn, nếu hàng triệu người yêu mến Đức Christ và tìm cách phụng sự chính nghĩa của Ngài mỗi năm hiến tặng ít nhất một khoản tiền nhỏ, thì sẽ có đủ quỹ cho công việc của Ngài; các quỹ tín thác cần thiết và những người quản thác có tinh thần rồi sẽ tự động xuất hiện. Khó khăn không nằm ở việc tổ chức tiền bạc và công việc; nó nằm ở sự dường như bất lực của con người trong việc cho đi. Vì lý do này

when interested in such a cause as that of the return of Christ; fear of the future or the love of purchasing, or the desire to give presents, or failure to realise that many small sums mount up into very large sums—all these things militate against financial generosity and the reason always seems adequate. Therefore, the second prerequisite is for everyone to give as they can.

hay lý do khác, họ cho rất ít hoặc không cho gì cả, ngay cả khi quan tâm đến một chính nghĩa như sự trở lại của Đức Christ; nỗi sợ tương lai hoặc lòng ham mua sắm, hoặc mong muốn tặng quà, hoặc không nhận ra rằng nhiều khoản nhỏ cộng lại thành những khoản rất lớn—tất cả những điều này đều chống lại sự rộng lượng tài chính, và lý do dường như lúc nào cũng thích đáng. Vì vậy, *điều kiện tiên quyết thứ hai là mọi người hãy cho đi tùy theo khả năng của mình.*

Thirdly, the metaphysical schools and the esoteric groups have given much thought to this business of directing money into channels which appeal to them. The question is often asked: Why do the Unity School of thought, the Christian Science Church, and many New Thought movements always manage to accumulate the required funds whilst other groups, and particularly the esoteric groups, do not? Why do truly spiritual workers seem unable to materialise what they need? The answer is a simple one. Those groups and workers who are the closest to the spiritual ideal are as a house divided against itself. Their main interest is on abstract, spiritual levels and they have not apparently grasped the fact that the physical plane, when motivated from the spiritual levels, is of equal importance. The large metaphysical schools are focussed on making a material demonstration, and so great is their emphasis and so one-pointed is their approach that they get what they demand; they have to learn that [179] the demand and its answer must be the result of spiritual purpose, and that that which is demanded must not be for the use of the separated self or for a separative organisation or church. In the new age which is upon us, prior to the return of the Christ, the demand for financial support must be for the bringing about of right human relations and

Thứ ba, các trường phái siêu hình học và các nhóm nội môn đã suy nghĩ nhiều về công việc chuyển hướng tiền bạc vào những kênh hấp dẫn đối với họ. Câu hỏi thường được đặt ra là: Tại sao Trường phái tư tưởng Unity, Giáo hội Christian Science, và nhiều phong trào Tư tưởng Mới luôn xoay xở để tích lũy được những quỹ cần thiết trong khi các nhóm khác, đặc biệt là các nhóm nội môn, thì không? Tại sao những người hoạt động thực sự tinh thần dường như không thể tạo ra những gì họ cần trên cõi hồng trần? Câu trả lời rất đơn giản. Những nhóm và những người hoạt động gần với lý tưởng tinh thần nhất lại giống như một ngôi nhà tự chia rẽ chống lại chính nó. Mối quan tâm chính của họ nằm trên các cấp độ trừu tượng, tinh thần, và dường như họ chưa nắm được sự kiện rằng cõi hồng trần, khi được thúc đẩy từ các cấp độ tinh thần, cũng quan trọng ngang nhau. Các trường phái siêu hình học lớn tập trung vào việc tạo ra *một sự biểu hiện vật chất*, và sự nhấn mạnh của họ lớn đến mức, cách tiếp cận của họ nhất tâm đến mức, họ đạt được điều họ đòi hỏi; họ phải học rằng [179] sự đòi hỏi và câu trả lời của nó phải là kết quả của mục đích tinh thần, và điều được đòi hỏi không được nhằm cho việc sử dụng của bản ngã tách biệt hay cho một tổ chức hoặc giáo hội chia rẽ. Trong kỷ nguyên mới đang đến với chúng ta, trước sự trở lại của Đức Christ, sự đòi hỏi hỗ trợ tài chính phải nhằm mang lại những tương quan nhân loại

goodwill, and not for the growth of any particular organisation. The organisations so demanding must work with the minimum of overhead and central plant, and the workers for the minimum yet reasonable salary. Not many such organisations exist today, but the few now functioning can set an example which will be rapidly followed, as the desire for the return of Christ grows. Therefore the third prerequisite is the service of the one humanity.

đúng đắn và thiện chí, chứ không phải cho sự phát triển của bất kỳ tổ chức riêng biệt nào. Những tổ chức đưa ra sự đòi hỏi như vậy phải hoạt động với mức chi phí chung và cơ sở trung tâm tối thiểu, và những người hoạt động với mức lương tối thiểu nhưng hợp lý. Ngày nay không có nhiều tổ chức như thế tồn tại, nhưng số ít hiện đang hoạt động có thể nêu gương, và sẽ nhanh chóng được noi theo khi khát vọng về sự trở lại của Đức Christ tăng trưởng. Vì vậy *điều kiện tiên quyết thứ ba là phụng sự nhân loại duy nhất.*

The fourth prerequisite must be the careful presentation of the cause for which the financial support is required. People may have the courage to speak, but an intelligent presentation is of equal importance. The major point to be emphasised in the preparatory work for the return of Christ is the establishing of right human relations. This has already been started by men of goodwill all over the world, under their many names.

Điều kiện tiên quyết thứ tư phải là sự trình bày cẩn trọng về chính nghĩa mà vì đó sự hỗ trợ tài chính được yêu cầu. Con người có thể có can đảm để nói ra, nhưng một sự trình bày thông minh cũng quan trọng không kém. Điểm chính cần được nhấn mạnh trong công việc chuẩn bị cho sự trở lại của Đức Christ là việc thiết lập những tương quan nhân loại đúng đắn. Điều này đã được khởi sự bởi những người thiện chí trên khắp thế giới, dưới nhiều tên gọi khác nhau của họ.

We come now to the fifth prerequisite: a vital and sure belief in humanity as a whole. There must be no pessimism as to the future of mankind or distress over the disappearance of the old order. “The good, the true and the beautiful” is on its way, and for it mankind is responsible, and not some outer divine intervention. Humanity is sound and rapidly awakening. We are passing through the stage where everything is being proclaimed from the housetops—as Christ stated would be the case—and as we listen to or read of the flood of filth, crime, and sensual pleasure or luxury buying, we are [180] apt to be discouraged; it is wise to remember that it is wholesome for all this to come to the surface and for us all to know about it. It is like the psychological cleansing of the subconscious to which individuals

Giờ đây chúng ta đến với *điều kiện tiên quyết thứ năm: một niềm tin sống động và vững chắc vào toàn thể nhân loại.* Không được có sự bi quan về tương lai của nhân loại hay đau buồn về sự biến mất của trật tự cũ. “Điều thiện, điều chân và điều mỹ” đang trên đường đến, và nhân loại chịu trách nhiệm về điều đó, chứ không phải một sự can thiệp thiêng liêng bên ngoài nào đó. Nhân loại lành mạnh và đang nhanh chóng thức tỉnh. Chúng ta đang đi qua giai đoạn mà mọi sự đều được công bố từ trên mái nhà—như Đức Christ đã nói sẽ là như vậy—và khi chúng ta lắng nghe hoặc đọc về dòng thác của sự nhơ bẩn, tội ác, và khoái lạc nhục dục hay việc mua sắm xa xỉ, chúng ta [180] dễ nản lòng; thật khôn ngoan khi nhớ rằng việc tất cả những điều này nổi lên bề mặt và để tất cả chúng ta đều biết về chúng là điều lành

submit themselves; it presages the inauguration of a new and better day.

mạnh. Nó giống như sự thanh tẩy tâm lý của tiềm thức mà các cá nhân tự đặt mình vào; nó báo trước việc khai mở một ngày mới và tốt đẹp hơn.

There is work to do and the men of goodwill, of spiritual instinct, and of truly Christian training must do it. They must inaugurate the era of the use of money for the spiritual Hierarchy, and carry that need into the realms of invocation. Invocation is the highest type of prayer there is, and a new form of divine appeal which a knowledge of meditation has now made possible.

Có công việc phải làm, và những người thiện chí, có bản năng tinh thần, và được huấn luyện thực sự theo tinh thần Cơ Đốc phải làm công việc đó. Họ phải khai mở kỷ nguyên sử dụng tiền bạc cho Thánh Đoàn tinh thần, và đưa nhu cầu đó vào các lĩnh vực của khẩn cầu. Khẩn Cầu là loại cầu nguyện cao nhất hiện có, và là một hình thức khẩn cầu thiêng liêng mới mà tri thức về tham thiền nay đã làm cho trở nên khả hữu.

There is naught to add in the way of an appeal for funds, courage or understanding. If the courage of the Christ, as He faces return to this physical, outer world, if the need of humanity for right human relations and the sacrificing work of the disciples of the Christ are not enough to fire you and to energise you and those whom you can reach, there is nothing that can be said which will be of any use.

Không còn gì để thêm vào như một lời kêu gọi về quỹ, về can đảm hay về sự thấu hiểu. Nếu lòng can đảm của Đức Christ, khi Ngài đối diện với sự trở lại thế giới hồng trần, bên ngoài này, nếu nhu cầu của nhân loại về những tương quan nhân loại đúng đắn và công việc hy sinh của các đệ tử của Đức Christ vẫn chưa đủ để nung cháy bạn và tiếp sinh lực cho bạn cùng những người mà bạn có thể tiếp cận, thì không có điều gì có thể được nói ra mà sẽ hữu ích.

We have considered the need of preparation for the coming of the Christ and some of the basic requirements which will arise as people brace themselves for the needed activity, including the raising of the necessary finances to carry forward the preparatory work. The individual worker has, first of all, to decide if his incentive and spiritual expectancy is adequate to the task ahead. Only that is of importance which provides a needed momentum for action, and only that worker will be equal to the task who has a vision of sufficient clarity to enable him to work with understanding and sincerity. He must discover that it is possible

Chúng ta đã xem xét nhu cầu chuẩn bị cho sự quang lâm của Đức Christ và một số đòi hỏi căn bản sẽ phát sinh khi con người tự củng cố mình cho hoạt động cần thiết, kể cả việc gây quỹ tài chính cần thiết để xúc tiến công việc chuẩn bị. Trước hết, người hoạt động cá nhân phải quyết định xem động lực và sự mong đợi tinh thần của mình có đủ cho nhiệm vụ phía trước hay không. Chỉ điều gì cung cấp một động lượng cần thiết cho hành động mới là quan trọng, và chỉ người hoạt động nào có một tầm nhìn đủ sáng tỏ để giúp y làm việc với sự thấu hiểu và chân thành mới xứng với nhiệm vụ. Y phải khám phá rằng đối với y, việc đóng vai

for him to play his part in the furthering of the divine Plan. The fact of Christ and the genuine [181] possibility of His reappearance must become important motivating factors in his consciousness. He looks around for those with whom he may work, and who have the same spiritual objectives as he has. In this way and in due time, he finds that there exists on Earth a well organised and integrated group to which can be given the name of the New Group of World Servers. He finds that they are everywhere, and are functioning in every country and in all the organised religious groups and all other groups, dedicated to the well-being of humanity and to preparing the way for the return of the Christ.

trò của mình trong việc thúc đẩy Thiên Cơ thiêng liêng *là* điều khả hữu. Sự kiện về Đức Christ và khả năng chân thực [181] về sự tái xuất hiện của Ngài phải trở thành những yếu tố thúc đẩy quan trọng trong tâm thức của y. Y nhìn quanh để tìm những người mà y có thể cùng làm việc, và là những người có cùng mục tiêu tinh thần như y. Bằng cách này và theo thời gian thích hợp, y nhận ra rằng trên Trái Đất hiện hữu một nhóm được tổ chức tốt và tích hợp chặt chẽ, có thể được gọi là Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Y thấy rằng họ ở khắp nơi, và đang hoạt động trong mọi quốc gia và trong tất cả các nhóm tôn giáo có tổ chức cùng mọi nhóm khác, hiến mình cho phúc lợi của nhân loại và cho việc chuẩn bị con đường cho sự trở lại của Đức Christ.

This is primarily a group which, while working on the outer plane of daily, physical living, yet preserves a close, inner, spiritual integration with the centre of energy from which it can draw all that is needed for active, spiritual work. The group provides a field of service for all who are seeking service-expression; it also provides a rallying point for all who are willing to be tried out, and a place where their motives and persistence can be tested, prior to a steady unfoldment of spiritual opportunity. He is thus freed for ever enlarging areas of service.

Đây chủ yếu là một nhóm mà, trong khi hoạt động trên cõi bên ngoài của đời sống hồng trần hằng ngày, vẫn duy trì một sự tích hợp tinh thần bên trong mật thiết với trung tâm năng lượng mà từ đó nhóm có thể rút ra mọi điều cần thiết cho công việc tinh thần tích cực. Nhóm cung cấp một cánh đồng phụng sự cho tất cả những ai đang tìm kiếm sự biểu lộ phụng sự; nó cũng cung cấp một điểm tập hợp cho tất cả những ai sẵn lòng được thử luyện, và một nơi mà các động cơ và sự kiên trì của họ có thể được kiểm nghiệm, trước khi có sự khai mở đều đặn của cơ hội tinh thần. Nhờ vậy y được giải phóng cho những phạm vi phụng sự ngày càng mở rộng.

The New Group of World Servers provides essentially a training ground and a field of experience for those who hope to grow in spiritual stature and to fit themselves to be the active, directed disciples of the Christ. The appearance of this group on Earth at this time is one of the indications of the success of the evolutionary process, as applied to humanity. This method of work—

Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian về bản chất cung cấp một bãi huấn luyện và một cánh đồng kinh nghiệm cho những ai hy vọng tăng trưởng về tầm vóc tinh thần và tự làm cho mình thích hợp để trở thành những đệ tử tích cực, có định hướng của Đức Christ. Sự xuất hiện của nhóm này trên Trái Đất vào lúc này là một trong những dấu hiệu cho thấy sự thành công của tiến trình tiến hoá

the use of human beings as agents to carry forward the work of salvation and of world uplift—was initiated by the Christ Himself; He worked with men very frequently through others, reaching humanity through the medium of His twelve Apostles, regarding Paul as substituting for Judas Iscariot. The Buddha tried the same system but the [182] relation of His group was, in the first instance, to Him and not so much to the world of men. Christ sent His Apostles out into the world to feed the sheep, to seek, to guide and to become "fishers of men." The relation of the disciples of the Christ was only secondarily to their Master but primarily to a demanding world; that attitude still controls the Hierarchy, yet with no loss of devotion to the Christ. What the Buddha had instituted symbolically and in embryo became factual and existent under the demands of the Piscean Age.

khi được áp dụng cho nhân loại. Phương pháp làm việc này—việc sử dụng con người như những tác nhân để xúc tiến công việc cứu rỗi và nâng cao thế giới—đã được chính Đức Christ khởi xướng; Ngài rất thường làm việc với con người qua những người khác, tiếp cận nhân loại qua trung gian của mười hai Tông đồ của Ngài, xem Paul là người thay thế cho Judas Iscariot. Đức Phật đã thử cùng một hệ thống nhưng [182] mối liên hệ của nhóm Ngài trước hết là với Ngài chứ không nhiều với thế giới loài người. Đức Christ đã sai các Tông đồ của Ngài đi vào thế giới để chăn dắt đàn chiên, để tìm kiếm, để hướng dẫn và để trở thành "những kẻ đánh cá người." Mối liên hệ của các đệ tử của Đức Christ chỉ là thứ yếu đối với Chân sư của họ nhưng chủ yếu là đối với một thế giới đang đòi hỏi; thái độ đó vẫn còn chi phối Thánh Đoàn, nhưng không hề làm mất đi lòng sùng kính đối với Đức Christ. Điều mà Đức Phật đã thiết lập một cách biểu tượng và ở dạng phôi thai đã trở thành sự kiện và hiện hữu dưới những đòi hỏi của Kỷ nguyên Song Ngư.

In the age into which we are now emerging, the Aquarian Age, this mode of group work will reach a very high point of development, and the world will be saved and reconstructed by groups far more than by individuals. In the past we have had world saviours—Sons of God Who have given to men a message which brought an increase of light to the people. Now, in the fullness of time, and through the processes of evolution, there is emerging a group who will bring salvation to the world and who (embodying group ideas and emphasising the true meaning of the Church of Christ) will so stimulate and energise the minds and souls of men that the new age will be ushered in by an outpouring of the Love, Knowledge and Harmony of God Himself, as well as by the reappearance of the Christ in

Trong kỷ nguyên mà hiện nay chúng ta đang bước vào, Kỷ nguyên Bảo Bình, phương thức công việc nhóm này sẽ đạt đến một điểm phát triển rất cao, và thế giới sẽ được cứu vớt và tái thiết *bởi các nhóm* nhiều hơn là bởi các cá nhân. Trong quá khứ, chúng ta đã có những Đấng cứu thế giới—Các Con của Thượng đế, những Đấng đã trao cho con người một thông điệp mang lại sự gia tăng ánh sáng cho nhân loại. Giờ đây, trong thời điểm viên mãn, và qua các tiến trình tiến hoá, đang xuất hiện một nhóm sẽ mang sự cứu rỗi đến cho thế giới và là nhóm mà (thể hiện các ý tưởng nhóm và nhấn mạnh ý nghĩa chân chính của Giáo hội của Đức Christ) sẽ kích thích và tiếp sinh lực cho tâm trí và linh hồn con người đến mức kỷ nguyên mới sẽ được khai mở bởi một lần tuôn đổ của Tình thương, Tri thức và Hài hòa của chính Thượng đế, cũng như bởi sự

Whom all these three faculties of divinity will be embodied.

tái xuất hiện của Đức Christ, nơi Ngài cả ba năng lực thiên tính này sẽ được thể hiện.

Religions in the past have been founded by a great soul, by an Avatar, and by an outstanding spiritual personality. The stamp of their lives and words and teaching has been set upon the race and has persisted for many centuries. What will be the effect of the message of a group Avatar or world Saviour? What will be the potency of the work of a group of knowers of God, enunciating truth and banded together subjectively in the great work [183] of saving the world? What will be the effect of the mission of a group of world Saviours, all Knowers of God in some degree, who supplement each other's efforts, reinforce each other's message, and constitute an organism through which the spiritual energy and principle of spiritual life can make their presence felt in the world, under the direction of the Christ in Visible Presence?

Các tôn giáo trong quá khứ đã được sáng lập bởi một linh hồn vĩ đại, bởi một Đấng Hoá Thân, và bởi một phàm ngã tinh thần xuất chúng. Dấu ấn của đời sống, lời nói và giáo huấn của các Ngài đã được in lên nhân loại và đã tồn tại trong nhiều thế kỷ. Thông điệp của một Đấng Hoá Thân nhóm hay một Đấng cứu thế giới theo nhóm sẽ có hiệu quả ra sao? Công việc của một nhóm những thức giả về Thượng đế, tuyên xướng chân lý và liên kết với nhau trong nội giới trong công việc vĩ đại [183] cứu thế giới, sẽ có mãnh lực như thế nào? Sứ mệnh của một nhóm những Đấng cứu thế giới, tất cả đều là những thức giả về Thượng đế ở một mức độ nào đó, bổ sung cho nỗ lực của nhau, tăng cường thông điệp của nhau, và tạo thành một cơ thể mà qua đó năng lượng tinh thần và nguyên khí của sự sống tinh thần có thể làm cho sự hiện diện của chúng được cảm nhận trong thế giới, dưới sự chỉ đạo của Đức Christ trong Hiện Diện Hữu Hình, sẽ có tác động ra sao?

Such a body now exists, with its members in every land. Relatively they are few and far between, but steadily their numbers are increasing, and increasingly their message will be felt. In them is vested a spirit of construction; they are the builders of the new age; to them is given the work of preserving the spirit of truth, and the reorganising of the thoughts of men so that the racial mind is controlled and brought into that meditative and reflective condition which will permit it to recognise the next unfoldment of divinity, which Christ will inaugurate.

Một tập thể như vậy hiện đang tồn tại, với các thành viên của nó ở mọi quốc gia. Tương đối mà nói, họ ít và thưa thớt, nhưng số lượng của họ đang tăng lên đều đặn, và thông điệp của họ sẽ ngày càng được cảm nhận. Trong họ được ký thác một tinh thần kiến tạo; họ là những đấng kiến tạo của kỷ nguyên mới; cho họ được giao công việc bảo tồn tinh thần của chân lý, và tái tổ chức tư tưởng của con người để tâm trí chủng tộc được kiểm soát và được đưa vào tình trạng tham thiền và phản tỉnh, điều sẽ cho phép nó nhận ra sự khai mở kế tiếp của thiên tính mà Đức Christ sẽ khai mở.

For the last ten years, this New Group of World Servers has been reorganised and revitalised; the knowledge of its existence is

Trong mười năm qua, Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian này đã được tái tổ chức và tiếp sinh lực; tri thức về sự hiện hữu của

spreading all over the world. It is today a group of men and women of every nation and race and of all religious organisations and humanitarian movements who are fundamentally oriented towards the Kingdom of God or who are in process of thus orienting themselves. They are disciples of the Christ, working consciously and frequently unconsciously for His reappearance; they are spiritual aspirants, seeking to serve and make real the Kingdom of God on Earth; they are men of goodwill and intelligence who are trying to increase understanding and right human relations among men. This group is divided into two major divisions:

nó đang lan rộng khắp thế giới. Ngày nay, đó là một nhóm những người nam và nữ thuộc mọi quốc gia và giống dân, và thuộc mọi tổ chức tôn giáo cùng các phong trào nhân đạo, những người về căn bản được định hướng về Thiên Giới hoặc đang trong tiến trình tự định hướng như vậy. Họ là các đệ tử của Đức Christ, đang hoạt động một cách hữu thức và thường là vô thức cho sự tái xuất hiện của Ngài; họ là những người chí nguyện tinh thần, tìm cách phụng sự và làm cho Thiên Giới trở thành hiện thực trên Trái Đất; họ là những người thiện chí và thông tuệ đang cố gắng gia tăng sự thấu hiểu và những tương quan nhân loại đúng đắn giữa con người. Nhóm này được chia thành hai bộ phận chính:

1. A group composed of the disciples of the Christ who are consciously working with His plans, and [184] of those who, instructed by them, are consciously and voluntarily cooperating. In this latter category we can find ourselves if we so desire, and if we are willing to make the necessary sacrifices.

1. Một nhóm gồm các đệ tử của Đức Christ đang hữu thức làm việc với các kế hoạch của Ngài, và [184] những người, được họ chỉ dạy, đang hữu thức và tự nguyện hợp tác. Trong loại sau này, chúng ta có thể tìm thấy chính mình nếu muốn, và nếu sẵn lòng thực hiện những hy sinh cần thiết.

2. A group composed of aspirants and world conscious men and women, who are working unconsciously under the guidance of the spiritual Hierarchy. There are many such, particularly in high places today, who are fulfilling the part of destroyers of the old form or of builders of the new. They are not conscious of any inner synthetic plan, but are selflessly occupied in meeting world need as best they may, with playing parts of importance in national dramas, or with working persistently in the field of education.

2. Một nhóm gồm những người chí nguyện và những người nam và nữ có tâm thức thế giới, đang hoạt động một cách vô thức dưới sự hướng dẫn của Thánh Đoàn tinh thần. Có nhiều người như vậy, đặc biệt ở những vị trí cao ngày nay, đang hoàn thành vai trò của những người phá hủy hình tướng cũ hoặc những người kiến tạo hình tướng mới. Họ không ý thức về bất kỳ kế hoạch tổng hợp nội tại nào, nhưng đang vô kỷ tận tâm đáp ứng nhu cầu thế giới theo cách tốt nhất có thể, đóng những vai trò quan trọng trong các vở kịch quốc gia, hoặc kiên trì hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

The first group is in touch with the spiritual Hierarchy to some extent and to a large extent where true disciples are concerned;

Nhóm thứ nhất tiếp xúc với Thánh Đoàn tinh thần ở một mức độ nào đó và ở mức độ lớn đối với các đệ tử chân chính; các thành

its members work under spiritual inspiration. The second group is in closer touch with the masses of men; it works more definitely under the inspiration of ideas. The first group is occupied with the Plan of the Christ as far as its members can grasp its essentiality, whilst the second group works with the new concepts and hopes which are emerging in the consciousness of mankind, as men begin subjectively and often unconsciously to respond to the preparations for the coming of the Christ. Steadily and as a result of the work of the New Group of World Servers, humanity is awakening to the possibilities ahead.

viên của nhóm hoạt động dưới cảm hứng tinh thần. Nhóm thứ hai tiếp xúc gần gũi hơn với quần chúng; nhóm này hoạt động rõ rệt hơn dưới cảm hứng của các ý tưởng. Nhóm thứ nhất bận tâm với Thiên Cơ của Đức Christ trong chừng mực các thành viên của nó có thể nắm bắt được tính cốt yếu của Thiên Cơ ấy, trong khi nhóm thứ hai hoạt động với những quan niệm và hy vọng mới đang xuất hiện trong tâm thức nhân loại, khi con người bắt đầu trong nội giới và thường là vô thức đáp ứng với những chuẩn bị cho sự quang lâm của Đức Christ. Đều đặn, và như một kết quả của công việc của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, nhân loại đang thức tỉnh trước những khả năng ở phía trước.

The awakening of the intelligentsia in all countries to the recognition of humanity is a prelude to the establishment of brotherhood. The unity of the human family is recognised by man, but before that unity can take [185] form in constructive measures, it is essential that more and more of the thinking men and women throughout the world should break down the mental barriers existing between races, nations and types; it is essential that the New Group of World Servers should itself repeat in the outer world that type of activity which the Hierarchy expressed when it developed and materialised the New Group of World Servers. Through the impression and expression of certain great ideas, men everywhere must be brought to the understanding of the fundamental ideals which will govern the new age. This is the major task of the New Group of World Servers.

Sự thức tỉnh của giới trí thức ở mọi quốc gia đối với việc nhận ra *nhân loại* là khúc dạo đầu cho việc thiết lập tình huynh đệ. Sự hợp nhất của gia đình nhân loại được con người nhận ra, nhưng trước khi sự hợp nhất đó có thể [185] thành hình trong những biện pháp kiến tạo, điều thiết yếu là ngày càng nhiều những người nam và nữ biết suy tư trên khắp thế giới phải phá bỏ những rào cản trí tuệ đang tồn tại giữa các giống dân, các quốc gia và các loại người; điều thiết yếu là chính Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian phải lặp lại trong thế giới bên ngoài kiểu hoạt động mà Thánh Đoàn đã biểu lộ khi phát triển và đưa Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian vào hoạt động trên cõi hồng trần. Qua sự cảm ứng và biểu lộ của một số ý tưởng lớn, con người ở khắp nơi phải được đưa đến chỗ thấu hiểu những lý tưởng căn bản sẽ chi phối kỷ nguyên mới. Đây là nhiệm vụ chính của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

As we study and learn to recognise the New Group of World Servers in all its branches and spheres of activity—scattered all over

Khi chúng ta nghiên cứu và học cách nhận ra Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian trong mọi ngành nhánh và mọi lĩnh vực hoạt động

the world and embracing true and earnest workers and humanitarian people in every nation, every religion and every organisation of humanitarian intent—we shall awaken to the realisation that there is on Earth today a body of men and women whose numbers and range of activities are entirely adequate to bring about the changes which will enable the Christ to walk again amongst us. This will come about if they care enough, are ready enough to make the needed sacrifices and are willing to sink their national, religious and organisational differences in the carrying out of those forms of service which will reconstruct the world. They must educate the race of men in a few simple and basic essentials and familiarise humanity with the thought of the reappearance of the Christ and the externalisation of the Kingdom of God. Their work will be largely to summarise and make effective the work of the two Sons of God: the Buddha and the Christ.

của nó—rải rác khắp thế giới và bao gồm những người hoạt động chân thành, tha thiết cùng những người nhân đạo trong mọi quốc gia, mọi tôn giáo và mọi tổ chức có ý hướng nhân đạo—chúng ta sẽ thức tỉnh để nhận ra rằng ngày nay trên Trái Đất có một tập thể những người nam và nữ mà số lượng và phạm vi hoạt động của họ hoàn toàn đủ để mang lại những thay đổi sẽ giúp Đức Christ lại bước đi giữa chúng ta. Điều này sẽ xảy ra nếu họ đủ quan tâm, đủ sẵn sàng thực hiện những hy sinh cần thiết và sẵn lòng gạt sang một bên những khác biệt quốc gia, tôn giáo và tổ chức của mình trong việc thực hiện những hình thức phụng sự sẽ tái thiết thế giới. Họ phải giáo dục nhân loại về một vài điều cốt yếu đơn giản và căn bản, và làm cho nhân loại quen thuộc với tư tưởng về sự tái xuất hiện của Đức Christ và sự ngoại hiện của Thiên Giới. Công việc của họ phần lớn sẽ là tóm lược và làm cho hữu hiệu công việc của hai Con của Thượng đế: Đức Phật và Đức Christ.

The success of the work of the New Group of World Servers is inevitable; they have made much headway [186] during the past ten years; the inner integration of that part of the group which works in close touch with Christ and the spiritual Hierarchy is such that the outer success is guaranteed. They provide a channel through which the light, love and power of the Kingdom of God can reach the more exoteric workers.

Sự thành công của công việc của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là điều không thể tránh khỏi; họ đã đạt được nhiều tiến bộ [186] trong mười năm qua; sự tích hợp nội tại của phần nhóm hoạt động trong sự tiếp xúc mật thiết với Đức Christ và Thánh Đoàn tinh thần đến mức thành công bên ngoài được bảo đảm. Họ cung cấp một kênh mà qua đó ánh sáng, tình thương và quyền năng của Thiên Giới có thể đến với những người hoạt động ngoại môn hơn.

Therefore, let us realise that all spiritually inclined men and women, all who seek and work for the establishing of right human relations, all who practise goodwill and truly endeavour to love their fellowmen are an integral part of the New Group of World Servers and that their major task at this time

Vì vậy, chúng ta hãy nhận ra rằng tất cả những người nam và nữ có khuynh hướng tinh thần, tất cả những ai tìm kiếm và hoạt động cho việc thiết lập những tương quan nhân loại đúng đắn, tất cả những ai thực hành thiện chí và thực sự nỗ lực yêu thương đồng loại của mình đều là một phần không thể tách rời của Đoàn Người Mới Phụng Sự

is to prepare the way for the reappearance of the Christ.

Thế Gian và rằng nhiệm vụ chính của họ vào lúc này là chuẩn bị con đường cho sự tái xuất hiện của Đức Christ.

Let me emphatically here state that the major method with which we can concern ourselves and the most potent instrument in the hands of the spiritual Hierarchy is the spreading of goodwill and its fusion into a united and working potency. I prefer that expression to the words "the organisation of goodwill." Goodwill is today a dream, a theory, a negative force. It should be developed into a fact, a functioning ideal, and a positive energy. This is our work and again we are called to cooperate.

Hãy để tôi nhấn mạnh ở đây rằng phương pháp chính mà chúng ta có thể quan tâm đến và công cụ mạnh mẽ nhất trong tay Thánh Đoàn tinh thần là sự lan truyền thiện chí và sự dung hợp của nó thành một mãnh lực hợp nhất và hoạt động. Tôi thích cách diễn đạt đó hơn là những từ "sự tổ chức thiện chí." Ngày nay thiện chí là một giấc mơ, một lý thuyết, một mãnh lực thụ động. Nó nên được phát triển thành một sự kiện, một lý tưởng đang hoạt động, và một năng lượng tích cực. Đây là công việc của chúng ta và một lần nữa chúng ta được kêu gọi hợp tác.

The task before the New Group of World Servers is great, but it is not an impossible task. It is engrossing, but as it constitutes an imposed life pattern, it can be worked out in every aspect of a man or woman's normal, daily life. Yet at the same time, we are called to abnormal living, and to the shouldering of a definite responsibility.

Nhiệm vụ trước mắt của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là lớn lao, nhưng không phải là một nhiệm vụ bất khả thi. Nó cuốn hút trọn vẹn, nhưng vì nó tạo thành một mô hình đời sống được áp đặt, nó có thể được thực hiện trong mọi phương diện của đời sống bình thường hằng ngày của một người nam hay nữ. Tuy nhiên, đồng thời, chúng ta được kêu gọi sống một đời sống khác thường, và gánh vác một trách nhiệm xác định.

CONCLUSION — KẾT LUẬN

[187]

The call for preparation for the reappearance of the Christ has gone out; the call to world salvage has sounded forth, and today spiritually-minded men everywhere and disciples of the Christ are assembling all over the world. It is not an assembling upon the physical plane but a profound subjective and spiritual happening. Even those with only a faint glimmer of understanding as to what the call truly signifies are responding, and asking for the opportunity to help, and for guidance as to what they may do.

Today, therefore, we wait for the new Appearing. The Christ is universally expected, and in this spirit of expectancy comes the antidote to the spirit of fear and horror which has descended upon our unhappy planet. Humanity today looks in two directions: towards the devastated Earth and the agonised hearts of men; it also looks towards the Place from whence the Christ will come, which they symbolically call "heaven." Where there is the same expectancy, where there is uniformity of testimony and of prediction, and where all the indications of "the time of the end" are with us, is it not reasonable to believe that a great event is in process of taking place? If, in the midst of death and destruction, there is to be found a living faith (and there is such a faith everywhere) and a burning zeal which pierces through the darkness to the centre of light, does that not warrant the assumption that this faith and this zeal are founded on a deep intuitive knowledge. May it not be a divine fact that "faith is the substance of things hoped for, the evidence of things not seen?" (Hebrews XI.1.)

[187]

Lời kêu gọi chuẩn bị cho sự tái xuất hiện của Đức Christ đã được phát ra; lời kêu gọi cứu vớt thế giới đã vang lên, và ngày nay những người có tinh thần ở khắp nơi cùng các đệ tử của Đức Christ đang tập hợp trên toàn thế giới. Đây không phải là một sự tập hợp trên cõi hồng trần mà là một biến cố nội giới và tinh thần sâu xa. Ngay cả những người chỉ có một tia hiểu biết mờ nhạt về điều mà lời kêu gọi ấy thực sự hàm ý cũng đang đáp ứng, và đang xin cơ hội để giúp đỡ, cũng như xin được hướng dẫn về điều họ có thể làm.

Ngày nay, vì vậy, chúng ta chờ đợi sự Tái Lâm mới. Đức Christ được mong đợi trên khắp thế giới, và trong tinh thần kỳ vọng này xuất hiện liều thuốc giải cho tinh thần sợ hãi và kinh hoàng đã giáng xuống hành tinh bất hạnh của chúng ta. Nhân loại ngày nay nhìn theo hai hướng: về phía Trái Đất bị tàn phá và những trái tim đau đớn của con người; đồng thời cũng hướng về Nơi mà từ đó Đức Christ sẽ đến, nơi họ gọi một cách biểu tượng là "thiên đàng." Ở đâu có cùng một sự kỳ vọng, ở đâu có sự đồng nhất trong chứng ngôn và tiên đoán, và ở đâu mọi dấu hiệu của "thời kỳ tận cùng" đều hiện diện với chúng ta, thì chẳng phải là hợp lý sao khi tin rằng một biến cố lớn đang trong tiến trình diễn ra? Nếu, giữa cảnh chết chóc và tàn phá, có thể tìm thấy một đức tin sống động (và quả thật đức tin ấy hiện diện khắp nơi) cùng một nhiệt tâm rực cháy xuyên thủng bóng tối để đến trung tâm ánh sáng, thì điều đó chẳng biện minh cho giả định rằng đức tin và nhiệt tâm này được đặt nền trên một tri thức trực giác sâu xa sao. Chẳng phải đó có thể là một sự kiện thiêng liêng rằng "đức tin là *chất liệu* của những điều được hy vọng, là

bằng chứng của những điều không thấy sao?" (Hebrews XI.1.)

[188]

[188]

Humanity in all lands today awaits the Coming One—no matter by what name they may call Him. The Christ is sensed as on His way. The second coming is imminent and, from the lips of disciples, mystics, aspirants, spiritually-minded people and enlightened men and women, the cry goes up, "Let light and love and power and death fulfil the purpose of the Coming One." These words are a demand, a consecration, a sacrifice, a statement of belief and a challenge to the Avatar, the Christ, Who waits in His high place until the demand is adequate and the cry clear enough to warrant His appearance.

Nhân loại ở mọi xứ sở ngày nay đang chờ đợi Đấng Đang Đến—dù họ có thể gọi Ngài bằng bất cứ danh xưng nào. Đức Christ được cảm nhận như đang trên đường đến. Sự tái lâm thứ hai đã gần kề, và từ môi miệng của các đệ tử, các nhà thần bí, những người chí nguyện, những người có khuynh hướng tinh thần và những người nam và nữ giác ngộ, tiếng kêu vang lên: "Cầu xin ánh sáng và tình thương và quyền năng và cái chết hoàn thành mục đích của Đấng Đang Đến." Những lời này là một lời thỉnh cầu, một sự thánh hiến, một sự hi sinh, một lời tuyên xưng đức tin và một lời thách thức gửi đến Đấng Hoá Thân, Đức Christ, Đấng đang chờ đợi ở chốn cao siêu của Ngài cho đến khi lời thỉnh cầu đủ mạnh và tiếng kêu đủ rõ để bảo đảm cho sự xuất hiện của Ngài.

One thing it is most necessary to have in mind. It is not for us to set the date for the appearing of the Christ or to expect any spectacular aid or curious phenomena. If our work is rightly done, He will come at the set and appointed time. How, where or when He will come is none of our concern. Our work is to do our utmost and on as large a scale as possible to bring about right human relations, for His coming depends upon our work.

Có một điều hết sức cần phải ghi nhớ. *Không* phải việc của chúng ta là định ngày cho sự xuất hiện của Đức Christ hay mong đợi bất kỳ sự trợ giúp ngoạn mục nào hoặc những hiện tượng kỳ lạ nào. Nếu công việc của chúng ta được thực hiện đúng đắn, Ngài sẽ đến vào thời điểm đã được ấn định và chỉ định. Ngài sẽ đến như thế nào, ở đâu hay khi nào không phải là điều chúng ta cần quan tâm. Công việc của chúng ta là làm hết sức mình và trên quy mô rộng lớn nhất có thể để mang lại những tương quan nhân loại đúng đắn, vì sự đến của Ngài tùy thuộc vào công việc của chúng ta.

All of us can do something to bring the present terrible world situation to an end and to better conditions: the least of us can play our part in inaugurating the new era of goodwill and understanding. It must be

Tất cả chúng ta đều có thể làm điều gì đó để đưa tình hình thế giới khủng khiếp hiện nay đến chỗ chấm dứt và cải thiện các điều kiện: người ít có khả năng nhất trong chúng ta cũng có thể góp phần của mình vào việc khai

realised, however, that it is no millennium for which we work but that our main objective is, at this time, twofold:

mở kỷ nguyên mới của thiện chí và thấu hiểu. Tuy nhiên, cần phải nhận ra rằng điều chúng ta đang làm việc cho không phải là một thiên niên thái bình, mà mục tiêu chính của chúng ta, vào lúc này, có tính nhị phân:

1. To break the ancient and evil rhythms and establish a new and better one. It is here that time is a paramount factor. If we can delay the crystallisation of the ancient evils which produced the world war, and arrest the reactionary forces in every nation, we shall be making way for that which is new and opening the door to the activities [189] of the New Group of World Servers in every land—that group which is the agent of the Christ.

1. Phá vỡ những nhịp điệu cổ xưa và xấu ác, đồng thời thiết lập một nhịp điệu mới và tốt đẹp hơn. Chính ở đây yếu tố thời gian là tối quan trọng. Nếu chúng ta có thể trì hoãn sự kết tinh của những điều ác cổ xưa đã tạo ra cuộc chiến tranh thế giới, và ngăn chặn các lực lượng phản động trong mọi quốc gia, thì chúng ta sẽ mở đường cho điều mới mẻ và mở cánh cửa cho các hoạt động [189] của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian ở mọi xứ sở—nhóm vốn là tác nhân của Đức Christ.

2. To fuse and blend the united aspiration and longing of the people everywhere so that the sound of humanity's demand may be strong enough to reach the spiritual Hierarchy.

2. Dung hợp và hòa trộn khát vọng và niềm mong mỏi hợp nhất của con người ở khắp nơi để âm thanh của lời thỉnh cầu của nhân loại có thể đủ mạnh để vươn tới Thánh đoàn tinh thần.

This will require sacrifice, understanding and a deep love of our fellowmen. It will also require intelligence and wisdom and a practical grasp of world affairs. As the work goes forward in the establishing of right human relations (which is the basic world need) and as the method of so doing—goodwill—is developed, the Christ and His disciples will steadily approach closer to mankind. If the initial premise is accepted that He is on His way, then all spiritually oriented people and the disciples and aspirants of the world will inevitably work—but the premise must be accepted if the incentive is to prove adequate. It is with this thought that we look into the future. The fiat of the Lord has gone forth; Christ stands attentive to the demand of humanity. That demand is rising and mounting every day

Điều này sẽ đòi hỏi sự hi sinh, sự thấu hiểu và một tình thương sâu xa đối với đồng loại của chúng ta. Nó cũng sẽ đòi hỏi trí tuệ và minh triết cùng một sự nắm bắt thực tiễn về các vấn đề thế giới. Khi công việc tiến triển trong việc thiết lập những tương quan nhân loại đúng đắn (vốn là nhu cầu căn bản của thế giới), và khi phương pháp để thực hiện điều đó—thiện chí—*được* phát triển, thì Đức Christ và các đệ tử của Ngài sẽ đều đặn tiến đến gần nhân loại hơn. Nếu tiền đề ban đầu được chấp nhận rằng Ngài đang trên đường đến, thì tất cả những người có định hướng tinh thần cùng các đệ tử và người chí nguyện trên thế giới tất yếu sẽ làm việc—nhưng tiền đề ấy phải được chấp nhận nếu động lực muốn tỏ ra đầy đủ. Chính với ý nghĩ này mà chúng ta nhìn vào tương lai. Mệnh lệnh của Chúa đã được ban ra; Đức Christ đang chăm chú trước lời thỉnh cầu

and “in such an hour as you think not, He will come.”

của nhân loại. Lời thỉnh cầu ấy đang dâng lên và tăng mạnh mỗi ngày, và “vào chính giờ các bạn không ngờ, *Ngài sẽ đến.*”

The sons of men are one, and I am one with them.

Những người con của nhân loại là một, và tôi là một với họ.

I seek to love, not hate;

Tôi tìm cách yêu thương mà không thù ghét;

I seek to serve and not exact due service;

Tôi tìm cách phụng sự và không đòi hỏi sự phục vụ đáp lại;

I seek to heal, not hurt.

Tôi tìm cách chữa lành, không gây tổn thương.

~

~

Let pain bring due reward of light and love.

Cầu xin sự khổ đau đem lại phần thưởng thích đáng của ánh sáng và tình thương.

Let the soul control the outer form,

Cầu xin linh hồn kiểm soát hình tướng bên ngoài,

And life, and all events,

Và sự sống, và mọi biến cố,

And bring to light the Love

Và làm hiển lộ Tình thương

That underlies the happenings of the time.

làm nền tảng cho những diễn biến của hiện thời.

~

~

Let vision come and insight.

Cầu xin tầm nhìn tinh thần đến cùng sự thông hiểu.

Let the future stand revealed.

Cầu xin tương lai tỏ rõ.

Let inner union demonstrate and outer cleavages be gone.

Cầu xin sự kết hợp nội tâm biểu dương và các chia rẽ bên ngoài tan biến.

Let love prevail.	Cầu xin tình thương chế ngự.
Let all men love.	Cầu xin mọi người yêu thương.

THE ARCANE SCHOOL — TRƯỜNG ARCANE

Training for new age discipleship	Sự huấn luyện cho địa vị đệ tử trong kỷ nguyên mới
is provided by the Arcane School.	được cung cấp bởi *Trường Arcane.*
The principles of the Ageless Wisdom	Các nguyên lý của Minh Triết Ngàn Đời
are presented through esoteric meditation,	được trình bày qua tham thiền nội môn,
study and service as a way of life.	học tập và phụng sự như một *lối sống.*
Contact the publishers for information.	Xin liên hệ với nhà xuất bản để biết thông tin.
www.lucistrust.org/arcaneschool	www.lucistrust.org/arcaneschool